

Văn Học

BIÊN KHẢO — VĂN HÓA — XÃ HỘI — CHÍNH TRỊ — NGHỆ THUẬT

So nay bia mat

nội dung số này

VĂN-HỌC	Lá thư Tòa soạn I	3
TRẦN NGỌC	Lý tưởng và cuộc đời	6
NGUYỄN GIA PHÁI	Người Sinh Viên hôm nay	11
XXX	Vấn đề giáo dục tại Nhật Bản	19
HOÀNG VŨ	André Malraux	26
VĂN-HỌC	Lá tư Tòa soạn II	33
—	Tưởng niệm Nhất Linh	35
DƯƠNG KIỀN	Một cuộc dẫn thân	38
VŨ HOÀNG CHƯƠNG	Lửa từ bi	46
DƯƠNG KIỀN	Viết thơ trên đá	48
HOÀNG KIM HƯỜNG	Những ngày hoa mộng	49
ĐỖ TIẾN LỘC	Mắt em	53
BÙI NGỌC DUNG	Phượng hoàng gãy cánh	54
THÁI NGỌC SAN	Trong cuộc đời	73
LINH BẢO	Con chồn tình quái	74
LUÂN HOÁN	Tiếng hát của loài không tên	87
HOÀNG VĂN ĐỨC	Giải thưởng «Y-Học» Nobel 1962	89
HUY GIANG	Trống trơ	96
LÊ THỊ HÀN	Người đàn bà Nhật-Bản	97
LÊ VĨNH THỌ	Hải đảo	100
ĐỨC VÂN	Chuyện người bạn tôi	101
ĐẶNG THIÊM	Vong thân	107
PHAN KIM THỊNH	Thực tại mới trong văn chương...	108
PHÙNG KIM CHÚ	Sau cơn địa chấn	114
NHẬT TIẾN	Thiên thần vẫy cánh	116
VÕ PHIẾN	Bên phía nhà ông Ngà	123
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	Khói trắng	129
NGUYỄN THỊ VINH	Tia nắng	143
LÊ QUANG LỘC ✓	Ce qu'est Văn Học	150
NGUYỄN MẠNH CÔN	Lạc đường vào lịch sử	153
ROGER TEULIÈRES	Les Sols du Sud Việt Nam et mis en leur valeur	171

Tiến bạc, ngân phiếu xin đề : PHAN KIM-THỊNH

Thư từ, bài vở xin gửi : DƯƠNG THỨ-LANG

DIỄN ĐÀN SINH VIÊN VIỆT NAM TỰ DO

**Văn
HỌC**

**SỐ ĐẶC BIỆT
KỶ NIỆM ĐỆ NHẤT CHU NIÊN**

LÁ THƯ TỎA SỎAN

một bước đường

VĂN-HỌC đã sống được đúng một năm. Sự kiện đó đáng lẽ chỉ xảy ra nhờ một phép lạ. Bởi vì, đối với tất cả những người làm báo và cả những người đọc báo, đều hiểu ngầm với nhau rằng, một tờ báo chỉ có thể « sống » được nếu biết câu độc giả hay được trợ cấp.

Vậy mà VĂN HỌC đã sống dù không in offerst, dù không có chuyện giật gân (mà còn quá khô khan là đằng khác) và dĩ nhiên chỉ được trợ cấp bởi chính... độc giả. Nói như vậy chúng tôi muốn thưa cùng bạn đọc rằng sự sống còn của VĂN HỌC không phải là một sự may mắn tình cờ, mà chính là nhờ ở sự thông cảm sâu xa giữa những người đứng lên, những người đưa tay ra phía trước và được đền đáp bởi những bàn tay thân ái từ bốn phương.

Bởi vậy, lời nói đầu tiên của chúng tôi nơi những trang giấy kỷ niệm một năm qua là : chúng tôi chân thành cảm tạ các bạn văn và bạn đọc, nhất là các bạn đường ở khắp các Viện Đại Học, ở khắp các phân khoa, trong cũng như ngoài nước. Không có một tình thân hữu ràng buộc, vượt ra ngoài khuôn khổ của người làm báo với người đọc báo, diễn đàn của chúng ta không còn tồn tại đến hôm nay.

Cũng nhân dịp này, chúng tôi muốn cùng bạn đọc nhìn lại bước đường đã qua. Nhìn lại, chẳng những chúng tôi không một chút kiêu hãnh mà còn vô cùng băn khoăn, đầy niềm hồ thẹn. Thật vậy, không thiếu những bạn đọc trách chúng tôi viết lách... thanh bình quá, làm như chúng ta đang ở một thời kỳ vàng son nào đó. Chúng tôi xin nhận sự trách cứ biểu lộ đầy sự phiền muộn, lo âu nhưng đáng mừng ấy và chỉ có một lời đề tự biện hộ : Xin các bạn hãy đọc chúng tôi ở giữa hai hàng chữ.

Chúng ta chưa đi xa, nhưng chúng ta vẫn nuôi một hoài bão đi xa. Chúng ta mới trồng cây, nhưng chúng ta chăm chỉ vun trồng để hái quả. Đó là niềm tin duy nhất thúc đẩy chúng ta phải sống, phải làm, phải tiến tới, phải hi sinh, phải chịu đựng. Một thái độ buông tay lúc này chỉ có nghĩa là một sự đào ngũ. Chúng ta mong rằng không có những kẻ đào ngũ hay đầu hàng trong hàng ngũ chúng ta.

Sự thăng trầm không phải là một điều đáng ngạc nhiên trong lịch sử. Lịch sử một dân tộc chỉ đáng ngạc nhiên khi dân tộc ấy chịu nhận số phận của mình. Chúng ta đang bước vào một kỷ

nguyên mới, kỷ nguyên của các dân tộc đi hia bảy dặm, chúng ta có bốn phận phải tự tạo cho mình đôi hia bảy dặm ấy.

Còn một vấn đề nhỏ nữa chúng tôi muốn đề cập tới ở đây : Vấn đề bản thân. Nhiều bạn đọc (dĩ nhiên là Sinh viên) phàn nàn thời gian này... phí quá, mất cả học hành. Chúng tôi nghĩ trái lại: Chúng ta học được rất nhiều, quá nhiều và bài học ấy quý giá gấp vạn lần những bài học trên ghế nhà trường.

Trở lại với VĂN HỌC, diễn đàn của chúng ta, chúng tôi vẫn không dám hứa hẹn gì khi sắp bước sang năm thứ hai. Bởi vì hứa hẹn mà không làm còn tệ hơn không hứa hẹn và... cũng không làm. Thà chúng tôi tự nhủ, tự hứa sẽ cố gắng mãi mãi mà chẳng cần phải một lời hứa hẹn. Số phận VĂN HỌC ở trong tay các bạn, nếu chúng tôi đào ngũ hay dối trá, các bạn là những người đầu tiên khai trừ chúng tôi.

Và đây là đôi lời cầu nguyện của một năm cùng tháng tận : *hỡi những tâm hồn cao cả, các bạn đã nối tiếp nguồn sông cho chúng tôi. Chúng tôi xin thành kính nghiêng mình ghi ơn. Còn có gì gửi tới các bạn được ngoài một tấm lòng ghi ơn và ngoài một lời hứa : Danh Dự và Tổ Quốc.*

VĂN-HỌC

Vấn đề của chúng ta

LÝ TƯỞNG VÀ CUỘC ĐỜI

NHẬN ĐỊNH MỞ ĐẦU :—

Hiện tại, đa số chúng ta đều đang đương đầu với cuộc đời không lối thoát. Vì đang cố tạo một sự sống căn-bản, cho nên LÝ-TƯỞNG vị tha gần như bị lãng quên.

Bánh xe lịch-sử vẫn quay đều. Từ bao nhiêu năm nay rồi, dân Việt nam không ngừng tranh đấu cho sự trường tồn của xứ sở, cho lý-tưởng tự do của con người. Dòng lịch-sử đã minh chứng điều đó. Chúng ta cũng đã từng tự-hào trong bao nhiêu lâu rồi về nền Văn-hiến bốn-ngàn-năm ! Và thực tại đang phô-diễn trước mắt mọi người.

Phải nhìn nhận rằng hiện có một số đông người trong thế-hệ chúng ta đã nhầm lẫn xem quá khứ của dân tộc như một cái có để biện-minh một sự sống vô trách-nhiệm của mình. Quá khứ có vẻ vang thật. Nhưng chúng ta — phải là những con người làm lịch sử — không thể xem sự vẻ vang ấy là tốt cùng. Dòng lịch sử cứ tiếp tục, chứng tích của những thời-đại kế tiếp chắc-chắn sẽ còn nhiều. Chúng ta không thể có thái độ tự-mãn và ỷ lại. Bài học đau thương về tự-mãn và ỷ lại đang còn hằn rõ trong tâm khảm mọi người.

Dù muốn dù không, chúng ta hiện có trách nhiệm với xã hội. Trách nhiệm nhiều hay ít tùy ý-thức mỗi người. Những con người của thế hệ đang lên không thể thờ-ơ với xã-hội. Xã-hội, chúng ta đang quần-oại trong cơn bệnh kinh-niên. Cơn bệnh ấy đã đến với nhiều nguyên nhân. Vì không thể làm ngo, nên chúng ta phải có trách nhiệm với cơn bệnh ấy.

Thanh-niên cần sống cho một lý-tưởng và vì một lý-tưởng. Nhưng lý-tưởng đang đề-cao và quý-hóa nhất có lẽ là một lý tưởng vị-tha, mang nặng màu sắc xã hội. Dù rằng cơn bệnh xã-hội đến với nhiều nguyên nhân và muôn nghìn màu sắc, nhưng với chúng ta, nên tin đó không là chứng nan-y. Nghĩa là chúng ta có thể cải-thiện được xã-hội. Nói đến tiếng CẢI THIẾN trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta e «dớn» quá chăng ? Nhưng chẳng sao, bởi vì chúng ta đã, đang và sắp bắt tay vào cuộc đời. Đó là một cuộc đời thực sự, có miếng cơm, manh áo là vấn-đề tiên-quyết. Một cuộc sống hiển nhiên phải như thế. Những ai đã và đang bắt tay vào đời phải chẳng đều nhận-thấy ít nhiều cảnh chương tai gai mắt và ghê tởm khôn cùng ? Đời là tranh-đấu. Muốn sống cần có bản lĩnh và nghị lực. Những người Sinh-viên chúng ta nếu còn đang sửa-soạn hành-trang để vào đời hãy xét xem hành trang có còn đủ dùng và hữu ích hay chưa ? Và nếu hành-trang đang thiếu và chát chứa những sâu mọt, thì thái-độ sợ sống của chúng ta đã có lý. Chúng ta sợ sống ? Đúng như vậy. Giờ đây lần soát lại những gì, thâu thái được trong những năm dài Tiểu-học, Trung-học rồi một hai năm ở Đại-học, chúng ta thấy những gì ? Phải chăng chỉ thấy những cấp bằng hoặc chứng chỉ chứng minh một quãng-đời miệt-mải, «nấu sừ sôi kinh». Học để sống mạnh. Nhưng có lẽ rằng, những tờ giấy có mực và chữ ký hằn-hoi ấy, đã làm cuộc sống yếu đi mất ! Tại sao thế ? Phải chăng chúng ta đã tự mâu-thuẫn ? Nếu tự-vấn và nhận-định kỹ thì không, chính bởi vì chúng ta đã sống trong một nền giáo-dục có lý-thuyết thiếu thực-hành. Phải nhận rằng chúng ta đã học được nhiều cái hay, thưởng thức nhiều điều tốt, nhưng tuyệt-nhiên, những cái hay cái tốt ấy không được thực-hiện ở cuộc sống thực tế. Nói như thế thì có phần độc-đoán, nhưng có lẽ, dễ nhận định sự thật hơn. Chúng ta đã miệt-mải nhiều, nhiều lắm. Những cấp bằng : những miếng giấy có mực son và chữ ký đã đòi nguồn sống của chúng ta, hay nói đúng hơn, nó là hiện-thân của một sinh-lực-đánh-cấp-được. Có người trong chúng ta đã khô gầy vì chế-độ thi-cử, đã già hẩm đi vì những đêm ít ngủ. Kinh-nghiệm cho thấy rằng, nếu chúng ta khô vì cuộc sống riêng chừng nào thì chúng ta có khuynh-hướng hưởng thụ nhiều chừng ấy. Chính vì thế, mà từ nhiều năm nay rồi cơn bệnh xã hội của chúng ta vẫn chẳng chút thuyên giảm, trái lại còn có phần trầm-trọng thêm ! Và đó là điều đáng buồn. Buồn vì chúng ta đã và đang bị đứng trước một việc đã rồi. Chúng ta đã là những y-sĩ thiếu thuốc và dụng-cụ, những kẻ lữ-hành thiếu hành-lý ! Nhìn nhận điều đó, phải chăng nếu nói đến vấn-đề trách-nhiệm đối với xã-hội thì hơi thừa ? — Bởi vì như thế là lại có lý-thuyết và thiếu thực-hành nốt ! Đó lại là một điều đáng buồn nữa !

Nhưng chúng ta phải là những người làm lịch-sử, là người định-hướng cho một trào-lưu mới, chúng ta không thể bi-quan, không thể xem cái hiện-trạng xã-hội này là vô phương chữa-trị. Vì niềm tin-tưởng vô biên ở mình, ở những người thiết-tha với cái lý-tưởng mang màu sắc xã-hội chúng ta có quyền tin như vậy. Chúng ta bắt tay vào cuộc đời, khi có miếng cơm manh-áo làm căn bản cuộc sống, không có quyền

thay đổi xã-hội. Giữa cái trách-nhiệm nặng nề như thế này, chúng ta nhất định phải hướng về xã-hội. Chúng ta phải làm xã-hội hiện tại thoát xác. Giờ thì lại không thể đổ trách-nhiệm vào đâu nữa. Vì việc cần-yếu là bắt tay vào cái việc lay-chuyển tận nền móng sự thối-tha và bất công. Trách-nhiệm xã-hội là trách-nhiệm chung, những người đang thừa hành công-lực phải có bổn phận bắt tay với chúng ta trong sự thiết-tha và hoàn-hảo hơn. Bất-công và thối-tha dù ở đời nào và phương trời nào cũng vậy, xã-hội đều chất chứa. Phá-hủy chúng để con người dễ thông-cảm và dễ hợp-tác nhau hơn — dù chỉ thành công một phần nào. Tuyệt nhiên chúng ta không có tham vọng tiến đến một Hoàng-kim thời-đại, trong đó không còn chuyện bất-mãn giữa người và người. (Vì lẽ không có Hoàng-kim thời-đại, ngoại-trừ Địa ngục trần-gian !) Chúng ta đang xây dựng một cuộc đời riêng trong một nếp sống chung. Hành-trang cuộc đời và dụng-cụ trị bệnh đã thiếu, vậy thì bắt tay vào cái lý-tưởng nhuộm màu xã-hội ấy, có lẽ chúng ta phải tự hoạch định một chương-trình riêng cho mình, tách rời những vốn kiến-thức nông-cạn trong những năm sống vì bằng cấp và cho cấp bằng ! Nghĩa là chúng ta lại tự-tạo ra những gì cần-thiết bằng những kinh nghiệm, bằng mồ-hôi nước mắt chứ không gì « học thấy » được. Nói như vậy không có nghĩa là chối bỏ sự thật, nhưng có nghĩa là chúng ta chưa sẵn-sàng. Những chồng sách cao nghệu, những kỳ thi hàng năm đã ngăn cách chúng ta và cuộc đời thực sự. Chúng đã sống khép kín quá nhiều, và với một ngày, một năm của người Sinh-viên, chuyện ấy là hiển-nhiên. Qua những năm Trung-học, chúng ta đã biết nhiều, nhưng soát lại thì chúng ta chẳng biết gì cả. Hiện tại, bắt tay vào cái học chuyên môn ta như một lữ khách lạc-đường. Cái không khí hiện tại thật đáng làm chúng ta suy nghĩ. Thà biết ít mà biết rõ ràng, còn hơn là biết nhiều mà thực sự biết chẳng ra làm sao ? Chính vì cái biết tẻ nhạt ấy mà những người chúng ta rất muôn màng đặt hướng đi và lý-tưởng sống riêng cho mình. Biết chẳng ra biết khiến lý-tưởng từ lâu của mỗi người cũng không ra lý-tưởng. Chẳng là lý-tưởng xa vời, cũng chỉ là lý-tưởng thiếu nền tảng, và có một số ít người mang một lý-tưởng sát cuộc đời thực-tại, nhưng với khối người đang mê ngủ hoặc vì mệt mỏi, hoặc vì bị ngộ độc họ chẳng thực-hiện được chút nào. Có người đã suy tư nhiều, đã buồn, vì một con én không làm nổi một mùa Xuân ! Như vậy thì nói đến lý-tưởng với cuộc sống hiện-hữu lúc này thì không thừa.

Dù là đặt cho mình một hướng đi và một lý tưởng sống quá muôn và dù có khiêm-khuyết hành-trang, chúng ta cũng lại vào đời. Mỗi người chúng ta đều hiện có một lý-lưỡng. Nhưng chúng ta chỉ ước ao, lý-lưỡng đó, mang ít nhiều màu sắc xã-hội. Dù sao cũng trót là đoàn người đi đầu trong một trào lưu mới, chúng cũng có trách nhiệm với xã-hội và dân tộc rất nhiều. Lòng nhiệt-thành và thiết-tha của chúng ta dù ít, dù nhiều chắc cũng có một tiếng vang, và mong không vang vào hư vô ! Chúng ta mong thấy một quốc-gia thân yêu hùng-cường. Muốn thấy dân-tộc Việt-Nam biết tự-cường. Muốn thấy mọi người thiết tha với nếp sống mới

lành-mạnh hơn. Muốn thấy con bệnh xã-hội thuyên-giảm. Và muốn được đủ hành trang để vào đời. Chúng ta mong nhiều. Vậy thì nên đem những ước mong đó vào cuộc đời thực sự. Cuộc đời chúng ta không thể là cuộc đời bình dị và vô ích. Luật đào phải không cho chúng ta bằng lòng với nếp sống riêng tư và độc lập. Gạt bỏ những ưu phiền và thắc mắc để nhìn thẳng vào đường đời chúng ta. Nhìn lại đường đời, những người ăn trong tháp ngà mong những lý tưởng viển vông thì bàng hoàng ngơ ngác. Họ thường tỉnh sau một giấc ngủ dài. Nhìn hướng đi bí lối, chúng ta cũng kinh hoàng nốt. Chúng ta xin được lập lại tiếng sợ sống. Gần một năm nay, hay hơn nữa, vấn đề này đã được đặt ra. Nhưng nói xuôi, nói ngược đề rồi mệt mỗi phải im lặng. Chúng ta lại phải làm lại cuộc đời chúng ta, trong đêm trường mù mịt. Cửa quân trường đang chờ đợi. Hãy vào vì nhiệm vụ! Thế là xong. Tạm thời chúng ta không còn bận tâm với sự sống. Nhưng trong tương lai thì sao? Bánh xe lịch sử vẫn quay đều. Dựa vào nền tảng thoái tha, tòa nhà xã hội được xây thêm bằng vi trùng, bằng tất cả loại vi trùng nguy hiểm. Hiện trạng quốc gia sẽ khó hơn. Và chúng ta lại quay vào cuộc đời dân chính, gồm đủ hạng người trong xã hội. Nhưng rồi bàn tay bé nhỏ chúng ta lại bị lôi cuốn vào cái vòng tròn ê chề. Chúng ta lại bám vào ngân sách quốc gia bằng cách tìm một chân công chức, để rồi ngày hai buổi: « sáng vác ô đi, tối về ». Quá mệt mỏi, chúng ta cũng muốn yên thân, chấp nhận một cuộc sống bình thản, gác ngoài tai mọi sự đời. Cuộc đời sẽ dần trôi trong cái yên lặng tự ngàn xưa. Cuộc đời không lối thoát, chúng ta biết làm sao hơn? Bằng không chúng ta có lẽ sẽ phải khổ đau nhiều.

Bánh xe lịch sử vẫn quay đều. Hiện trạng xã hội từ lâu nay vẫn còn nhiều tệ đoan. Vậy thì làm cái việc cải tạo xã hội giờ đây tưởng là khó khăn lắm. Chúng ta quyết theo đến cùng cái lý tưởng xã hội vừa hình thành. Vạn bàn tay kết hợp thành một bàn tay rắn chắc và cương quyết, chúng ta hãy khắc phục mọi trở ngại và tiếp tay cùng những người lưu ý đến thế hệ đang lên hầu tìm cho đời trai một lối thoát, hầu đẩy lui cơn bệnh kinh-niên của hình-hải xã-hội. Chúng ta phải làm cái việc sửa-đổi trường-kỳ. Tre già măng mọc, lớp lớp đổi thay. Đã quyết chí thì lo gì mục-đích chẳng đạt được chỉ e rằng khi mọi người thờ-ơ trước những tệ-đoan chướng-tai gai-mắt, chúng ta không thể đơn phương vượt nổi con đường dốc! Hiện tại thì mỗi người chúng ta đều mang một nỗi ưu-tư và bi-quan trước cuộc sống, nhưng với những bàn tay còn dồi dào sinh-lực, với ý-chí vươn lên chúng ta đừng để phí một đời trai, hãy tìm một vài thay đổi. Chắc-chắn rằng chúng ta sẽ không hành động đơn độc, giới hữu-trách sẽ giúp đỡ chúng ta trong mục-đích cao đẹp ấy. Ai lại chẳng vui mừng và chẳng mong thấy thanh-niên vui sống? Ai lại chẳng muốn hạn chế dần những tệ-đoan xã-hội?

Thế nghĩa là chúng ta đã vào đời với niềm tin mãnh-liệt ở ngày mai. Chúng ta đã bắt tay vào một cuộc sống mới chan-hòa tin yêu

trần-trề hy-vọng. Tạm thời chúng ta quên những bứt rứt và âu lo để củng cố lại nghị-lực và định lại hướng đời. Thực tại đang phô-diễn trước mắt mọi người. Chúng ta có quyền ngờ điều trình bày trên là viễn-vông vì chúng ta và mọi người chưa sẵn-sàng... Đó là điều đáng buồn. Thế nhưng, nhất định là chúng ta có quyền tin ở một vài thay đổi, tin ở bàn tay dồi-dào nghị-lực có thể làm rung chuyển một khung trời. Chúng ta có quyền trú-tư trước hiện-tại. Chúng ta cũng có quyền được tiếp tay với giới hữu-trách để đem đi những rác rưởi còn nằm bèn lè đường xã-hội. Chúng ta cũng có quyền buồn trước một nền giáo-dục quá thiên về lý-thuyết, thiếu thực hành, không tạo được cho người hấp thụ một căn bản sống !

Chúng ta đã mang một lý-tưởng cao-đẹp vào cuộc đời. Dầu rằng hiện giờ đây lý-tưởng và cuộc đời như đôi đường ngăn cách. Vì phải sống trước đã, vì phải tìm một hướng đi vào sự sống tầm thường và hành trang cuộc đời thì thiếu thốn. Chúng ta đang ngụp lặn trong ưu-phiền. Nhưng chính vì nghĩ rằng mọi người chúng ta cũng đều mang mọi hoai bão cho riêng mình sẵn sàng thay đổi nếp sống hiện tại và sửa soạn cho những lớp người tương lai. Chính vì tin-tưởng rằng mọi người đều phiền muộn và có ý muốn vươn lên. Chính vì nghĩ rằng cuộc đời và lý-tưởng xã-hội phải là một thực-thể đơn nhất, không chấp nhận một sự vô lý rằng lý-tưởng và cuộc đời ở hai phương trời cách biệt, một người trai trẻ mới dám viết thay chúng ta vài cảm-nghĩ, vài nhận-định thô sơ. Biết đã làm phiền, nhưng người trai trẻ ấy xin được lập-lại thêm một lần một vấn-đề đã cũ. Một thế-hệ đang chuyển-minh mang nặng những tiếng than dài vì một nền giáo-dục quá nặng về hình thức, đó cũng là tiếng than của những người hăng quan tâm với dân-tộc. Xin được nhắc lại điều ấy và ước mong chúng không vang vào hư vô để lý-tưởng hóa và cuộc đời kết hợp thành một bản trường-ca bất tận.

TRẦN-NGỌC

NGƯỜI SINH VIÊN HÔM NAY

VÀ

CUỘC ĐỜI TRƯỚC MẶT

Kể từ ngày bước lên ngưỡng cửa Đại học và khoác lên người chiếc áo Sinh viên, người con trai hoặc con gái lúc này mặc nhiên thấy mình như quan trọng hẳn lên — Anh ta (hoặc chị ta) có cảm tưởng như mình mới lột xác để bước hẳn sang một giai tầng mới mẻ, được trọng đãi và chiều chuộng hơn.

Người tân Sinh viên do đó cảm thấy rất hãnh diện với danh hiệu mới của mình, sửa soạn cho năm học đầu tiên ở Đại học với tất cả nhiệt thành và phấn khởi. Trong gia đình người cha hoặc người mẹ cũng thấy tự hào khi cần giới thiệu con mình với bạn bè thân thích, nhất là trong trường hợp muốn tìm cho con mình một ý trung nhân trong cuộc sống lứa đôi.

Tất cả những hãnh diện, hân hoan trên kia được coi như những đền bù xứng đáng cho những năm mệt nhọc, gian nan được bậc Trung học, những năm phải phấn đấu cam go lắm mới qua được biết bao chặng thi cử gay gắt.

Đó cũng là những lý do xác định về vị trí của người Sinh viên trong cộng đồng xã hội hiện tại. Người Sinh viên được xã hội coi là những thành phần ưu tú, những tiền đồ hứa hẹn của Tổ quốc mai sau.

Do đó vai trò của người Sinh viên đã trở nên vô cùng quan trọng trước những diễn biến của thời cuộc và trước những chuyển mình của lịch sử.

NHỮNG TRẠNG-THÁI KHỜ BIÊN TRONG TÂM-THỨC NGƯỜI SINH-VIÊN

Người Sinh viên bước vào Đại học với một tinh thần lạc quan tuyệt đối, với rất nhiều kỳ vọng ở tương lai. Tuy nhiên, một vài năm sau người Sinh viên hình như lại bắt đầu ít dần hy vọng và tinh thần lạc quan đã nhường chỗ cho một tinh thần lúng túng, không lạc quan mà cũng chẳng bi quan.

Hiện trạng Sinh viên lúc này thật phức tạp, phức tạp như những diễn biến nội tâm của họ vậy.

Xét về ưu điểm, người Sinh viên có một số điểm đáng khen. Ngoài tinh thần hăng hái và nhiệt thành của tuổi trẻ, người Sinh viên, nói chung, có một tinh thần hiếu học rất cao — Sự hiếu học này được nuôi dưỡng từ khi còn là những học sinh trung học. Đến bây giờ, lên Đại học, họ vẫn duy trì đức tính hiếu học kia bên cạnh những ước ao bằng cấp mãnh liệt. Ngoài ra lại còn phải kể thêm một vài đức tính khác như hiền lành và kiên nhẫn. Hiền lành vì người Sinh viên rất ít, hay nói khác đi, không hề làm chính trị. Kiên nhẫn vì người Sinh viên đã chịu khó chờ đợi năm này qua năm khác vấn đề chuyển ngữ trong khi đó vẫn cố gắng nghiền cổ nghe giảng bài bằng sinh ngữ và chẳng hiểu bao nhiêu...

Nếu có thể kể được những điều trên là ưu điểm thì bên cạnh những ưu điểm đó, người Sinh viên có khá nhiều khuyết điểm.

Thứ nhất là sự thiếu hoạt động. Đây là điều mà người ta thường chê những người Sinh viên Việt-nam, nhất là « người ta » đây lại là những người ngoại quốc. Nguyên do của sự thiếu hoạt động này là bởi cuộc sống quá đóng kín của người sinh viên. Đóng kín, có thể vì những mặc cảm cá nhân mà cũng có thể vì hoàn cảnh tạo nên. Cả hai điều khẳng định này sẽ được dẫn chứng ở những đoạn sau vì chúng liên hệ mật thiết tới những yếu tố khác.

Vậy người sinh viên thiếu những hoạt động gì ? Nhiều lắm. Những chương trình thăm viếng, học hỏi lẫn nhau giữa các Đại học. Những hoạt động thể thao, -du lịch. Những tổ chức trình diễn văn nghệ, những buổi nói chuyện thường xuyên về các đề tài văn học, chính trị.v.v... Những hoạt động trên thật ra trước đây vẫn có nhưng chúng chỉ được đề ra với tính cách hình thức hoặc được áp dụng rất ít mà thôi. Người sinh viên vì thế vẫn có vẻ im lìm, say ngủ trong khi với trào lưu tiến hóa trên thế giới lẽ ra phải sôi nổi lắm mới phải.

Một khuyết điểm khác nữa là bởi tự đặt cho mình một tầm quan trọng quá mức nên người Sinh viên đã mắc phải tính tự kiêu, tự đại và hãnh tiến đáng chê. Người Sinh viên nghĩ rằng mình là những thành phần tuyệt hảo, được quý trọng và ưu đãi nên đã tự tách biệt khỏi các giai cấp bên dưới. Từ quan niệm này người Sinh viên biến thành những

con người trưởng giả và mắc phải căn bệnh chung là không chịu hòa đồng với các tầng lớp khác, không chịu làm những việc được coi như ti tiện, nhỏ nòi. Người ta chỉ thấy người sinh viên đăng báo tìm việc dạy học, làm bàn giấy chứ ít khi thấy người sinh viên có mặt ở các xưởng, các nhà máy và các nông trường. Có thể trách người sinh viên về điểm này là hơi quá đáng vì có nhiều lý do khiến người sinh viên không thể có mặt tại các nơi đó. Người sinh viên cần dành nhiều thì giờ cho chương trình học mà xã hội Việt-nam lại không phải là xã hội tiền tiến Âu Mỹ cho nên không có những việc làm tính theo giờ để ăn tiền. Ở Mỹ, xin một chân thợ sơn, thợ nề, bồi bàn... rất dễ dàng, mỗi ngày làm 2, 3 giờ thôi nhưng lương lại khá cao. Chẳng hạn, làm thợ sơn cho một tòa bin đình ở Mỹ, người sinh viên có thể lĩnh mỗi giờ ít nhất 1 đô la. Số tiền này càng tăng lên gấp đôi, gấp ba nếu người thợ càng có can đảm sơn ở các tầng rất cao bên trên. Còn như làm bồi bàn thì tiền nong lại dư giả hơn nhiều. Ngoài số lương chính thức 1 đô la mỗi giờ, người sinh viên bồi bàn có thể trở nên giàu có nhờ những món *pourboire* rất xộp của khách hàng. Tuy nhiên đó là chuyện xảy ra ở nước ngoài. Ở Việt-nam, tất nhiên không thể lạc quan như vậy được. Người sinh viên sống ở Saigon làm sao có thể len chân vào làm bồi bàn được ở các Hotel như Caravelle, Majestic, v.v.. ngay cả một số Milk Bar, Restaurant hạng trung bình ở đây? Các công xưởng, các nhà máy, các xí nghiệp thì chỗ nào cũng quá đủ người rồi. Người Sinh viên vì thế chỉ còn cách duy nhất và dễ dàng là xin dạy học hoặc xin làm tại các bàn giấy.

Nhưng không phải vì các lẽ trên mà phủ nhận tính chất trưởng giả luôn luôn có ở người Sinh viên. Tuy có những khó khăn như đã nêu ở trên nhưng người sinh viên muốn tìm những việc làm bằng tay chân, muốn thật sự hòa đồng với quần chúng không phải là không thể được. Xét về đa số thì người Sinh viên đều mắc phải tinh thần thiếu tự chủ và tự lập. Người Sinh viên có một cuộc sống mang nặng tính chất phóng thả và thụ động. Sống trong gia đình, người sinh viên vẫn chưa tự cho mình là đã trưởng thành, vẫn hoàn toàn trông cậy vào những quyết định của người cha hoặc người mẹ. Từ yếu tính này, người Sinh viên trở nên hèn yếu, luôn luôn an phận với một tương lai đã định sẵn. Tương lai đó là những mảnh bằg thật to : Luật sư, Bác sĩ... ; là một gia đình êm ấm với người vợ đẹp và bầy con ngoan. Cuộc sống như thế kể ra cũng tuyệt lắm, đáng sống lắm nhưng đối với người sinh viên nó trở thành cuộc sống thụ hưởng và an phận. Mà chúng ta, trong giai đoạn này, không ai được quyền thụ hưởng và an phận như thế.

Tóm lại, nhìn toàn diện, người Sinh viên hôm nay đã mắc phải căn bệnh thiếu lý tưởng, hay nói khác không đặt đối tượng lý tưởng cao cả để vươn lên. Người Sinh viên vẫn đặt vấn đề bằng cấp quá quan trọng, chìm trong lớp sóng vật chất và không khí yêu đương vơ vẩn. Người Sinh viên cảm thấy nhút nhát trước những sóng gió của cuộc đời ngày mai và luôn luôn có mặc cảm về ý hướng cách mạng toàn diện...

NHỮNG NGUYÊN-NHÂN GÂY NÊN TÌNH-TRẠNG TRÊN

Kể viết bài này, trước đây, khi đề cập tới hiện trạng thanh niên trong một tạp chí khác đã nêu lên khá nhiều những lý do tạo nên tình trạng xuống dốc của giới thanh niên, trong đó tất nhiên có những người Sinh viên. Bài đó rất tiếc đã không được đăng lên trọn vẹn nên đã không phản ánh được hết những ý kiến mà tác giả của nó muốn nói lên.

Ở đây, bài này, người viết trước khi đề nghị một hướng đi mới cho người Sinh viên, muốn trở lại vấn đề nguyên nhân để do đó định hướng cho thái độ của mình.

Nhận định về bất cứ một tình trạng đen tối nào xảy ra ở đây, từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đều bất rể và nẩy mầm trong một quốc gia nhược tiểu và chậm tiến. Hiện trạng Sinh viên, nói riêng, cũng không tránh khỏi căn-nguyên đó.

Trước hết là do *một nền giáo dục lỗi thời, chuộng tư chương, khoa cử hơn là những gì thiết thực cho một xã hội cần tiến hóa và vươn lên*. Chương trình học, từ Trung học lên Đại học, đã quá nặng về lý thuyết và không phản ánh đúng với đường lối đã đề ra : *dân tộc, nhân bản và khai phóng*. Người Sinh-viên cũng như học sinh đã mù người đi vì học, đối tượng sống chết của họ là mảnh bằng. Tài năng thực sự của họ tuy có nhưng đã bị căn cỗi đi trên mảnh đất chật hẹp đó.

Thứ hai là *do ảnh hưởng của đời sống vật chất Âu Mỹ quá tràn lan*. Từ phim ảnh cho tới lối sống đã ảnh hưởng quá mạnh vào mọi tầng lớp nhất là tầng lớp Sinh viên. Người Sinh viên hình như có lúc đã quên hết những gì là truyền thống hay, đẹp của dân tộc mình để say sưa với lớp sóng mới từ ngoài tràn vào. Họ đặt những nam nữ tài tử ciné là những thần tượng của họ, lối sống của các tài tử ấy là lối sống lý tưởng của họ. Họ say mê cuộc sống của những nhân vật trong *Bonjour Tristesse*, *Dans un mois dans un an* hoặc trong bất cứ những tác phẩm nào khác của các nhà văn Đợt Sóng Mới. Người Sinh-viên trở nên những kẻ tầm thường cũng vì thế, những kẻ quay cuồng trong tiếng nhạc, trong lời ca, những kẻ luôn luôn chán chường vì thấy cuộc đời cuối cùng trở nên vô vị . . .

Ngoài ra *chính những bậc phụ-huynh, một số lớn, đã gây nên tinh thần hưởng thụ ở người Sinh-viên*. Những bậc phụ huynh này đã có một quá khứ đấu tranh gian khổ, đã thấy những cảnh chết chóc tang thương gây ra bởi chiến tranh nên họ bắt đầu chán cách mạng, chán chiến tranh, họ muốn sống yên thân. Với quan niệm như thế họ đã truyền sang con em họ — giới học sinh, Sinh viên — tinh thần cầu an, hưởng thụ, tham sống sợ chết. Họ đã làm hèn yếu và tầm thường hóa lớp người tự tuổi sau họ...

Ngoài ra, cũng có một số Sinh-viên có lý tưởng, có ý hướng vươn lên nhưng đã gặp phải biết bao chướng ngại nên lý tưởng và ý hướng kia đã tàn lụn đi — Nguyên nhân là bởi *thiếu những môi trường, ở đó tài năng Sinh-viên có thể phát triển và nảy nở*.

Hiện tại, lên Đại học, người sinh viên có rất ít phân khoa để chọn nên phần lớn đã bị học những ngành gượng ép chẳng hạn những Sinh viên tuy biết mình không có khả năng Sư-phạm nhưng vì cần tiền nên vẫn cố thi vào ngành này. Một số khác tuy thiếu khả năng làm Luật sư, làm Văn học nhưng vì không còn phân khoa nào khác thích hợp hơn nên đành ghi tên bừa vào Văn khoa, vào Luật khoa. Hiện tượng này, từ lâu, đã được một số người lên tiếng nhưng cũng như bao điều lên tiếng khác, chẳng ai chịu quan tâm tới cả.

Người ta hân hoan vì con số tăng triển mỗi ngày một đông của Sinh viên nhưng người ta lại không chịu đặt thêm ngành học cho Sinh viên. Cả một khối người càng ngày càng đông đảo này dồn mãi, dồn mãi vào số ít ỏi các phân khoa hiện có. Tình trạng tắc nghẽn cứ trở nên trầm trọng.

Mặt khác, người Sinh viên rất ít được hướng dẫn về tinh thần, về tư tưởng — sách vở để nghiên cứu lại thiếu thốn quá nhiều — Những bức màn tre, màn sắt của các chế độ chính trị mỗi ngày một đóng kín hơn nên con mắt người Sinh viên thật khó có thể phóng tới những chân trời xa rộng của tư tưởng. Người Sinh viên do đó thường thiên cận và có nhiều thiên kiến. Ngoài một số sách vở triết học, văn nghệ mang nặng tính chất hiện sinh được tự do phổ biến, người Sinh viên không biết thêm được gì, nhất là về những vấn đề chính trị, những học thuyết lớn lao của tư tưởng nhân loại không đóng kín.

VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM

Qua những nét phác họa trên về người Sinh viên, nhận định chung là một điều đáng buồn. Giới Sinh viên, ít nhiều, đã được coi như những phần tử trí thức (dù hiểu theo định nghĩa nào đi nữa), những người có một vai trò rất trọng đại trước dân tộc, trước lịch-sử. Tuy nhiên, người Sinh viên hiện tại đã không tỏ ra xứng đáng với vai trò trọng đại đó của mình. Một phần, trách nhiệm tại chính người Sinh viên, phần khác, phải kể đến những người có nhiệm vụ hướng dẫn Sinh viên : Các giới hữu trách và các vị phụ huynh...

Từ lâu lắm rồi, người Sinh viên đã thường lên tiếng bày tỏ trước giới hữu quyền những thắc mắc và ý nguyện của mình nhưng rất ít khi họ được thỏa mãn — Chẳng hạn, vấn đề cần sửa đổi chương trình giáo dục, vấn đề chuyển ngữ trên Đại học, vấn đề thành lập thêm các phân khoa..., tất cả tuy là những vấn đề quá cũ vì đã được nhiều lần đề ra nhưng tới nay nếu chúng lại được mang ra bàn lại chắc

vẫn còn là những vấn đề rất mới. Người ta bàn chỉ để bàn mà thôi, việc thi hành lại là chuyện khác.

Cho nên điều cần thiết bây giờ không phải là đặt lại vấn đề lý thuyết được nữa. Lý thuyết suông mãi thật vô ích — Đã đủ rõ ràng để hiểu tại sao cần phải thay đổi hẳn chương trình giáo dục hiện tại, tại sao cần chuyển ngữ, cần lành mạnh hóa ngành giáo dục... Việc thiết thực bây giờ là thực hiện ngay những điều đó.

Các giới hữu quyền cần lắng nghe những nguyện vọng của giới Sinh viên và làm theo những nguyện vọng đó nếu chúng chính đáng.

— Trước hết cần thay đổi (chứ không phải sửa đổi) chương trình giáo dục lỗi thời hiện tại mà hầu hết mọi người đã nhiều lần lên tiếng công kích. Sự thay đổi này phải là một thay đổi từ gốc rễ, đặt căn bản trên tinh thần dân tộc tự chủ, trên những yếu tố hợp lý và thiết thực.

— Thứ hai là cấp tốc chuyển ngữ hoàn toàn trên Đại học. Cần đề cao tầm quan trọng của Việt ngữ, thành lập một ban Tu thư hoàn bị để phiên dịch và thống nhất hóa các danh từ. Hiện nay, Việt ngữ đang ở tình trạng xuống dốc và bị coi thường; Sinh viên đã và đang gặp rất nhiều trở ngại trong việc nghe giảng bằng ngoại ngữ. Tình trạng này cần phải giải quyết ngay, sớm chừng nào hay chừng ấy.

— Việc thứ ba cũng rất quan trọng là phải đặt thêm nhiều phân khoa trên Đại học để người Sinh viên lựa chọn theo đúng khả năng của mình. Với những cuộc chiến tranh chủ nghĩa hiện tại, với những hiện trạng xã hội càng ngày càng phức tạp, người Sinh viên mong ước sẽ có trường Đại học chính trị và xã hội để được nghiên cứu, học hỏi về những học thuyết chính trị, phân tích về những diễn biến của thời cuộc, của đời sống nhân loại.

Còn rất nhiều phân khoa khác mà chính phủ có thể đặt thêm. Chẳng hạn nước ta là một nước chuyên về nông nghiệp, người dân rất cần am hiểu về ngành này vì thế chính phủ có thể nâng trường canh nông hiện có lên hàng Đại học. Số Sinh viên theo học về canh nông lúc này sẽ rất nhiều chứ không bị hạn chế quá ít ỏi như trước nữa. Cũng thế, trường thương mại hiện nay cũng cần nâng lên hàng Đại học : Đại học Thương mại và kỹ nghệ. Ngoài ra lại có thể thành lập thêm một Đại học Báo chí và Ấn loát nữa vì những ngành này hiện tại liên quan mật thiết tới đời sống tinh thần của quần chúng.

Việc đặt thêm những phân khoa trên rất cần thiết và hữu ích. Người Sinh viên sẽ có nhiều ngành để lựa chọn và do đó khả năng của mình được đặt đúng chỗ — Tuy nhiên, bao giờ cũng thế, nói vẫn dễ hơn làm — Cho nên chắc chắn sẽ có nhiều khó khăn, trở ngại để thực hiện những điều trên. Nhưng đặt vấn đề như thế không phải để nản lòng mà để cố gắng vượt qua vì tất cả mọi khó khăn đều có thể vượt qua được nhờ thiện chí và sự cố gắng của những ai muốn làm và cần làm.

— Cuối cùng, giữa Sinh viên và tầng lớp lãnh đạo cần tạo nên bầu không khí thông cảm, cởi mở và nhất là tin tưởng lẫn nhau — Chiếc hố nghi ngại, e dè cần được lấp kín. Người Sinh viên cần nhìn những người lãnh đạo mình với con mắt tin phục và thiện cảm. Ngược lại, giới lãnh đạo cần đề cho người Sinh viên được tự do suy tưởng, tự do tìm tòi. Thật ra bản chất cách mạng và phản động không phải luôn luôn có ở người Sinh viên ! Ở vai trò hướng dẫn và dìu dắt những người lãnh đạo chỉ nên đưa ra những dữ kiện chính xác để người sinh viên phán đoán chứ không nên chỉ đạo cho phán đoán. Tuy vậy, trên thực tế, nhất là với giai đoạn hiện tại, vấn đề lại không hẳn như vậy...

NGƯỜI SINH VIÊN VỚI KHUÔN MẶT MỚI

Nói về trách nhiệm, theo nghĩa triết học, mỗi người đều là một chủ thể chịu trách nhiệm về những hành vi quyết ý của mình. Không ai chịu trách nhiệm thay cho ai cả.

Người Sinh viên hôm nay, vì thế, cần ý thức được vai trò hệ trọng của mình trước cuộc đời và lịch sử, tự đặt ra vấn đề trách nhiệm đối với mình.

Đã rõ được những khuyết điểm của mình, người Sinh viên cần phải hủ diệt chúng để vươn lên. Trong tương lai, người Sinh viên ít ra cũng phải đạt tới những điểm dưới đây :

— Tạo cho mình một kiến thức không những có chiều rộng mà phải có chiều sâu.

— Không trọng bằng cấp quá đáng. Cố gắng xứng đáng với vai trò của mình đối với đất nước.

— Giữ những hay đẹp cổ truyền của dân tộc. Tránh vọng ngoại, mất gốc.

— Đặt cái ĐẸP trong tình yêu.

— Có những đức tính : Tự lập, Tự chủ, Hăng hái và Có. Thiện chí về mọi công việc.

— Sau hết, hướng cuộc đời về một tương lai lý tưởng...

Nhìn vào bộ mặt xã hội hiện thời, nhiều người thường tỏ ra bi quan quá đáng về người Sinh viên Việt nam. Thái độ bi quan này dĩ nhiên là có lý, tuy vậy, không phải bao giờ cũng nên bi quan như thế. Thật ra bên cạnh một số người gây nên tình trạng đáng bi quan trên, người Sinh viên trong bất cứ giai đoạn nào cũng luôn luôn chứng tỏ được giá trị và truyền thống bất khuất của mình.

Người Sinh viên đã không thờ ơ với lịch sử, với những chuyển mình của nó. Họ đã gắn liền cuộc sống của họ với cuộc sống của toàn dân, luôn luôn đặt mỗi ưu tư của họ bên mỗi ưu tư lớn lao của đất nước. Trong trái tim hồng nóng cháy của họ, hình ảnh những Nguyễn-Thái-Học, những Phạm-Hồng-Thái, Lê-Lợi, Quang-Trung... được treo lên với tất cả nhiệt thành của tuổi trẻ. Họ đã có những giấc mơ to tát, đẹp huy hoàng trong tương lai. Họ luôn luôn — với ý chí sắt đá — muốn những giấc mơ đừng mãi mãi là những giấc mơ mà... phải thành sự thật.

Cho nên bí quan không thôi về người Sinh viên hiện tại, chưa đủ mà còn phải lạc quan rất nhiều nữa.



Thường khi viết, không nhiều thì ít người viết phải chủ quan. Là người trong cuộc viết về người trong cuộc tất nhiên lại càng chủ quan hơn. Đây là điều xác định cuối cùng của kẻ viết bài này.

NGUYỄN GIA-PHÁI
(Sinh-viên Đại-học Saigon)

TÌM HIỂU NƯỚC BẠN

vấn đề giáo dục tại NHẬT - BẢN

L.T.S. : Trong số vừa qua, Văn Học đã được giới thiệu cùng bạn đọc vài nét về nền Đại học Liên-Bang Cộng-Hòa Đức quốc qua sự trình bày của Bác-sĩ Städtler.

Cùng với mục đích ấy, trong số này chúng tôi xin được giới thiệu về vấn đề giáo dục tại Nhật-Bản. Tài liệu này do Đại-sứ quán Nhật-bản tại Việt-Nam dành cho Văn-Học mà chúng tôi xin đăng nguyên văn dưới đây.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn Đại sứ-quán Nhật-bản và xin dành lời cho các nhà giáo-dục Nhật.

V.H.

I.— SỰ KIẾN LỊCH SỬ

Trước cuộc Phục Hưng Minh Trị 1868, trong thời phong kiến lâu dài cũng đã có những tư thực gọi là «terakoya» cùng những học hiệu khác được mở ra để dạy dỗ con em thường dân về những khoa đọc, viết và toán pháp. Vào khoảng giữa thế kỷ.19, số trường «terakoya» có tới gần 16.000 nhà.

Tới năm 1872, sau khi Chính Phủ ban hành lệnh giáo dục công dân, nền giáo dục tân tiến bắt đầu thực hành ở Nhật. Dưới phương pháp mới, việc giáo huấn được tổ chức thành 3 cấp bậc tuần tự như là sơ đẳng, trung đẳng và đại học — và tới năm 1886 thì cấp sơ đẳng trở thành cưỡng bách trong một thời hạn là 3 hay 4 năm.

Vào cuối thế kỷ ấy, nền giáo dục được mở rộng thêm với những trường dạy về nghề nghiệp, sư phạm và trường dự bị. Rồi tới năm 1900, thời hạn giáo dục cưỡng bách được ấn định là 4 năm cho toàn quốc và học phí tại các trường sơ học công cộng cũng được miễn. Ba năm sau, những trường chuyên nghiệp kém bậc đại học một chút cũng được mở thêm. Tới năm 1908 thì khóa học sơ đẳng được tăng từ 4 lên 6 năm và trở thành cưỡng bách trong suốt thời hạn này.

Cho tới năm 1920, tỷ số con em học sinh cấp sơ đẳng ở trong nước đã lên tới trên 99%.

II.— NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC MỚI

Sau thế chiến thứ 2, nền giáo dục được cải tiến rộng rãi. Hiến Pháp mới nêu rõ chính sách căn bản về nền giáo dục là :

« Hết thầy ai ai cũng có quyền thụ hưởng giáo dục trên căn bản bình đẳng và tương xứng với tài năng mình, như luật pháp đã ấn định. Dân chúng bắt buộc phải cho con em dưới sự bảo trợ của mình thụ hưởng giáo dục phổ thông như luật pháp đã ấn định. Giáo dục cưỡng bách như vậy phải được miễn phí. » (Điều 26).

Đạo Luật Căn Bản về giáo dục, thi hành năm 1947, nêu rõ với nhiều chi tiết về mục đích và nguyên tắc giáo dục theo tinh thần Hiến Pháp.

Tiêu điểm trong đạo luật này là cần phải đào tạo công dân biết tự tin, cho xứng đáng với một quốc gia dân chủ hòa bình, và một xã hội cộng đồng biết trọng nhân quyền:

Đạo luật căn bản về giáo dục mở đầu rằng :

« Chúng ta phải biết trọng phẩm giá cá nhân và phải tìm cách diu dắt những ai yêu chuộng sự thật và hòa bình, trong khi việc giáo dục nhằm mục đích giáo hóa toàn thể và cũng là từng người, cần phải được phổ biến không ngừng. »

Nguyên tắc khác trong đạo luật là sự bình đẳng về cơ hội giáo dục theo tài năng của mỗi người. Đạo luật cấm chỉ việc kỳ thị chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, giai cấp, giàu nghèo hay gia cảnh. Việc hợp tác giáo dục được tự do.

Đạo Luật đề cao sự quan trọng về kiến thức chính trị và tự do tôn giáo trong công cuộc lãnh mạnh hóa công dân, nhưng cấm hẳn mọi sự dính dáng của các phe đảng chính trị hay tôn giáo vào vấn đề giáo dục.

Các chương trình xã hội học ở trường công đều được đặc biệt chú ý. Theo tinh thần Đạo Luật Căn Bản về Giáo Dục, đề cổ súy xã hội học và khuyến khích chính quyền cùng các cơ quan địa phương thiết lập cơ sở như thư viện, bảo tàng và nhà hội đồng công dân.

Những điều quy định theo Đạo Luật Căn bản về Giáo Dục đã mang lại kết quả là việc giáo hóa công dân được phân quyền, khóa học 6-3-3-4 được thành lập ; các chương trình và hạn học ở nhà trường cũng như phương sách giáo khoa đều được cải hướng ; tóm lại, nền giáo dục trong nước được hoàn toàn cải tiến.

III.— HỆ THỐNG GIÁO DỤC

Giáo dục công dân được phân chia thành 4 giai đoạn : sơ đẳng (6 năm), Tiểu học (3 năm), Trung học (3 năm) và Đại học (thường thường là 4 năm). Ngoài ra, còn có những lớp Cao đẳng, mỗi khóa 2 năm, và nhiều lớp Đại học cấp tiến để Sinh viên tốt nghiệp Đại học có thể theo đuổi học rộng thêm nữa.

1.— Giáo Dục Cường Bách

Con em tới 6 tuổi bắt buộc phải ghi tên vào lớp sơ đẳng và theo đuổi học hành cho tới 9 năm kể cả tiểu học. Khóa học này được miễn phí. Học sinh nghèo được giúp đỡ về mặt sách vở, bữa ăn trưa ở nhà trường, và phí tổn về những cuộc du ngoạn, do Chính Phủ và các cơ quan liên hệ trợ cấp.

Tỷ số con em trong nước ghi tên vào lớp sơ đẳng có trên 99%

2.— Trung Học

Chương trình trung học gồm có 2 lớp : nửa buổi và lớp cả ngày. Lớp nửa buổi học về tối hay vào những giờ thuận tiện cho thanh niên công nhân. Ngoài ra còn có những lớp hàm thụ nữa. Trường trung học dạy về những môn phổ thông và chuyên nghiệp.

Về Sinh viên tốt nghiệp tiểu học năm 1961, có 63,8% số nam Sinh viên, và 60,7% số nữ sinh gia nhập trung học.

3. Đại Học

Cấp Đại học thường có những ban học về luật, kinh tế, văn khoa, sư phạm, khoa học, kỹ thuật, canh nông, y khoa, dược khoa vân vân...

Nhiều Đại học đường mở thêm những lớp 2 năm cho Sinh viên tốt nghiệp học thêm lấy bằng Cao Học, và 3 năm lấy bằng Tán Sĩ sau khi đậu bằng Cao Học.

Bậc Đại học còn có 2 lớp khác nữa. Lớp gọi là cao đẳng, học 2 hay 3 năm. Và lớp học chuyên về kỹ thuật.

Trong số Sinh viên tốt nghiệp trung học có 20,2% số nam Sinh viên, và 15,3% và số nữ sinh vào Đại học và các trường Cao đẳng.

4. Trường Đặc Biệt.

Trường đặc biệt được thiết lập từ bậc sơ học cho tới trung học để dạy người mù, điếc, chậm chí và tàn tật. Giáo dục đối với những

người này cũng được cường bách. Trong những cấp học này còn có cả những lớp riêng dành cho học trò vì một lý do nào thường bị cản trở.

5. Lớp Mẫu Giáo

Đã có những trường mẫu giáo cả công lẫn tư được mở ra để trẻ em từ trên 3 tuổi tới tới 6 tuổi học dự bị.

6.— Những Học Hiệu khác

Ngoài những trường chính thức được Luật Giáo Dục công nhận, còn có nhiều học hiệu khác mở ra để dạy riêng về từng ngành. Những học hiệu này gọi là trường phụ tạp dạy trong một thời hạn ngắn về những nghề như may vá, nấu nướng, đánh máy chữ, lái xe vân vân.

7.— Giáo Dục Xã Hội

Ngoài ra học tập ở nhà trường ra, còn có những hoạt động được tổ chức rất chu đáo trong chương trình « giáo dục xã hội », dành cho thanh tráng niên nói chung, các gia đình và công nhân. Những cơ sở thuộc ngành giáo dục xã hội được công chúng hay lui tới nhất là nhà hội đồng công dân, thư viện, bảo tàng, lữ quán thanh niên vân vân.

Tính tới tháng 9 năm 1961, đã có tới 736 thư viện công cộng với một số 17.603.773 cuốn sách. Trong 12 tháng vừa đây có tới 27 triệu người đọc sách ở thư viện. Sau đây còn một số 495 viện bảo tàng, 43 sở thú, 60 vườn nuôi cá và 39 vườn bách thảo.

Chương trình giáo dục xã hội gồm cả những lớp huấn luyện thanh niên ngắn hạn, những lớp cán bộ, những cuộc hội họp bình dân, triển lãm, huấn luyện thể dục, những hoạt động giải trí vân vân.

IV.— SỞ HỌC ĐƯỜNG, GIÁO SƯ, SINH VIÊN

Tính tới đầu tháng 3 năm 1962, số học đường Giáo sư và Sinh viên ở trong nước là :

	Học Đường (Chi Nhánh)	Giáo Sư (Dạy giờ)	Sinh Viên Hay Học Sinh
Mẫu giáo	7.372 (143)	34.689 (4.759)	855.539
Sơ học	22.724 (3.891)	340.839 (1.838)	11.056.915
Tiểu học	12.003	246.547	7.328.434
Trung Học	3.711 (644)	140.186 (11.216)	3.281.474
Cao đẳng Tiểu Cấp	305	7.284 (8.057)	107.714
Cao Đẳng và Đại Học	260	47.850 (19.419)	727.104

Trường Người Mù	75 (3)	2.176 (194)	
Trường Người Câm và Điếc	97 (8)	3.627 (133)	20.180
Trường Người Tàn Tật	74 (12)	980 (62)	8 283

Trong năm 1962, có tất cả 4.772 học sinh ngoại quốc nhập học tại các Đại học đường Nhật Bản. Trong số có 2.439 học sinh Đại Hàn, 1.115 học sinh Trung Hoa, và 227 học sinh Mỹ. Số thanh-niên từ các quốc gia Châu Á sang học tu nghiệp về kỹ thuật tại các công viện kỹ thuật và khoa học cùng các cơ xưởng ở Nhật, mỗi ngày đều tăng.

V.— CÁC KỲ TỰ TRƯỜNG

Niên học ở Nhật thường chia ra làm 3 kỳ. Kỳ một vào đầu tháng 4 cho tới cuối tháng 7. Những ngày học là thứ 2 cho tới hết thứ 7 -- mỗi tuần 6 ngày. Đây là kỳ mà học sinh các lớp lớn ban tiểu và trung học thường hay đi xa, có khi cả tuần hay lâu hơn nữa.

Nghỉ hè thường lâu tới 6 hay 7 tuần. Kỳ học thứ 2 bắt đầu từ tháng 9 cho tới gần ngày tất niên, rồi nghỉ vào mùa đông cho tới trung tuần tháng giêng mới khai học.

Kỳ học thứ 3 bắt đầu sau vụ nghỉ này. Đây là kỳ can hệ nhất đối với học sinh lớn vì họ phải thi vào các trường cấp trên.

VI.— NHỮNG TIÊU CHUẨN VỀ CÁC LỚP HỌC

1.— Khuôn khổ các lớp

Đã có những khuôn khổ nhất định cho các lớp học tùy theo cấp bậc để khỏi giảm mực thước về những tiêu chuẩn nhà trường.

Số học trò trong mỗi lớp sơ đẳng và tiểu học là do ban học chính quận hạt ấn định, tuy nhiên, số học sinh tối đa trong một lớp là 50 người, theo luật đã định. Trong niên học 1960 số học trò trong mỗi lớp sơ đẳng trung bình là 42 người tiểu học 45 người, và tỷ lệ giáo viên theo số học trò là 34 đối với các trường sơ học, và 27 đối với các trường tiểu học.

Tại các trường trung học, số học sinh tối đa là 40 người, theo nguyên tắc, và tỷ lệ giáo sư theo số học sinh về năm 1960 là 21.

2.— Chương Trình Học

Những tiêu-chuẩn về chương trình sơ học và tiểu học đã được Bộ Quốc Gia Giáo Dục ấn định sẵn.

Chương trình hàng tuần trong năm đầu về sơ học gồm 7 giờ Nhật văn, 3 giờ cho mỗi khoa về toán, âm nhạc, nghệ thuật, thủ công và thể dục, 2 giờ cho các khoa về cách trí và xã hội học, và sau hết là một giờ

về luân lý ; tổng cộng mỗi tuần là 24 tiếng. Từ năm thứ 2 cho tới năm thứ 6, số giờ học hàng tuần tăng lên 31 tiếng. Như vậy là vì còn phải học thêm về toán, cách trí và xã hội học.

Nỗi khó khăn đặc biệt trong vấn đề Nhật ngữ là khoa viết. Về Khoa viết Nhật ngữ có 3 cách khác nhau, trong đó có 2 cách theo ngữ âm, và một cách theo biết ý pháp. Phần nhiều các trẻ em có thể nắm vững 2 cách viết theo âm tiết ngay từ năm thứ 2. Trong khi đó, sách học của các trò này cũng có cả những tượng hình văn tự, và cho tới hết lớp sơ đẳng thì các em cần phải tinh thông 880 văn tự trong số ấy. Ngoài ra, trong phần nhiều các trường sơ học các trẻ em còn phải học cả chữ la-tanh từ năm thứ 4 cho tới hết ban sơ học.

Sự thay đổi về phương pháp giáo huấn tại các trường sơ học, giữa ba năm đầu và ba năm trót có thể trông thấy rõ rệt. Nói sơ sơ, trong 3 năm đầu những môn học không dạy riêng biệt nhưng gồm cả lại như một món. Trong 3 năm sau thì các môn học thường dạy riêng biệt, nhưng gồm cả lại như một món. Trong 3 năm sau thì các môn học thường dạy riêng biệt, và có khi mỗi mỗi môn một giáo sư riêng. Nhiều dụng cụ như truyền hình, phim ảnh, và những thứ thuộc thính quan, thị giác được dùng để dạy trẻ.

Một trong những điểm đáng kể về sự cải tiến mới đây về ngành học vụ cấp sơ đẳng là chương trình lưu trú buổi trưa theo Luật Trú Trường Quốc Gia. Trong năm 1960, có 68% học trò trường sơ học được ăn trưa ở nhà trường. Chương trình này cốt tập cho trẻ em biết cách ăn uống, cùng là làm tăng sức vóc của công dân.

Hội Phụ Sư Học Sinh (Parent - Teachers Association) đã trợ giúp các trường rất nhiều trong chương trình lưu trú buổi trưa ở nhà trường. Phụ huynh học sinh giúp nhà trường lập phương tiện cung cấp thực phẩm. Nhiều bà mẹ có khi giúp nhà trường nấu nướng. Hội Phụ Sư Học Sinh còn đảm nhiệm cả việc hội các phụ huynh học sinh và các giáo sư lại để thảo luận về những thắc mắc liên quan tới việc dạy dỗ trẻ em.

Chương trình tiểu học gồm có những môn bắt buộc và những môn tùy ý ; những môn bắt buộc là Nhật ngữ, xã hội học, toán pháp, khoa học, âm nhạc, nghệ thuật thuần túy, mỹ thuật hay nội trợ, và y tế thể dục, những môn tùy ý là canh nông, thương mại kỹ nghệ, ngư nghiệp, lễ gia, ngoại ngữ, toán học cao cấp, âm nhạc, và mỹ thuật. Mỗi tuần có 32 tiếng.

Điểm rất nên chú ý là xu hướng về ngoại ngữ. Việc học hỏi ngoại ngữ đã thịnh hành ngay từ khi thiết lập trường công vào năm 1872. Hầu hết các học sinh đã tập học Anh ngữ ngay từ ban tiểu học cho tới khi thôi học. Các ngoại ngữ khác như Pháp, Đức, Ý Pha Nho, Bồ Đào Nha, Trung Hoa, Nga và nhiều tiếng khác đều được dạy ở các trường Cao đẳng và Đại học.

Những hoạt động ngoài chương trình như đá cầu, và các câu lạc bộ cũng được học sinh rất ưa thích. Đá cầu là môn thể thao được hết thầy các lớp học ưa thích. Lã cầu, túc cầu, quần vợt, bơi lội, bóng bàn và các trò thể thao khác, cũng được học sinh đều ưa thích. Những môn võ nghệ như Nhu đạo, Đấu vật và Đấu kiếm cũng được học sinh hay tập luyện. Học sinh trẻ em thì hay chơi nhảy giây, bóng mềm, đả ô và bi.

VII.— VẤN ĐỀ HỌC CHÍNH

Sau thế chiến, việc hành chính về giáo dục đã được phân quyền. Nhiệm vụ của các vị Bộ Trưởng Giáo Dục trên đại cương là trông coi về việc tổ chức. Phụ trách và ngân sách, chương trình giáo dục bổ nhiệm nhân viên và điều hành về sơ và tiểu học thì đã có những ủy ban này lựa chọn trong những thứ đã được Bộ Giáo Dục duyệt ý. Hội viên ủy ban học chính tại mỗi nơi được đắc cử bởi vị Chủ Tịch Hành Chính địa phương.

Mỗi ủy ban học chính địa phương lại tự cử lấy một vị đốc học có nhiệm vụ thi hành chính sách giáo dục tại nơi này.

VIII. — VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH VỀ VIỆC GIÁO DỤC

Ngân quỹ học chính là do Chính Phủ. Các Cơ Quan Quận Hạt và Tỉnh Đường cấp. Mỗi địa phương phải tự đài thọ kinh phí về giáo dục công dân, bằng ngân sách thuế khoá và lợi tức riêng của địa phương ấy. Ngân sách quốc gia cũng có trợ cấp nhưng không phải chỉ riêng cho việc giáo dục mà còn để quân bình ngân sách địa phương nữa.

Tỷ số trung bình về kinh phí giáo dục so với lợi tức quốc gia trong khoảng thời gian 10 năm qua, vào độ 5,4%. Trong tài khóa 1961, một ngân khoản vào khoảng 12,4% tổng số ngân sách quốc gia đã được Công Khố Quốc Gia xuất ra để chi phí vào việc giáo dục công dân, và những dịch vụ văn hóa.

Chính Phủ có lập một chương trình học bổng để trợ giúp những học sinh ưu tú nghèo. Trước thế chiến, số học sinh được học bổng còn rất ít, nhưng sau thế chiến thì đã tăng lên nhiều.

Hiện nay có gần 236.000 học sinh cùng Sinh viên trong nước, từ bậc Tiểu học cho tới Đại học đang được hưởng học bổng, và người ta tính rằng trong khoảng 20 năm nữa, sau khi thành tài các học sinh này có thể hoàn tiền lại cho Chính Phủ.

Về tài khóa 1961, Chính Phủ đã chi tới 5.087 triệu Yen trong việc cấp học bổng.

« ANDRÉ MALRAUX : Từ Hy-Vọng đến Hư-vô »

HOÀNG - VŨ

I.— TIỀNG NÓI CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÃ CHẾT

André Malraux là một nhà văn hiện đại còn sống được số-phận chiều-đãi vào bậc nhất : sự-nghiệp văn-chương của ông đã được cả thế-giới chiêm-ngưỡng tìm đọc, danh-vọng đã trao cho ông trọng-trách văn hóa của một dân-tộc nổi-tiếng văn-hiến vào bậc nhất thế-giới. Nhưng đứng về quan-niệm nhân-sinh cổ-truyền của Đông-phương, chúng ta khó có thể gọi được ông là một con người sung-sướng. Trái lại, chúng ta còn sẵn-sàng cho ông là một con người số vát-vả, vì luôn-luôn lao-tâm khổ tứ dăm-chiều tìm-kiếm một ý-nghĩa cho đời mình và cho cuộc sống nói chung. Đầu thai ra đời vào thế-kỷ thứ 20, André Malraux luôn-luôn bị ám-ảnh bởi quá-khứ, cái quá-khứ mệnh-mòng bao la của nhân-loại mà ông đo-lường như một vực-thẳm, bởi sự vô-lý vô-nghĩa của hiện-tại và bởi sự bần-khoăn vô-định khi nghĩ về tương-lai. Thứ hạnh-phúc duy-nhất André Malraux đã được hưởng nếu ta có thể coi đấy là một thứ hạnh-phúc là một hạnh-phúc trừu-tượng, hoàn-toàn tinh-thần, vì ông đã biết tìm ra *Con Đường*, tìm ra *Cái Đạo* ở đời.

Đã từ lâu, ngay khi mới bước chân vào văn-đàn, coi văn-chương như một phương-tiện để suy-tư, ông đã nhận-định rõ-ràng rằng quan-niệm nhân-bản vô-thần không thể giải-quyết được thứ nhân-sinh-quan mà ông tìm-kiếm : trong cuốn : « Tentation de l'Occident » trang 203, ông viết « Tinh-thần Âu-châu đã tiêu-hủy Thượng-đế và sau khi làm xong công-trình đó tinh-thần Âu-châu cũng đồng-thời tiêu-hủy luôn tất-cả những gì có-thể chống lại với con người : sau khi cố-gắng cùng-mực,

con người giống như anh chàng Rancé đứng trước người yêu, chỉ còn thấy có sự chết... » Ông biết rằng ông có thể được cứu-rỗi linh-hồn nếu ông giữ vững đức tin của tổ-tiên ông trong đạo Thiên-chúa ; ông biết rằng đức tin đó là tình thương, và trong tình thương đó có nhiều niềm an-ủi. Nhưng ông tuyên-bố không bao-giờ chấp-nhận đức tin đó vì ông cho như thế là tự-hạ-thấp mình xuống đi tìm một giải-pháp dễ-dãi chiều theo sự yếu-đuối trong tâm-hồn mình. Và ông cương-quyết khai-phá cho bằng được điều mà ông gọi là sự « thường-xuyên » của con người, (« la permanence de l'homme »), tìm cho ra « ý-niệm » thực của con người (la vraie « notion » de l'homme), bên ngoài tất cả mọi kiến-thức và tín-ngưỡng. Tìm-kiếm sự thường-xuyên trong yếu tố căn-bản của con người là đề tài chính của cuốn tiểu-thuyết chót của ông nhan đề « Les Noyers de l'Altenburg ».

Trong cuốn « Les Noyers de l'Altenburg » chúng ta thấy Malraux trở lại đề-tài lớn của tác-phẩm của ông là sự sáng-suốt của con người trước sự chết : ông cho rằng con người là loài vật duy-nhất đã học trong khi sống — tuy là học hết sức dở — rằng mình có thể chết. Con người trước sự chết là cả một sự băn khoăn sợ hãi, cả một sự khắc-khoải, nhưng cũng chỉ khi biết sợ-hãi trước sự chết như con người mới biết đến sợi giây tình-cảm liên-đới giữa mình với những người khác, mới biết đến mối tình huynh-đệ thẩm thiết-ràng buộc mọi người với nhau, hẹp thì trong một tập-đoàn, một xã-hội, rộng thì chung cho cả nhân-loại trong sự chiến-đấu chung chống lại sự chết. Kiếp người là sinh ra để sống và để chết ; con người không đòi-hỏi ra đời, nhưng một khi đã bị sinh ra ở đời thì tự-nhiên cảm thấy phải làm, phải hoạt-động bằng đủ mọi cách để duy-trì sự sống-được cho không áy và chống-đối lại sự chết là bước sau-chót của tất-cả mọi cuộc đời. Sự chết là hình-ảnh hãi-hùng nhất trong đời sống của mỗi người, sự chết là sự thật tuyệt-đối nhất của đời sống, nhưng là một sự thật cần-thiết để dạy cho con người biết sống, sống trong tình thương yêu chân-thật gây-dựng cho nhau không làm khổ lẫn nhau. Chính cái « hàng rào tình thương » được gấn-bó bởi tình huynh-đệ giữa con người đã làm cho nhân-vật chính trong truyện là Vincent Berger bớt sợ-hãi trước sự kết-cuộc tất-nhiên của đời sống là sự chết. Vincent Berger đã tìm thấy chân-lý của cuộc đời là tìm đến một tình thương để nâng-đỡ mình yên-tâm sống kiếp người, cái kiếp-người bắt đầu được định-nghĩa là một sự lo-âu và một tình huynh-đệ lẫn-lộn.

Trong một cảnh xảy ra đầu trận chiến-tranh thế-giới thứ-hai, tháng sáu năm 1940, người con trai của Vincent Berger đứng nhìn đám tù-binh Pháp tập-trung trong nhà thờ Chartres. Hình-ảnh con người trở thành hình-ảnh một bài thơ, nhưng trong bài thơ ấy tiếng nói của người sống đã bị tiếng nói của những người chết lấn-át đi nhiều. Chàng thanh-niên trong trận ghi-nhận : « Mỗi sáng tôi nhìn hàng ngàn những bóng đen trong ánh sáng còn rụt-rè e-ngại của bình minh ; và tôi suy-nghĩ : « Con người đấy ». Tôi nghĩ rằng tôi đã hiểu-biết nhiều hơn những kiến-thức của tôi bởi vì

tôi đã gặp được đám người chiến-đấu cho một đức-tin, tôn-giáo hay chính-trị ; và tôi biết rằng giờ đây *một người trí-thức không hẳn là một con người cần đến sách vở, nhưng là bất-cứ một người nào đã dấn-thân và tổ-chức đời mình theo một ý-tưởng*, dù ý-tưởng ấy là một ý-tưởng không có gì cao-siêu cho lắm. Những người quanh tôi là những người sống lần-lữa qua ngày từ hàng ngàn năm nay như thế. Ngay trong những ngày đầu của chiến-tranh, ngay khi bộ quân-phục đã xóa-bỏ nghề-nghiệp của riêng từng người, tôi đã bắt đầu-thoáng nhận ra những bộ mặt cổ-xưa ấy. Và từ cái đám người ngõ-ngang râu-ria cũng không được cạo ấy sự gì thoát ra ngày hôm nay không phải là chế-độ lao-tù, nhưng là thời-đại trung-cổ. Nhưng thời-đại trung-cổ lại chỉ là cái mặt nạ của quá-khứ họ, một quá-khứ dài đằng-dằng đến nỗi nó làm cho ta mơ-tưởng về thời-gian vô-tận. Tình thương của họ đối với nhau là cả một sự hiện-diện nóng hổi đầy nhân-tính, một sự nghỉ-ngơi yên-tĩnh không lời, một sự trao-đổi thăm-lặng... Tới đây, một vị linh-mục đã nói với tôi : « Thực ra, có tín-ngưỡng hay không có, tín-ngưỡng, tất-cả mọi người đều chết trong một trạng-thái tinh-thần vừa sợ-hãi vừa hy-vọng lẫn-lộn... ». Giọng nói vang lên là giọng của quá-khứ thăm-thẳm, đo lường không được, nhưng chỉ có quá-khứ ấy mới có-thể vén bí-mật cho biết con người là gì. Rồi Berger nhắc lại một câu xưa kia cha chàng thường nói : « Không phải cứ gài mãi vào con người cá-biệt mà sẽ gặp được con người ». Hướng về nội-tâm để tìm-kiếm cũng không đưa đi xa được, sự hướng-nội không thể cho phép khám-phá ra định-mệnh con người, nó cũng không giải-thích được sự lệ-thuộc hay sự không lệ-thuộc của con người vào vũ-trụ. Đến đây thì người-ta nghe thấy tiếng nói của Mollberg. Cơ-cấu tinh-thần của nhân-loại không phải là bất-di bất-dịch ; lịch-sử không phải là đời sống quân-bình của một con người duy-nhất. Đối với Mollberg giữa những nền văn-hóa và giữa những nền văn-minh không có một mẫu-số chung. Phải chăng đã đến lúc con người của thế-kỷ thứ 20 bị tiềm - nhiễm bởi ý-niệm tương - đối, bởi lý-thuyết « *quanta* » và bởi phép tính cái-nhiên sắp thay-đổi về cơ-cấu tinh-thần ? Mollberg cho rằng mỗi cơ-cấu tinh-thần nắm-giữ một sự hiển-nhiên riêng-biệt được coi như tuyệt-đối và bất-khả xâm-phạm, cơ-cấu ấy điều-hành sự sống, thiếu nó con người sẽ không thể suy-nghĩ và hành-động được... Chính cơ-cấu tinh-thần ấy làm chủ con người ; con người, trái lại không bao-giờ làm chủ được nó một cách hoàn-toàn trọn-vẹn... Chính lịch-sử mới có nhiệm-vụ gán cho cuộc phiêu-lưu của con người một ý-nghĩa... Chúng-ta chỉ là người nhờ có tư-tưởng ; và chúng-ta chỉ tư-tưởng điều gì lịch-sử để cho chúng-ta tư-tưởng, có-lẽ thực ra lịch-sử cũng không có nghĩa-lý gì... Nếu các cơ-cấu tinh-thần biến đi mất không-bao-giờ trở lại, nếu các nền văn-minh kế-tiếp nhau chỉ là để ném con người vào trong cái thùng không đáy của hư-vô, nếu cuộc phiêu-lưu của con người luôn-luôn biến-đổi thay-hình, thì những

quan-niệm và những kỹ-thuật con người truyền từ đời này qua đời khác trong vài thế-kỷ không có gì thực-quan trọng : bởi vì con người chỉ là một sự ngẫu-nhiên, và thế-giới đã được thành-hình vì con người đã quên đi mất những gì mình đã có.

Trong chiến-trận, Vincent Berger tự-hỏi nếu con người không có tình thường-xuyên, thì sự thường-xuyên có trong các định-luật thiên-nhiên hay không, nếu trong khi lĩnh-hội nhập-tâm các định-luật thiên-nhiên ấy con người đã có dự-phần vào sự thường-xuyên của chúng hay không trên phương-diện tinh-thần ? Vẫn biết trên bình-diện lịch-sử những sự biến-đổi thăng-trầm của nhân-loại đáng làm cho ta lo-ngại, các nền văn-minh đều có-thể bị diệt-vong ; tuy-nhiên, trên bình-diện siêu-hình định-mệnh con người phải chăng là ý-thức, là lương-tâm của vũ-trụ ? Tác-giả André Malraux không trực-tiếp trả lời các câu hỏi đó, nhưng nhân-vật Vincent Berger, ngay trong giữa cuộc chiến-đấu, đã dần-dần vén bức màn che-phủ đôi mắt của những người trí-thức thành Altenburg không cho họ nhìn thấy điều có-lẽ là chân-lý : chân-lý ấy là sống để thực-hiện hạnh-phúc, ngoài ra tất-cả đều là giả-trá. Vẫn biết tác-giả Malraux để cho nhân-vật Vincent Berger đưa ra quan-niệm siêu-hình như vậy, còn riêng ông chỉ coi lời kêu gọi thực-hiện hạnh-phúc của Vincent Berger là một phản-ứng tâm-lý thường, gần như theo năng-tính. Tuy-nhiên đoạn kết của cuốn « Les Noyers de l'Altenburg » vẫn là một tiếng kêu gọi đến sự sống, một tiếng trả-lời cho sự vô-nghĩa căn-bản của kiếp người. Giờ đã điểm để cho lịch-sử phải vượt-bực và tác-giả « La Condition Humaine » (Kiếp người) đặt niềm tin vào một nền văn-hóa quốc-tế có viễn-vọng mang lại cho thế-giới khát-khao chân-lý chứ không phải sự giả-trá, sự kính-trọng con người chứ không phải sự khinh-rẻ, sự tự-do chứ không phải vòng nô-lệ, hy-vọng chứ không phải hư-vô. Ngay từ năm 1934, trong một bức thư công-khai, André Malraux đã phác-họa đề-tài mới về sự vượt-bực của lịch-sử khi ông viết rằng : « Thảm-kịch chính là ở trong sự tranh-chấp giữa hai hệ-thống tư-tưởng, một chủ-trương mang sự sống ra đặt thành câu hỏi, một chủ-trương xóa-bỏ tất-cả mọi câu hỏi bằng một loạt hoạt-động. Spinoza chống-đối với Lénine ».

André Malraux chỉ tin-tưởng vào danh-dự và lòng quả-cảm, vào tư-cách con người và sự tự-do là những điều căn-bản của một nền nhân-bản theo kích-thước của trái đất mà Âu-châu là trung-tâm phát-huy. Và chúng-ta đã đi đến lời giải-đáp sau-cùng của Malraux, con người « luôn-luôn có mặt ở tất-cả mọi ngã-tư của thế-kỷ », cương-quyết tìm ra câu trả lời cho câu hỏi đầy lo-âu-thắc-mắc về thân-phận con người, quy-định « một dữ-kiện khả-dĩ có-thể đặt căn-bản cho ý-niệm làm người.

II. NGHỆ - THUẬT PHẢI CHĂNG LÀ MỘT SỰ TÁI - SINH ?

Như vậy chúng ta thấy André Malraux chủ-trương một thứ quốc-tế văn-hóa để kết-nạp mọi người trong nhân-loại đối-lập với những phong-

trào *quốc-tế chính-trị* của Cộng-sản. Tư-tưởng đó chắc-chắn là do chiến-tranh mang lại cho Malraux : chiến-tranh đã nhắc-nhở cho ông vị-trí căn-bản của văn-hóa trong kho-tàng chung của nhân-loại. Hơn thế nữa, trong khi tìm ra lại được giá-trị độc-đáo riêng-biệt của nghệ-thuật, Malraux đã khám phá ra sự cần-thiết tìm hiểu những nền nghệ-thuật có tính-chất tôn-giáo để mang lại cho văn-hóa chung của nhân-loại tính-chất đại-đồng. Sự nhận-định đó đã cho phép Malraux rút ra một triết-lý hành-động : chỉ có hành-động mới có khả-năng giải-thoát con người trong khung-cảnh của thế-giới ngày-nay, chỉ có hành-động mới đem lại một quan-niệm siêu-hình thích-hợp với con người hiện-đại và cùng với quan-niệm siêu-hình đó một ý-niệm về sự « cao-cả thiêng-liêng » khả-dĩ thay-thế được niềm hy-vọng trước kia tôn-giáo đã nuôi-dưỡng tinh-thần con người nhưng đã dần-dà mất đi trong lòng người dưới ảnh-hưởng của khoa học và những chủ-nghĩa duy-vật đã đoán-giải sai-lầm khoa-học.

Tư-tưởng của Malraux quả đã tiến-triển một cách kỳ-ảo. Sự tiến-triển ấy đã dần-dà thành-hình trong tập biên-khảo « Tâm-lý của Nghệ-thuật » (« La Psychologie de l'Art ») trong đó Malraux thuật lại di-sản tinh-thần vĩ-đại của nghệ-thuật tạo-hình. Nhiều nhà phê-bình văn-học đã cho rằng cuốn sách đối với các thế-hệ cận-đại có một giá-trị tương-đương với cuốn « L'Origine de la Tragédie » của Nietzsche hay cuốn « L'Avenir de la Science » của Renan đối với những thế-hệ trước. Được giới-thiệu như một tác-phẩm phê-bình nghệ-thuật, thực ra cuốn « La Psychologie de l'Art » là một công-trình biên-khảo triết-học trong đó người đọc được làm quen với quan-niệm nhân-bản thâm-trầm sâu-sắc của Malraux.

Năm 1949, Malraux tuyên-bố rằng sau khi thế-giới đại-đồng được thành-hình trong sự tôn-trọng tự-do của mọi người thì một nền *văn-hóa hành-tinh* theo kích-thước của trái đất sẽ là sợi giây liên-kết nhân-loại với nhau. Nền văn-hóa hành-tinh sẽ kết-nạp tất-cả mọi nền văn-hóa cổ-lai trong nhân-loại, hun-đúc thành một khối duy-nhất với những chiều-hướng và ảnh-hưởng bổ-khuyết lẫn nhau ; khi ấy tất-cả mọi người đều có-thể hiểu-biết và thông-cảm nguồn gốc tư-tưởng của từng người để sống trong một sự chịu-đựng nâng-đỡ lẫn nhau nhưng không mâu-thuẫn và chống-đối nhau. Chúng ta thuộc về thế-hệ đang chứng-kiến sự thành-hình của nền văn-hóa hành-tinh lý-tưởng ấy : các tác-phẩm trên khắp thế-giới đều được dịch sang nhiều thứ tiếng trong khi chờ-đợi được dịch sang tất-cả mọi thứ tiếng ; âm-nhạc được thu vào đĩa đã phổ-biến khắp năm châu tiếng nói tâm-hồn của những người không cùng chung một tiếng nói ; phim-ảnh, điện-ảnh đã mở cửa cho tất-cả mọi nghệ-thuật xâm-nhập vào trong các ranh-giới quốc-gia. Bắt đầu từ giờ, kho-tàng nghệ-thuật của tất-cả mọi thời-đại sẽ dần-dần biến thành gia-bảo của con người ; con người có-thể nghe thấy tất-cả những tiếng nói thầm-lặng (những tiếng nói của những nền văn-minh trong quá-khứ đã bị vùi xâu trong lòng biển-cả yên-lặng của thời-gian) nhờ cái « viện bảo-tàng tưởng-tượng » có-lẽ là ý-tưởng tân-kỳ

nhất của André Malraux. Trong hai cuốn biên-khảo «Tiếng Nói Thầm-lặng» (Les Voix du Silence) và «Viện Bảo-tàng Tưởng-tượng» («Musée imaginaire») Malraux đã nhận-xét rất đúng-mức rằng những nghệ-thuật mà ông gọi là những nghệ-thuật Hàn-lâm-viện của Âu-châu được sáng-tạo trong ba kích-thước với mục-đích làm cho con người tin-tưởng vào sự quan-trọng và giá-trị của mình trong thời-gian và không-gian, thực ra chỉ là một dấu ngoặc hết sức bé-nhỏ đem so-sánh với hàng ngàn năm nghệ-thuật có bút-pháp và tính-chất thiêng-liêng của tôn-giáo sáng-tạo trong một hay hai kích-thước. Nghệ-thuật ba kích-thước của Âu-châu cùng với sự phục-hưng Ý-đại-lợi, theo Malraux, chỉ là một hiện-tượng nhân-bản nhất-thời ngắn-ngủi thâu-gồm trong văn-vện có ba thế-kỷ. Người Âu-châu đã rất hãnh-diện về ba thế-kỷ nghệ-thuật đó, sự huy-hoàng sán-lạn của chúng đã làm cho họ rất đôi lạc-quan; nhưng sự lạc-quan; không còn lý-do đứng vững một khi cả ngàn năm nghệ-thuật đã được hồi-sinh sau nhiều năm khảo-cứu, ở khắp năm châu. Bởi vậy cho nên viện Bảo-tàng tưởng-tượng theo quan-niệm của Malraux phải có nhiệm-vụ bắt đầu làm công việc đàm-thoại giữa các nghệ-thuật có tính-chất tôn-giáo thiêng - liêng và những nghệ-thuật của Tây-phương. Riêng về nghệ-thuật Tây-phương, từ nghệ-thuật «Roman» đến nghệ-thuật «Gothique», rồi, từ nghệ-thuật «Gothique» đến nghệ-thuật «Quattrocento,» qua trung-gian của nhà danh-họa Giotto, người Florence ở thế-kỷ thứ 14, và nền Văn-nghệ Phục-Hưng Ý-đại-lợi, đã tiến-triển đến một sự trình-diễn càng dần càng có tính-cách «nhân-bản» hơn, dung-hòa được phẩm-chất của con người với bản-chất của vũ-trụ. Cuộc đối-thoại ấy đã bắt đầu được phác-họa trong hai cuốn «Les Métamorphoses d'Apollon» và «La Métamorphose des Dieux». Chủ-ý của tác-giả trong hai cuốn sách biên-khảo ấy là trình-bày sự biến-đổi của các công-trình nghệ-thuật vĩ-đại trong quá-khứ dưới tác-dụng của giác-quan ghi-nhận của chúng-ta và phần thiên-phú giác-quan của chúng-ta khám-phá ra các công-trình nghệ-thuật ấy; ông viết: «Vấn-đề thực không phải là sự truyền-bá các văn-hóa trong sự độc-đáo riêng-biệt của từng nền văn-hóa, vấn-đề là hiểu xem phẩm-chất nhân-bản của mỗi nền văn-hóa làm thế nào mà đến được tới chúng-ta, và đối với chúng-ta mỗi nền văn-hóa đã trở thành thế nào.»

Malraux, trong khi chiêm-ngưỡng hàng ngàn sản-phẩm nghệ-thuật trong Viện-bảo-tàng tưởng-tượng, đã có ý-tưởng rằng nghệ-thuật đã luôn-luôn được sáng-tác theo hai khuynh-hướng trái-ngược để diễn-tả hình-tượng của vũ-trụ. Trong khuynh-hướng thứ nhất con người tin-tưởng rằng mình làm chủ được vũ-trụ, đặt vũ-trụ dưới hiệu-lực của những định-luật do chính mình tạo ra. Trong một vũ-trụ như thế tất-cả đều có tôn-ti trật-tự, tất-cả đều bình-thản, tất-cả đều là hình-ảnh của hạnh-phúc. Trong khuynh-hướng thứ hai, con người bị tràn ngập bao-quanh bởi sự bí-mật bao-la của vũ-trụ, sống trong sự chiêm-ngưỡng và e-sợ một sức mạnh thiêng-liêng huyền-bí: bộ mặt con người không còn là bộ mặt chan-hòa lý-tưởng, nhưng là một bộ mặt mang dấu-vết của sự lo-âu sợ-hãi, của lòng chiêm-ngưỡng thành-kính, hay của sự hân-hoan

tin-tưởng. Bút-pháp của nghệ-sĩ khi ấy thường mang dấu một ý-nghĩa tôn-giáo. Đứng giữa hai khuynh-hướng rõ-rệt ấy của nghệ-thuật Malraux nhìn nhận nhưng không chia-sẻ. Vì đối với ông, chân-lý của nghệ-thuật với chân-lý của con người chỉ là một : không có chân-lý của con người nghệ-thuật sẽ trở thành vô-nghĩa. Con người từ bao giờ đến bây giờ vẫn ương-ngạnh tìm-kiếm tái-tạo vũ-trụ ; sự ương-ngạnh ấy không phải là vô-ích, bởi vì bên kia sự chết không gì có-thể trở thành lại một sự *hiện-diện* ngoài-trừ các hình-thể đã được nhà nghệ-sĩ tái-tạo. Nhân-bản không phải là nói được rằng : « Điều tôi đã làm, không một con vật nào có-thể làm được », nhân-bản lại nói : « Tôi đã từ-chối sự mà con vật trong tôi thêm muốn, và tôi đã trở thành người mà không cần nhờ đến sự trợ-giúp của thần-linh. » Nhân-bản là tin-tưởng và sức mạnh của chính mình, một sức mạnh do công-cuộc sáng-tạo nghệ-thuật đưa lại ; nhân-bản là hy-vọng rằng con người, chứ không phải hư vô, mang trong bản-thể cội-nguồn của sự trường-tồn. Vẫn biết ngay đến các công-trình nghệ-thuật cũng có ngày phải diệt-vong, nhưng điều quan hệ không phải ở đấy : điều quan-hệ là thiên-tài sáng-tạo luôn-luôn nảy-nở tái-sinh như một sự thách-đố trước hư-vô.

Theo quan-niệm của Malraux, nghệ-thuật không có nhiệm-vụ cũng không phải là một tiếng nói tôn-giáo hay siêu-hình. Vì nghệ-thuật không phơi-bày một sự bí-ẩn nào của vũ-trụ. Nghệ-thuật không phải là một tiếng nói bất-diệt, mà chỉ là một tiếng nói vương-sốt nẩy lên trên dàn nhạc bất-tận của sự chết. Nghệ-thuật không có nhiệm-diễn-tả những giá-trị lịch-sử, bởi vì nhà nghệ-sĩ đã chiếm-đoạt được thế-giới hình-thể bằng tài-năng riêng của mình không cần dựa vào lịch-sử mới nhận chân được thiên-tư của mình. Như vậy nghệ-thuật ngoài phạm-vi của lịch-sử, tuy nhiên nghệ-thuật cũng không dự phần vào trong lãnh-vực của tôn-giáo hay triết-học, bởi vì theo Malraux triết-học hay tôn-giáo chỉ là những sự «giả-tưởng». Bởi vậy cho nên khi Malraux dùng đến chữ «*vũ-trụ siêu-dã*» (*surmonde*) ông chỉ muốn nói đến vũ-trụ của sáng-tác nghệ-thuật, một vũ-trụ mà nhà nghệ-sĩ đem ra để sánh ganh-đua với vũ-trụ thật, nghĩa là với những sáng-tác-phẩm của các nghệ-sĩ tiền-bối. Tóm-tắt lại, theo Malraux, vũ-trụ của các nghệ-sĩ là một vũ-trụ riêng-biệt ; các hình-thể đối với nghệ-sĩ chỉ thực theo nhãn quan của họ : cái gì hiển hiện trong tầm mắt họ thực-tại, thực-tại của họ không phải là thực-tại của những người khác.

André Malraux đang ở trên con đường đi tìm một sự vĩnh-cửu không có Thượng-đế mà con người chỉ đến được với điều-kiện rằng : mãi-mãi sáng-tạo những công-trình nghệ-thuật khả-dĩ bộc-lộ cho chính mình sự cao-cả vĩ-đại tiềm-tàng bên trong mình. Malraux chủ-trương luôn-luôn phải đem vũ-trụ đặt thành nghi-vấn, vì trong khi nghi-vấn mới có hy-vọng là sự xứng-đáng nhất với suy-tư của con người, một suy-tư là minh-chứng cần-thiết cho sự hiện-hữu của vũ-trụ.

II

Lá thư tòa soạn trong sổ này từ trang 3 tới trang 5 được in trước ngày 1-11-1963. Bạn đọc đã hiểu quá rõ về chế độ kiểm duyệt của chính thể cũ. Bạn đọc đã thấy chúng tôi phải viết những giòng đau đớn như : *« Xin các bạn hãy đọc chúng tôi ở giữa hai hàng chữ »*.

Nay cách mạng lật đổ chế độ cũ đã thành công, trong đó mọi người đã góp phần hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp. Riêng phần VĂN-HỌC, chúng tôi không bao giờ muốn kể công, nhưng bạn đọc theo dõi chúng tôi từ đầu đã thấy chúng tôi cố gắng đến đâu để giữ một thái độ nếu không phải đòi lập thì cũng là độc lập đòi với chế độ cũ. Bạn đọc đã không tìm thấy một giòng nào, nếu không nói là một chữ nào, cổ vũ cho chính thể của ông Ngô-Đình-Diệm. Nhưng đến nay, chúng tôi thiết tưởng với một tinh thần thương võ tôi thiếu, chúng ta cần vạch rõ tất cả những thối nát và độc tài của Ngô-Đình-Diệm, nhưng chúng ta không nên mạt sát cá nhân để thỏa mãn lòng căm hờn trong giây lát.

Nói như thế, không phải chúng tôi đã quên sự hy sinh bi hùng chưa từng có trong lịch sử của 7 nhà sư, của hàng trăm, hàng ngàn sinh viên, học sinh, anh em quân nhân và mọi giới đồng bào. Chúng tôi xin đốt nén hương lòng để thành kính nghiêng mình trước những anh hồn cao cả đó.

Từ nay VĂN-HỌC sẽ tiếp tục con đường của mình để đóng góp vào cuộc cách mạng của dân tộc, tiếp tục trình bày sự thật, tiếp tục làm một diễn đàn tự do của Sinh viên dù tình trạng chính trị còn biến chuyển tới đâu. Con đường của chúng ta còn dài, trách nhiệm còn đè nặng trên vai, tự-do và dân chủ không phải là một món quà dễ kiếm sẵn sàng đem hiến tặng cho mọi người. Và nhất là kẻ thù chính của chúng ta còn đó : Cộng Sản.

Trở về với VĂN-HỌC số này, chúng tôi hân hoan ghi thêm rằng số Đặc Biệt Kỷ Niệm Đệ Nhất Chu Niên cũng là số Đặc Biệt chào Mừng Cách Mạng. Cũng trong số này, hai truyện ngắn « Thiên thần vẫy cánh » của Nhật-Tiền và « Tia Nắng » của Nguyễn-thị-Vinh đã viết trước ngày Cách Mạng với ý hướng mô tả thảm trạng của đất nước dưới chế độ cũ. Những bài này cũng đã được in xong trước ngày lịch sử đó nên tác giả rất tiếc không thể sửa đổi để trình bày rõ ý hướng của mình. Cũng vì lý do đó, chúng tôi dành 16 trang này in sau cùng để viết nên những giòng này và giới thiệu bài tùy bút đặc biệt « Một cuộc dân thân » của Dương-Kiến, người bạn Sinh viên mà cũng là người bạn văn đã làm chủ bút VĂN-HỌC trong 9 số đầu, dưới áp lực của chế độ cũ đã phải tự xóa tên mình, nay đã hân hoan trở lại cùng bạn đọc.

Cuối cùng, chúng tôi xin được ghi nhận nơi đây niềm tin tưởng đối với Quân đội, lòng kiêu hãnh đối với cuộc Cách Mạng mà Sinh viên được góp phần tích cực và sự kiên quyết tranh đấu cho tự do, dân chủ thực sự và công cuộc chống Cộng của toàn dân.

VĂN-HỌC.



NHẤT-LINH

Nguyễn-tường-Tam

Văn hào Nhật Linh Nguyễn Tường Tam mà sự nghiệp văn chương cũng như chính trị đã được văn học sử và lịch sử ghi nhận, đã tự hủy mình ngày 7-7-1963 để phản đối chính sách đàn áp những người yêu nước của chế độ Ngô Đình Diệm.

Cái chết của cô văn hào đã thúc đẩy toàn dân đứng lên thực hiện cuộc cách mạng tiến tới tự do dân chủ. Sự hy sinh cao cả đó chắc chắn sẽ được toàn dân mãi mãi nhớ ơn. Mọi người trong chúng ta sẽ tạo trong lòng một pho tượng Nhật Linh, pho tượng ấy bất cứ chế độ nào, bất cứ hoàn cảnh chính trị nào cũng không thể phá hủy được.

Đã một lần, Văn Học bắt chấp mọi sự đe dọa nghiêng mình trước hương hồn cô văn hào, một lần nữa chúng tôi xin thành kính tưởng niệm và tri ân một con người đã một đời tận tụy phụng sự cho dân tộc.

VĂN-HỌC

DI CHÚC CỦA CỔ VĂN HÀO NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM

Đời tôi đề lịch-sử xử, tôi
 không chịu ai xử cả. Sự
 bắt bớ và xử tôi là một tội
 nặng sẽ làm cho nước
 mất về tay Cộng Sản. Tôi
 không đời sống đó và tự
 hủy mình cũng như.
 Hòa Thượng Thích Quảng Đức
 tự thiêu để cảnh cáo
 những người trà đạp
 mọi thứ tự-do.
 Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

 7-7-63

Đời tôi đề lịch-sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đòi lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng Sản. Tôi không đời sống đó và tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người trà đạp mọi thứ tự-do.

NHẤT-LINH NGUYỄN TƯỜNG-TAM

7-7-63

NHẤT-LINH



dưới nét bút Nguyễn Gia-Trí

MỘT CUỘC DẤN THÂN

tùy bút về những ngày cách mạng

DƯƠNG - KIÊN

Những cảm giác của một người vừa ra khỏi giường bệnh, bước những bước đầu tiên, mở tung cánh cửa sổ, nắng ngoài trời thật tươi, gió ngoài trời mát, trời thật xanh, tiếng người nói thật vui. Những cảm giác ấy thật nhiều, nhưng như không rõ, nhưng như không có, nhưng như người yêu đứng trước một người yêu, cuộc sống đứng lại, cao thêm lên, rộng thêm ra. Say. Những cảm giác ấy chỉ có thể diễn tả bằng một chữ «Say», như người ta say rượu, say á-phiện, say những chất kích thích...

Tôi, chúng ta, các anh, các bạn đã say như vậy khi ánh sáng đầu tiên của ngày 2-11-1963 vừa có phớt ở đằng kia chân trời, hình như mới chỉ là bóng tối vừa mới được pha loãng thêm ra.

Và hôm nay, cách mạng mới vừa tròn hai ngày, tôi ngồi viết lại những giòng này, mà như còn phảng phất hương vị «say» chưa tan hẳn.

Đã chín năm rồi, cái ngày bước chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất trong một chuyến di cư thảm đạm, tôi hít một hơi dài, không khí miền Nam khô, nóng, làm cho thân thể râm ran một sức sống phải thoát ra ngoài, phải biến thành hành động, cử chỉ, gào thét. Hôm nay tôi cũng hít thở một hơi dài, và cũng cảm thấy không khí khô, nóng, làm cho thân thể râm ran như vậy.

Từ ngày sinh đẻ, tất cả chúng ta đều đã dấn thân. Tôi dấn thân ra khỏi bụng mẹ để dấn thân vào cuộc đời, tôi dấn thân vào cuộc đời

để đi tìm sự sống, sự sống có thật, có hình hài ~~như~~ như không có hình hài, ở trong tôi, ở chung quanh tôi, ở bạn bè tôi, ở anh em tôi, ở người yêu tôi, ở trong cả những cái gì tầm thường nhất như cơm ăn, áo mặc, ở giấc ngủ đang chân đang tay hồn nhiên của tuổi thơ...

Tôi đã dần thân để tìm sự sống, nhưng ngay trước bước chân, cũng sẵn sàng sự chết. Nhưng người dần thân chỉ biết cái gì mình chờ đợi, không cần biết cái gì chờ đợi mình.

Tôi ghét quá khứ và tôi ghét cả những tương lai quá xa, tôi chỉ biết những gì đang có và chắc chắn sẽ có. Tôi đang có sự sụp đổ một lâu đài xây bằng máu, nước mắt, những tiếng than dài bi phẫn, sự đau đớn quặn lên từ ruột, gan, tim, phổi, thớ thịt, chân lông, kẽ tóc. Tôi chắc chắn sẽ có một phần những phút đau đớn của đất nước, nỗi đau đớn của bà mẹ sinh con mà một giáo sư thầy tôi đã cố diễn tả bằng hai chữ « Giao Thừa ».

Thật vậy, chúng ta còn sẽ giao thừa 365 ngày trong một năm, một 100 năm trong một thế kỷ. Những bà mẹ vãi mồ hôi, hai tay bám chặt lấy thành giường, hai hàm răng nghiến chặt vào nhau quặn lên nỗi đau đớn của sự sống. Tổ quốc chúng ta từ hàng trăm năm nay, và còn bao lâu nữa, đạn còn cày lên từng thửa ruộng, máu còn thấm vào từng gốc rạ, những người nông dân còn chết quá một sự chết, vì sự chết thường chỉ có nghĩa cướp mất sự sống mà không cướp mất lý do của sự sống. Tổ quốc chúng ta còn quằn quại đau đớn, chúng ta còn phải vội vã dần thân, cho tới bao giờ...

Ôi, Tự Do, mi có thật hay chẳng? hay mi chỉ là một danh từ bịa đặt của một tên hiền triết ngu xuẩn nào đó? Không, tôi đã say, còn say, thì chắc hẳn Tự Do có thật, mà kẻ đầu tiên đã thốt lên hai tiếng đó chỉ là một sứ giả của Thượng Đế được phép truyền đạt cho loài người.

Em yêu quý.

... Em còn nhớ đêm nào chúng ta ngồi trên bãi cỏ, trước mặt là một giòng sông. Một vài ánh đèn trên sông vỡ ra từng mảnh rồi lại chum lại, long lanh như những con mắt nào thật xa, thỉnh thoảng khẽ chớp chớp nhìn anh và em.

Có một mùi hương nào thật nhẹ, hình như lừ lừ trên trời cao, hình như từ cuối giòng sông, hay hình như từ ngọn cỏ ngay dưới chân em? hay từ chính tóc em, thân thể em, và cả tâm hồn ghen ngạo, bơ vơ, và xao xuyến của em? Anh không biết, anh không muốn biết. Anh chỉ biết có em bên anh trong phút đó, trong giây đó, trong khoảng khắc đó, hay nói theo tiếng nhà Phật, trong sát-na đó. Rồi anh sẽ mất em, hay em sẽ mất anh, anh cũng không biết, anh cũng không muốn biết.

Em yêu quý,

Anh không thật nhớ những lời anh đã nói. Hình như anh đã nói đến Tổ Quốc, đến Danh-dự, đến Bồn Phận, đến Tình Yêu. Nói xong anh lặng im, để nghe mơ hồ nơi xa tiếng xe chạy, mơ hồ trên cao tiếng gió lao xao trên cây, mơ hồ bên anh — ngay bên vai anh — hơi thở của em không thành từng hơi thở. Và anh nghe em nói, tiếng nói không thành từng lời nói. Hình như em nói đến sự chờ đợi, hình như em nói đến sự tin yêu.

Ánh đèn ven sông chiếu sáng một nửa mặt em, một nửa tóc em, một nửa thân thể em. Anh hoảng hốt lo sợ chỉ còn em một nửa. Anh tham lam, anh muốn hoặc còn em tất cả, hoặc không còn gì hết. Nhưng anh thật vô lý, phải không em? Vì anh sẽ còn em, sẽ còn em tất cả, dù hư vô có gọi anh về. Hẳn em đã đọc Le peseur de l'âme của André Maurois, hai tâm hồn thương yêu nhau sẽ quấn quýt lấy nhau và bừng sáng. Maurois cố nhìn tia sáng của tình yêu bằng một tưởng tượng khoa học. Chẳng cần gì khoa học chúng ta cũng đã ngập mắt, ngập hồn bởi những tia sáng của tình yêu.

Anh cảm ơn em đã không khóc. Nếu em khóc, chẳng hiểu anh sẽ làm cách nào an ủi được em. Nhưng anh biết nước mắt cũng đã chảy trong hồn em và anh chẳng thể nào quên được nỗi lặng lẽ phi thường ấy.

Khi chúng ta bỏ giòng sông, bỏ những con mắt xa xôi chớp chớp nhìn chúng ta để trở về thành phố, anh thú thật đã định hôn em, chiếc hôn tình ái đầu tiên, để nếu « lỡ ra » anh cũng còn mang theo mãi mãi một chiếc hôn. Nhưng không hiểu sao anh không hôn em, có lẽ anh e nó sẽ để lại trên môi em một dư vị cay đắng và xót xa.

Nhưng bây giờ, bây giờ, anh sẽ chẳng thú thật nữa, anh sẽ...



Tiếng súng đầu tiên đã nổ.

Tiếng reo hò đầu tiên đã thốt lên.

Trong một phút tim tôi đã ngừng lại, các đốt ngón tay cứng ra, mặc dù tôi không ngạc nhiên lắm, vì nó không hoàn toàn bất ngờ đối với tôi.

Tôi đã thực sự dẫn thân rồi. Các bạn hữu quen biết và không quen biết của tôi đã thực sự dẫn thân rồi. Những người bạn thật thân mến đã nhất quyết mang hẳn cuộc sống vô giá của mình đánh đổi lấy Tự-do, đánh đổi lấy Danh-dự. Những người bạn ấy, có những người thật già, lặn lội đến bạc phơ mái tóc; có những người đáng tuổi anh cả, cũng đã nhiều lần nếm phải nhiều nỗi chua cay, phản bội; có những người cùng một thế hệ, tai đã được nghe tiếng súng từ pác-

học cho tới *Short gun*, chân đã chạy loạn từ dưới đất lên cao cho tới cao nguyên ; có những người còn trẻ, quá trẻ, trẻ đến nỗi những người ngoại quốc quen sống trong khung cảnh chính trị quốc gia họ cũng ngỡ ngàng cho rằng những « cậu bé » ấy đáng lẽ còn cần phải mẹ dẫn đi chơi !

Tất cả đã ngửa mặt lên, đã dần bước tới, không gì cản chân họ nổi.

— Họ đòi gì thế ?

— Sống.

— Thì họ đã chẳng sống đó ư ?

— Sống, những còn thê thảm hơn cả sự chết. Chúng ta có Thiên Đường. Địa Ngục và Cuộc Đời. Kẻ nào muốn biến Cuộc Đời thành Thiên Đường, là không tưởng. Kẻ nào muốn biến Cuộc Đời thành Địa Ngục là kẻ phạm một trọng tội ghê tởm nhất đối với nhân loại. Chúng tôi giữ gìn Cuộc Đời và bắt kẻ phạm tội phải đền tội.

Sống, có những điều kiện để sống. Chết, cũng phải có những điều kiện để chết. Chúng tôi sẵn sàng chết để bảo tồn Tổ Quốc trong vinh dự, để các bạn, các em, các thế hệ nối tiếp nhau thực hiện sự sống trong vinh dự.

Súng vẫn nổ đấy. Trời Saigon đêm mừng 1 vẫn còn sáng loè lên tia lửa, những mái ngói còn tung lên, những thân người chân một nơi tay một nẻo. Vẫn còn có những kẻ mù quáng. Điều đáng buồn nhất là đến nay chúng ta không còn đủ tên để đặt cho kẻ thù. Nhưng đó là những vết thương tất nhiên của cách mạng, của sự lột xác để một quốc gia vươn lên và trưởng thành.

Saigon đêm mừng 1 là một chiến trường có biên giới rõ rệt, biên giới giữa lẽ phải và tham vọng điên rồ, giữa những người đi sẵn hào hiệp và những con thú cùng đường. Ngồi trên xe G.M.C cùng mấy anh em quân nhân có nhiệm vụ đặc biệt, tôi băng qua các dãy phố Saigon đêm mừng 1. Ngoài khu vực trận đánh còn tiếp diễn, tất cả đều vắng tanh không một bóng người. Nhưng mọi nhà hai bên đường vẫn còn ánh đèn, tất cả mọi gia đình còn quây quần bên chiếc máy thu thanh để nghe tin cách mạng chiến thắng. Một đêm mà mọi người dân Việt không ngủ, ngồi nhìn vào bóng đêm để tìm ánh sáng. Mà ánh sáng đã hiện ra thật, rực rỡ đến chói lòa cả mắt, đến ngợp cả tâm hồn. Cả những người quen thói bi quan cũng thở phào và mỉm cười, vạn người kêu rằng rắc để cảm thấy cái thú của sự chờ đợi mỗi một chạy suốt dọc sống lưng.

Bảy giờ sáng ngày mừng 2, khi mấy chục thước vuông độc tài cuối cùng bị thanh toán, Trung Tướng Dương văn Minh và các tướng tá đầu tiên lãnh đạo cuộc cách mạng chụp chung bức ảnh kỷ niệm

trước tòa nhà chính của Bộ Tổng Tham Mưu. Trung Tướng đưa tay vuốt mát tóc đã điểm bạc, mỉm cười với mọi người, để lộ hàm răng trên còn mỗi một chiếc răng cửa.

Điều trớ trêu có tính cách khôi hài là từ chỗ chụp ảnh trông ra một vườn hoa lớn có một pho tượng bán thân của nguyên tổng thống Ngô Đình Diệm đặt trên một bệ cao. Tôi vừa cười nói với Đại úy Kh. người được ủy thác phần vụ Sinh viên Học sinh trong cuộc cách mạng :

— Kia Đại úy, sao chưa hạ pho tượng kia xuống.

Đại úy Kh. cười thật tươi :

— Đi đâu mà vội, rồi mình sẽ thanh toán dần dần các tàn tích của chế độ độc tài.

Tôi giật mình. Câu nói tuy giản dị nhưng đặt ra một vấn đề thật lớn. « *Rồi mình sẽ thanh toán dần dần các tàn tích của chế độ độc tài* ». Thanh toán rồi, dĩ nhiên là không thể để tái diễn. Cứu cánh của cuộc cách mạng là ở đó. Bao nhiêu xương máu bị hy sinh không phải chỉ để thay thế người hưởng thụ, mà là để xây dựng ít ra là nền tảng của một quốc gia dân chủ, trên đó chúng ta sẽ kiến trúc các tòa lâu đài. Phá dễ, xây dựng khó. Khó, nhưng không phải là không thể. Với các đà sẵn có của cách mạng, chúng ta phải đẩy nó đi xa, đi đến tận cùng : đó là công cuộc dân chủ hóa quốc gia.

Có ai gọi tên tôi, tôi giật mình quay lại, thì ra tôi vẫn đứng nơi bậc cửa vừa có cuộc chụp ảnh kỷ niệm, làm trở ngại cho một toán chuyên viên Nha Chiến Tranh Tâm Lý đến sửa soạn cho cuộc họp báo đầu tiên của Hội Đồng Cách Mạng.

Trời đã sáng rõ và bắt đầu có những tin nắng đầu tiên kể đến lúc đó, cuộc cách mạng đã khởi sự được 18 tiếng.



Tuấn thân mến,

Tôi có thói quen có ai hỏi thăm đều trả lời : « Như thường, như thường... » mặc dù có như thường hay không như thường. Hôm nay để trả lời thư Tuấn hỏi thăm mà tôi nhận được từ ngày 31-10-1963, tôi cũng xin nói : « Như thường, như thường... » Mọi việc xảy ra ở Saigon thì hẳn Tuấn đã rõ, cũng như nhiều lần tôi nói với Tuấn, rằng : với một sự suy luận khúc triết phù hợp với cái sự kiện thực tế, cuộc đảo chính dưới hình thức này hay hình thức khác để ông lật đổ Ngô Đình Diệm sẽ phải xảy ra. Vì thế tôi đã... đánh cá với nhiều người và tôi đã thắng cuộc, thắng cả cuộc cá lẫn... cuộc cờ.

Cách mạng đã thành công với đầy sự khó nhọc, nhưng chúng ta chưa có quyền nghỉ ngơi. Thật vậy, chưa bao giờ chúng ta lại ở vào một giai đoạn lịch sử nghiêm trọng bằng lúc này. Chung quanh chúng ta đầy những

kẻ thù nguy hiểm. Cụ thể nhất là Cộng Sản. Cộng Sản không những chỉ giỏi chiến trận, giỏi du kích, giỏi chịu đựng mà còn giỏi tổ chức và tuyên truyền. Cộng Sản không những chỉ chiếm đất mà còn chiếm dân. Chống Cộng bằng giải pháp quân sự thuần túy tôi e rằng không mấy hiệu quả. Để chống Cộng chúng ta phải có một chiến lược đoản kỳ và một chiến lược trường kỳ. Đoản kỳ, đó là đó công phá bằng quân sự và tuyên truyền bề rộng. Trường kỳ, đó là xây dựng một chế độ dân chủ, tự do và bình đẳng thực sự, một chính sách kinh tế thực tế đem lại thịnh vượng và an ninh xã hội cho mọi cá nhân hay một đa số nào lớn lao nhất và, tuyên truyền bề sâu.

Dĩ nhiên đó chỉ là những nét lớn, thật lớn và chỉ là ý kiến riêng của tôi. Nhưng đã chấm dứt một chế độ độ tài rồi, thì tôi phải có quyền phát biểu ý kiến riêng của tôi, phải không Tuấn?

Vấn đề thứ hai là vấn đề đoàn kết và không khí chính trị. Dưới chế độ cũ của ông Diệm, không một đảng phái nào được phép hoạt động ngoài đảng của ông. Tuy nói không có đảng nào nhưng thực sự lại quá nhiều đảng, tất nhiên là họ hoạt động lén lút. Nhưng hầu hết các đảng đều quá yếu, có nhiều đảng không quá... 10 đảng viên. (Điều này tôi biết rất rõ vì tôi đã biện hộ trong nhiều vụ bị đưa ra tòa án Quân-Sự về tội phản nghịch — phản nghịch đối với riêng ông Diệm, theo tôi hiểu — có những đảng từ ông Đảng Trưởng tới cán bộ cốt cán cũng như không cốt cán quanh đi quẩn lại chỉ độ 5, 7 người!). Sở dĩ xảy ra tình trạng ấy một phần vì bị chế độ của Ông Diệm đàn áp, nhưng phần khác — quan trọng hơn — vì các đảng hoặc không có chủ trương, hoặc chủ trương lạc hậu, hoặc chủ trương rất mơ hồ (dĩ nhiên tôi không vợ đứa cả năm, xin Tuấn nhớ cho điều đó.)

Nay chế độ mới phải làm sao tạo được một bầu không khí chính-trị cởi mở và thích hợp với thực trạng. Sẽ không ai được độc quyền làm chính trị nhưng cũng không thể chấp nhận được tình trạng đa đảng phi lý như vậy. Phải làm sao tiến tới chế độ lưỡng đảng, cái đảng nhỏ, lẻ tẻ, có tinh cách anh hùng cá nhân phải gia nhập một mặt trận chung đứng ngoài chánh quyền, hoạt động hợp pháp và ôn hòa. Sự đoàn kết ấy đòi hỏi một sự hiểu biết và thông cảm sâu xa về quyền lợi quốc gia, đòi hỏi chính quyền mới biết tránh vết xe cũ. Dĩ nhiên đây vẫn chỉ là những nét đại cương và ý kiến riêng của tôi. Tôi rất sung sướng nếu có ai không đồng ý.

Bây giờ đến một vấn đề thuộc về lãnh vực của chúng ta: vấn đề giáo dục. Vấn đề này đã nhiều lần tôi đề cập một cách gián tiếp trên các trang giấy của Văn Học. Nhưng nay tôi cũng muốn nhấn mạnh thêm rằng: Chúng ta phải tránh bằng được chính sách giáo dục ngu dân. Học đường phải là cái «lò» huấn luyện tinh thần dân chủ. Dân chủ từ cách tổ chức, quản trị, sinh hoạt cho tới học tập. Dân chủ từ học đường chính danh cho tới các tổ chức ngoại biên như Tổng Hội Sinh viên, Tổng Liên Đoàn Học sinh. Học đường không phải là một công cụ của chính quyền, học đường độc lập (chứ không phải đối lập, vì học đường không làm chính

trị) đối với chính quyền. Từ nay tôi mong sẽ có nhiều dịp tôi trở lại văn giáo dục một cách ngay thẳng trên Văn Học.

Ngoài ra, nói một cách tổng quát, chính quyền mới phải đặt ra những nguyên tắc hành động hết sức rõ rệt cho chính mình và cho toàn thể mọi người. Ví dụ : Nguyên tắc tài năng phải đặt lên trên cảm tình hay sự trung thành đối với chính quyền hay cá nhân ; nguyên tắc mọi cấp bậc chính quyền không bao giờ được vượt khỏi giới hạn quyền hạn của mình ; nguyên tắc về sự kiểm duyệt báo chí, như thế nào phải bị kiểm duyệt, như thế nào không và các nhân viên kiểm duyệt không được «tùy hứng» v.v...

Tuấn thấy không, một cuộc cách mạng đầu phải chỉ tà sự hờ hét khoai trá lúc ban đầu. Cách mạng là cả một công trình xây dựng tỉ mỉ, kiên trì. Người làm cách mạng không đủ kiên nhẫn sẽ «buông tay» ngay hay sẽ lỡ lầm vô tả.

Tuấn thân mến,

Tôi đã đem tất cả thiện chí và khả năng để xây dựng tờ Văn Học để làm diễn đàn cho Sinh viên chúng ta. Nhưng sau 9 số đầu tôi đã phải từ giã ra đi, ngay khi nhà văn Nhất-Linh tự hủy mình, trong hoàn cảnh nào và vì lý do gì thì Tuấn đã rõ. Tuấn cũng đã rõ tờ Văn Học đã gặp phải những trở ngại như thế nào, mỗi bài Quan Điểm phải viết đi viết lại hàng bao nhiêu lần, các sự mưu tính của tòa soạn để đánh lừa cơ quan kiểm duyệt của chế độ cũ, các trang báo phải xé, phải in đen, các khuôn báo phải in lại v, v...

Đầu phải tôi muốn kể công, nhưng nói ra chỉ để hy vọng rằng chúng ta sẽ chẳng còn phải đầy dọa ngòi bút một cách vừa bi thảm vừa khôi hài như vậy. Tôi đã thề không làm bồi bút cứ cho bất ai, vì vậy tôi hân hoan chào mừng cách mạng nhưng tôi vẫn giữ lời thề, không suy tôn cá nhân, không cổ vũ cho những gì mà thâm tâm tôi tin là không đúng và nhất định đứng ngoài chính quyền để tránh mọi sự cảm dỗ.

Tuấn ạ, thật sự tôi không có «khiếu» về chính trị, tôi chỉ muốn được làm một người công dân đúng nghĩa, có đủ các quyền lợi và nghĩa vụ của một người công dân của bất cứ quốc gia tự do nào. Ý muốn đơn giản như thế mà không biết tôi có thực hiện được hay không ?



Bây giờ đây, khi tôi viết những giòng này, là đêm mừng 3 rạng ngày mừng 4 tháng 11, cách mạng đã được hơn 48 tiếng đồng hồ. Đêm về khuya không lạnh lắm nhưng cũng đủ làm cho da thịt dịu dàng một cảm giác gây gây. Tháng này miền Bắc cũng đã vào cuối thu. Tôi chợt nghe một tiếng lá rụng thật nhẹ bên hè nhà. Tiếng rơi nhẹ như chỉ là một trận lá vàng rơi trên một vĩa hè Hà-nội nào đó vọng qua mấy nghìn cây số vào tới tận một xóm lao động Saigon.

Lòng tôi bỗng mềm lại vì một cảm giác xót xa.

Tôi chưa từng được đặt chân lên bờ con sông Bến Hải. Nhưng chắc hẳn con sông ấy hiền lành như mọi con sông khác của đất nước.

Chắc chắn con sông bên này bờ cũng gọi mạn thuyền đậu ven bờ bên kia. Chắc chắn những đêm trăng tắm mát bằng ánh sáng lau lách bờ bên kia cũng làm rung động cây cỏ bờ bên này. Chắc chắn những con cá tung tăng bơi lội không biết đến ranh giới ở giữa giòng sông, phân chia bên này là những người Việt vùng lên xây dựng tự do, bên kia là hàng chục triệu cũng là người Việt quản quai dưới ánh nô lệ Cộng Sản.

Chỉ có con người vạch một lần sơn giữa con cầu Hiền Lương. Chỉ có con người ở hai bên bờ là xa nhau, thật xa nhau. Với con mắt của mỗi người bên mỗi bờ, cũng con nước ấy bên này là tự do bên kia là độc tài, cũng vầng trăng ấy bên này là ánh sáng bên kia là bóng tối...

Và đêm nay, bên tai tôi còn ì ầm tiếng đại bác nổ nơi xa truy kích địch. Trong bóng tối có những kẻ đang ngã gục, mặt úp xuống đất, chẳng bao giờ còn thấy lại ánh mặt trời, dù với hai con mắt đã chết...



Em yêu dấu,

... Liệu con sông Bến Hải và con sông của chúng — con sông mà anh và em ngồi bên nhau một đêm nào, anh gọi thế để nhất định chiếm làm của riêng... của chúng ta — con sông nào dài hơn con sông nào? Con sông nào rộng hơn con sông nào? Nhưng chắc chắn cả hai con sông đều đổ ra biển, chắc chắn như thế, phải không em?...

... Em đã nói đến sự đợi chờ. Tuy không hề nói đến lúc trở về, nhưng anh đã trở về rồi, đã thật sự trở về rồi, bên em...

Saigon 3-11-1963

DƯƠNG-KIẾN

Lửa từ bi

Bài thơ « Lửa Từ Bi » của thi sĩ Vũ Hoàng-Chương đã sáng tác trong xúc động bởi sự tự thiêu cao cả của Thượng Tọa Thích Quảng-Đức. Bài thơ này tuy chế độ cũ cấm đăng nhưng cũng đã được Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo phổ biến. Nay chúng tôi xin được in lại những vần thơ bi hùng này để chứng tỏ CON NGƯỜI đồng nghĩa với BẤT KHUẤT.

Lửa ! Lửa cháy ngất Tòa Sen !

Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện thành thơ,
quỳ cả xuống.

Hai vầng sáng rưng rưng.

Đông Tây nhòa lệ ngọc.

Chắp tay đón mặt trời mới mọc.

Ánh Đạo Vàng phơi phơi đang bùng lên dâng lên.

Ôi ! đích thực hôm nay Trời có Mặt

Giờ là giờ Hoàng-Đạo nguy-nga.

Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt.

Nhìn nhau ; Tình Huynh Đệ bao la.

Nam Mô Đức Phật Di-Đà.

Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay

Thương chúng sinh trầm luân bề khô

NGƯỜI rẽ phương đem tới đất đây

Bước ra, ngồi nhập định hướng về Tây

Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngổ

Phật Pháp chẳng rời tay

Sáu ngã luân hồi đâu đó

Mang mang cùng nín thở

Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay
Không khí vẩn mình theo, khóc òa lên nổi gió.
Người siêu thăng... giông bão lắng từ đây
Bóng NGƯỜI vượt chính từng mây
Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lửa hay tre, nào khiến bắt hay ghi
Chỗ NGƯỜI ngồi : một Thiên Thu Tuyệt Tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi

Rồi đây... Rồi mai sau... Còn chi ?
Ngọc đá cũng thành tre, lụa tre dần mục nát
Với thời gian lê vết máu qua đi
Còn mãi chữ ! Còn trái tim Bồ Tát
Gội hào quang xuống tận chốn A-Tỳ
Ôi ! Ngọn Lửa Huyền Vi
Thế giới ba nghìn phút giây ngơ ngác
Từ cõi vô minh
Hướng về Cực-Lạc
Văn điệu thi nhân vẫn chỉ là rơm rác
Và cũng chỉ nguyện được là rơm rác
THƠ cháy lên theo với lời KINH
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình Huỳnh-Đệ này
Thần thức nghe lòng trái đất
Mong thành qua phúc về Tây
Nam Mô Thích-Ca Mâu-Ni Phật !
Đồng loại chúng con nắm tay nhau tràn nước mắt
Tình thương hiện Tháp Chính Tăng Xây

VŨ HOÀNG-CHƯƠNG
Khởi viết ngày 11-6-63
và xong ngày 15-7-63
tại Saigon

viết thơ trên đá*

Những giọt mưa làm tan dần thớ đất
Rũa trái đất mòn thành nắm mộ hoang sơ
Ai còn nằm đó ?
Trên mộ chí Người tôi khắc một vần thơ

Chúng chặt đầu Người
Nhưng chẳng thể chặt tay tôi
Chúng cướp xác Người
Nhưng chẳng thể cướp trái tim còn sống muôn đời

Hãy đứng dậy như vùng đông vừa mọc
Hãy bút xích xiềng, hãy sống tự do
Hỡi loài quỷ dữ
Đây vạn cánh tay, đây triệu tiếng reo hò

Hỡi Chị ! Hỡi Em ! Hỡi Anh ! Hỡi Bạn !
Chúng ta cùng đi nhịp bước vỡ kinh thành
Với trái tim này chúng ta đỡ đạn
Với máu đào ta viết sử xanh
Hỡi Chị ! Hỡi Em ! Hỡi Bạn ! Hỡi Anh !
Chúng ta đứng lên,

ngày vĩ đại,

bây giờ . . .

Saigon 3-8-63
DƯƠNG-KIẾN

* Bài thơ này đã in trên V.H. số 10, trang 46 và đã phải xé bỏ đúng lúc chế cũ triệt hạ chùa Xá-Lợi. Nay chúng tôi xin in lại để làm một minh chứng cho bất khuất của người cầm bút dưới bất cứ chế độ nào.

NHỮNG NGÀY HOA MỘNG

HOÀNG KIM-HƯỜNG

Rời thư viện Y khoa Hương đi bộ về thư viện Đại Học — Ra khỏi cổng trường Hương thấy nhẹ nhàng khoan khoái vì suốt cả buổi chiều nàng ngồi tại phòng làm việc. Con đường dọc trường Đồng Khánh đầy những lá phượng rơi và những trái phượng khô héo. Hương vừa đi vừa miên man nghĩ. Một sự tình cờ đã khiến Hương làm tại thư viện Y khoa, một điều nàng không ngờ đến. Hương nhớ lại năm ngoái sau những tháng học ở Sài-gòn nàng phải về Huế vì mẹ Hương không muốn Hương sống một mình ở thành phố đầy quyến rũ và xa hoa. Thật thế, Sài-gòn quyến rũ và xa hoa đến nỗi Hương vừa yêu Sài-gòn say mê và vừa ghét Sài-gòn vì nó bề ngoài giả dối. Những ngày ở Đại học xá Thanh-Quan Hương làm sao quên được — Buổi chiều mưa Hương cùng các bạn ôm nhau ngồi « tâm sự » hay những tối chuẩn ra ngoài ăn chè bột khoai. Giọng Sài-gòn của cô bán chè Hương vẫn thường nhại « Cô Hai, mời cô Hai xơi chè bột khoai mới ra nóng nè ». Giọng nói ngọt ngào của người Nam, Hương nghe nó nhẹ hơn giọng Huế của nàng nhiều. Các phòng bên cạnh, Hương các nữ sinh viên toàn là người Huế nên rất thích món chè đặc biệt mà Huế không có — Những buổi chủ nhật về nhà người cô để ăn cơm Huế, hương vị béo thơm của những đĩa bánh khoai vàng nóng như còn đọng lại ở đầu lưỡi Hương — Chính những phút đó Hương càng nhớ Huế tha thiết, Hương muốn có cánh bay ngay về quê nhà. Nhớ lại những ngày ở Đại học xá, Hương cảm tưởng như sống lại giữa những trận cười reo vui của buổi ăn điểm tâm. Những khuôn mặt trẻ thoáng một chút mệt mỏi sau đêm học khuya. Tiếng ngáp của các cô « cử » sau một đêm thiếu ngủ. Hương nhớ lại căn phòng của nàng có bóng cây. Buổi sáng nắng reo vui ở cửa sổ

chiếu vào căn phòng ấm cúng — Bây giờ tất cả đã xa Hương, nhưng đối với Hương thật khó phai mờ. Phải, làm sao Hương quên được và nhất là anh chàng vẫn thường đi ngang con đường có hai hàng cây xanh để đến học xá, và không quên nhắc gởi các cô bản Sérénata bất hủ — Không biết bây giờ Sài-gòn đang mùa mưa anh chàng ấy còn đi ngang nữa không? Trở về cố đô Hương thấy lòng êm tĩnh lại vì xa được cái xô bồ của Sài-gòn. Hương ghi tên vào học Văn Khoa. Giờ học Pháp văn buổi chiều — Bóng tối trong hành lang in lờ mờ, những nét mặt «triết gia» của những anh chàng cận thị. Những tà áo lộng gió chiều phát phới trên terrasse của Hàn bây giờ đang ở xứ Anh Đào, của Tuệ Thư đang ngấm tuyết ở Paris, của Đào đang dùi mài kinh sử ở New York, của Nguyệt đang rét mướt trong cái lạnh của Canada. Những người bạn của Hương bây giờ đã xuất ngoại và còn mình Hương vẫn ở Huế để ôm mãi cái mộng chưa thành là «Du học». Những giờ phút chán chường của giờ triết, riêng đối với Hương sao mà khô khan. Những buổi học chiều không còn cái thú đối với Hương nữa. Cầu thang lờ mờ của ánh sáng ngọn đèn vàng úa, sau giờ học chiều Hương ra về với sự cô đơn. Mỹ lên Pleiku dạy dục. Trâm sắp lên xe hoa, đánh dấu một cuộc đời mới. Hương trở thành lẻ loi và rồi nhờ người bà con Hương xin vào thư viện Y khoa. Hương muốn tự lập, Hương muốn quên cái bứt rứt của thân phận, quên những mong nhớ bạn bè. Buổi sáng Hương thường đến thư viện Y-khoa sớm. Tòa nhà sơn màu trắng càng tăng thêm vẻ sáng. Chỗ Hương ngồi trông ra cửa sổ là con đường vắng có hai hàng cây. Chỉ thỉnh thoảng có vài xe nhà binh chạy ngang hay vài cặp tình nhân diu nhau đi vào những chiều im ắng — Gần cửa sổ, trông xuống là mấy thửa ruộng con, người ta bắt đầu cày đất khô. Những buổi trưa Hương thường đứng ngắm đôi trâu kéo lưỡi cày, những nỗi nhọc nhằn của người nông phu khiến Hương đến cảm động. Cửa chính trông ra là dãy núi Trường Sơn. Buổi sớm sương thường che mờ dãy núi màu xám Hương, thường đứng ngắm những cuộn khói đen của chuyến tàu lửa từ ngoài vào và nghe rõ tiếng còi tàu ré lên. Kỳ Hương đến nhận việc, vào dịp hè thư viện vắng ngắt. Hương một mình trong căn phòng vắng trên tầng lầu thứ ba, những chiều mưa là những lúc Hương cảm thấy cô đơn trống trải. Hương vẫn dặn các bạn đến thăm nàng. Đã bao lần Hương hồi hộp sung sướng khi nghe tiếng guốc vang ở cầu thang. Hương chạy xuống đón bạn và khi bạn về Hương lại thấy lòng rung rung muốn khóc. Công việc của Hương rá nhàn vì thế Hương có thì giờ học tại Văn Khoa. Nếu Hương đỗ cử nhân Hương sẽ được tu nghiệp ở ngoại quốc đó là điều chính khiến Hương xin vào làm thư viện. Lòng băn khoăn Hương không biết đối đãi thế nào với những Sinh viên đến mượn sách. Làm nghiêm ư? Già đi mất và trái với cái tính hòa nhiên của Hương và người ta sẽ gán cho mình là làm bộ. Dễ dãi vui đùa ư? Cũng khó thoát những lời mà người ta gán cho Hương là dễ dãi bốn cột. Hương chợt mỉm cười vì một chút đó mà làm nàng băn khoăn. Vừa khó vừa dễ, thuyế trung dung là thượng sách hơn cả. Mãi nghĩ ngợi Hương đã đến thư viện Đại Học mà nàng không biết. Bóng tối về sớm vì trời

đã vào thu. Gió chiều hơi lạnh như có hơi sương tan vào. Hương bước chậm rãi lên bậc thềm vào thư viện. Thư viện chiều nay vắng. Có lẽ giờ này các Sinh-viên về ăn cơm. Hương vào chiếc bàn trong góc gần cửa sổ lơ đãng nhìn những cây liễu rung động nhẹ. Khóm hoa sau bức tường thấp đã nở những hoa vàng, nổi bật giữa đám lá màu xanh hình nhọn và sắc. Nhà bên cạnh vang lên những giọng cười và tiếng khua đĩa bát. Ngồi vào bàn Hương chợt thấy lòng mình thồn-thức. Máy chiếc ghế yên lặng trống trải. Trâm, Mỹ, Nguyệt không còn đây nữa. Bây giờ chỉ có mình Hương. Cô đơn quá và mắt Hương ươn ướt. Hương mở chiếc thư của Mỹ ở Cao nguyên gửi về.

Pleiku chiều lạnh.

Hương của mình.

Viết thư cho Hương vào một chiều chớm lạnh đấy. Có lẽ là trời sang thu. Đêm qua mình nằm nghe cơn mưa sang mùa rả-rích đến suốt sáng nhưng chiều nay đã tạnh. Hương ơi ! Mình không ngờ bọn mình lại một đứa một phương Hương nhỉ ? Xót xa quá chừng — Mình lên Cao nguyên lãnh cái nghề « gõ đầu trẻ ». Thư bây giờ tím nắng vàng Paris và Nguyệt cùng xa cách tại mình mấy đại dương và Hương còn lưu lại Huế. Hương chưa xa được Huế của những mùa phượng ngập đầy những xác hoa đỏ. Huế của rét mướt lê thê và Huế của mùa thu linh động của những tà áo trắng. Nhớ Huế ghê gớm — Muốn khóc đây Hương ơi !

Nhớ lại ngày xách va-ly lên cái xứ Cao nguyên gió lạnh này mà mình còn thấy nghẹn ngào. Hương tiễn mình đi làm ăn đúng là « tha phương cầu thực » mà nét mặt đứa nào cũng buồn bã. Xa bạn, xa nơi thân yêu, ra đi để kiếm tiền, lo cho mình cho mẹ cho em. Mỹ lớn rồi phải không Hương. Dầu muốn dầu không mình cũng phải đi dạy để giúp gia đình. Hôm ra đi, bà cụ khóc quá chừng. Mấy đứa em cũng ướt lệ, Mỹ nhớ mãi cái miệng méo xệch của thằng Hưng, đứa em út của Mỹ.

Bây giờ xa Huế đã năm tháng — Sao mà thấy thời gian đi lâu ghê — ở đây buồn nhưng mà yên tĩnh. Phố xá nghèo nàn giải trí là xem sách chữ ciné chỉ toàn là phim Ấn độ. Trường mình dạy có hai giáo sư người Huế. Gặp người đồng hương đỡ phần nào quanh hi. Trên này toàn là dân Thượng, Mỹ giới thiệu cho Hương vài ông nhè — Đùa đấy, đừng giận nghe không nằng « yêu của tôi ».

Hương ạ ! Chiều nay Mỹ nhớ quê hương quá chừng, gió lại lạnh như gây thương nhớ. Buồn ôi... ôi buồn — nhớ con đường tại mình hay đi, nhớ chiếc ghế ở thư viện mình đã ngồi, nhớ những giờ Sửu. Thôi nhắc lại thêm sầu. Dĩ vãng của bọn mình sao mà đẹp quá hở Hương. Nhớ hôm Hương với mình ngồi xây mộng là mai sau hai đứa xin đi dạy một trường ở cũng một nhà, may màu áo giống nhau. Thế mà cái mộng tầm thường như thế mà chẳng thành Hương nhỉ ? — Táo không Hương ?

Hương vẫn học Văn khoa chứ. Mình vẫn nhớ giảng đường và những trận cười không dứt được trong giờ Sử. Tóm lại nhớ tất cả cái gì của Huế, nhớ vu vơ...

Mỹ hẹn thư sau vì phải còn lo soạn bài — lời dặn cuối cùng là viết thư cho Mỹ nghe không Hương ?

Thân —

Mỹ

Hương gấp thư lại và thấy man mác buồn. Hình ảnh Mỹ với nụ cười hồn nhiên cởi mở đến với Hương rõ rệt. Buổi chiều mưa hôm nào hai người dắt nhau đi mua bánh mì sau giờ học chiều, Hương đứng dậy đón mượn sách. Vài Sinh viên đứng dậy ra về và Hương nhìn ra ngoài thấy trời tối hẳn — Thư viện vắng nên Hương cảm thấy mênh mông hơn — Để khởi nghĩ ngợi Hương mãi miết đọc bài triết. Hương đọc đến hai lần mới lĩnh hội được nội dung của bài. Hồi chuông rung lên Hương đứng dậy trả sách. Nàng ra về cuối cùng. Con đường vắng, quá — Đèn đường soi mờ những bóng cây — Gió mát làm Hương thấy đã mệt mỏi và một niềm vui đến với nàng. Hương đã tìm thấy cái vui trong cuộc sống mới đi làm và đi học. Hương không muốn làm phiền gia đình nữa khi nàng đã lớn. Đồng tiền Hương làm ra Hương cảm thấy hãnh diện hơn. Dưới bầu trời đầy sao lấp lánh. Hương bắt chợt dễ dàng vì sao Bắc Đẩu lung linh và chân Đại hùng tinh. Qua cầu Tràng Tiền gió nhẹ thổi mát rượi. Điệu nhạc êm dịu ở đài phát thanh khiến bước chân đi của Hương nhịp nhàng, Hương khẽ hát theo. Vài con đò đi về phía Phú Văn Lâu lấp lánh ánh đèn dầu, chiếu xuống mặt sông thành những vệt sáng rung động — Qua nhà Trâm, Hương thấy bạn đứng trước hiên. Trâm mặc áo chemise đỏ, tóc buộc ở sau đúng là Pascal Petit. Thấy Trâm vui Hương đưa « Hộp Biseu » thêm một cái thư chẳng phải không ?

Trâm sung sướng

— À anh gửi cho tao đến hai cái, có gửi là thăm Hương đấy — Hương từ giã Trâm ra về. Lòng vui lây cái vui của bạn — Hương quên cả đường dài — Đến đầu ngõ, con chó kiki của Hương nhảy lên mừng chủ — Hương ôm con vật trung thành — Chợt Hương mơ mộng nhìn những vì sao lung linh — Hương mơ Hương sẽ có một người yêu — người ấy yêu Hương rất chân thành — Hương chỉ cần chừng ấy. Rồi một đêm như đêm nay, đầy cả ngàn sao lung linh hai người sẽ nhìn sao và tính chuyện mai sau — Hương đi vào lối ngõ mờ tối, vào nhà, những vì sao sáng trên bầu trời đen thẳm như lung linh ở lòng Hương. Hương tự nhủ — Ăn cơm xong mình phải viết thư cho các bạn gấp nói với chúng nó đêm nay mình thấy sung sướng quá !

Cuối hạ 63

HOÀNG KIM-HƯỜNG

hoa nhài

*Xức mùi thơm tội lỗi
Cựa mình nở giữa đêm
Phơi trần thân ngà ngọc
Đợi trăng gió bên thêm !*

mắt em

*Tôi ôm một vì sao
Tôi hôn một vì sao
Hai sao là hai mắt
Mắt em là hai sao !*

thời gian

*Một con ngựa cần cỗi
Kéo chiếc xe già nua
Những vòng xe lờm chờm
Đỏ mắt vẫn như xưa !*

lại sáng

*Thân dài đang chông dậy
Kêu những tiếng mỗi đau
Một đêm dài tội lỗi !
Bình minh đã lại màu.*

phượng hoàng gãy cánh

nguyên tác : ERNEST HEMINGWAY

người dịch : BÙI NGỌC - DUNG

Trong số những nhà văn nổi tiếng của Hoa Kỳ hiện đại như William Faulkner, John Steinbeck, Sinclair Lewis, Scott Fitzgerald, John Dos Passos... Ernest Hemingway được nhiều người nhắc nhở đến nhất vì lối văn giản dị đến trong suốt. Tiểu thuyết của ông không có một khuynh hướng rõ rệt, ông đề cập đến mọi khía cạnh của mọi vấn đề. Một số lớn văn gia xây dựng tiểu thuyết thì phần tưởng tượng nhiều hơn là phần thực ; trái lại Ernest Hemingway chỉ viết những gì ông đã kinh nghiệm, đã quan sát trong cuộc sống phiêu bạt của ông. Có một điều ta phải công nhận rằng lối văn của ông phẳng phất hay kết tinh từ các tiểu thuyết gia danh tiếng như : Stein, Turgenev, Anderson, Twain. Ông rất ghét giọng văn từ chương, gọt rũa ; ông chỉ ưa lối tượng trưng cụ thể (nhưng không đưa đến trừu tượng). Cái thành công lớn lao của ông trong văn chương là khao khát sự thật, đi tìm sự thật trong các cảnh vật thiên nhiên : biển cả, rừng rậm và nhất là bãi chiến trường. Lối văn độc thoại và đối thoại của ông thật là tình, nhất là trong : « Ngụ Ông Và Biển Cả » (THE OLD MAN AND THE SEA), tác phẩm mang đến cho ông giải thưởng văn chương Nobel năm 1954.

Các tác phẩm của ông gồm có: THE SUN ALSO RISES, A FAREWELL TO ARMS, FOR WHOM THE BELL TOLLS, THE OLD MAN AND THE SEA, MEN WITHOUT WOMEN và nhiều cuốn khác cùng những truyện ngắn của ông về chiến tranh và biển cả. Mỗi cuốn tiểu thuyết của Ernest Hemingway có một đặc tính riêng : sự hiểu biết của con người về bản năng chiến đấu, sự tàn bạo và phi lý của chiến tranh, tình yêu, lòng thù oán và lòng thương hại giữa con người với con người.

Năm 1954 khi Ernest Hemingway nhận giải thưởng Nobel, người thay mặt cho Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điền đã ca tụng ông : « Ernest Hemingway là một trong những văn hào vào bậc nhất của thời đại chúng ta. Ông thực là văn gia, theo đúng nghĩa của nó ; vì mỗi cuốn tiểu thuyết ông viết là một khám phá mới lạ. Ông cố gắng đi tìm những gì bên ngoài sự sống, những gì siêu việt và ông luôn luôn cố gắng làm những gì mà người khác không thể làm nổi hay họ làm chỉ đưa đến thất bại. »

«FOR WHOM THE BELL TOLLS» là tác phẩm được nhiều người ưa thích và cho là hay hơn cả. Đây là cuốn tiểu thuyết thực nhất, tâm hồn con người được ông đào sâu để đi tìm sự thực. Với lối viết già dặn và với một nghệ thuật điêu luyện của Ernest Hemingway, «FOR WHOM THE BELL TOLLS» là tác phẩm của một con người hiểu biết cuộc đời là thế nào và hiểu biết để tranh đấu đi tìm ý nghĩa cuộc đời.

Cái chết của văn hào Ernest Hemingway trong những năm gần đây lại càng làm cho địa vị ông thêm vững chắc trong nền Văn học Hoa Kỳ và cũng như trong kho tàng Văn học thế giới...



El Sordo sửa soạn đánh chiếm một ngọn đồi. Gã không khoái ngọn đồi này và khi gã nhìn thấy nó, gã nghĩ nó giống hình thù một trái cây non. Thực ra gã đâu có lựa chọn nó vì gã thoáng thấy nó từ xa, thế là gã phóng ngựa, lao mình tiến tới. Khẩu súng máy dè nặng trên lưng gã, con ngựa bước mệt mỏi và những túi đạn nặng, lắc lư hai bên háng gã. Một túi đựng lựu đạn lủng lẳng ở một bên còn một túi đầy các băng đạn súng máy, lủng lẳng ở bên kia. Joaquín và Ignacio dừng lại bắn một loạt liên tiếp để cho gã có đủ thì giờ gỡ súng xuống.

Tuyết hãy còn rơi ; tuyết đã khiến cho cuộc tấn công của họ khó khăn thêm. Khi con ngựa của Sordo bị bắn, gã phải chệnh choạng chậm chạp tiến lên phần cuối cùng của đỉnh đồi. Gã bước lên, làm bắn tung những mảng tuyết trắng xóa. Gã khó nhọc dắt con ngựa bị thương bằng giây cương, buộc vòng qua vai gã, trong khi đó gã cứ bước đều. Gã trèo hết sức khó khăn vì tiếng đạn réo vèo vèo trên các tảng đá. Hai túi đạn dè nặng trên vai gã và rồi gã lảo lảo bồm ngựa, bắn nó một phát để kết liễu đời nó, đúng lúc gã đang cần đến nó. Con ngựa quỵ xuống, đầu gục vào một khe nhỏ giữa hai tảng đá. Gã điều chỉnh lại khẩu súng máy và bắn trên xác ngựa, gã xả hai băng liền. Tiếng đạn vang lên, vỏ đạn rơi xuống tuyết, mùi lông ngựa cháy khét và nòng súng hãy còn nóng, khét lẹt. Gã bắn bừa lên đồi và ra lệnh cho đồng bạn tiến lên dưới hỏa lực yểm trợ với khẩu súng máy của gã. Lúc ấy gã rùng mình vì không hiểu có một cái gì luồn quất sau lưng gã. Người cuối cùng trong toán năm người đã lên đến đỉnh đồi. Gã không rùng mình nữa và gã tiết kiệm đạn để những lúc gã phải cần đến.

Lại có thêm hai con ngựa nữa chết dọc theo ven đồi và ba con khác chết trên đỉnh đồi này. Sordo chỉ thành công lấy cắp được ba

con ngựa đêm qua, một con sợ đã bỏ chạy khi họ cố tìm cách cưỡi lên lưng không yên, trong hàng rào của một căn lều, lúc con thứ nhất bị bắn gục.

Năm gã đàn ông lên đến đỉnh đồi, có ba người bị thương. Sordo bị thương ở bắp chân và ở hai nơi khác bên cánh tay trái. Gã khát nước vô cùng, vết thương của gã cứng lại và một vết thương bên cánh tay trái làm hấn đau điếng cả người. Gã cũng rức đầu ghê gớm và khi gã nằm chờ phi cơ đến, gã nghĩ đến một vâu khôi hài của bọn Tây-Ban-Nha. Câu ấy như sau : « *Người sẽ chết như một viên thuốc cảm* » (1). Nhưng gã không dám nói câu đó thật lớn cho mọi người nghe. Gã nhe răng cười với niềm đau trong đầu và gã cảm thấy buồn nôn mỗi lần nó chột đến, nhất là khi gã cử động cánh tay bị thương. Gã nhìn quanh chỗ băng lại vết thương.

Năm gã đàn ông tản ra như ngôi sao năm cánh. Họ dùng đùi và tay để đào thành những chiếc ụ trước mặt và ở bên cạnh, với những đồng đất và đá bắn thiu. Họ đào đất để che đạn, họ nối liền nhau bằng những ụ đất cá nhân, chồng chất cả đất lẫn đá. Joaquín 18 tuổi đầu hấn có một chiếc mũ sắt dùng để đào đất, hấn quảng ráo những thứ bắn xuống hố.

Joaquín đã nhặt được chiếc mũ sắt này từ lúc bắn phá hủy cả một đoàn xe lửa. Chiếc mũ sắt thủng một lỗ đạn, làm các bạn hấn thường hay chọn tức bắn vì hấn vẫn kè kè giữ chiếc mũ khỏi gió đó. Nhưng hấn đã dùng búa gò lại những mảng mũ rách lổm chổm chỗ lỗ bị thủng. Hấn nhét một miếng gỗ nhỏ vào, gọt nhẵn như một miếng kim khí.

Khi tiếng đạn réo vèo vèo, hấn chop vội lấy chiếc mũ, đội lên đầu thật chặt như đội một cái soong. Tiếng đạn reo bên tai như ca hát, như nhảy múa trên khoảng đồi cuối cùng. Sau khi ngựa hấn chết, chiếc mũ sắt hình như nặng thêm nhiều, nó khiến trán hấn đau vì vành mũ quá chặt. Nhưng hấn vẫn giữ khư khư. Bây giờ hấn dùng nó để đào đất nhanh như máy. Hấn vẫn sống nhăn răng.

Sordo nói với hấn bằng một giọng khàn khàn :

— Cuối cùng nó dùng được việc đấy ông bạn ạ !

Joaquín nói :

— *Giữ chắc vị trí và sẵn sàng là các anh sẽ thắng lợi.* (2)

Miệng hấn cứng đờ vì sợ hãi, vì chính hấn đã trải qua một trận giáp chiến khát máu. Đó là một khẩu hiệu của bọn Cộng-Sản.

Sordo nhìn xuống sườn đồi, nơi mà bọn kỵ binh nấp sau những

(1) « *Hay que tomar la muerte como si fuera aspirina* »

(2) « *Resistir y fortificar es vencer* ».

tảng đá bắn lên. Gã thích chàng trai trẻ này và gã chẳng ưa gì những câu khẩu hiệu tuyên truyền.

— Cậu định bảo gì thế ?

Một người trong toán từ một ụ đất quay lại, chiếc ụ đắp kiểu cách như một biệt thự. Người này năm xấp, hắn cần thận tì tay lên một hòn đá dùng để giữ cho chiếc cày sát mặt đất.

Joaquín nhắc lại câu khẩu hiệu với một giọng khô khan, đánh thép của tuổi trẻ và hắn cũng không quên đào đất nhanh như chớp.

Người đề cày trên mặt đất lên tiếng :

— Chữ cuối cùng có nghĩa là gì thế ông bạn ?

Người trai trẻ nói :

— *Vencer* là thắng chứ còn là gì nữa.

Người kia nói :

— Cậu nói như cục c.. ấy.

Joaquín giảng giải như muốn lôi họ ra khỏi những mụ phù thủy :

— Ở đây không thể có câu nào áp dụng được, *Pasionaria* bảo là thà chết quách trên chân các anh còn hơn là sống trên đùi các anh.

Một người khác lên tiếng :

— Lại nói như cục c.. rồi ông bạn ơi ! Chúng ta chết trên bụng chứ đâu chết trên đùi chúng ta.

— Này anh, thằng Cộng-Sản chính cống. Anh có biết *Pasionaria* của anh có một thằng con trai cùng một lứa tuổi với anh, không có mặt ở Nga từ khi cuộc cách mạng bùng nổ ?

Joaquín nói :

— Chỉ nói dóc.

Người khác chen vào :

— Chỉ được cái dóc tổ là tài. Một tên phá hoại đã kể chuyện lạ cho tôi nghe, hắn mang một cái tên kỳ cục lắm. Hắn cũng thuộc đảng của các anh. Tại sao hắn nói dóc mới được chứ ?

Joaquín lên tiếng :

— Sai rồi bồ ơi ! Nàng *Pasionaria* không bao giờ hành động như thế nhất là giữ đứa con trai dẫu ở Nga để tránh hấn tai họa của chiến tranh.

Một người trong toán của El Sordo nói :

— Tớ ao ước được ở Nga quá ! Cậu cứ tưởng Pasionaria của cậu gửi tớ từ Nga đến đến đây chắc ?

Một gã bị thương ở háng lên tiếng :

— Nếu cậu cứ tin tưởng nhiều vào Pasionaria của cậu thì kẻ cũng quá quắt lắm. Cậu thử lôi nàng đến đây kéo tụi này ra khỏi ngọn đồi này đi.

Người đề cầm lên mặt đất lại nói :

— Tụi Phát-Xít dám làm như thế lắm.

Joaquín bảo hần :

— Không nên nói như vậy.

Hần trả lời :

— Miệng cậu hãy còn hôi sữa mẹ, cậu thì biết cái cóc khô gì. Trong tất cả chúng ta, không ai nhìn thấy mặt trời lặn đêm nay đâu.

El Sordo nghĩ : ngọn đồi này giống hình thù một trái cây non. Hay giống bộ ngực của một thiếu nữ. Đỉnh đồi bình chóp trông như một ngọn núi lửa. Gã thầm nghĩ : người chưa bao giờ thấy núi lửa. Người sẽ không bao giờ thấy cả. Mặc xác núi lửa. Núi lửa hay cái quái gì thì bây giờ cũng đã muộn rồi.

Gã cẩn thận nhìn quanh những xác ngựa chết. Một loạt đạn bắn nhanh từ một tảng đá ở dưới sườn đồi và gã nghe thấy tiếng đạn súng máy phập phập bên xác ngựa, không âm vang. Gã bò theo sau xác ngựa và nhìn theo một góc giữa đôi chân sau của con ngựa và tảng đá. Có ba xác chết trên sườn đồi, ngay ở phía dưới chỗ gã nằm khi họ bắn, lúc bọn Phát xít chạy ùa lên đồi dưới làn đạn súng máy và đạn lửa. Gã và đồng bọn phải chọc thủng cuộc tấn công bằng cách ném hay cho lăn những quả lựu đạn xuống ven đồi. Còn nhiều xác chết nữa mà gã không thể thấy được ở bên kia sườn đồi. Đất vẫn cứ trơ trơ, nhờ đó bọn địch quân có thể tiến được sát lên đỉnh đồi và Sordo hiểu là đạn và lựu đạn của gã sẵn sàng nhả ra và tung ra bất cứ lúc nào. Gã bị bao vây, bốn đồng đội cố lôi gã ra khỏi chỗ ẩn mặc dù bọn địch quân có ngừng bắn đại bác đến đi nữa. Gã không hiểu bọn chúng đã mang đại bác đến La Granja hay chưa. Có lẽ chưa đâu bởi vì chắc chắn là không lâu phi cơ của chúng sẽ đến. Đã nhiều giờ rồi mà bọn quan sát vẫn chưa thấy tung tích gì cả.

Sordo lại nghĩ : ngọn đồi này như một trái cây non. Chúng ta là một bọn giết người. Nhưng chúng ta sẽ giết nhiều địch quân nếu bọn chúng ngu xuẩn. Làm thế nào chúng có thể thắng chúng ta được ? Bọn chúng dù có quân lực tối tân đến đâu chẳng nữa chắc chúng sẽ thất bại không còn một mảnh giáp. Gã đã giết được một viên sĩ quan trẻ tuổi khi tên này hướng dẫn cuộc tấn công bằng lựu đạn quăng lên đồi, bọn

chúng cứ lom khom tiến lên. Trong đám khói vàng xám của lựu đạn, gã đã thấy viên sĩ quan lao về phía trước, đến chỗ gã nằm bây giờ; hắn ngã gục như một gói quần áo cũ nặng nề. Sordo ngấm xác viên sĩ quan và gã phóng tầm mắt nhìn những xác chết của bọn địch quân rải rác trên sườn đồi.

Gã nghĩ : bọn chúng là những chiến sĩ can trường nhưng ngu xuẩn. Nhưng chúng đủ ý thức không dám tấn công chúng ta một cách chớp nhoáng cho đến lúc phi cơ đến. Lẽ dĩ nhiên chúng sẽ nã đại bác đến đây. Nã đại bác đến đây là một điều quá dễ. Đại bác là một sự kiện thường và gã hiểu bọn chúng sẽ chết trước khi đại bác câu đúng đích; nhưng khi gã nghĩ đến lúc máy bay đến, gã có cảm tưởng gã sẽ tan xác trên đỉnh đồi này mặc dầu quần áo và da thịt gã chẳng có nghĩa lý gì cả. Gã nghĩ : ta không thể tan xác như ta tưởng. Một con thỏ bị lột da cũng như một con gấu bị lột da, thế thôi, nếu đem so sánh với nhau. Tại sao chúng phải đem phi cơ đến nhỉ ? Chúng có thể loại chúng ta dễ ợt ra khỏi đây với những loạt đạn đại bác kia mà. Chúng kiêu hãnh vì máy bay, chắc chúng sẽ mang đến. Chúng kiêu hãnh vì những khẩu súng máy của chúng, nhưng chúng ngu xuẩn quá. Chắc chúng phải câu đại bác đến đây mất.

Một người trong bọn xả súng bắn. Hắn vội khóa cơ bằm và lại bắn như điên.

Sordo bảo :

— Đừng phí đạn đi.

Người kia chỉ chỗ :

— Thằng con trai của con điếm không lồ nấp sau tảng đá kia kia.

Sordo quay đầu lại hỏi :

— Cậu đã bắn thằng nhóc ấy chưa ?

Người kia nói :

— Chưa. Tên dâm dăng ấy cúi đầu nhanh như gió, làm sao bắn
đi.

Người đề cầm trên mặt đất lên tiếng :

— Pilar là một trong những con điếm. Con điếm ấy chắc biết
rúng ta tịch ở đây.

Người kia nghe rõ nhưng không thèm quay lại.

Sordo bảo :

— Thằng ấy không làm gì được đâu. Nó mà làm được trò trống gì ?

— Tụi điểm ấy nấp sau tảng đá đấy.

Sordo nói :

— Chỉ nói phét. Chúng nó rải rác vây quanh sườn đồi. Làm thế nào nàng ấy có thể đến đây được. Tụi chúng đông đến 150 mạng không biết chừng. Có lẽ còn hơn thế.

Joaquín nói :

— Nhưng nếu chúng ta giữ chắc vị trí cho đến tối.

Người đề cầm trên mặt đất nói :

— Ừ nhỉ, nếu Giáng-Sinh đến trước ngày lễ Phục-Sinh.

Một người khác nói :

Biết đâu cô anh lại chẳng là chú anh. Thử gửi nàng Pasionaria đến đây xem. Chỉ có mình nàng mới có thể giúp chúng ta được.

Joaquín nói :

— Tôi không tin điều đó, nhất là thằng con trai của con mụ ấy. Hay biết đâu thằng nhãi ấy ở đây. Biết đâu hẳn chẳng phải là một phi công hay một thứ gì đại khái như thế.

Một người góp vào :

— Hẳn nấp ở đó để được an toàn.

— Hẳn học biện chứng pháp. Biết đâu có cả Pasionaria ở đây không chừng. Vì thế có cả Lister và Modesto và một số nữa. Một người mang tên kỳ cục đã bảo tôi mà.

Joaquín nói :

— Thế nghĩa là chúng phải trở lại giúp đỡ chúng ta chứ gì ?

Người khác nói :

— Chúng giúp đỡ à. Bọn Nga chỉ là một bọn chuyên môn lừa lịp.

Hắn vừa bắn vừa nói :

— Làm thế tớ lại nhớ thằng nhãi con ấy quá.

Sordo bảo :

— Tiết kiệm đạn và không nên nói nhiều hay các anh muốn chết khát. Trên đồi này không có nước đâu.

Người kia lần đi vài vòng đến cạnh Sordo, hắn rút bình rượu vang đeo lưng lẳng bên vai và đưa cho Sordo. Hắn nói :

— Này cầm lấy đi. Nhớ chùi miệng cẩn thận nhé ! Chắc ông bạn khát lắm vì vết thương phải không ?

Sordo bảo :

— Đưa cho mọi người được chứ ?

Người kia tu một hơi trước khi đưa cho đồng bạn :

— Thế đề tôi uống trước vậy.

Người đề cầm lên đất hỏi :

— Sordo này, anh thử nghĩ bao giờ phi cơ đến ?

Sordo trả lời :

— Đến bất cứ lúc nào. Chúng sẽ đến sớm cho mà xem.

— Anh có nghĩ là tụi oắt con của con điểm khổng lồ sẽ mở cuộc tấn công lại hay không ?

— Tấn công khi phi cơ không đến.

Gã không dám nghĩ đến đại bác nữa. Nhưng họ sẽ hiểu là bọn địch quân sẽ câu đại bác.

— Chỉ có trời hiểu là bọn chúng có đủ máy bay như chúng ta đã nhìn thấy hôm qua.

Sordo bảo :

— Khá nhiều.

Đầu gã lại đau ghê gớm và cánh tay gã cứng đờ đến nỗi mỗi cử động làm gã đau như dằm, gã không thể chịu đựng được. Gã ngược nhìn lên bầu trời cao thăm thẳm, xanh xanh, bầu trời mùa hạ. Gã nâng bình rượu vang bằng cánh tay không bị thương. Gã đã 52 tuổi tròn và gã chắc chắn đây là lần cuối cùng gã nhìn thấy bầu trời.

Gã không sợ chết nhưng gã nổi giận vì bị bao vây trên ngọn đồi này, một nơi rất dễ chết. Gã nghĩ : nếu chúng ta mở một con đường máu tầu thoát, nếu chúng ta nhử chúng ra, chạy dọc theo thung lũng hay nếu chúng ta phải phá vỡ vòng vây, chắc chúng ta không đến nỗi nào. Ngọn đồi này như một trái cây non. Chúng ta phải ở lại và dùng ngọn đồi làm một lợi khí chống bọn địch quân.

Gã nghĩ : nếu lịch sử con người thường dùng ngọn đồi để chôn xác mình thì điều đó không khiến gã buồn. Con người không hề bị ấn tượng vì những điều xảy ra cho kẻ khác, điều này tương tự với hoàn cảnh của một góa phụ. Một ngày nào đó, góa phụ kia sẽ có người giúp đỡ và rồi hoàn cảnh sẽ tốt đẹp hơn. Dù bất cứ người nào sợ chết hay không sợ chết đi nữa thì cái chết là một sự kiện khó được chấp thuận. Sordo đã nhận lấy cái chết, nhưng gã không chấp nhận nó với một niềm vui dù rằng gã đã 52 tuổi rồi, với ba vết thương và đang bị bao vây trên một ngọn đồi.

Gã đem cái chết ra làm một trò đùa với chính gã. Gã nhìn lên bầu trời, nhìn những dãy núi xa và uống những ngụm rượu vang. Gã không muốn chết. Nếu người ta chết, gã nghĩ, và chắc chắn phải chết, ta có thể chết được lắm chứ. Nhưng ta ghét điều đó.

Chết là hư vô, gã không có hình ảnh về cái chết ngay cả đến sự sợ hãi trong trí gã. Nhưng sự sống là một cánh đồng lộng gió bên ven đồi. Sự sống như một con chim ưng trên trời. Sự sống là một cái bình nước bằng đất, là những cơn gió quạt thóc bụi mù, những hạt nặng rơi xuống và hạt nhẹ bay đi. Sự sống là một cơn ngựa và một khẩu carbine ở dưới chân. Sự sống là một ngọn đồi, một thung lũng và một giòng suối, với những hàng cây xanh rờn, chạy dọc theo một dãy đồi bát ngát, vô tận.

Sordo trả lại bình rượu và ngúc ngoắc cái đầu lộ vẻ cảm ơn. Gã cúi người về phía trước, gã vỗ lên vai con ngựa đã chết, nơi gã đã đặt khẩu súng máy làm cháy cả da ngựa. Gã hãy còn ngửi thấy mùi lông cháy khét. Gã nghĩ : làm thế nào lôi được xác con ngựa ra chỗ khác được. Gã run run vì đạn vèo vèo quanh gã như những lời thì thầm, như nổ lách tách. Chúng vừa ở phía trên gã lại như vừa ở xung quanh, như một tấm màn và bọn địch quân cố bắn gã chéo cánh sẻ. Gã nhớ lại trước đây khi con ngựa bị trúng đạn ngã gục, gã lùi lại hẳn phía sau để lấy khẩu súng trong khi đồng bạn gã tiến lên đồi.

— Người cũng chẳng khác gì lũ ngựa xấu số kia đâu.

Bây giờ El Sordo nằm nghiêng về phía cánh tay không bị thương và ngược lên nhìn bầu trời. Gã nằm trên một đồng vỏ đạn. Đầu gã được che nhờ một tảng đá lớn, gã xoay người nằm dài trên xác ngựa. Những vết thương của gã lại xưng tấy lên khiến gã đau ghê gớm. Gã cảm thấy gã quá mệt mỏi nhất là khi gã cử động.

Người nằm cạnh gã lên tiếng hỏi :

— Làm sao thế ông già ?

— Không sao cả. Tôi ngbỉ một chút.

Người khác nói :

— Cứ ngủ đi, bọn địch quân sẽ đánh thức chúng mình dậy bây giờ đấy.

Ngay lúc đó một người kêu lớn dưới ven đồi. Tiếng nói vọng lại từ những tảng đá, nơi mà những họng súng máy sẵn sàng nhả đạn. Tiếng nói vọng lại :

— Lắng tai nghe đây, quân phiến loạn. Chúng bay bị bao vây rồi. Phi cơ đến chúng bay sẽ tan xác.

• Sordo hỏi :

— Thằng ấy nó bảo gì thế ?

Joaquín nói lại cho gã nghe. Sordo lặn một bên, từ từ nhôm dậy để quay đầu súng. Gã nói :

— Có lẽ phi cơ không đến đâu. Đừng trả lời tụi nó và đừng có bắn. Biết đâu chúng ta có thể dử chúng ra cho chúng một trận bất hủ.

Một người khác đề nghị :

— Chúng ta nên chửi cho chúng vài câu được không ?

Sordo bảo :

— Không được. Đưa khẩu súng lục lớn của anh cho tôi. Ai có ?

— Đây.

— Quăng cho tôi.

Gã cúi xuống cầm lấy khẩu súng cỡ 9 ly. Gã ngắm thẳng và bắn một phát vào khoảng đất ngay bên cạnh xác ngựa. Gã chờ đợi và bắn thêm bốn phát với những khoảng cách không đều. Rồi gã nán chờ, gã đếm đến 60 và bắn một phát cuối cùng, thẳng vào xác con ngựa. Gã nhún nhó và rút khẩu súng lại.

Gã thì thào :

— Lên đạn lại và mọi người phải kín miệng, không ai được bắn cả.

Tiếng nói lại vang lên sau những tảng đá :

— Quân phiến loạn.

Không có tiếng trả lời trên đồi.

— Quân phiến loạn. Chúng bay bị bao vây cả rồi. Chúng tao sẽ bắn tan xác cho mà xem.

Sordo thì thào sung sướng :

— Chúng nó đang sửa đấy.

Trong khi gã đang mãi miết nhìn thì một gã trai trẻ thò đầu lên khỏi tảng đá. Không thấy súng bắn từ trên đồi, chiếc đầu lại vội thụt xuống. El Sordo chờ đợi, chăm chú nhìn nhưng không có gì xảy ra cả. Gã quay đầu nhìn các đồng bạn. Họ đang nhìn mọi vùng quanh đồi. Gã nhìn họ, họ lắc đầu.

Gã thì thào :

— Không ai được cử động cả.

Tiếng nói lại vang lên sau tảng đá :

— Ê, lũ con trai của con điểm khổng lồ kia ơi, lũ heo đỏ, lũ giết người, lũ hèn nhát kia !

Sordo nhe răng cười. Gã không muốn nghe những lời nguyên rủa bầu thối bằng cách quay mặt đi chỗ khác. Gã nghĩ : điều này còn hơn cả viên thuốc cảm. Không biết chúng ta sẽ tóm được bao nhiêu tên trong bọn chúng đây ? Không biết chúng có phải là những thằng khùng không ?

Tiếng nói ngừng lại trong ba phút, họ không nghe thấy gì và không nhìn thấy gì hết. Đột nhiên gã trai trẻ nấp sau tảng đá bên sườn đồi, cách độ 100 thước, lần này hiện rõ ra và bắn như điên. Tiếng đạn đập vào đá, xoáy và tung lên. Sordo thấy một bóng người cúi mình, chạy vụt sang một tảng đá khác, nơi đặt sẵn khẩu súng máy.

Sordo nhìn quanh. Đồng bạn ra hiệu cho gã không nên cử động. Sordo nhe răng cười và lắc đầu. Gã nghĩ : lần này nguy hiểm gấp 10 lần, gã chờ đợi như một kẻ đi săn rình mồi.

Phía dưới sườn đồi, gã trai trẻ chạy vụt sang một đồng đá, nơi bạn hắn đang nấp. Hắn bảo :

— Cậu có tin như thế không ?

Tên nấp sau tảng đá trả lời :

— Tôi không hiểu.

Viên sĩ quan chỉ huy lên tiếng :

— Hợp lý quá mà. Tụi chúng nó bị bao vây rồi. Tụi nó không chờ đợi nữa gì đâu, chỉ chờ chết.

Tên nấp sau tảng đá yên lặng.

Viên sĩ quan hỏi :

— Anh nghĩ thế nào ?

Tên kia trả lời :

— Thưa tôi không có ý kiến.

— Anh có thấy nhúc nhích gì từ lúc bắn hay không ?

— Không thấy gì cả.

Viên sĩ quan nhìn đồng hồ đeo tay. Lúc đó 3 giờ kém 10. Ông lên tiếng :

— Một giờ nữa máy bay sẽ đến.

Ngay lúc đó, một viên sĩ quan khác chạy vội đến, nấp sau tảng đá. Gã trai trẻ đến sát bên để bảo vệ ông ta.

— Viên sĩ quan đầu tiên nói :

— Này Paco. Anh nghĩ thế nào ?

Viên sĩ quan thứ hai thở phào một cái nặng nề và tiến gần đến ch đặt súng máy. Ông ta bảo :

— Theo tôi đây là một trò bịp.

— Nếu không phải thì sao ? Chúng ta chờ mãi ở đây kỳ cục quá, chờ bao vây một lũ chó chết hay sao ?

Viên sĩ quan thứ nhì nói :

— Chúng ta chưa làm một điều gì bi đát hơn cái trò lạ kỳ này. Nhìn lên đồi thử xem.

Ông ta nhìn lên đồi, những xác chết rải rác gần đỉnh đồi. Ông nhìn thấy cả một con đường nhỏ lên đồi thấy, rõ cả những tảng đá, những bụi, cẳng chân và móng ngựa văng tung toé, con ngựa của Sordo và lớp đất tươi mới đào xong.

Viên sĩ quan thứ hai lại nói :

— Thế về các khẩu đại bác thì sao ?

— Sẽ mang đến đây độ một giờ nữa. Có thể sớm hơn không biết chừng.

— Thử chờ họ xem, chúng nó ngu xuẩn thật.

Viên sĩ quan đầu tiên kiễng chân và thò đầu khỏi tảng đá. Ông ta đứng hẳn dậy và la lớn :

— Quân phiến loạn, lũ heo đỏ, những thằng hèn nhát.

Viên sĩ quan liếc nhìn gã trai trẻ và lắc đầu. Gã trai trẻ nhìn ra xa, đôi môi mím chặt.

Viên sĩ quan đứng yên, đầu thò lên khỏi tảng đá và một bàn tay đề vào báng súng lục. Ông ta chửi thề và nói tục lên đỉnh đồi nhưng không có gì xảy ra. Rồi ông ta bước ra, hiện rõ ngoài tảng đá, đứng yên nhìn lên đồi. Ông lại kêu lên :

— Bắn đi, đồ hèn nhát nếu tụi chúng bay còn sống. Bắn vào tao đi đây này, tao cóc sợ thằng Cộng-sản nào hết, đồ một lũ bản thủ do dĩ điểm để ra.

Câu cuối cùng của ông là một câu thật dài. Khuôn mặt ông đỏ gay và ông không thốt nên lời khi ông định chấm dứt cả câu.

Viên sĩ quan thứ hai là một người mảnh dẻ, xạm nắng, đôi mắt không được linh hoạt, đôi môi mỏng dính và ít râu như chân rạ trên đôi gò má xâu hoắm. Ông lắc đầu. Chính viên sĩ quan này đã la lớn đề ra lệnh trong đợt tấn công đầu tiên. Viên Trung úy trẻ tuổi đã chết ở trên sườn đồi. Ông ta là bạn thân của một viên Trung úy khác tên là Paco Berrendo, người đang lắng tai nghe tiếng hét của viên Đại-úy. Viên Đại-úy là người được đoàn quân ca tụng nhiều nhất.

Khuôn mặt của viên Đại-úy cũng đỏ bừng, với một bộ râu theo kiểu Anh và con mắt không linh động. Đôi mắt màu xanh nhạt,

lời nói nhẹ nhàng. Khi nhìn vào đôi mắt ấy, các bạn cứ tưởng như nó tự động tắt cả những tiêu điểm. Ông ta nói :

— Chúng nó là đồ heo, chúng nó đã bắn em gái tôi và mẹ tôi. Đồ Cộng sản khốn nạn, đồ hèn nhát cả lũ.

Ông ta đứng đó, nhìn cẩn thận, đoạn rút súng lục ra bắn lên đồi. Con ngựa của Sordo đã chết tự bao giờ. Đạn làm tung cả một mảnh đất bắn, cách xác con ngựa độ 15 thước. Viên Đại-úy lại bắn. Viên đạn lần này réo vào tảng đá và tung lên.

Viên Đại-úy đứng đó và nhìn lên đỉnh đồi. Viên Trung-úy Berrendo nhìn xác bạn ngay ở dưới đỉnh đồi. Gã trai trẻ nấp sau tảng đá nhìn xuống đất. Gã lắc đầu nhìn viên Đại úy.

Viên Đại-úy nói :

— Không còn tên nào sống sót ở trên đó đâu.

Ông ta chỉ vào mặt gã trai trẻ nói :

— Anh, anh thử lên đó dò xét xem sao.

Gã trai trẻ nhìn xuống. Gã không nói năng gì cả.

Viên Đại úy hét lớn :

— Anh có nghe thấy tôi bảo gì không hả ?

Gã trai trẻ trả lời, không dám nhìn ông ta :

— Thưa Đại úy có.

Viên Đại úy rút súng ra khỏi bao :

— Đi đi, đi lên xem sao. Anh có nghe không ?

— Vâng, thưa Đại-úy.

— Thế sao anh không đi cho rồi ?

— Thưa Đại úy, tôi không muốn đi.

Viên Đại-úy nâng khẩu súng lên, dí sát nòng vào lưng gã trai trẻ :

— Anh không muốn phải không ? Không muốn thì bảo tôi ?

Gã trả lời bàng hoàng :

— Thưa Đại úy, tôi sợ.

Trung úy Berrendo nhìn vẻ mặt và đôi mắt lạ lùng của viên Đại úy. Ông nghĩ ông ta dám bắn gã trai trẻ này lắm. Ông lên tiếng :

— Đại úy Mora.

— Cái gì thế, Trung úy Berrendo.

— Tên lính này có lý.

— Nó sợ như thế mà Trung úy bảo là có lý được ư? Nó có lý bảo là nó không muốn tuân lệnh cấp trên phải không?

— Thừa không. Nó có lý vì đó chỉ là một trò bịp bợm của bọn phiến loạn.

Viên Đại úy nói :

— Chúng nó chết hết rồi còn đâu. Ông không nghe tôi bảo là chúng tịch hết rồi hay sao?

Berrendo hỏi viên Đại úy :

— Đại úy định bảo là các bạn chúng ta chết trên sườn đồi này phải không? Tôi đồng ý với Đại úy.

Viên Đại úy bảo :

— Paco này, đừng có điên đi. Ông đừng tưởng rằng chỉ có ông mới trông nom đến Julian. Tôi bảo ông là tụi Cộng sản đã chết hết rồi kia mà. Nhìn xem!

Ông ta đứng dậy, tì đôi tay lên tảng đá bước ra ngoài, từ từ quì xuống. Ông vẫy cả hai tay và hét lên :

— Bắn đi. Bắn tao đi. Giết tao đi đây này.

Trên đỉnh đồi, El Sordo nằm sau xác ngựa nhe răng cười. Gã nghĩ : thằng cha ấy kỳ cục thật. Gã cười và cố nín vì sự rung động khiến gã đau nhức cánh tay bị thương.

Tiếng vang vọng lại từ dưới đồi :

— Ê, tụi Cộng sản. Đồ khốn nạn. Bắn tao đi đây này. Giết tao đi.

Ngực Sordo lại rung lên, gã nhìn cẩn thận qua chiếc yên ngựa và thấy viên Đại úy đứng trên một tảng đá đang vẫy tay. Một viên sĩ quan khác đứng ngay bên cạnh. Gã trai trẻ đứng một bên. Sordo chăm chú nhìn, gã bắt đầu sướng rên. Gã tự nhủ : « Bắn tao đi. Giết tao đi ». Đôi vai gã lại rung lên. Tiếng cười làm cho cánh tay gã đau nhức nhối và mỗi lần gã cười thì đầu gã như muốn bốc cháy; tiếng cười khiến gã run bắn như lên một cơn động kinh.

Viên Đại úy Mora lại ngồi thụp xuống. Ông ta lên tiếng hỏi viên trung úy Berrendo :

— Thế nào Paco, bây giờ Trung úy tin tôi chưa?

Viên Trung úy trả lời :

— Thừa chưa.

— Quá quái lắm. Ở đây chẳng có gì hết, chỉ toàn những thằng ngu và một lũ hèn nhát.

Gã trai trẻ cần thận nắp sau tảng đá. Trung úy Berrendo ngồi xồm bên cạnh gã.

Viên Đại úy đứng ở bên ngoài tảng đá, bắt đầu thét một cách thô tục lên đỉnh đồi. Chưa có một ngôn ngữ nào lại tục tĩu như tiếng Tây Ban Nha. Tiếng Anh cũng có khá nhiều chữ mất dạy, nhưng chỉ dùng ở các miền thôn quê; còn các nơi tôn nghiêm đều bị cấm chí. Trung úy Berrendo là một người sùng đạo Công giáo. Gã trai trẻ kia cũng thế. Mỗi lần khi cả hai người nói tục, họ cho thế là một tội lỗi và họ phải đi xưng tội.

Cả hai người đứng sát vào tảng đá, ngấm nhìn viên Đại úy và lắng tai nghe những lời thô tục mà ông ta đang gào thét. Hai người kho chịu vì những lời lẽ đó. Họ không muốn nói một thứ ngôn ngữ ấy vì vấn đề lương tâm, cho đến ngày họ nhắm mắt từ giã cõi đời. Nói những điều xấu xa như thế không may mắn, gã trai trẻ nghĩ. Nói thô tục chẳng khác gì đã động đến Đức Mẹ. Kẻ nào nói những lời xấu xa, kẻ đó tội hơn bọn vô thần Cộng-Sản.

Trung-úy Berrendo nghĩ : Julian đã chết. Chết trên sườn đồi vào một ngày như thế này. Lần này lại có người dám mở miệng nói ra những lời tục tằn, thô lỗ, như thế tự mình mang đến cho mình một điều bất hạnh.

Viên Đại-úy ngừng kêu la, quay lại phía Berrendo. Đôi mắt ông ta lạ thường hơn bao giờ. Ông sung sướng nói :

— Paco, anh và tôi cùng lên đó.

— Thưa đừng bắt tôi đi.

Viên Đại-úy lại rút khẩu súng lục khỏi bao và nói :

— Cái gì hả ?

Berrendo nghĩ : ta ghét khẩu súng của hạng người bẩn thỉu. Họ không thể ra lệnh mà lại không bao giờ rút súng ra khỏi bao. Chắc đi rửa mặt họ cũng rút súng ra không biết chừng.

Trung-úy Berrendo nói với Đại-úy :

— Tôi sẽ đi nếu Đại-úy ra lệnh cho tôi. Nhưng dưới sự yểm trợ của hỏa lực.

Viên Đại-úy nói :

— Thế thì để tôi đi quách cho rồi. Ở đây sặc những mùi hèn, nhái

Cầm khẩu súng lục bên tay phải, ông ta trườn lên đồi. Berrendo và gã trai trẻ chăm chú nhìn ông. Ông ta không cần bắn yểm trợ v nhìn thẳng về phía trước mặt những tảng đá, phía những con ngựa chết và những đồng đất bẩn vừa mới đào xong ở trên đỉnh đồi.

El Sordo nằm sau xác ngựa, ở góc một tảng đá, ngắm nhìn viên Đại-úy đang trườn lên đồi.

Gã nghĩ: chỉ có một tên. Chúng ta chỉ có độc nhất một tên. Theo như cách nói của hắn thì hắn khá to chứ đấy chứ. Nhìn hắn đi kia. Gớm trông hắn như một con vật bần thiêu. Trông hắn lò mò tiến lên. Một tên để dành cho ta. Ta sẽ cho tên này về châu Diêm-Vương mới được. Chỉ có một tên dự cuộc hành trình với ta. Tiến lên ông bạn đồng hành ơi! Leo lên đây đi. Lẹ lên đi. Lẹ lên đây gặp ta. Cứ tiếp tục đi đi. Đừng chậm chạp thế. Nhanh lên nào. Đi đằng hoàng một chút nào. Không nên ngừng lại và nhìn đi đâu cả. Thế thì được. Ấy, đừng có nhìn xuống làm quái gì. Tiến lên, mắt hãy nhìn về phía trước. Nhìn kia, hắn mang một bộ râu. Các bạn nghĩ gì về bộ râu đó? Đồng chí đồng hành đề râu kia ơi! Hắn là một Đại-úy. Nhìn vào tay áo hắn mà xem. Ta bảo hắn là một sĩ quan khá to mà. Khuôn mặt hắn trông đến tởm. Bộ mặt hắn đỏ dừ, tóc màu hung, mắt xanh lè. Hắn không đội mũ, râu hắn vàng khè. Mắt xanh lè. Trong đôi mắt ấy hình như có một cái gì sai lầm đây. Tiến lại gần đây. Lại chút nữa đi bồ. Được đấy, đồng chí đồng hành ơi!

El Sordo lần ngón tay chỗ đến gần cò khẩu súng máy. Ba lần gã tỉ báng súng vào vai và điều chỉnh lại chiếc chân ba càng.

Viên Đại-úy nằm xấp trên sườn đồi. Tay trái luồn xuống dưới. Tay phải cầm khẩu súng lục đang ra, đầu ông ta ngẩng lên, nhìn về phía trước mặt. Những loạt đạn bắn lên đỉnh đồi như mưa.

Nấp sau tảng đá, viên Trung úy Berrendo đã nghe thấy những tiếng khàn khàn của Sordo từ trên đỉnh đồi. Ông nghĩ là phải cố sức chạy hết tốc lực, băng qua một khoảng đất trống dưới hỏa lực.

Tiếng nói vọng lên:

— Quân phiến loạn. Bắn tao đi. Giết tao đi đây này.

Trên đỉnh đồi, El Sordo nằm bên cạnh khẩu súng máy, gã mỉm cười, gã đau nhói. Gã nghĩ là đỉnh đầu gã dám bị bắn bay đi không chừng.

Viên Đại-úy sung sướng kêu lên:

— Quân phiến loạn bắn tao đi, đồ giết người.

Sordo cũng lắc đầu vui vẻ. Gã nghĩ: ta có nhiều bạn để dự cuộc hành trình này kia mà. Gã đang sửa soạn tìm vị trí của bọn sĩ quan khác cùng với khẩu súng máy vì gã muốn rời bỏ chỗ nấp sau tảng đá. Sớm hơn hay muộn hơn gì thì gã cũng phải bỏ chỗ ẩn. Sordo hiểu rằng ở đó gã không bao giờ chỉ huy được và gã rất may mắn có thể thoát thân được.

Ngay lúc đó đồng bọn gã đã nghe tiếng phi cơ bay đến. Sordo chưa

nghe thấy. Gã nấp sau một tảng đá, bên cạnh là khẩu súng máy. Gã nghĩ : khi ta thấy hắn chắc hắn sẽ bỏ chạy và ta sẽ không bỏ lỡ dịp may này. Ta sẽ có thể bắn sau lưng hắn ở một khoảng đất trống. Ta phải quay súng ngay trước mặt hắn mới được. Gã cảm thấy một người chạm lên vai gã ; gã quay lại và thấy một khuôn mặt sợ hãi, xám ngoét của Joaquín. Gã nhìn tay Joaquín chỉ và thấy ba chiếc phi cơ đang từ từ bay đến.

Lúc này, viên Trung úy Berrendo chạy vụt ra khỏi tảng đá, đầu khom khom cúi xuống, đôi chân bối rối. Ông ta chạy xuống, băng qua sườn đồi đến chỗ trú trước, nơi đặt khẩu súng máy.

Mãi nhìn máy bay, Sordo không nhìn thấy ông ta chạy. Gã nói với Joaquín :

— Cậu giúp tớ lôi cái của nợ này ra.

Joaquín cố kéo khẩu súng máy ra khỏi xác ngựa và ra khỏi tảng đá.

Máy bay đến thực rồi. Chúng bay thành hàng và cứ mỗi giây chúng lại càng to dần và tiếng động mỗi lúc một lớn thêm.

Sordo bảo :

— Nằm ngửa ra, lấy súng bắn đi. Bắn đẳng đầu khi chúng bay đến.

Gã nhìn đoàn máy bay và lại nói :

— Các con ơi, các con sắp tịch đến nơi rồi !

Gã lên tiếng :

— Ignacio này, đặt súng lên vai thằng trai trẻ kia. Còn Joaquín ngồi đó và không được cử động đấy. Bám chặt lấy. Nửa. Không được. Thêm nữa, nữa vào.

Gã nằm ngửa và sẵn sàng khẩu súng máy chờ phi cơ đến. Gã bảo :

— Ignacio, nắm chắc lấy chiếc chân ba càng cho tao.

Họ lắc lư vai gã trai trẻ, nòng súng hăm hở làm thân thể hắn run bắn lên. Joaquín không thể chịu được, đầu hắn cúi gằm xuống và hắn lắng nghe tiếng phi cơ ầm ầm bay đến.

Nằm xấp và ngẩng đầu nhìn lên bầu trời, cả một đoàn phi cơ lù lù, Ignacio nắm chặt lấy chiếc chân ba càng của khẩu súng máy vào hai bàn tay để sẵn sàng nhả đạn. Hắn bảo Joaquín :

— Cúi đầu xuống, hướng đầu về phía trước.

Joaquín lăm băm khi đoàn phi cơ vù vù bay đến mỗi lúc một gần thêm :

— Pasionara bảo : « Thà chết trên...

Rồi hắn lúng túng chuyển sang lời cầu nguyện. Hắn lầm bầm :

— Lạy Chúa trên Trời, chúng con là những kẻ có tội, con xin cầu nguyện vào giờ sắp chết của chúng con. Amen.

Tiếng phi cơ âm âm làm hắn bối rối. Hắn cầu nguyện thêm :

— Xin Thượng-đế, chúng con đã làm nhục Thượng-đế, Người đã đem đến cho nhân loại những tình thương bao la...

Sau đó tiếp theo là những tiếng âm âm lọt vào tai Joaquín và thùng đạn nóng bỏng trên vai hắn. Những tiếng nổ của súng máy và tiếng bom dội âm âm làm tai hắn điếc hẳn. Ignacio kéo chân khẩu súng máy xuống thấp và thùng đạn nóng bỏng như đốt cháy lưng hắn. Hắn không thể nhớ được những hành động tội lỗi của hắn từ lúc máy bay thả bom âm âm lên đỉnh đồi.

Tất cả những gì hắn nhớ bây giờ là giờ chết. Amen. Giờ chết của chúng ta. Amen. Giờ chết. Amen. Đồng bạn hắn vẫn tiếp tục bắn. Giờ đây giờ chết sắp đến với chúng ta. Amen.

Qua những tiếng súng máy nhả đạn và những tiếng réo réo trong không, tiếng mặt đất rung chuyển, cuộn tung lên dưới đùi hắn. Đất đập văng vào thân thể hắn, vào mặt hắn và những mảnh đá cũng tung lên rơi xuống người Ignacio. Hắn đang nằm đè lên người Sordo và khẩu súng máy nằm gọn trên thân thể hắn. Nhưng hắn vẫn chưa chết bởi vì tiếng réo lại ủa đến bao vây lấy lũ người chờ chết. Mặt đất tung lên dưới, hắn như gào thét. Cứ như thế mặt đất dội lên dưới bụng hắn. Cả một mảng bên sườn đồi tung bắn lên trên không, rơi xuống đè nát lũ người nằm trên đỉnh đồi.

Phi cơ bay trở lại tất cả ba lần và dội bom xuống đỉnh đồi nhưng bọn người trên đỉnh đồi hình như không còn hay biết gì nữa. Sau đó phi cơ còn lượn nhả một loạt đại liên trước khi bay đi. Khi chúng lao xuống đồi lần chót với những loạt đại liên, chiếc phi cơ thứ nhất nghiêng cánh vụt lên, đến lượt chiếc khác lao xuống thi hành nhiệm vụ cuối cùng. Sau đó, chúng bay đi theo hàng chữ V hướng về Segovia.

Tiếp tục nhả đạn lên đồi, Trung úy Berrando cho một đội tuần tiểu đến những hố đã bị dội bom và họ ném thêm lưu đạn lên đỉnh đồi. Ông ta cho rằng không còn một mống nào sống sót nổi để chờ gặp mặt họ ở trên đỉnh đồi này. Ông ta tung thêm bốn quả lưu đạn vào chỗ xác ngựa đã chết, làm tung những mảnh đá. Hố đất vàng khè bị bom dội xuống. Ông ta ra khỏi các vực bom và rào bước nhìn xung quanh.

Không còn ai sống sót trừ anh chàng Joaquín. Anh chàng không hay biết gì vì nằm dưới xác chết của Ignacio. Joaquín chỉ chảy máu mũi và chảy máu tai. Gã không hiểu gì và hầu như không còn tình cảm nhất là lúc bị dội bom và hắn bị ngạt vì hơi bom rơi gần

chỗ bọn gã nằm. Viên Trung úy tiến đến bên gã. Ông ta làm dấu thánh giá và bắn gã một phát vừa nhanh vừa lẹ ; hành động nhẹ nhàng như lúc Sordo hạ sát con ngựa bị thương.

Trung úy Berrendo đứng trên đỉnh đồi đưa mắt nhìn bao quát, nơi mà ông ta đã phi ngựa đến trước Sordo. Ông ta nhận thức mọi sự xếp đặt cả một đoàn quân. Ông ta ra lệnh cho quân lính đi nhặt xác ngựa của bọn địch quân và đồng bạn đã bị chết, rồi buộc chặt vào yên ngựa. Họ chở về La Granja.

Ông ta nói :

— Lôi cả xác cái thằng kia luôn thề. Cái thằng nằm tay đặt lên khẩu súng máy kia kia. Có lẽ nó là thằng Sordo. Nó là thằng già nhất đã chỉ huy toàn quân với khẩu súng máy này. À thôi. Cắt đầu nó và gói vào một túi da.

Ông ta ngẫm nghĩ một phút và nói tiếp :

— Có lẽ các anh nên cắt hết đầu bọn địch quân đi. Và những xác chết kháo ở bên sườn đồi nữa. Nhặt hết các khẩu súng máy và súng lục. Tất cả gói lại, buộc lên yên ngựa luôn thề.

Rồi ông ta đi xuống đồi, đến chỗ viên Trung-úy, đồng bạn ông nằm chết ngay cuộc xung phong đợt đầu. Ông nhìn xác viên Trung-úy nhưng không dám đụng chạm.

Ông ta tự nhủ :

— Thật là một cuộc chiến tranh bẩn thỉu.

Ông ta làm dấu thánh giá lần nữa. Ông đi xuống đồi và lăm bằm cầu nguyện cho sự yên nghỉ của linh hồn các đồng bạn. Ông không muốn nán thêm một chút nào để thấy các mệnh lệnh của ông đang được bọn lính thi hành...

BUI NGỌC-DUNG

dịch

Truyện « *The Fight on The Hilltop* » của ERNEST HEMINGWAY trong tuyển tập « *Men at War* » do chính tác giả trích trong « *FOR WHOM THE BELL TOLLS* »

trong cuộc đời

BIỂN

Thôi thôi về ngủ lòng con
Đêm gào tiếng Mẹ vỡ cồn đá rêu
Em về vỡ giấc mê-kiều
Núi non bỏ chạy phố chiều lạnh sương

RỪNG

Đàn chim nổi chạng khuya vàng
Non cao đá nổi địa đàng muôn cây
Rừng rừng lệ đổ vai gầy
Mai ai chặn gió rừng này làm mưa

VÀ TÔI

Tôi ôm nắng chạy bữa xưa
Năm năm vào ngục có chữa cho không ?
Xa chừ — xa núi xa sông
Xa đàn quạ réo lưng chừng mộ em

EM

Trong này huyết nổi cơn điên
Ngày xưa còn lại nỗi buồn này thôi
Xin mang tất cả cho người
Nắng mưa nắm mộ hương đời sao quên (?)

CON CHỒN TINH QUÁI

• chuyện cổ tích • LINH BẢO kể •

SỨ GIẢ SƠN DƯƠNG TRỞ VỀ

Đến trước cửa nhà Chồn, Sơn Dương ngần ngại bảo Chồn :

— Cho tôi đứng ăn cỏ ngoài sân thôi. Tôi chạy trốn suốt đêm, rơi từ trên cây xuống, lại phải dùng sừng húc đầu Sói mất sức nhiều quá; bây giờ đầu tôi hãy còn thấy choáng váng, không muốn vào nhà tí nào.

Chồn tỏ vẻ sốt sắng :

— Tùy ý anh. Cỏ ở đây xanh non rất ngon và bồ, không khí lại trong sạch. Để tôi bảo mẹ cháu dọn bàn ra đây chúng ta cùng dùng cơm tối cho vui. Còn anh Thỏ theo tôi vào nhà xem tôi soạn một số châu báu nhờ anh chọn và đem về cho Quốc Vương.

Thỏ vui vẻ gật đầu và theo Chồn vào nhà. Vợ Chồn tưởng chồng đã chết bây giờ thấy trở về tay cầm gậy đeo bao da rất sang trọng ngạc nhiên :

— Trời, anh đã trở về đấy à ! Mấy hôm nay em lo quá đi mất ! Công việc như thế nào ?

Chồn trả lời :

— Ban đầu anh bị xử tử ; người ta đã trói anh dắt ra pháp trường nhưng sau Đại Vương và Vương Phi không những tha tội lại còn cho đi châu Thánh địa cầu phúc. Đại Vương thấy anh bị hàm oan còn Tội nghịch thần tội đáng chết ; nên thưởng cho anh để bồi thường thiệt hại.

Thỏ nghe nói hoảng hồn định chạy nhưng Chồn đã nhanh chân hơn chặn ở cửa căn cỏ Thỏ.

Thỏ kêu cứu :

— Anh Dê ơi, cứu tôi với, cứu tôi.

Nhưng Thỏ chưa dứt tiếng đã tắt thở trong mồm Chồn.

Chồn âu yếm bảo vợ :

— Chúng mình làm thịt ăn mừng đi em. Thỏ xưa nay chả làm được cái tích sự gì, anh cứ cho là đồ vô dụng không ngờ hôm nay thế mà có ích cho chúng ta đáo đê. Các con vẫn thêm thịt Thỏ xưa nay.

Cả nhà ra tay làm thịt Thỏ quay áp chảo làm tiệc mừng Chồn bình yên trở về. Vợ Chồn lần đầu tiên được ăn thịt Thỏ cho là ngon vô cùng. Chồn bảo vợ :

— Em cứ ăn đi đừng để dành nữa. Thỏ rừng nhiều lắm; chúng nó dám láo với anh thì ngày nào em cũng có thịt Thỏ ăn.

Vợ Chồn hỏi :

— Nhưng em vẫn chưa hiểu anh làm cách nào thoát thân được.

— Chuyện dài lắm thông thả mới kể hết được. Anh đánh lừa Đại Vương nên được tha. Sau này khi Đại Vương biết rõ sự thật thế nào cũng báo thù xử tử anh, không còn mong gì trốn được. Bây giờ chúng ta phải nhanh chân trốn trước thì hơn. Chúng ta sang rừng già bên cạnh đó ai tìm thấy được. Lương thực ở đấy rất phong phú, gà thỏ rất nhiều, lại còn hoa quả mùa nào thức ấy, mật ong chim muông không thiếu thức gì. Nước sông vừa trong vừa ngọt, cá nhiều nước lại cạn rất dễ bắt, không khí vừa mát vừa thơm. Hồi anh ở đấy ngày nào cũng yến tiệc linh đình. Chúng ta theo phong tục bản xứ rồi sống luôn ở đấy rất sung sướng.

Hôm ấy Đại Vương tha anh vì anh hứa dâng một kho tàng châu báu, nên đã tròng dây vào cổ anh rồi lại cởi ra. Nếu không anh còn về thế nào được nhà. Nhưng mai đây khi biết là không có gì cả thế nào cũng đem binh vây thành chúng ta.

Vợ Chồn nghe xong ngằn ngại bảo :

— Dọn nhà đi nơi khác, đất khách quê người làm sao vui được. Chúng ta ở đây thức gì cũng sẵn; dân quanh vùng đều phục tùng anh, việc gì chúng ta phải mạo hiểm đi đâu. Chúng ta ở đây bình yên sung sướng thế này thành lũy lại kiên cố, dù Đại Vương có đem binh đến vây đi nữa, đường hầm thông ra các nơi rất nhiều, chúng ta lo gì chả có lối thoát. Chuyện này em không lo, chỉ có việc anh định đi châu Thánh địa là em không yên tâm thôi.

Chồn cười bảo :

— Ngày xưa có một nhà thông thái nói với anh rằng : « Chẳng thà thề dối, còn hơn chịu khổ ». Và những lời thề bị bắt buộc thần không chứng giám. Anh đã thề với Đại Vương thực, nhưng nếu em không muốn thì thôi. Anh sẽ ở nhà với em không đi đâu cả. Không dọn nhà mà cũng chẳng đi đâu làm gì.

Sơn Dương ở bên ngoài ăn cỏ đã no cất tiếng gọi :

— Anh Thỏ ơi, chúng ta đi đi thôi. Anh ở trong ấy làm gì lâu thế ?

Chồn nghe tiếng chạy ra trả lời :

— Anh Thỏ người rất yếu bóng vía, vừa rồi chạy nạn bị khỉ khiếp mấy lần nên anh bị mệt tim. Anh ấy muốn nằm nghỉ, nếu anh muốn về gấp thì cứ đi trước, sáng mai anh ấy chạy theo cũng kịp.

— Lúc này hình như tôi nghe thấy tiếng ai kêu cứu.

— À, đấy là tại tôi nói chuyện tôi sắp đi châu Thánh địa nên tôi lo ngại đường xa nguy hiểm ngắt đi. Anh ấy hoảng hốt gọi tôi bế lên giường ấy mà !

Sơn Dương nghi ngờ hỏi :

— Có thực anh ấy vẫn bình yên không ?

Chồn chỉ tay lên trời thề :

— Tôi xin thề với anh có mặt trời làm chứng, anh Thỏ đang ngủ rất ngon lành dưới sự bảo hộ của toàn gia chúng tôi. À, này hôm qua chắc anh cũng có nghe Đại Vương dặn tôi về nhà lo liệu sắp đặt xong viết thư Đại Vương hay. Thư tôi vừa viết xong, nhờ anh đem về nhé. Trong thư tôi kể tất cả công việc và tỏ bày lòng trung thành của chúng ta đối với Đại Vương.

— Nếu thế anh phải cho vào phong bì niêm cẩn thận, nhớ rách phiến làm đấy.

— Tôi đã có cách. Anh Gấu cho tôi cái bao da rất tốt. Tôi để thư vào đấy, nắng mưa cũng chẳng sao. Đại Vương thấy thế tưởng anh cẩn thận nhất định thế nào cũng trọng thưởng anh.

Chồn nói xong vào nhà lấy đầu Thỏ bỏ vào bao cột lại thực chắt niêm phong cẩn thận. Chồn đưa bao cho Sơn Dương và dặn :

— Anh đeo bao vào cổ cẩn thận kéo rơi và nhớ không được mở ra xem. Tôi xem trộm công văn nặng lắm đấy. Tôi gửi công văn cho Đại Vương bao giờ cũng có dấu « Mật » mà niêm phong. Anh đừng làm mất dấu Đại Vương không bằng lòng đâu. Anh tâu rằng tất mọi sự đều do ý anh quyết định, tôi chỉ là kẻ giúp anh thì hà

mà thôi. Như thế bao nhiêu công lao sẽ về anh, Đại Vương sẽ ban thưởng cho anh.

Sơn Dương sung sướng nhảy tới nhảy lui bảo :

— Cảm ơn anh, anh đối với tôi tốt quá đi mất. Đại Vương xem thấy công việc hoàn thành chắc sẽ khen ngợi vô cùng, các quan khác sẽ không bằng tôi được. Văn chương chữ nghĩa tôi tuy không bằng anh thực, nhưng ai biết đấy là đâu ! Người ta sẽ tưởng đấy là tác phẩm trừu danh của tôi. Lần này đi theo anh tôi đã học được rất nhiều điều ích lợi. À, anh còn gì dặn tôi nữa không ? Anh Thổ có cùng đi với tôi không ?

— Anh ấy chưa muốn đi vội. Và tôi còn nhiều việc cần phải dặn anh ấy. Anh cứ yên tâm đi trước đề về cho nhanh kéo Đại Vương mong.

Sơn Dương từ giã Chồn xong nhận bao đi thật nhanh. Hắn cố tránh con đường hôm qua sợ gặp lại bọn Sói. Tối đến hắn ngủ trong một trại hoang rất bình yên. Sáng hôm sau hắn dậy lên đường thực sớm nên buổi chiều đã về đến kinh.

SƯ VƯƠNG NHẬN ĐƯỢC LỄ VẬT

Vương Phi đợi châu báu của Chồn hứa cho mãi vẫn không thấy nên rất sốt ruột. Sư Vương trấn tĩnh hơn, mặc dầu trong đầu óc cũng chỉ nghĩ đến kho tàng. Vì là đàn ông nên trong lúc chờ đợi dù sao vẫn kèm chế được vẻ nóng nảy bản khoản không cho lộ ra ngoài mặt.

Ốc già đi tản bộ ngoài vườn trông thấy Sơn Dương từ đằng xa vội vàng chạy về báo tin. Sư Vương và Vương Phi mừng quá vội vàng đứng dậy định chạy ra đón, nhưng Sư Vương bỗng chợt nghĩ lại như hễ có vẻ long trọng quá, bất tiện trước mặt bá quan bèn lại ngồi xuống, và Vương Phi cũng ngồi bên cạnh như cũ.

Một lúc sau Sơn Dương vào, Sư Vương vội vàng hỏi :

— Khanh về một mình vậy Thổ đâu ?

— Tàu Đại Vương, đáng lẽ Thổ cùng theo kịp thần về đến nơi, không hiểu sao bây giờ vẫn không thấy tới.

— Vương Phi hỏi :

— Thế còn Chồn đâu ? Sao khanh lại đeo bao da của Chồn.

Sơn Dương trịnh trọng đáp :

— Tàu Đại Vương, bên trong bao có công văn của Thần và Nam Tước báo cáo. Đại Vương xem xong sẽ biết mọi việc đều được giải quyết một cách khéo léo vô cùng. Tất cả những điều quan trọng đều do thần định đoạt : Chồn chỉ hoàn toàn thi hành theo ý thần mà thôi.

Nói xong Sơn Dương đưa bao da lên. Sư Vương nhận bao thảo niêm phong mở ra xem và kêu lên một tiếng kinh ngạc. Vương Phi ngồi bên cạnh cũng hoảng hốt tái mặt, không biết nói gì.

Sư Vương cầm đầu Thỏ nâng lên cao cho mọi người cùng thấy

Sư Vương hỏi giọng nghiêm khắc :

— Chính tay Chồn giao bao da cho khanh phải không ?

Sơn Dương run sợ đáp .

— Tâu đại vương phải.

— Nhưng khanh nói đó là do chủ ý của khanh, Chồn chỉ tuân lệnh thi hành mà thôi !

Sơn Dương run sợ nói không ra lời :

— Tâu... tâu đại vương...

Tội nghiệp Sơn Dương ngây thơ thấy mình bị vào tròng mà không còn biết mình oan vào đâu được nữa.

Chồn lại phạm thêm tội giết sứ giả của Triều đình ; đã thế lại còn lừa sứ giả khác đem đầu về dâng Quốc Vương. Kho tàng cố nhiên là không có tin tức.

Điều này làm Sư Vương ngần ngại, không biết chuyện kho tàng có thực hay hay không. Sư Vương rất chú ý đến châu báu nên sẵn lòng tin là có, nhưng vì Chồn tiếc của nên không muốn giao ra đấy thôi.

Vương phi buồn rầu, Sơn Dương lo sợ. Sư Vương cầm đầu Thỏ suy nghĩ không biết nên tính sao. Nếu hỏi ý kiến bá quan thì thế nào họ cũng xin giết Chồn. Nếu Chồn không có kho tàng thì chả ngần ngại gì mà không giết hân vì đấy là cách xử công bình nhất. Nhưng nhờ có thực, hân sẽ đem sự bí mật của kho tàng vào phần mộ thì còn mong gì tìm ra nữa !

Sư Vương suy nghĩ một lúc thấy mệt mỏi bèn đứng dậy bảo :

— Chồn dùng kế lừa ta, ta đã làm hạ ngục hai đại thần, từ nay còn gì uy tín nữa !

Mèo lên tiếng :

— Đại Vương đừng nghĩ, thế. Tuy công việc có nhằm lẫn đôi chút nhưng cũng còn có thể cứu vãn. Vừa rồi Sơn Dương nói là do ý kiến của anh ấy ; bây giờ xin Đại Vương đem Sơn Dương thưởng cho. Sói xem như bồi thường tổn thất, gọi là có thưởng có phạt mới công bình. Nay mai nếu ta phát binh đi vây thành Chồn, bắt được hân là giết ngay cấm không cho mở miệng, vì sợ Chồn thốt ra được một lời là không còn có thể chết được nữa.

Sư Vương gật đầu bằng lòng. Mèo bèn vào ngực tự tay mở trói cho Sói và Gấu bảo :

— Tôi phụng mệnh Đại Vương đến thả hai anh. Đại Vương nghe làm kẻ nịnh làm khổ hai anh nên rất áy náy. Hôm nay tha hai anh và ban Sơn Dương và cả giòng họ cho hai anh. Từ nay anh gặp hấn ở đâu, bất cứ đồng hay núi cứ việc ra tay, Về sau con cháu Đại Vương cũng sẽ tuân theo dụ này. Các anh đừng nghĩ đến chuyện trước, cứ giữ lòng trung thành với Đại Vương như cũ, thế nào cũng có ngày phát đạt.

Nhân dịp mừng Sói và Gấu phục chức Sư Vương còn ra lệnh Triều đình đại yến mười hai ngày.

Vua quan suốt ngày chè chén vui vẻ đến ngày thứ tám bỗng có một con Thỏ rừng đến báo tin con đường đi qua thành lũy của Chồn bị bế tắc, bất luận ai đi ngang qua cũng bị Chồn chặn đánh. Thỏ bị thương rất nặng nhưng cố chạy thoát được. Một con Quạ cũng đến kiện Chồn giết chết vợ mình.

Sau một hồi suy nghĩ, Sư Vương quyết định kéo đại binh công phá thành Chồn, Vương Phi can :

— Xin Đại Vương bớt giận đừng nói nặng lời và cũng đừng thề thốt làm gì nhỡ không giữ được sẽ giảm mất uy phong. Trong khi ta chưa biết rõ tình hình sự thực ra sao cần phải hỏi lại bị cáo mới được. Nếu Chồn đến đối chất thiếp biết rằng có rất nhiều người sẽ không dám mở miệng. Ở đời lắm kẻ chính mình cũng chất đầy một kho tội ác nhưng ưa bới vạch chuyện người khác một cách nghiêm khắc, làm như chính mình không biết phạm tội gì bao giờ.

Chồn vừa thông minh vừa chu đáo. Hấn ta hay làm mất lòng thiên hạ điều ấy có thực nhưng hấn là một nhân tài có một không hai ; kế hoạch của hấn bao giờ cũng rất hay. Biết đâu chả có lúc chúng ta cần dùng đến hấn. Xin Đại Vương đừng nóng nảy ; quyền sinh sát trong tay Đại Vương, chả cần gì phải quá vội vàng.

Lợn Lòi cũng khuyên :

— Tâu Đại Vương, xin truyền chỉ triệu Nam Tước về kinh rồi sẽ định tội.

Sói cũng lên tiếng :

— Nếu Chồn dám về kinh tôi chắc hấn sẽ không thoát khỏi tội chết. Hiện giờ tôi chưa nói vội đợi hấn đến sẽ hay. Xin các đại thần nhớ là Chồn đã đem kim ngân châu báu tưởng tượng ra để lừa Đại Vương rồi, chuyện này nhất định không còn gì đem ra nữa.

Sư Vương lắc đầu :

— Chúng ta cần gì phải ngồi đây đợi Chồn đến. Vài hôm nữa chư

khánh theo ta kéo đại binh đi phá thành. Tuy Chồn thông minh mưu trí chẳng ai bằng, nhưng vì hắn quá thông minh, ta e nếu dùng túng mãi có ngày hắn sẽ cầm bán cả ta lẫn Vương phi mà chẳng cần hỏi qua ý kiến ta nữa !

Chư khanh hãy chuẩn bị khôi giáp cung đao ; theo ta đi bắt Chồn bảo vệ danh dự, trả thù cho tất cả những kẻ đã bị Chồn hại. Nếu ai lập công đầu ở chiến trường ta sẽ phát huy chương thưởng ngay tại trận để khuyến khích. Chúng ta vây thành thử xem tài Chồn còn có bao nhiêu.

Bá quan ai nấy ra về lo chuẩn bị dụng cụ phá thành. Lợn Lòi nghe tin vội vàng đi tìm Chồn để báo tin. Hắn đi suốt ngày đêm không ngừng nên đến được rất sớm. Từ đằng xa Lợn Lòi đã trông thấy Chồn đang ngồi trước cửa nghịch với hai con chim bồ câu sữa.

Chồn trông thấy chào trước :

— Chào anh Lợn Lòi. Anh có việc gì mà hoảng hốt vội vàng thế. Nhà cháy hay chị ấy dở dạ.

— Không phải, không phải. Tôi vì anh mà chạy mệt thở không ra hơi. Nguy lắm rồi. Đại Vương đang giận anh thề chuyển này giết chết anh đấy. Chỉ bốn ngày nữa sẽ phát đại binh công phá trại anh, khí giới cung tên đều sẵn sàng cả. Sói và Gấu lại được tin cậy như xưa, Đại Vương bây giờ tin họ còn hơn anh tin tôi nữa. Bọn họ nói gì Đại Vương cũng nghe. Sói thù anh nhất, bảo anh là lãnh tụ của quân cường đạo sát nhân, khích Đại Vương tức giận. Đại Vương hiện đã phái Sói làm Lục Quân Thượng Tướng. Gấu Tiên phong cầm binh nhất định lập công đầu. Thỏ và Quạ cũng vừa đến kiện anh. Anh liệu làm sao bây giờ ?

Chồn ung dung :

— Còn gì nữa không ? Nếu chỉ có thế thôi thì chẳng có nghĩa lý gì. Dù Đại Vương và bọn đại thần ấy thề cả đến trăm nghìn lần tôi cũng bất chấp. Tôi chỉ cần về Triều một hôm là đầu vào đấy cả. Bọn họ xưa nay chỉ biết tán mép là giỏi chứ thành công rất ít, chẳng bao giờ chúng nghĩ ra được một kế gì hoàn toàn. Nếu có trúng được món nào chẳng qua là chó ngáp phải ruồi đấy thôi ! Anh đừng lo, tôi đã có cách sau này anh sẽ biết.

Chồn ngừng một lúc và nói lảng sang chuyện khác :

— Tôi vừa bắt được hai con bồ câu non béo mềm đây. Tôi thích nhất món này, vừa ngon vừa bồ dễ tiêu ; chẳng cần nhai mạnh đã nuốt xuống cổ rồi, cả đến xương cũng mềm và thơm, vừa đến miệng đã như muốn tan. Bồ câu non một nửa là sữa một nửa là huyết, mùi vị nhẹ nhàng đậm đà có thể gọi là ngon nhất trên đời. Nhà tôi cũng thích ăn lắm. Chúng ta vào nhà chén đã. Chuyện ấy anh đừng nói với nhà tôi, tính đàn bà nhất gan nghe thế đâm lo có

món ăn ngon nuốt cũng không xuống. Mai chúng ta sẽ về kinh, và anh giúp tôi một tay là tôi sẽ tai qua nạn khỏi ngay.

Lợn lòi bảo :

— Tôi xin hy sinh cả gia đình tính mệnh tôi cho anh.

Chồn cảm động :

— Tôi cũng không quên ơn anh đâu. Chỉ cần tôi còn sống ngày nào, tôi sẽ sống cho anh.

Lợn Lòi dặn :

— Anh cứ can đảm về kinh đối chất với bọn họ. Tuy Đại Vương đang giận nhưng Vương Phi muốn nghe anh nói trước khi định tội. Anh nên đề toàn lực vào điểm này.

— Tôi chỉ cần bình tĩnh thế nào cũng có lối thoát. Dù Đại Vương giận đến đâu nghe tôi nói một lúc cũng phải đổi ý, và lại còn tin cậy hơn xưa nữa.

Hai người bàn bạc xong vào nhà. Vợ Chồn vội vàng dọn tất cả thức ăn ra thết khách. Ba người chia nhau hai con bồ câu nên có hơi ít, nhưng như thế càng thấy quý và ngon thêm. Cơm nước xong, Vợ Chồn pha cà phê, Chồn ngồi cạnh Lợn Lòi khoe con :

— Hai thằng bé con tôi rất thông minh lanh lợi. Thằng Cả đã biết bắt gà lớn, thằng Hai biết bắt gà con ; lại còn lợi được xuống nước đuôi vịt và bắt chim nữa. Tôi muốn cho chúng đi săn nhưng còn phải dạy thêm cho chúng ít uhiều kỹ thuật và nghệ thuật. Phải nhanh nhẹn và nhiều mưu trí mới tránh được bọn thợ săn, chó săn, bầy. Đợi cháu khá hơn là có thể đi săn thú rừng cả nhà chả lo gì thiếu ăn. Chúng nó đều giống cha, chỉ cần nhúng tay vào một tí là cả người lẫn vật đều điên đảo. Chúng nhảy đúng, cắp chặt ; đó là tài đặc biệt di truyền của bố.

Lợn Lòi cũng khen ngợi :

— Anh được hai cháu như thế thực hạnh phúc vô cùng. Bà con bạn bè sinh được lắm nhân tài ưu tú tôi cũng vẻ vang lây. Tương lai của các cháu sau này nhất định sẽ rực rỡ chả kém gì bố.

Chồn bảo :

— Thôi bây giờ chúng ta đi ngủ lấy sức mai lên đường sớm.

Chồn đi nằm nhưng trần trở suy nghĩ kế thoát thân mãi vẫn không ngủ được. Lúc nấy hẳn nói cứng với Lợn Lòi là cốt để giữ uy tín chứ thực ra trong thâm tâm hẳn cũng chưa biết vận mạng mình sẽ ra sao.

Chồn bảo vợ :

— Mai anh về Kinh, em ở nhà lo canh giữ đồn trại. Có ai đến hỏi anh, em tùy cơ ứng biến người ta cho khéo.

Vợ Chồn lo lắng :

— Cả Triều đình đều chống lại với anh nguy hiểm lắm. Anh không về có được không ?

Chồn lắc đầu :

— Nhất định phải đi em ạ. Nếu không chúng nó kéo binh đến, không bắt được ta cũng phá hại dinh trại. Ít nhất cũng làm cho ta phải bỏ đi nơi khác, em và các con sẽ khổ; nhất là phải trốn tránh tất cả bọn chúng nó mệt lắm. Tuy hiện nay anh thù nhiều hơn bạn, nguy hiểm thực đấy; nhưng chuyện đời thiên biến vạn hóa chả biết thế nào mà ngờ trước. Ai thành công được gọi là anh hùng, ai thất bại là loạn thần nghịch tặc. Anh còn cơ hội anh phải đương đầu với chúng nó, em đừng lo chỉ độ 6, 7 hôm anh sẽ về.

Vợ Chồn nghe nói có lý và vẫn tin phục tài chồng xưa nay nên không cản trở gì nữa, và cũng không nói chuyện để cho Chồn ngủ yên ấy sức mai lên đường.

VỀ KINH

Sáng hôm sau Chồn và Lợn Lòi cùng dậy sớm lên đường.

Chồn thấy im lặng mãi cũng buồn nên gợi chuyện trước ;

— Ngày mai gặp Đại Vương phúc hay họa chưa biết trước; nhưng dù sao chuyến đi này cũng rất cần. Anh ạ, từ ngày tôi xưng tội sám hối với anh xong, tôi lại phạm thêm nhiều tội mới nữa. Bây giờ nhân tiện tôi muốn xưng tất cả với anh để lương tâm khỏi cắn rứt.

Lợn Lòi gật đầu bằng lòng. Chồn bắt đầu kể :

— Tôi đã bóc được mảnh da tốt nhất trong người Gấu. Vợ chồn Sói cũng phải lột cho tôi mỗi người một đôi giày. Tôi báo được thù như thế cũng là nhờ tôi nói dối với Đại Vương tôi có một kho tàng xi dăng cho Đại Vương. Mới đây tôi lại giết Thỏ gửi đầu về, Thỏ và Qu kiện tôi cũng không oan tí nào.

Còn một chuyện này tôi cũng kể nốt anh nghe. Một hôm tôi và Sói đang kiếm ăn, chúng tôi đi lang thang gặp hai mẹ con mụ Ngựa Đen. Sói bảo tôi :

— Cháu xưa nay vẫn nổi tiếng ngoại giao giỏi. Bây giờ cậu đòi quá cháu hãy đến hỏi xem mụ Ngựa đen kia có bán con mụ không. Nếu giá phải chăng chúng ta ăn tạm vậy.

Tôi liền đến gần mụ Ngựa đen hỏi rất lễ phép :

— Chào chị Ngựa. Cô bé kia chắc là con của chị. Chị có vui lòng bán không ?

Mụ Ngựa vui vẻ đáp :

— Tôi không có ý định bán nhưng nếu bác trả giá cao thì tôi cũng để lại cho bác. Giá cả tôi đã viết sẵn vào móng chân sau của tôi ấy. Bác có muốn xem thì xem.

Tôi thấy hơi ngại ngại nên trả lời :

— Tôi rất muốn xem chị ạ ; chỉ tiếc rằng tôi không biết chữ số Ả rập. Và lại không phải tôi muốn mua ngựa, cái nhà bác Sói đứng đằng kia nhờ tôi hỏi hộ đấy thôi.

Ngựa mẹ cười trả lời :

— Nếu thế bác gọi bác ấy đến mà xem.

Tôi trở lại nói với Sói :

— Ngựa mẹ bằng lòng bán con, giá tiền viết ở móng chân sau. Tôi sợ mụ ta viết bằng chữ ngoại quốc đọc không được xấu hổ nên không xem. Cậu muốn mua thì đến may ra đọc được.

Sói kiêu hãnh trả lời :

— Nhất định đọc được hẳn đi. Tiếng Anh, Pháp, Việt, Tàu, La Tinh, Hy Lạp, có chữ gì là chữ cậu không biết. Hồi xưa lúc cậu đang bên ấy vẫn cùng các nhà bác học đối đáp lâu lâu. Cậu đọc hánh kinh nhanh như đọc tên mình. Hôm nay chỉ có một cái giá.

Sói nói xong đến gần ngựa Mẹ hỏi :

— Ngựa con chị bán bao nhiêu tiền đấy ? Tính giá phải chăng ừng nói thách tôi sẽ mua ngay.

Ngựa mẹ trả lời :

— Tính tôi thẳng thắn đã nổi tiếng xưa nay. Buôn bán không nói hách bao giờ. Nói bao nhiêu bán bấy nhiêu, giá cả công bình phải bằng. Bác thật lòng muốn mua thì xem ở móng chân sau tôi ấy.

Sói đến gần chân ngựa cúi đầu hỏi :

— Đầu cho tôi xem.

— Đây này.

Ngựa mẹ nói xong cất chân lên cao bên dưới móng có đóng 6 cái đinh nhọn hoắc. Mụ lấy hết sức mạnh đá trúng ngay vào đầu Sói không chệch đi một ly một tý nào, Sói bị đòn bất ngờ ngã xuống đất ngất đi. Ngựa Mẹ cũng dắt con bỏ đi nơi khác.

Sói nằm ngất mãi đến một giờ sau mới tỉnh lại, đầu hấn bị thương nặng vừa rên vừa khóc. Tôi đến gần hỏi :

— Ngựa mẹ đi đâu rồi hở cậu ? Thịt ngựa con có ngon không hở cậu ? Cậu có thịt ngựa con vừa mềm vừa bổ xơi quên mất cả cháu như thế thực không phải ! Cậu ăn no xong lại còn ngủ kỹ thực sung sướng nhất trên đời. À, thế còn trên móng ngựa viết bằng chữ gì thế hở cậu ? Học vấn uyên thâm như cậu chắc làm gì mà chả hiểu nhỉ !

Sói tức giận trả lời :

— Con mẹ ấy thế mà lưu manh ! Cháu có thấy cái gì trên trán cậu không ? Sáu cái lỗ thủng thịt chảy máu đây này, giá tiền bán con của nó đấy. Không cần đọc được chữ, chỉ đếm cũng biết.

Thực ra Sói bị chết hụt cũng tại tôi biết mà không bảo. Tôi xin nhận hết tội lỗi. Anh cầu Thượng Đế tha tội cho tôi nhé. Mai đây chưa biết chết sống ra sao, thú tội rồi trong người nó nhẹ nhàng không bứt rứt như trước nữa. Nếu may mắn tôi thoát tội, anh bảo tôi nên làm thế nào để ăn năn cái ác từng thiện.

Lợn Lòi thở dài bảo :

— Bây giờ tôi mới biết anh là con người bất trị, tội anh nhiều quá ai nghe cũng ngán. Nhưng thôi dù sao kẻ chết cũng đã chết rồi, còn tôi thấy anh lâm nguy chả nhẽ không cứu. Cố nhiên tôi sẽ cầu xin Thượng Đế tha tội cho anh, nhưng bọn kẻ thù của anh sẽ chẳng để anh yên đâu. Rắc rối nhất là vụ đầu Thỏ. Sao anh lại dùng thủ đoạn như thế để trên tức Đại Vương ? Đó là miếng đòn trí mạng đấy !

Chồn cười nhạt :

— Vụ này chẳng quan hệ một chút nào cả. Anh cũng thừa biết rằng ở đời này muốn sống, muốn tồn tại không phải dễ ; nhất là chúng ta không phải là kẻ ăn chay tu hành, đóng cửa cầu chuyện trong giáo đường.

Lúc ấy Thỏ nhí nha nhí nhảnh trước mặt tôi một cách đầy kêu gọi ; hấn ta vừa béo vừa xinh đẹp, tôi thì vừa mệt vừa đói anh bảo làm sao mà chả động lòng. Vợ con tôi đang chào mừng chả nhẽ không có quà gì cho chúng vui, không có gì cho vợ con ăn bất đắc dĩ tôi phải làm thế.

Về phần Sơn Dương tôi không ghét hấn, và bắt hấn gánh nạn thay cho tôi. Nhưng đó là tại Đại Vương làm việc cầu thả, ai lại « gởi trứng cho ác », và chúng nó tại sao lại dám tin tưởng và đi theo tôi ?

— Điềm này anh sẽ trả lời với Đại Vương, tôi không cần biết. Tôi

chỉ khuyên anh phải khéo tùy cơ ứng biến lắm mới được vì chuyện nguy hiểm vô cùng. Anh có biết trên đời có ai dám chọc gan Sư Tử mà chơi không ?

Chồn mĩa mai :

— Phải, tôi biết gan Sư Tử to lắm, Sư Tử dữ lắm, nhưng Sư Tử là Đại Vương của chúng ta có đạo đức hơn chúng ta chỗ nào chẳng ? Đại Vương không chính tay bắt thú ăn thịt, nhưng sai Sói và Gấu đi bắt, và cho đó là một điều chính đại quang minh hợp pháp vô cùng. Trong triều chúng nó vào cánh với nhau kiếm ăn chung nên chả ai hờ môi ; mà còn phải nói gì nữa vì ai cũng có chia một phần. Anh bảo như thế thì còn ai dám kiện !

Sư Tử là Quốc Vương của rừng xanh, cái gì cũng của Quốc Vương. chúng ta, đàn thú bé nhỏ cũng thuộc quyền sở hữu của Quốc Vương. Quốc Vương muốn làm tình làm tội thì làm, xơi ai thì xơi...

Anh xem đấy, tôi hiểu rõ hết mà có dám nó ra đâu ! Ai ở gần, ngày đêm nịnh hót bợ đỡ, sẵn thú dâng lễ vật luôn luôn thì được yêu. Chẳng hạn như Sói và Gấu, chúng nó vừa cướp vừa trộm nhưng vì Đại Vương tin yêu, nắm quyền lớn trong trong nên ai cũng biết mà không dám nói ra, chỉ mong đến được tin dùng để thừa cơ hội phát tài, hay vơ vét cho hả lòng tham. Bọn chúng quyền cao chức lớn ăn miếng lớn ; còn tôi con Chồn bé nhỏ, bụng nhỏ chả ăn được nhiều, có lớn gan lớn mật dám bắt gà con thì họ lập tức hạ lệnh tróc nã, mọi người cùng đồng thanh xin xử tử. Tôi chỉ phá hư đồ đạc đôi chút thì bị tội chết ; họ đốt nhà giết người thì chả ai dám nói gì ; chẳng những thế còn được chia biên giới, phong vương phong tước, vây thành đắp lũy củng cố gia tài điền sản, địa vị danh vọng...

Chúng nó lúc nào cũng chỉ thích moi móc, bới lông tìm vết kể tội người ta, còn tội chúng đầy đầu thì không hề biết đến bao giờ ; ai làm điều gì tốt chúng cũng không cần biết đến bao giờ, làm lộn một chút gì thì chúng kể suốt một đời, làm như mình trong sạch đức hạnh lắm, kỳ thực bản thân chúng cũng là một cái thùng đựng rác mà thôi.

Lợn Lòi có vẻ bực mình :

— Bây giờ anh kể tội người ta thì có ích lợi gì cho anh ? Mỗi người có một trách nhiệm riêng, thử hỏi trách nhiệm của anh đã làm trọn hay chưa ?

Anh đã là kẻ thức giả, hiểu nhân tình thế thái đến mức ấy còn đợi gì mà không đi làm Giáo sĩ để tôi xưng tội sám hối với anh ; tại sao anh lại xưng tội sám hối với tôi làm gì ?

Hai người vừa đi vừa trò chuyện bỗng gặp Khỉ từ đằng xa đi lại. Khỉ nói cho biết là mình lên đường sang bên ấy công cán. Chồn than thở:

— Tôi rủi quá đi mất, bọn chúng nó đang kiện tôi lung tung cả lên. Nhưng những chuyện vặt ấy đối với tôi chẳng có nghĩa lý gì; điều tôi ngại nhất là bị trừ giáo tịch. Anh sang bên ấy cố vận động cho tôi được yên, suốt đời tôi không dám quên ơn anh.

Khỉ đáp :

— Tưởng gì chứ việc ấy anh đừng lo. Bên ấy tôi quen biết nhiều lắm, không có đường lối chạy chọt nào là tôi không thông thuộc. Tôi đã từng làm Luật-sư bên ấy, bao nhiêu đại nhân vật tôi qua biết hết, có việc gì là việc không làm được. Thần thông quảng đại như tôi đã nhận làm là phải thành công. Hôm nay anh về Kinh có nhà tôi cung cần gì anh cứ nói nhà tôi sẽ giúp một tay.

Chồn cảm tạ và từ giã Khỉ tiếp tục cuộc hành trình.

LINH-BẢO

tiếng hát của loài không tên

*Ta không hiểu ta sinh ra thời nào và giai đoạn nào trong
lịch-sử*

*mà muôn năm ta không trẻ không già
không thời gian nào đi qua tâm hồn ta
không sự hủy diệt nào hỏa thiêu thân thể
những sự kiện nhỏ này không đáng xót xa
nếu các người không lên lời ám ảnh
bằng triệu nỗi buồn bằng triệu niềm vui
mà khổ chưa
không có lời than nào bay cao
không có lời ca nào điệu vợi
thì làm sao xao xuyến được bầu trời
mà ta là bầu trời đó.*

*mây dù xanh trời càng xanh thắm
lời dù cao trời càng cao hơn
trong bao la này ta bình yên nhắm mắt
bao dung cho tất cả loài người
coi linh hồn như chiếc khăn tay khá lớn
— Tội lỗi ?*

ừ, người cứ giết đi

— Vinh nhục ?

ừ, người cứ giết đi

*nước không đục vì sông dài bề rộng
ta không buồn vì ta quá mênh mông
Vậy hát ca hay than thở làm gì ?*

ta cũng không cần hai người để yêu nhau
10 người để bè bạn
trăm triệu người để cai trị khiến sai
ta chỉ cần ta
và ta là tất cả
Sao các người còn cao vọng ôm ta
đèn không đỏ vì trời không tối
ta không cần các người vì ghét thói ba hoa
từ những vở kịch dài không diễn hết
bằng âm thanh mà người gọi tiếng linh hồn
từ những lần xác thân người mỗi một
hy vọng hảo-huyền Thượng-Đế đến hôn
Vết máu đậm người bảo là lịch sử
này Vinh quang — này Dân tộc — này Giang-sơn
quyến rũ lắm các người nên tiếp diễn

chỉ có thể sao các người không hiểu
mà còn tìm vĩnh viễn với hư không
ta thì cao
ta thì rộng mệnh mong
các người chỉ là loài sâu loài bọ
ôm cao vọng làm chi cho tuổi trời nổi gió
xa cuộc đời và xa cả chân'ta

TÌM HIỂU GIẢI-THƯỞNG NOBEL « Y-HỌC »
NĂM 1962

ÁCIT ĐÊ-OXY-RIBO-NUCLÊIC (D.N.A.) VÀ SỰ SỐNG

Vào ngày thứ năm 18-10-1962 Hội-nghị các giáo-sư của viện Karolinski tại Stockolm, thủ-đô vương-quốc Thụy-Điễn, đã trao tặng giải-thưởng Nobel Y-học 1962 cho ba người : hai nhà sinh-vật-học F.H.C. Crick, J.D. Watson và nhà vật-lý-học M.H.F. Wilkins.

Bản thông-cáo về giải-thưởng này chỉ rõ ba nhà bác-học Crick (Anh) Watson (Mỹ) và Wilkins (Anh) được tặng thưởng vì : « Đã có công xác-định sự cấu-tạo ba chiều (trong không gian) của chất acít đê-oxy-ribô-nuclêic. Các vị giáo-sư trúng giải đã chứng-minh được rằng acít đê-oxy ri-bô nuclêic là một phần-tử giống hình « hélice » kép và các vị này cũng xác-định được thành-phần hóa-học của acít đó ».

Và tiếp : « Sự khám-phá cấu-tạo phần-tử ba chiều của các acides nucléiques có hậu-quả quan-trọng đối với môn sinh-vật học cơ-bản về phương-diện làm sáng-tỏ mọi khía-cạnh của các ám-hiệu sinh-vật-học ».

Bản thông-cáo không giải-thích vì sao giải-thưởng y-học lại tặng cho một công-trình khám-phá về hóa-học và vi-ti vật-lý ; và chính cáo

Nhưng khi đã nghĩ là mình cũng phải đi lại con đường mẹ mình đã đi, thiếu-nữ họ sẽ bắt đầu tập sự. Không phải là tình-yêu đến chậm với họ nhưng thực ra với một cô gái Nhật tình-yêu luôn luôn đi kèm bồn-phận và họ chỉ nhận được tình-yêu khi đã ý thức được bồn-phận của mình. Và thiếu-nữ đó bắt đầu vào trường. Họ có thể bỏ một hai hay ba năm để học không phải để lấy một cái B.A hay B.S, họ học cắm hoa, học gia chánh và học trang hoàng nhà cửa. Có nhiều lúc tôi đã tự hỏi không hiểu vì sao Nhật-bản có thể tiến nhanh khi người dân của họ ít khi có được một sáng-kiến nào. Người con gái không vào học cắm hoa, không theo lớp gia chánh, sẽ không bao giờ biết đặt một bông hoa cho đẹp sẽ không nấu được một thức ăn gì cho đầy đủ hương-vị. Họ cứ theo lối cũ và nghĩ rằng con đường đã vạch sẵn mà không đi sẽ không bao giờ đến được cái đích mình đã định... Và trong khoảng từ 1 đến 3 năm họ sẽ lần lượt học tất cả, từ cách pha trà mời chồng, mời khách từ những lễ lược, những phong-tục, bình hoa hay những món ăn tùy mùa. Cái tổ-chức gia-đình đó đã được họ nhìn, gần như cả trăm người đàn bà dưới một hình ảnh giống nhau, và khi đã xong họ có thể bắt đầu đi vào đó được khỏe-khoắn.

Nhưng chưa hết, thanh thiếu-nữ Nhật đã thấm nhuần rất nhiều cái tinh-thần tự-lập. Và gia-đình của họ phải là một gia-đình được lập ra do sự đồng-ý và hợp-tác của hai người. Các cô gái và các chàng trai có việc làm, không bao giờ tiêu hết ngay số lương kiếm được. Người ta vẫn bảo dân Nhật sống không có tương-lai, thực ra với những tương-lai gần, người Nhật vẫn tự-ý hy-sinh không nề hà gì cả.

Với số lương một nhân công trong hãng mỗi tháng 10.000yen họ có thể để dành phân nửa vào trong quỹ của hãng, để lấy lời. Họ sống rất cần kiệm, thức ăn tính đủ nhiệt lượng chứ không cần ngon miệng. Và cứ như vậy, họ sẽ dồn cho số tiền đó đủ đến lúc họ vừa tuổi lập gia đình. Có những thanh niên đã 29 tuổi vẫn chưa có đủ tiền để thuê được một căn phòng ở apparto — thì chưa lấy vợ — nhưng chuyện đó rất hiếm. Khi kiếm lại số tiền dành giùm đã tiệm tiệm đủ, các cô các cậu mới bí mật tìm ý trung nhân. Ở những tỉnh lớn thì việc này thường do chính đương sự tìm nhưng có nhiều nơi vẫn do cha mẹ định như thường khi hai bên thấy có thể thì họ tính chuyện kết hôn.

Các thanh thiếu nữ Nhật vì những lý do này họ mà lập gia đình rất trẻ, so với V.N. Tuy nhiên điều này làm cho gia đình của họ khi lập ra là đã có một nền móng vững chắc vì cả hai đều có thể tự tin ở mình, ở những kinh nghiệm thu thập trước khi cùng đi vào đời. Một người đàn bà Nhật khi về nhà chồng sẽ sống tất cả đời mình cho chồng và vì chồng, họ phải ý thức được điều đó vì nếu không, họ vẫn còn thì giờ để bay nhảy, để làm đủ cả những gì họ thích trong lúc còn tự do.

Người đàn bà Nhật quan niệm chuyện « sống vì và cho chồng » ấy như chuyện hiển nhiên phải có khi mình tự ý bằng lòng lời cầu hôn

của người yêu — cho nên họ sống hiền lành đến thụ động và chiều chuộng mọi người đến tưởng như nhu nhược ! Đàn ông ở đây, sau giờ làm việc có thể đi từ phòng trà này sang tửu quán nọ, họ đi một mình không bao giờ có bóng dáng vợ theo sau. Những điều đó không làm cho bà vợ buồn. Họ chỉ buồn khi thấy chồng trở về mệt mỏi hay không có một món quà gì cho con — cho vợ. Họ vẫn biết chồng ham chơi nhưng cái hạnh phúc người đàn bà cảm được là sau những giờ phút đó thấy chồng vẫn là của mình và tìm về mình như cái điểm tựa đầu tiên và cuối cùng. Cái đức kiên nhẫn và cần cù không thiếu trong công việc của các bà ở đây. Họ có thể ngồi xếp chân chờ cho đến hạt cơm cuối cùng vào miệng đứa con, và có thể chong đèn làm việc suốt đêm chờ lúc chồng về — dù có say mèm và lảm nhảm.

Rồi buổi sáng thức sớm làm cơm, mãi đến giờ đi làm chồng vẫn còn lướt khướt nằm nhà, bà nhỏ nhẹ lên phòng đỡ chân — « Dậy đi papa ơi, đến giờ rồi ! » ông còn gãi đầu, ông còn lăn qua trở lại để cuối cùng đồ đạc ngổn ngang trong phòng bắt đầu một ngày khác bằng những ân cần săn sóc của vợ...

Có bao giờ người đàn ông Nhật ý thức được cái hạnh phúc tràn đầy của họ ? Cái nếp sống vương giả đó chỉ có được trong xã hội mà người đàn bà lúc nào cũng hy sinh vì đang mặc cho những sự kiện trước mắt mình những khổ áo đẹp dễ nhất.

Và tôi tự nghĩ — dù có cách xa nhau hàng trăm cây số ngàn, dù có khác lạ nhau vì ngôn ngữ, trong tận cùng lòng con người vẫn có những ý muốn và những tư tưởng không thể tách rời ra được. Vì con người còn sống với nhau — và còn mãi mãi phải hy sinh cho nhau.

LÊ THỊ - HÀN
Tokyo

hải đảo

sờ râu
thẹn mặt
con trai
nghe mãi nghe hoài...
chuyện buồn vĩnh cửu

tôi sớm khổ đau già trước tuổi
sinh ra không biết làm gì
giả sử yêu em
em còn nhìn được mặt ?
sự tàn phá kinh khủng
tôi lột xác từng ngày
đối với tôi không còn tái ngộ
chẳng có tương phùng
tôi ngu dại tự nhận là thi sĩ
lãnh án chung thân
khờ sai ngoài hải đảo
ngày ngày vác từng tảng đá u buồn
xây thành lũy cô đơn
những đêm gió bão
những ngày mưa
trong hang tối tăm hồn
tôi đốt lửa
ngủ vùi rồi chợt thức
nhớ án lưu đầy
tiếp tục
công việc từng phút từng giây
ngoài kia sóng vỗ
trên trời chim bay
đất liền cách trở
gió buồn nước nở
cây buồn lá đỏ
trời buồn mây bay
thôi xong kiếp này.

LÊ VINH-THỌ

CHUYỆN NGƯỜI BẠN TÔI

ĐỨC - VÂN

Câu chuyện sau đây là chuyện có thực của một người bạn thân của tôi. Dem kể lại cho các bạn nghe, tôi không làm sao không nghĩ đến sự vô-lý của nó, và đến sự trớ-trêu của định-mệnh.

Bạn tôi là anh Bình. Chúng tôi chơi thân với nhau từ thuở nhỏ suốt trong thời-kỳ Trung-học cho đến khi lên Đại-học, rồi về sau này ra đời làm việc. Anh Bình, ngay từ khi vào trường thuốc đã say mê với khoa giải-phẫu. Suốt bảy năm trời theo học, tôi không thấy anh nghỉ lấy một ngày. Những ngày lễ chính-thức lại là những ngày anh làm việc nhiều nhất. Anh thường nói trong những ngày ấy anh học được nhiều hơn cả, vì không phải lo đến bài vở ở trường, chỉ chuyên theo dõi bệnh-tình của những người bệnh là sự cần-thiết nhất. Cũng trong những ngày ấy, anh dùng thì giờ để hợp-tác với các bậc đàn anh viết các bài khảo-cứu về các vấn-đề bệnh-lý đặc-biệt.

Những ngày thường thì lúc nào cũng thấy anh bận là lẽ dĩ-nhiên đi rồi. Giữa hai cuộc giải-phẫu, giữa hai buổi ban ngày làm việc, trong những đêm được thanh-thoai, anh lại vui đầu trong sách vở, báo-chí Y-khoa. Những kiến-thức của anh thật vững-chãi và anh sớm thành-công trong sự-nghiệp giáo-khoa là điều không làm một ai ngạc-nhiên.

Sau một năm tốt-nghiệp, anh đã là trợ-giáo tại bệnh-viện, sau ba năm là giáo-sư thực-thụ. Năm thứ tư anh cưới vợ, và tôi đi làm chứng cho anh.

Không bao lâu một cháu bé gái ra đời, làm tươi vui thêm gia-đình đầm-ấm của anh. Ai nhìn vào cũng phải nhận thấy rõ-ràng hạnh-phúc đang nuông-chiêu anh.

Chiến-tranh đến, gây xáo-trộn trong cuộc đời binh-thảo hòa-êm ấy và trong một thời-gian tôi ít liên-lạc với anh Bình.

Anh được bổ-nhiệm làm Y-sĩ trưởng khu giải-phẫu Quân-Y-Viện V.T. Ngoài những giờ dành cho công-vụ, anh mỗ thêm ở các Dưỡng-Đường tư. Các bệnh-nhân của anh hết sức tin tưởng anh, cho nên với số thân-chủ đông-đảo, uy-tín của anh cũng mỗi ngày theo sự thành-công của anh mà tăng lên.

Một buổi sáng, tôi vừa bước chân vào phòng băng thì thấy anh cũng sắp sửa đi ra, một tay bị băng lại...

— Làm sao thế Bình, bị bệnh-nhân cắn đấy à ?

— Ừ, vừa vặn tôi muốn hỏi ý-kiến anh đấy. Anh xem hộ tôi ngón tay chỗ trái này. Tôi bị dao mổ đâm phải... Có lẽ ở Quân-Y-Viện... hay ở Dưỡng-Đường tư... Tôi cũng quên, không nhớ rõ hôm nào. Ngay lúc đó, tôi không đề ý lắm ; thế rồi chỗ bị thương hơi tấy sưng... tôi lấy nước nóng đắp, và đưa cho một bạn đồng-nghiệp xem hộ, anh ta bảo tôi bị lèn chín-mé thường, và mổ giúp cho tôi... nhưng không thấy khỏi tôi sợ không bao giờ khỏi được, nhất là tôi không thể nghỉ làm việc được...

Bình tháo băng giờ ngón tay, đau cho tôi xem.

Tôi thấy mặt vết thương lõn-nhồn như có sạn, màu sạm-sạm lạ lùng ; vết thương không lên mủ, và cũng không thấy đau...

Tim ở nách thấy có những hạch khá lớn, và cũng đặc-biệt là ấ không đau.

Tôi nghi-ngại một hồi lâu, rồi khuyên anh tiếp-tục đắp nước nóng và hẹn vài hôm nữa sẽ cùng anh xem lại vết thương. Đến ngày, Bình lại đến gặp tôi, nhưng lần này anh thấy một bạn đồng-nghiệp chuyên về môn giang-mai-học bên cạnh tôi, bởi vì, sự thực, tôi rất thắc-mắc lo ngại trường-hợp của anh... Tôi không dám nhận lấy trách-nhiệm mà mình chữa bệnh cho bạn tôi, và cần chia trách-nhiệm ấy với một đồng-nghiệp khác... Ý tôi là thế nào cũng phải nạo vết thương lấy chất nhò bôi lên mặt kính đem tìm vi-trùng Giang-Mai dưới kính hiển-vi.

Bình nhìn tôi thẳng trong hai mắt và đọc rõ thấy sự nghi-ngại của tôi... và sự nghi-ngại ấy đã trở thành sự thực. Sự khám-nghiệp qua ống kính hiển-vi tìm ra trùng Spirochète ở dưới sâu vết thương. Bạn tôi đúng mắc bệnh Giang-Mai.

Khi biết kết-quả hiển-hiện dưới cặp mắt mở tròn to vì sợ-hãi cho mình, Bình rụng-rời buông mình xuống chiếc ghế bành, và òa lên khóc nức-nở và tuyệt-vọng, như một trẻ em nhỏ...

Bình từ trước đến giờ vốn sợ nhất các bệnh Hoa-Liễu... suốt tu thanh-niên mình trong sự học-hành và những tư-tưởng thanh-cao...

đi đến hôn-nhân với một tấm thân cường-tráng trong-sạch với hy-vọng sẽ di-truyền cho con-cái một sức khỏe lành-mạnh... bây giờ ngẫu-nhiên trở thành một người mắc bệnh Giang-Mai... một người mang vi-trùng trong huyết-quản... Nhưng sự cực-khổ cho Bình là sẽ phải xa lánh vợ, không được ôm-ấm và hôn-hít đứa con gái kháu-khĩnh yêu-dấu của anh, là da thịt của da thịt của anh, là đồng-tử của đôi mắt anh.

Tôi cố hết sức khuyên-giải và an-ủi bạn tôi, và nói với anh rằng nếu chữa kịch-liệt, thì thế nào anh cũng sẽ khỏi bệnh... Và rồi anh sẽ chỉ còn ghi ghở lại nghiệp-chương của nghề mình ấy như một kỷ-niệm trong những kỷ-niệm khác mà thôi.

Tôi đưa Bình, hay nói cho đúng hơn một thân-hình tiều-tụy, về đến tận nhà. Cũng may là chị Bình là một người đặc-sắc ; chị hiểu tình-thế và tự-chủ ngay được. Chị can-đảm thi-hành ngay các biện-pháp vệ-sinh cần-thiết, sắp đặt chỗ nằm riêng, sửa-soạn những đồ dùng riêng cho chồng, cùng xếp lại áo quần của Bình sang một tủ bên và thứ nhất là an-ủi chồng, bây giờ chỉ còn là một con người tuyệt-vọng, không còn thiết sống nữa. Và tất-cả trong một sự yên-lặng, chịu-đựng, tuyệt-đối, không một tiếng kêu than.

— Cuộc trị-liệu được bắt đầu ngay-tức-khắc, đã mang lại một hiệu-quả tuyệt-diệu, thật lạ-lùng ; ngay sau mấy mũi tiêm đầu-tiên căn bệnh đã tiêu dần đi mất ngay ; vết loét ở ngón tay biến chứng của thời-kỳ thứ-hai của bệnh Giang-Mai cũng không thấy xuất-hiện một mảy-may nào. Bình không bao lâu đã bình-phục, về thể-xác cũng như về tinh-thần.

Nhưng tất-cả những sự kiêng-khem gìn-giữ ấy đã làm anh mệt-mỏi. Anh không thể chịu về nhà mà không được ôm-ấm vợ con, không được hôn con gái yêu của anh. Tội-nghiệp con bé : cứ tưởng bị ba giận không hôn-hít như trước nữa.

Bởi vậy nên Bình tình-nguyện vào Nam dự mặt trận trong đó. Tôi tiễn Bình đến tận sân bay, ân-cần dặn-dò anh phải tiếp-tục chữa bệnh một cách thật kịch-liệt. Anh tươi-cười cảm-ơn tôi và hứa thế nào cũng làm đúng lời tôi dặn.

Tôi nhận được rất nhiều thư bưu-thiếp của anh, kể lại cho tôi nghe đời sống của anh ở ngoài mặt trận, với những cuộc giải-phẫu cấp-kỳ liên-tiếp và những thương-bình của anh nhưng không-bao-giờ anh nói với tôi về chính anh cả. Xem anh hình như quên hẳn mình để làm ích cho người khác. Và tôi không khỏi không đặt một nghi-vấn về anh và phải tự-hỏi không biết anh có tiếp-tục chữa thuốc không ? Linh-tính báo trước cho tôi cảm thấy có chuyện không hay cho Bình...

Hai năm đã qua đi như thế ; rồi chiến-tranh chấm dứt với Hội-

nghe Genève. Bình ở hẳn trong Nam, và trở lại làm việc trong Quân-Y-Viện V.T nay đã sáp-nhập vào Quân-Y-Viện H.N.

Vẫn đúng là anh Bình ngày trước, có-lẽ còn trẻ hơn mặc dầu vất-vả vì chiến-tranh. Anh trở lại công việc giải-phẫu và những cuộc tìm hiểu khoa-học của anh với một sự sốt-sắng thật khác thường.

Mồ với anh quả là một thích-thú. Không - bao - giờ cần phải nói với anh một lời nào : Những ý muốn của tôi bao giờ cũng được anh tiên-đoán trước và tiếp tay tôi thực nhanh-nhẹn và trầm-tĩnh.

Khi tôi rạch các lớp da-thịt, thực ra không-bao-giờ tôi có thì-giờ làm cho máu cầm hết : vì trong nháy mắt Bình đã kẹp tất-cả các huyết-quản bị cắt đứt rồi. Khi tôi không chắc-chắn về một điều gì, tôi hỏi ý kiến anh, và Bình tỏ ra bao-giờ cũng thận-trọng và lời khuyên của anh bao-giờ cũng xác-đáng vì đã được cân-nhắc kỹ càng.

Và tính-nết của anh mới dễ-thương làm sao !

Đối với các con bệnh của anh, Bình bao giờ cũng kiên-nhẫn và tươi-cười.

Bình làm việc quá sức mình quá nhiều ; nhiều lần tôi nhận thấy thế. Ban ngày tất-cả thời-giờ của anh là để dành cho bệnh-nhân, đêm đến là anh lại giam mình trong phòng làm việc và viết không ngừng. Làm việc « hăng » như thế dĩ-nhiên là lợi cho anh nhiều.

Song tuy vậy tôi vẫn băn-khoăn về sức khỏe của anh, Anh không chú-trọng gì đến mình hết, anh « tự-cho » mình đi nhiều quá... để học cũng như để chăm-lo cho bệnh-nhân... Anh nghĩ về riêng anh ít quá.

Một hôm, tôi hỏi bừa anh một câu, hy-vọng tìm được giải-đáp cho điều tôi thắc-mắc.

— Bình ơi, cậu vẫn tiếp-tục tiêm thuốc đấy chứ ?

Câu hỏi bất-thần làm cho Bình giật nảy mình như một người có lỗi bị bắt chột. Anh đỏ mặt và trả lời tôi :

— Khi đi trận tôi có tiêm nhiều... rồi tôi có tiếp-tục thử đi thử lại máu : Wassermann négatif.

— Đừng có tin vào Wassermann... nó đâu có một giá-trị tuyệt-đối ; Bình hãy nghe tôi, chữa thuốc lại đi.

Bình không trả lời tôi và xem có ý hơi không-bằng-lòng, có-lẽ những lời tôi nói đã gợi lại cho anh những kỷ-niệm đau-đớn, khó-chịu. Như một trang sách đã qua, anh không muốn giở lại những kỷ-niệm ấy nữa.

Trong khi đó, năm này qua đi năm khác tới ; kể từ ngày anh bị

nhhiễm-trùng xa-xôi ấy đến nay thấm-thoát đã mười năm giờ ; và Bình đã trở thành một người đặc-biệt, một nhà giải-phẫu có biệt-tài. Nhưng một hôm, một chuyện xảy ra, về bề ngoài thật nhỏ-nhất, song làm cho tôi thấy lạnh toát người ngay lúc chứng-kiến. Bình và tôi đang cùng nhau mổ một cái bươu thịt trong tử-cung. Tôi vừa buộc xong một mạch máu vừa bị cắt, bỗng giây chỉ đứt phụt làm máu bắn tung-tóe đầy vết thương ; mạch máu bị cắt ở ngay dưới mắt chúng tôi... Mà Bình không làm sao kẹp nó lại được. Anh dơ chiếc kẹp ra phía trước một cách hỗn-loạn, chuệch-choạc sang bên phải rồi lại sang bên trái không làm sao kẹp trúng chiếc mạch được.

Tôi nhìn thẳng vào Bình ; anh đỏ mặt và cuống lên.

Vài ngày sau, tôi còn bị ngạc-nhiên một cách đau-đớn hơn nữa. Tôi đang đứng sau cửa sổ của Khu Ngoại-khoa thì vừa trông thấy Bình đi đến. Anh tỏ ra bị kích-thích một cách thật khác thường, có những cử-chỉ thật lạ-lùng, giơ tay lung-tung và nói to tiếng một mình.

Bình trông thấy tôi và tôi cố làm dịu bớt anh xuống. Tôi cố níu anh vào trong phòng giấy của tôi. Tôi nói nhẹ với anh :

— Anh Bình, anh cần phải nghỉ-ngơi tĩnh-dưỡng ít lâu, anh nên nghe tôi ; nghỉ vài ngày thôi, đừng cố quá sức nữa. Nghe tôi nói xong, Bình quay ngoắt người đi ra, miệng lầm-bầm những lời buồn-tởm và phẫn-uất. Bình không còn là người bạn thiết, thường nghe tôi bàn-luận khuyên-giải nữa... Và sự thật thì không còn thể nghi-ngờ gì được nữa : Những triệu-chứng tôi vừa nhận-xét thấy ở Bình là những triệu-chứng của bệnh «liệt toàn-diện».

Sáng hôm sau, chị Bình hốt-hoảng đến tìm tôi, và cho tôi hay chị vừa bị Bình đánh lần đầu-tiên... chị đã phải khéo lắm mới tránh cho cháu Hương, con gái chị, một trận đòn vô-lý. Đêm vừa qua, Bình thao-thức không ngủ được, rồi chồm giậy ra đi ngoài vườn kêu la ầm-ĩ rằng trong nhà đầy những ma-quỷ... Khi trở lại vào trong nhà, anh đập phá lung-tung, khua cả hàng-xóm chung-quanh giậy. Sau cùng, một người ở nhà bên phải đi gọi Cảnh-Bình đến đưa Bình vào nhà thương C.R. Khu thần-kinh.

Chị Bình van nài tôi can-thiệp bằng đủ mọi cách để lấy Bình ra khỏi khu khủng-khiếp ấy, và xin hộ đề cho Bình được nằm trong khu những bệnh-nhân thương.

Tôi xin được. Nhưng, nằm trong khu nội-thương, tám thăm-kịch lại tái-diễn.

Tất-cả mọi sự khám-nghiệm lại được làm lại, trong máu phản-ứng Wassermann lại xuất-hiện. Phương-pháp trị-liệu chống giang-mai lại được áp-dụng thật kịch-liệt, song không mang lại một kết-quả nào.

Vì chậm quá rồi.

Người ta thử làm cho Bình lên cơn sốt rét nhân-tạo (1); những cơn sốt nóng hồi và rét run đến cực-điểm dường như sắp làm nguy đến tính mạng của Bình. Sau một thời gian thuyên-giảm ngắn và nhè nhẹ lúc đầu, không bao lâu chứng bệnh trở nên trầm-trọng một cách vô vọng.

Tất-cả chúng-tôi đều buồn-nản trước sự bất-lực của mình. Mỗi ngày hai lần tôi đến thăm Bình. Trông thấy Bình ngây-dại, cặp mắt xám xám mất hết tinh-thần, lòng tôi se lại. Một cảm-giác đau-đớn khôn-ti chiêm trợn hồn tôi.

Bình không nhận ra tôi nữa; một đôi khi, thực hoạ-hoãn, anh có nhận ra tôi thì lại nói với tôi rằng bị mất trí không còn nhớ lại được gì nữa, triệu-chứng chỉ làm tôi thất-vọng hơn thêm, vì biết rằng tình trạng ấy chỉ mỗi ngày mỗi nặng không còn cách nào cứu-chữa được.

Trong những cơn mê-hoảng, Bình thấy mình bị dò-xét và tra tấn; trong suốt nghề-nghiệp của mình Bình thấy các bạn đồng-ky cạnh tranh và tìm cách ngấm ngầm làm hại; rồi anh thấy bị đánh đập và giam hãm trong nhà tù, bỏ mặc cho chết dần mòn lần-lữa. Căn phòng của anh bị đầy những ma-quỷ xâm-chiếm và đề che-chi cho mình, anh lấy những tranh ảnh của Đức-Mẹ Maria và ảnh Chúa Cứu-Thế dán nhằng-nhịt lên tường, vụng-về quá đưa trẻ con...

Tình-trạng ấy kéo dài được vài tháng, rồi Bình hóa điên thực.

Và chúng-tôi chứng kiến sự suy-tàn chậm rãi của khối óc thôn minh tuyệt-vời ấy, cùng sự tan-rã của cá tính thực đặc-biệt của con người hoạt-động ấy, đã từng làm bao điều lành và đáng-lý ra còn có thể làm biết bao sự kỳ lạ khác nữa.

Cũng may là một căn bệnh khác đến kịp thời, dưới hình-thức một bệnh sung phổi cấp kỳ rất nặng, làm quy hẳn một lần chót cơ thể mòn mỏi đáng thương ấy.

Ít ngày sau, Bình từ giã cõi đời trong cơn mê-sảng.

Anh không nhận ra một ai, ngay cả đến chị Bình và cháu Hương.

Nhưng cho đến phút chót, lúc nào anh cũng giơ bàn tay trái ra trước mặt khoa mùa lung-tung, bàn tay có ngón chỏ còn mang vết sẹo nhỏ màu trắng là di-tích của vết thương nhẹ anh lỡ gây ra trong khi làm bôn-phận của mình đối với con bệnh, và do đó sự nhiễm-trùng khủng-khiếp đã đột nhập vào cơ-thể anh để hủy hoại tinh-thần siêu việt của anh.

ĐỨC-VÂN

(1) *Malaria-thérapie.*

mùa thu

*một đôi mắt lặng yên
mong chờ bên song cửa
một bàn tay bé nhỏ
hỏi thăm trời mưa không*

vong thân

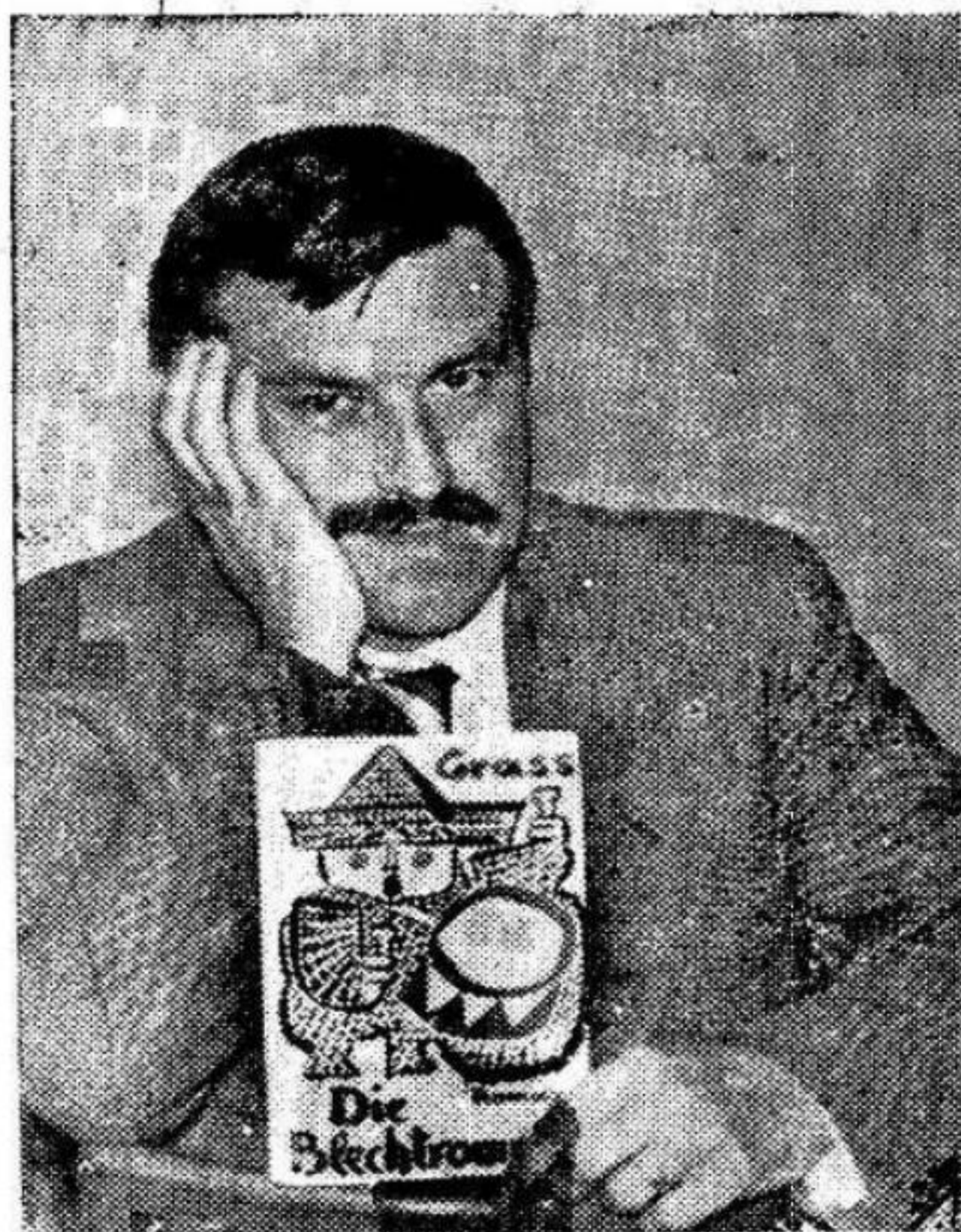
*người sinh-viên gục đầu
sách vở và bài thi
vắng trắng ngoài song cửa
người đó chẳng thấy gì*

biên giới

*ghề đá trên bờ sông
một người ngồi ca hát
buổi chiều núp trên cao
hàng cây cúi mình khóc
giòng sông nằm cau mặt
sóng gợn quá buồn phiền
một người đàn ông đen
nhảy xuống giòng nước đỏ
và hàng lau đứng đó
bình thản cúi đầu trông*



THỰC TẠI MỚI
TRONG VĂN CHƯƠNG
CỦA
Heinrich Böll



Günter Grass

PHAN KIM-THỊNH

Nền Văn học Đức trước năm 1945 ảnh hưởng và chịu sức tác động khá nặng nề của hoàn cảnh và biến cố lịch sử trong trận Đệ Nhị Thế Chiến. Tiểu thuyết cũng như thi ca trong những năm đó không có gì đáng kể và không tiến triển đúng mức theo đúng nghĩa của nó, vì dân tộc Đức không còn đủ thì giờ để suy tư; họ phải

tranh sống, phải phấn đấu để tồn tại, họ hiểu thân phận của chính riêng họ và số phận của dân tộc họ qua những năm chiến tranh thê thảm. Trong những năm 1930-1945, nền Văn học Đức chỉ là một thứ văn chương khủng hoảng, văn chương khắc khoải, văn chương xao xuyến (littérature d'angoisse). Các nhà văn cũng như các nhà thơ chỉ biết diễn tả lại bầu không khí ngột ngạt, phơi bày những thảm trạng cùng những đau thương của một cuộc chiến tranh phi lý đã đưa dân tộc Đức đến chỗ hao mòn khá nhiều nhân lực cũng như vật lực. Một phần các văn gia giữ thái độ yên lặng, lại còn một số sống trôi giạt ở ngoại quốc như những kẻ lưu đầy để tránh khỏi Đệ Tam Đức Quốc Xã hay bị chết vì Đức Quốc Xã. Đó là trường hợp của Thomas Mann và Stefan Zweig.

Năm 1945, trận Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt sau khi quân đội Đồng Minh tràn vào Bá-Linh, Đức Quốc Xã đầu hàng và Hitler tự tử. Dân tộc Đức được giải phóng và được thở một bầu không khí tự do. Nước Đức bắt đầu phát triển lại những khả năng trên mọi lãnh vực, kể cả trên lãnh vực văn học nghệ thuật.

Nền Văn học Đức sau năm 1945 nghiêng hẳn sang một lãnh vực mới, văn chương của họ không còn phảng phất từ những « khuôn vàng thước ngọc » của các nhà văn tiền chiến với những tác phẩm tiểu thuyết và thi ca mạng đầy màu sắc và giá trị bán cổ điển (valeur néo-classique) qua các văn hào nổi danh một thời như : Heinrich Mann, Herman Hesse, Frank Kafka, Reiner Maria Rilke... Các nhà văn thời hậu chiến không hề khởi xướng một khuynh hướng hay một trường phái nào. Tiểu thuyết hay thi ca không còn tự động những tâm trạng khắc khoải về thân phận con người Đức của một Hitler, một nước Đức của những trại tập trung khổng lồ đã sát hại gần 6 triệu người Do-Thái vô tội, hay một nước Đức của những lò hỏa thiêu với Eichmann, tên đồ tể khát máu. Văn học Đức thời hậu chiến gạt bỏ hẳn quá khứ cũ, gạt bỏ tất cả những cái mà người ta gọi là thảm trạng của triều đại Hitler, đã đưa dân tộc Đức đến chỗ suy vong. Bảo rằng họ phủ nhận hay gạt bỏ quá khứ cũ nghĩa là họ theo phong trào hiện sinh hay phong trào nổi loạn của một số văn gia Pháp hiện nay chủ trương ; không, họ muốn xây dựng tiểu thuyết với những nhân vật mới, hoàn toàn Đức hôm nay, những nhân vật sống động, đại diện cho thế giới mới và thực tại mới của họ (tuy tâm hồn nhân vật tiểu thuyết vẫn còn bị giằng xé giữa quá khứ đau thương và thực tại mới của lớp người hôm nay).

Đại diện cho nhóm nhà văn hiện đại ở Đức thời hậu chiến, Văn học xin giới thiệu một thế giới và một thực tại mới của Heinrich Böll và Günter Grass.

Heinrich Böll sinh năm 1917 tại Cologne, bên bờ sông Rhin. Sự học của ông lâm vào một hoàn cảnh khó khăn ngay từ lúc đầu, tuy vậy ông cũng đã cố gắng theo đuổi cho được hai môn : ngữ học và văn

chương Đức. Được một thời gian ngắn, sự học của ông bị gián đoạn vì chiến tranh. Heinrich Böll gia nhập quân đội Đức năm 1939. sáu năm trời trong quân ngũ đã thu thập được khá nhiều điều, ông đã phiêu bạt trên khắp các chiến trường từ Tây Âu cho đến Đông Âu. Những tháng cuối cùng trước khi trận Đệ Nhị Thế Chiến chất dứt, Heinrich Böll bị bắt giam trong một trại tù binh của quân đội Hoa-kỳ thuộc miền đông nước Pháp. Sau khi Đồng Minh thắng trận, nước Đức được giải phóng, ông tiếp tục sự học dở dang tại tỉnh nhà; ông lao đầu vào đủ mọi công việc trước khi trở thành một người nổi tiếng. Vốn sẵn có khuynh hướng viết tiểu thuyết, hơn nữa lại thêm những kinh nghiệm sẵn có qua cuộc sống tập thể trong quân đội, ông khởi đầu qua công cuộc dịch thuật những vở kịch danh tiếng của Anh và Ái-nhĩ-Lan. Tập *Journal Irlandais* là một chứng minh cụ thể của ông; sau đó ông cho xuất bản một vở kịch duy nhất lấy tên là: « Une gorgée de terre » (*Ein Schluck Erde*) tuy không gặt hái được kết quả mỹ mãn nhưng nhiều người đã chú ý đến đường lối của ông. Từ năm 1961, Heinrich Boll gia nhập « Nhóm Văn học 47 » (*groupe littéraire 47*) do một số nhà văn, nhà thơ Đức hiện đại chủ trương và Boll cũng bắt đầu nổi tiếng từ đó.

Cứ mỗi lần người ta nhắc nhở đến nền Văn học hiện đại của Đức người ta thường kể đến Heinrich Boll và Günter Grass. Tình cờ hai nhà văn quen nhau trong « nhóm Văn học 47 ». Hai người đã mở đường cho nền Văn học Đức hôm nay một thế giới mới, một thực tại văn chương mới (*réalité littéraire*). Heinrich Boll và Günter Grass tuy là hai con người khác nhau nhưng văn chương và tiểu thuyết của họ có nhiều mối tương quan mật thiết. Tác phẩm của hai ông là những tác phẩm bán chạy nhất nước Đức và các nước khác trên thế giới hiện nay. Các tác phẩm của Heinrich Boll đã được dịch ra trên 12 thứ tiếng, trong khi đó tiểu thuyết của Gunter Grass lan tràn khắp Âu-châu và Mỹ-châu.

Heinrich Boll là một người vững tin ở đáng cao cả cho nên ông phản kháng, chống đối lại những ai gạt bỏ lòng tin, những ai vô thần không cần được cứu rỗi, dù ngay cả trong văn chương đi nữa. Theo ông thì tôn giáo và chính trị phải ở riêng một lãnh vực, tôn giáo không thể phù hợp hay bắc cầu cho chính trị và trái lại thế. Đề tài và nhân vật tiểu thuyết của ông về con người hôm nay phải ở chính tâm hồn không có sự từ khước, sự gạt bỏ những chỉ trích về tinh thần. Thời gian cũng như không gian trong tiểu thuyết của Heinrich Boll phải là những hạng người trung lưu, nhất là hạng người lao động thợ thuyền và nơi xảy ra cốt chuyện phải ở những chỗ bùn lầy nước đọng, đi gần với quần chúng. Là một nhà văn kinh nghiệm, ông nhận xét thật đúng tâm hồn của những hạng người bần cùng của xã hội, những hạng người tầm thường (*l'homme de la rue*) với những băn khoăn, những thắc mắc thầm kín hay bộc lộ.

« Tư tưởng của một chú hề » (*Les opinions d'un clown*), cuốn tiểu thuyết mới nhất của Boll đã diễn tả lại số phận của một người giàu

có từ thời còn thơ ấu lại không được thừa hưởng gia tài, cho nên hẳn lúc nào cũng băn khoăn về sự hiện hữu của chính mình. Thực thế, nhân vật tiểu thuyết của Heinrich Boll luôn luôn đi tìm ý nghĩa của sự hiện hữu. Chính ở sự khéo léo đào sâu nội tâm con người ấy, ông đã gặt hái được một kết quả khả quan trong giới độc giả hôm nay. Các tác phẩm của chính ông gồm có : « *Où étais-tu, Adam ?* », một cuốn tiểu thuyết về chiến tranh, « *Maison sans gardien* », « *Ne disait pas le moindre mot* », « *Billard à onze heures trente* » và « *Le pain de l'adolescence* » cuốn tiểu thuyết thực nhất, thể hiện không những được con người tác giả và còn là tâm trạng chung của những người thời hậu chiến.

Le pain de l'adolescence là câu truyện của một thanh niên bị giằng co giữa hai thiếu nữ. Chàng thanh niên đó muốn yêu một cô bạn gái cao thượng, bạn thân từ thời còn thơ ấu, trong khi đó chàng lại để ý đến một thiếu nữ khác. Ulla, người thiếu nữ lạnh lùng nhưng quyến rũ, khiến chàng có thể sống được một cuộc đời bảo đảm. Chàng thanh niên ấy đã nghĩ gì, đã làm gì giữa hai thái cực của tình cảm mà không phải tính toán. Chàng đã thốt lên : « Đơn vị của sự tính toán phải là bánh mì, bánh mì của thời niên thiếu, tìm thấy trong những kỷ niệm của tôi. Kỷ niệm ấy như bị bao bọc bởi một đám sương mù dày đặc. Cháo cũng không thể đủ vào nỗi dạ dày chúng tôi được, mỗi lần chúng tôi trở về nhà. Buổi chiều trên xe điện : đó chỉ là biểu tượng của một sự bất lực và niềm vui độc nhất của chúng tôi là sự thù hằn... phải, sự thù hằn ».

..

Qua các tác phẩm của Heinrich Böll, thực tại văn chương và thế giới mới luôn luôn đề cập đến con người hiện đại, không riêng gì cho dân tộc Đức mà là con người muôn thuở của nhân loại đang đi tìm ý nghĩa của sự sống.

Khác với Heinrich Böll, Gunter Grass có thể nói là một nhà văn lãng tử của nền Văn học Đức hôm nay. Gunter Grass sinh năm 1927 tại Danzig, một thành phố cổ điển, trước kia đã bị Ba lan đô hộ. Ông theo học tại một trường trung học ở Langfuhr. Năm 1944, ông gia nhập quân đội Đức. Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, vào những năm từ 1946 đến 1949, ông theo học các lớp vừa may cắt vừa điêu khắc trên đá của Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật do Düsseldorf thành lập. Năm 1952, Günter Grass có chân trong Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật ở Bá Linh, ông trở thành một điêu khắc gia nổi tiếng của giáo sư Karl Hartung. Ông lao đầu vào đủ mọi công việc trong cùng một thời gian như điêu khắc, vẽ, viết văn và làm thơ. Ông đã sống nhiều năm ở Ba Lê trước khi vĩnh viễn trở về Bá Linh năm 1960. Cuốn « *Cái trống* » (*Die Blechtrommel*) ra đời năm 1958, nhiều người cho đây là những mẫu tự truyện thú vị trong một thế giới tiểu tư sản. Trước khi cuốn « *Cái trống* » ra, Günter Grass cũng đã được giải thưởng về thơ qua một tập thơ trữ tình : « *Die Vorzüge der Windhüner* ». Giống văn hào Heinrich Böll, Gunter Grass nổi tiếng sau khi gia nhập « *Nhóm Văn học 47* ».

ấy. Bây giờ thì Tấn cũng long lanh nước mắt. Chàng quay vào nằm úp mặt xuống gối và để cho những dòng nước mắt nóng và mặn thấm lên nếp lụa êm mát. Trong ý nghĩ, Tấn gọi tên Thu nhiều lần, hôn lên hình ảnh Thu nhiều lần và chàng muốn nói :

— Thiên thần của anh, Thiên thần của tất cả mọi người. Em đang chấp cánh bay về chỗ thanh cao.

Lúc Tấn ngồi dậy thì Phong đã bỏ đi từ lúc nào. Trên mặt bàn, vẫn còn quyển sách phác họa của Thu. Bên cạnh là một mảnh giấy. Phong viết :

— « *Đừng đến tìm Phong nữa. Chúng mình hẹn gặp nhau vào ngày giỗ đầu của Thu sang năm. Nếu cả hai đứa cùng còn sống.* »

NHẬT-TIỀN

BÊN PHÍA NHÀ _____ ÔNG NGÀ

VÕ - PHIÊN

Châu có bộ đi hơi chúi tới trước, đi hấp tấp, cho nên phần nửa người bên trên có vẻ vung vẩy. Tuy thế mà ở gần nhà Châu trên nửa năm dần dà Hữu thích cái dáng đi ấy.

Châu mới lớn lên, con nhà lấm ỉn, không chú ý đến chuyện trang điểm mấy. Nàng có mớ tóc rất dày, không được săn sóc, thường bồm xồm, bông ra phía trước trán, làm cho khuôn mặt như sâu tụt vào trong. Trông khuôn mặt ấy nhiều lần thành quen mắt, đến lúc nhìn những người con gái khác chàng có cảm tưởng như mặt họ lộ quá, cạn quá.

Nhà ông ký Ngà ở trên con đường rẽ vào nhà Hữu, cho nên ngày ngày đi làm chàng vẫn gặp Châu luôn. Tuy vậy trước kia không bao giờ nàng chịu nhìn vào mặt Hữu. Mỗi lần đi ngược lại phía chàng, nàng ngoảnh mặt tránh, như là con ngựa nghiêng mặt để né chiếc roi đang quất xuống. Cử chỉ từ chối ấy làm cho người nàng cứng đờ, khó khăn. Thái độ như thế càng làm cho Hữu được tự do ngắm nghía. Có khi chàng chú ý đến cặp môi, và thấy cặp môi với cái miệng ấy vừa đẹp vừa có vẻ hiền lành, thực thà. Có khi chàng chú ý đến cái cổ, và thầm nghĩ : nước da trắng trẻo thanh tú mà cái cổ trông lại khoẻ mạnh...

Khuôn mặt bồm xồm của nàng cứ nghênh nghênh tránh chàng như thế mãi cho đến hôm cha nàng gọi Hữu vào nhà nói chuyện.

Ông Ký Ngà ngày xưa có làm công chức mấy năm rồi thôi. Không biết là tự ý xin thôi, hay là bị thải hồi vì duyên cớ gì. Thôi làm việc nhà nước chừng ba mươi năm nay, ông Ký Ngà đã trải qua nhiều nghề. Có hồi ông hùn tiền với bốn người anh em bạn mua xe hơi, chở hàng mướn. Có hồi ông lại xuất gia đi tu trên hai năm. Cả nhà đã gần ngã lòng thì ông bỗng quay về. May mà lúc ông quay về gia đình thì bà ký hầy còn đó. Vợ chồng đoàn tụ lại mở tiệm buôn bán. Rồi bán tiệm lui về quê. Rồi lại xuống phố mở tiệm đóng giày v.v...

Hữu chưa bao giờ nghe thuật lại cuộc đời ông cụ Ký Ngà cho có đầu có đuôi. Ngồi nói chuyện với ông, khi thì ông nhắc đến một kỷ niệm hồi làm ký lục, khi thì ông nhắc đến ngày làm chủ xe hơi, có lúc ông nói chuyện kinh kệ, chuyện tu hành v.v... Chàng có cảm tưởng đó là một cuộc đời rất dài, rất bề bộn, nhưng không thấy có hứng thú gì mà dò dẫm cho đầy đủ lai lịch.

Cuộc đời hoạt động của ông chấm dứt đã sáu bảy năm nay. Ban đầu, bà ký có được một sạp bán hàng ngoài chợ Thị Nghè, ông thấy bà kiếm đủ tiền chi dùng nên tự động tốp bớt hoạt động của mình lại. Ông tốp dần dần, rồi cuối cùng tự cho phép mình nghỉ hẳn. Vả lại bà đi vắng từ sáng sớm đến tối mới bước chân về, cũng cần phải có mặt ông ở nhà để trông coi con cái.

Có điều kỳ lạ là con người đang ngược xuôi chạy vạy làm ăn thì trông còn hoạt bát tươi tỉnh thể, bỗng dừng lại ngồi yên ru rú trong nhà ít lâu, tự nhiên trông già tóp đi. Hình như là cái già nó cũng chờ gặp một dịp dừng lại ấy mới sức tỉnh, tự nhớ đến mình. Ông Ký Ngà già vội vã già trong vòng chừng đời ba năm đã ra một ông cụ hẳn hoi. Bộ ông đã gầy và nhỏ thó sẵn, về già lại càng nhỏ choắt đi.

Loanh quanh mãi ở nhà hết ngày này sang ngày kia, ông sinh ra nghiện một vài món : nước trà và rượu. Rượu vào, ông nói. Khi nào không có khách, không có bạn, ông gọi mấy đứa con lại mà dạy bảo hàng giờ. Ông luận cổ suy kim, ông dẫn tích dẫn sử, ông đem chuyện gần chuyện xa ra mà răn dạy.

Nhưng cái gương mẫu ở đời đáng tôn đáng kính nhất, ấy là bà cụ Ký Ngà.

Trong những ngày dài đằng đẵng, mấy cha con ngồi nhà hướng ý nghĩ về một người đàn bà vắng mặt quanh năm suốt tháng, tự nhiên đối với người đàn bà ấy họ có thể tỏ ra rộng lượng không giới hạn. Bà ký Ngà luôn luôn khuất mặt, chỉ xuất hiện trong lời nói mà không hề trông thấy, dần dà thành một nhân vật huyền hoặc.

Một hôm, say, ông ký Ngà kể rằng hồi ông còn ở ngoài Thanh hóa làm một chức thư ký nhỏ trong huyện, viên tri huyện tại đó mê bà ký Ngà. Y lập mưu phái ông ký đi công việc tận những xã miền núi xa xôi y ở nhà tìm mọi cách làm xiêu lòng bà. Lẽ cố nhiên y không sao làm nổi

Bà ký Ngà cho người mách thẳng với vợ viên tri huyện. Tiếp đó, trời lại bao nhiêu là giông bão: đồ võ kinh khủng trong gia đình viên tri huyện, sự trả thù ghê gớm của y... Mặc cho những chuyện động trời thà nó xảy ra, bà ký Ngà một mực theo ông đến tận chân trời góc bể v.v...

Lại một lần ông ký Ngà mê đào hát. Bà biết được, ghen uất lên, nhưng bà sợ xấu hổ đến ông, hàng tháng trời cứ nhẫn nhục chịu đựng. Sau, bà tìm đến cô đào, khuyên lơn cô ta dịu ngọt, mà rồi cũng không xong, vì ông ký Ngà không chịu bỏ cô ta. Bà phải cho tiền, điều đình với ông bầu gánh hát để ông ta sớm dời gánh hát đi nơi khác. Suốt trong thời gian ông ký Ngà và cô đào hát gian díu với nhau, bà không xô xát lần nào với cô ta. Vậy mà về sau có người bạn gái thuật lại rằng cô đào ghen tuông cãi nhau với ông ký, rồi xé tấm hình chụp chung với ông ký. Người bạn đưa cho bà xem nửa tấm hình bị xé. Trông thấy hình ông bị đứt nửa mặt, bà liền tức tốc đi tìm cho được cô đào hát ấy, chụp đầu đánh cho một trận chi tử về cái tội dám xé đứt mặt chồng bà. Thế rồi, trở về nhà, bà đóng cửa lại, cầm chặt mảnh hình trong tay, khóc như mưa như gió.

Ông cụ ký Ngà kể như thế, và nước mắt ông chảy xuống hai ba giọt trên gò má. Ông quơ một chéو khăn, hỉ mũi và lau nước mắt. Ông ngồi, cảm động, thiểu não, mặt đỏ như, và mũi mồ hôi nặng nề xông lên với mùi rượu nồng. Mái tóc thưa thưa ướt dính vào da đầu. Mồ hôi run lên nhẹ nhẹ.

Châu thích nghe mọi chuyện cảm động. Nàng ngồi lại, chia sẻ sự xúc cảm của cha. Nhưng còn mấy đứa em trai của nàng thì vào những dịp như thế, thừa cơ hội ông Ký Ngà ảo não không chú ý đến, chúng rón rén rút lui ra ngoài hết.

Lại một hôm khác ông Ký Ngà kể rằng hồi ông bán tiệm giấy rồi làm ăn lỗ lã, bà Ký cõil hết vàng xuyên tư trang trao cho ông, nài nỉ ông bán đi mà tiêu dùng cho khỏi phải bận tâm về những lo lắng tiền bạc, để ông nghỉ ngơi ít lâu, khỏi phải chạy ngược chạy xuôi vội vã tìm việc làm.

Ông ôm gối gục đầu xuống. Và thu rút người lại giữa bầu không khí tằm nặng mùi mồ hôi với mùi rượu nồng, ông Ký Ngà nhắc đi nhắc lại mãi, rằng dù đến chết không bao giờ ông quên được những thái độ như thế của bà. Ông khuyên con cái học hỏi mẹ, nhớ ơn mẹ... Giọng ông ký Ngà cất lên văn hoa: « Hiền mẫu của chúng con là người đàn bà suốt một đời chỉ sống vì chồng, tận tụy thờ chồng, hy sinh cho chồng, cho con v.v... »

Châu xúc động, và nàng có cảm tưởng càng lùi xa về ngày xưa ông ký Ngà càng có vai trò quan trọng, càng có nhiều bằng chứng kính phục của mẹ nàng đối với ông.

Tình cờ, lần nọ, mẹ nàng nhắc lại việc vàng xuyên, nhưng bà kể

rằng độ ấy ông Ký Ngà đánh bạc — đánh bung đôi — thua liềng xiềng, túng quá phải lấy trộm cả đôi xuyến và cây kiềng vàng của bà đem cầm đi trả nợ. Chuyển đó cha mẹ nàng xích xích nhau to, nhờ có ông ngoại nàng can thiệp khuyên giải mãi mới yên.

Lần khác, mẹ nàng lại nhắc chuyện ông ký Ngà với cô đào hát. Theo lời bà thì cô đào ấy không bao giờ gian diu với ông. Cô ta có tình nhân ngay trong đoàn hát. Cả cặp ấy gạt ông ký Ngà để lấy tiền. Ông ký lẽo đẽo theo đoàn hát từ quận này sang quận kia, gây ra không biết bao nhiêu là tai tiếng. Đến khi hết cả bạc tiền, ông ngượng quá không dám về thẳng nhà, cứ loanh quanh ở những nhà bạn bè, quen biết; đến khi có tin gia đình nhắn tới tai mới lò mò về. Thế mà về xong, còn kiếm chuyện gây sự với bà để khỏa lấp.v.v..

Những phát giác như thế làm cho Châu bối rối. Còn lũ em trai của nàng thì khi nào sức nhớ đến chỗ khác nhau giữa một câu chuyện do cha và do mẹ kể, chúng nó đem ra hỏi. Lúc ấy ông cụ ký Ngà lấy làm kinh ngạc trước hết. Ai bịa đặt ra những chỗ khác nhau sai biệt đó? Lẽ dĩ nhiên không phải là ông ký Ngà: ông không phải là một tiểu thuyết gia. Trí tưởng tượng của ông không xuất sắc, không có chút gì xuất sắc. Thậm chí ông không thể nào tưởng tượng rằng tự mình có chút trách nhiệm nào trong sự biến đổi những câu chuyện như thế.

Sự thực thì từ « câu chuyện của bà » hóa thành « câu chuyện của ông » sự biến đổi ấy không phải xảy ra trong một sớm một chiều để mà dễ nhận thấy. Trong bao nhiêu năm giảng dạy con cái ông cụ ký đã kể đi kể lại những chuyện ấy nhiều lần, ông lại ngồi uống trà và suy nghĩ về chúng nhiều lần nữa, như thế ngày một ngày hai sự biến đổi tự thực hiện lần hồi từng phần từng ly, ông cụ ký Ngà không tài nào bắt được nó quả tang. Bởi vậy khi các đứa con nêu lên sự sai biệt, ông ngạc nhiên thành thực, và chỉ chịu nhượng bộ bà cụ ký rất ít.

Ví dụ, nếu ta coi câu chuyện của bà là sự thực, thì những chuyện do ông kể cũng không phải không có liên quan với thực tại. Nó liên quan như thể là thơ bắt nguồn từ thực tại vậy. Và ông cụ ký Ngà hàng ngày làm thơ (chứ không phải viết tiểu thuyết) về người vợ vắng mặt của ông.



Thế nhưng mỗi chiều tối, khi bà ký Ngà trở về nhà, thì thường khi ông ký đổi khác. Tưởng như có hai ông ký Ngà khác nhau. Và ời ký Ngà ban ngày rộng lượng, lạc quan, thì ông ký Ngà ban đêm nghiêm khắc, nhiều khi đến cay đắng.

Ban ngày ông chỉ ngồi mà tưởng vọng suông. Người vợ lẫn l trong cái xã hội đối với ông càng ngày càng xa cách, người đàn bà ấy nguồn sống của gia đình, là cái đích trông nhớ và lo lắng của ông...

tưởng vọng lâu ngày như thế dồn vào cái hình dáng xa xôi ấy đủ mọi điều đẹp đẽ. Trí tưởng tượng của ông hàng ngày ve vuốt hình bóng đẹp đẽ ấy.

Vả chăng ông cũng lại muốn tỏ rằng cái toàn thiện toàn mỹ đó đã từng là của ông, thuộc về ông, bao giờ cũng vẫn là của ông. Ông ký thích nhắc đi nhắc lại như thế, cho nên ông giảng giải với con cái.

Thế nhưng mỗi chiều tối, khi bà ký Ngà từ ngoài chợ trở về, ông ký đối diện với người đàn bà, với cái thực tại sờ sờ ấy, ông nảy ra những ý tưởng cay đắng. Bà ký Ngà phây phây, tóc còn đen nhánh, răng chưa rụng chiếc nào... Thỉnh thoảng bà có ăn miếng trầu, nhưng bà có một chiếc khăn tay sẵn trong ví, để chùi rất sạch sẽ xung quanh vành môi. Bà còn lưu tâm nhiều lắm để cho vẻ mặt được tươi tắn, và lưu tâm đến cả sự ăn mặc nữa : đến cái ví, đôi guốc...

Bà thì có ai nói đến, bà cười dễ dãi, cho rằng đó là thói quen của đàn bà, mọi người đàn bà biết lo cho cái thân mình. Còn ông ký Ngà thì ông cho rằng đó là... vật chất ! « Vật chất » hết thấy : những sự lo tính về cái ăn cái mặc, về nét mặt, dáng đi, về chân mày mái tóc v.v...

Ông ký Ngà nghiêng về bên phía tinh thần. Khi ông nghĩ rằng một bà ký còn tươi tắn, vui vẻ như thế, ngày ngày ngồi giữa chợ giao thiệp nói cười với người qua kẻ lại, mà còn ham mê vật chất thì tự dung ông đau lòng. Ông nhất định công kích vật chất.

Buổi tối ông cũng ít khi nói thẳng về các khuyết điểm đó với bà. Nhưng ông gọi con đến, và ông rầu rĩ, chê bai những thói vật chất. Ăn ngon mặc đẹp là vật chất. Đua đòi với bè bạn là vật chất. Đã già mà còn cố làm ra trẻ, còn bám giữ lấy tuổi trẻ, lại cũng là vật chất nữa. Ăn kem, ăn giấm-bông, bíp-tếch, ăn thịt tái là vật chất. Ăn tôm khô mực khô, dầm ba miếng, là tinh thần. Uống la-ve, uống sữa là vật chất. Uống trà tàu và rượu đế (hoặc rượu đế dầm thuốc) là tinh thần...

Thoạt tiên, bà ký Ngà không quan tâm mấy đến chuyện đó, không thấy là quan trọng được thuộc về phía vật chất hay phía tinh thần. Một bản năng kỳ lạ khiến bà không tin ở cái lẽ phải phát ra lập bập từ cặp môi run run (lúc ngừng lại thì xể xuống và hé lộ ra hàng lợi trống vì khuyết răng cửa). Bà bình tĩnh, trong tấm thân thể vững chãi, liếc qua dáng bộ của ông ký Ngà tàn tạ, và tự nhiên bà coi thường hết mọi luận điệu gay gắt của ông.

Thế nhưng ông cụ ký cứ việc nói mãi giảng mãi. Và sự kiên nhẫn ấy rốt cuộc rồi có hiệu quả. Sự khinh bỉ, công kích tàn tệ của ông dai dẳng từ năm nọ tới năm kia khiến cho mọi người trong gia đình không cần lý luận vẫn phải yên trí rằng vật chất là xấu xa vô hạn. Bây giờ vấn đề chỉ còn là xếp hạng xem cái gì phải rơi vào phía vật chất. Bà ký mới thay chiếc quai nón màu xanh dưa cải. Châu mách rằng ông ký cho màu mè như thế là vật chất. Bà không đếm xỉa : « Ba mày mà nói chuyện màu sắc gì. Ông ấy có đi đâu mà trông thấy... Bây giờ khác, đâu phải như hồi kia. » (Hồi kia tức là thuở ông ký Ngà còn gánh lấy việc nuôi

sống gia đình, còn đi đây đi đó, giao tiếp với xã hội, lo làm lo ăn. Thuở đó xa rồi.)

Lại như có chuyện bà ký đưa ra cái hình một người bạn gái mới chụp, mẹ con đang phẩm bình cười cợt, chợt ông ký Ngà liếc xem qua. Ông kích liệt đả kích; trước hết vì là hình bán thân, sau nữa vì bà hình chụp nghiêng. « Con trai con gái chúng nó chụp những kiểu hình như vậy coi được, còn người tuổi tác thì có cách riêng của hạng tuổi tác chứ ». Ý ông muốn nói phải ăn mặc nghiêm chỉnh, ngồi trông thẳng vào ống kính, hoặc để xuôi tay trên đùi, hoặc gác tay lên một mặt bàn có chưng một lọ hoa chẳng hạn, xung quanh có con cháu quây quần. Nến không thể thì là... vật chất rồi !

Ông ký Ngà còn đi xa thêm trong cảm tưởng : « Bộ má chúng bay muốn uốn ngực chụp nghiêng nửa người, rồi bảo thợ họ tô nước thuốc lên môi cho đỏ mới ưng ý chắc ! » Bà ký đỏ mặt lên, ngượng ngùng, nhưng bà không phản đối mạnh, chỉ trề môi một chút, tỏ rằng ông không còn đáng kể mấy nữa.

Tuy vậy mà rồi trong gia đình vẫn phải đặt ra vấn đề chụp hình, xem thế nào là còn tinh thần, và như thế nào là thành hẳn ra vật chất.

Nếu có người nói ra rằng bà ký có đề cho lập luận của ông ký Ngà thuyết phục, bà ta sẽ ngạc nhiên và phẫn nộ. Quả tình bà không lấy làm quan trọng những điều ông Ký Ngà nói ra, quả là bà luôn luôn hoặc phản đối hoặc im lặng bỏ qua, coi thường những giảng giải đại càn sa của ông. Thế mà rồi cuối cùng sự nhận định về vật chất và tinh thần của ông cũng hóa thành ra sự nhận định của bà, của tất cả gia đình. Cả đến Châu, nàng cũng e sợ vật chất. Dào dạt mọi người trong nhà xem như cái quan niệm về vật chất và tinh thần không phải là ý kiến của ông Ký Ngà, của một ai, mà là lý đương nhiên của trời đất không thể nào phủ nhận được.

Như vậy công việc của ông Ký Ngà là ngày đêm chuyên về sự giảng dạy vợ cùng các con. Cô con gái của ông Ký — cô Châu — mỗi khi gặp Hữu (và có lẽ gặp bất cứ người đàn ông nào cũng thế) liền né mặt sang hướng khác, như con ngựa né roi. Mãi cho đến khi, một buổi chiều, ông Ký Ngà cùng với Hữu đứng xem bác Tam câu cá bên chiếc cầu ván, ông ta bắt chuyện với Hữu, rồi nhân vui chuyện ông ta mời chàng về nhà chơi, đến khi ấy cô gái bắt đầu thay đổi thái độ với chàng. Sau này, đã hiểu rõ về tư tưởng của ông Ký Ngà, Hữu mới suy nghĩ có lẽ đối với Châu tất cả những người đàn ông không quen biết đều đứng bên phía vật chất hết.

(còn tiếp một kỳ)

KHỎI TRẮNG

NGUYỄN ĐÌNH-TOÀN

Buổi sáng tiếng chim hót rất đông trên mấy cây sao ngoài đầu ngõ. Tôi nằm lại trên giường một lúc lâu và xấu hổ vì những ý nghĩ của mình tối qua. Tôi trở dậy rửa mặt. Bà chủ nhà đứng ở thềm nhà dưới cầu thang, nhờ quét trần, ngừng lên hỏi :

— Đem qua đi chơi đâu về khuya dữ, cậu Hai ?

Tôi cười đáp :

— Đi chơi, chị Tư. Lúc đó chị vẫn chưa ngủ sao ?

Người đàn bà nhờ quét trần lần thứ hai, nói :

— Ngủ gì được. Thằng cha đêm về quấy hoài.

Tôi hỏi :

— Ai kia, chị Tư ?

Chị giơ tay nghiêng đầu cào tóc, vuốt cho thẳng, nói :

— Thằng cha mắc dịch chứ còn ai nữa.

Một tiếng nói ở căn nhà kế bên vọng ra, giọng già hơn chị Tư đôi chút :

— Dóc tổ hoài. Chả về chạy mua đồ cho chả nhậu thấy bà, còn chưởi lấy le.

Hai người cười hích hích.

Chị Tư hình như chưa bao giờ có người chồng nào nhất định. Người đàn ông nào đến ở với chị thì hàng xóm kêu là chồng chị. Chị độ ngoài 30, có nhan sắc. Da đen nên chị ưa đánh phấn. Trông cũng được mắt. Chị có hàm răng trước nhuộm đen, giờ cạo trắng, ăn trầu cắn chỉ, nên trông đỏ quạch. Không biết chị làm gì để sống. Tôi thường trông thấy chị đánh bài tứ sắc với những người hàng xóm.

Tôi không đến được thư viện như đã định lúc đêm vì lười, và ở nhà cả buổi sáng. Mặt trời lên, mái tôn hầm hập nóng. Ván vách khô nứt. Những chiếc đinh đóng từ ngoài vào thò những đầu nhọn. Nước thấm trên nền vôi làm loang ố. Những tàn cây lớn, cột đèn, giây điện, và tiếng động bên dưới, ở ngoài phố nhìn thấy sau cửa sổ.

Tôi nằm nghiêng trên giường và nhìn xuống sàn gỗ. Vài con kiến chạy lảng quăng đây đó và trên những hạt bụi nhỏ. Nắng hắt qua khe ván đồ những tia vàng trên sàn. Tôi bỗng để ý đến cái vệt trắng trắng ở sâu bên dưới sàn gác. Nhìn kỹ, đó là giường của chị Tư. Người đàn bà đã trở vào nằm ở đó. Chị cởi trần và mặc quần lót. Ngực chảy xệ, da bụng nhăn nheo. Tôi có cảm tưởng như chị đã nằm như thế gần hết đời chị. Người đàn bà mở mắt nhìn lên trần, một tay chị phe phẩy chiếc quạt giấy, một tay lùa vào đầu vuốt tóc. Chiếc màn hoa che giường soi một thứ ánh sáng xanh sao trên người chị, làm thêm già. Tôi cũng tưởng tượng đến sự khoái lạc người đàn ông đêm qua đã tìm kiếm trên cái thân thể gần héo kia. Người ta đã vắt dần đời sống của mình vào những giây phút tương tự.

Trời nóng bức, tiếng cọ nồi soong và tiếng trẻ con hát ê a. Tất cả những tiếng động thừa thãi nghe thấy tự bao giờ bỗng chùng chất trong đầu.

Buổi trưa tôi ra tiệm đầu ngõ gọi cơm và đĩa trứng kho thịt, ăn. Quán hàng đông khách và ruồi nhặng. Mấy người đàn bà ngồi bán những hoa trái xanh thắm trên một chiếc chõng nhỏ bên cạnh máy nước công cộng, mấy đứa con gái gánh nước quen mặt ngã cái đòn gánh ngồi mua ăn, cười nói với nhau rung những mảng bụng trở đằng sau những chiếc áo hoa cau ghét.

Ngủ trưa xong, buổi chiều lên phố tôi gặp ông Nguyễn trong một tiệm sách. Hình như tóc ông bị rụng đi, trông thưa và rõ lớp da đầu trắng, mặt vàng ệnh như cổ úa.

Ông hỏi tôi :

— Sao ? Đã làm gì chưa ?

Tôi nói :

— Chưa.

Tôi cũng hỏi ông về tin đồn ông sắp nhận một công việc trong chính quyền. Ông tỏ ý ngạc nhiên tại sao tôi biết, khi chính ông cũng

chưa rõ ra sao, mặc dầu có vài cuộc tiếp xúc giữa ông và người định trao công việc cho ông. Tôi bảo :

— Nghe anh em nói vậy.

Ông cười nói :

— Tài thật.

Ông mời tôi ra uống nước trà ở nhà hàng Pagode. Tôi thấy ông có vẻ mệt mỏi, tuy ông cố lấy bộ tươi tỉnh. Ông bảo công việc người ta dò hỏi ý kiến và định giao cho ông cũng không có gì quan trọng, nhưng có lẽ ông sẽ nhận vì ông cũng muốn làm một công việc gì thiết thực. Tôi nghĩ : « Người ta tin ông thật chẳng ? ». Tôi cũng tự hỏi : « Người ta đây là ai ? Ông nói ông muốn làm một việc thiết thực, có nghĩa là ông đã tự coi tất cả những công việc ông làm trước đây là phù phiếm chẳng ? ». Tự nhiên tôi muốn cười một mình. Bên ngoài hè phố nhiều người mặc quần áo đẹp đi, lại. Đàn ông, đàn bà, con trai, con gái. Y phục đủ kiểu Tây, Tàu, Việt. Những cô gái để tóc và trang điểm theo lối các tài tử ca nhạc Pháp trẻ, mới lên. Françoise Hardy, Sheila, Sylvie Vartan. Người cảnh sát đứng bấm đèn giao thông bên cái hộp điện sơn trắng. Xe cộ đi lại làm chóng mặt. Bên kia hè phố một người đàn bà ngoại quốc đứng tuổi, tóc hung, dắt theo một con chó nhỏ thấp, vàng, tai cụp, vào một tiệm bán hoa. Ông Nguyễn hỏi tôi :

— Cậu đau sao ?

Tôi cười với ông, bảo :

— Không.

Ông nói :

— Ông Phúc Thành vừa về Sài Gòn gặp tôi, có nhắc đến cậu. Ông ấy có vẻ buồn.

Tôi bảo :

— Kể cũng lạ. Tôi không ngờ ông ấy dành nhiều cảm tình tốt của ông cho tôi thế.

Ông Nguyễn cầm chén nước lên tay, nhìn tôi :

— Cậu không biết. Ông ấy không có ai để nói chuyện. Ông sợ.

Tôi hơi ngạc nhiên :

— Sợ ?

Ông Nguyễn tiếp :

— Ông bị mặc cảm chỉ còn biết kiếm tiền chứ hết sống. Cần phải có

một người mà ông tự cho ở trong đời sống đối thoại với ông, để ông cảm thấy ông còn sống hoặc ít ra ông còn liên lạc với đời sống.

— Vậy ông thấy tôi là người đang ở trong cái đời sống ông tìm kiếm đó sao ? Tôi cười hỏi ông Nguyễn.

Ông Nguyễn cũng cười đáp :

— Có thể ông cho là cậu còn trẻ, có dự định, còn tìm kiếm, những gì mà ông ấy không còn nữa. Ông muốn có một người như cậu bên cạnh để ông thấy ông chưa xa hẳn cái thế giới lý tưởng đã trốn cả tên vì xấu hổ, trong ông.

Ngừng một giây, ông Nguyễn tiếp :

— Cậu có thể trở lại làm với ông ấy-nếu cậu không có việc vừa ý hơn.

Lời nói của ông Nguyễn làm tôi xúc động. Trong một thoáng tôi lại thấy hiện ra trong trí hình ảnh hai vợ chồng người chủ già đi lại, dáng điệu ông Phúc Thành lúc đứng cúi nghiêng trên bàn xem sổ sách, mái tóc muối tiêu của ông. Và người đàn bà sống như ngày tháng, chỉ muốn có một đứa con mà không có được. Có thật bà ta ao ước có một đứa con không ? Tôi có đúng là niềm ao ước của ba mẹ tôi không ?

Tôi định hỏi ông Nguyễn ông sắp làm gì, nhưng bỗng nhiên tôi cảm thấy một sự lo sợ vẩn vơ, sợ cho ông. Sợ ông sẽ thất bại khi công việc vào tay ông. Ông sẽ không làm được gì hơn trăm ngàn người khác. Và ông sẽ hiện nguyên hình một người tầm thường tệ hơn, một người tầm thường thất bại.

Điều ấy có thể không ảnh hưởng gì đến tôi, nhưng dù sao thì nhìn thấy một người thất bại kề cũng buồn.

Chúng tôi chia tay lúc phố lên đèn. Ông Nguyễn hẹn tôi nếu rảnh đến nhà ông chơi. Tôi bắt tay ông và rung mình. Tôi đi vòng qua mấy phố trước khi trở về nhà. Tường rêu, mái ngói, gốc cây, rác rưởi và những phiến gạch dưới chân.

Lệ chờ tôi ở trên gác. Thấy tôi về nàng đứng lên. Tôi bước mau lại gần Lệ diu và dẫn nàng xuống chiếc ghế bố đằng sau Lệ. Tôi hôn nàng. Tôi không muốn nghe nàng nói gì hết. Tôi cũng không muốn nói gì hết.

Tiếng nàng gọi nghe buồn :

— Anh ! Anh làm sao thế ?

Tôi cười :

— Lệ đừng nói gì hết. Để anh sờ mặt xem có nhận ra em không.

Lệ lặng thinh. Nàng có vẻ ghê gai khi tay tôi lần trên mặt và mắt mũi nàng.

Lệ bảo :

— Buồn em, anh.

Tôi hỏi một câu không định hỏi nàng :

— Em đói bụng không ?

Lệ lắc đầu. Trong bóng tối vừa chụp xuống bên ngoài, hai mắt nàng mở to nhìn tôi. Tôi áp môi trên mặt Lệ. Nàng nhắm mắt nhô cao vai lên đỡ.

Tôi hỏi :

— Em đi đâu mấy bữa không tới ?

Tôi bỗng thấy nhớ nàng hết sức. Tôi nghe tim Lệ đập nhanh dưới làn áo. Trong lòng tôi có sự xúc động của một cuộc chia lìa hay nghe như Lệ vừa đi đâu xa mới về, nghe như hai đứa đã bỏ nhau bây giờ gặp lại. Những ảo tưởng lộn xộn đó làm tôi chán buông Lệ ra. Rồi tôi lại ôm lấy nàng. Lệ yên lặng mặc tôi hôn nàng.

Lát sau nàng nói :

— Anh đừng rợn với tôi như vậy.

Tiếng Lệ làm tôi bàng hoàng.

Nàng tiếp :

— Tôi đã đến đây với anh. Anh muốn làm gì cũng được. Nhưng đừng lừa tôi.

Tôi hỏi :

— Lệ cho là tôi lừa Lệ sao ?

Nàng lặng thinh một giây, rồi bảo :

— Tôi không muốn đóng vai người yêu của anh. Anh thích tôi chứ anh không yêu tôi. Tại sao anh muốn tôi phải đóng cái vai anh trông nhìn nhận.

Tôi bảo Lệ :

— Cô đầy tưởng tượng đi quá xa.

Lệ cười, tiếng cười nghe xác, khó chịu :

— Tôi phải chui ra khỏi cơn mộng của anh. Để anh chỉ còn lại cử chỉ của anh không thôi. Anh sẽ hiểu anh hơn. Kẻo anh sờ lên người tôi mà anh cứ tưởng anh sờ lên cơn mê của tôi.

Tiếng nói của Lệ bóc trần tôi. Nó chọt làm tôi lạ mặt với chính mình, sống sượng, trơ chến. Nó đẩy tôi trở lại cực của con đường buồn thien, mệt chán, trơ trọi tôi đã qua suốt buổi chiều, và biến tất cả

những thứ ấy trở thành giả tạo, ở ngoài tôi. Nàng lột hết tưởng tượng của tôi nên tôi không còn là tôi nữa.

Lệ tiếp :

— Tôi nói vậy thôi. Chắc tôi không làm gì khác được. Tôi nằm đây thì dù là ở ngoài hay ở trong cơn mộng của anh cũng thế thôi.

Tôi vẫn chưa hiểu tại sao tự nhiên Lệ lại có thái độ lạ lùng như vậy. Có lẽ nàng trông thấy tôi đi chơi với Thanh và nàng ghen chăng? Lệ ghen với Thanh?

Tôi bóp má Lệ hỏi :

— Này Lệ, em làm sao vậy?

Và chợt nhớ Lệ cũng vừa hỏi tôi như vậy. Nó đã bóc trần tưởng tượng của tôi. Tôi nghĩ tôi cũng nên làm thật với nó việc này.

Lệ không tỏ một cử chỉ phản đối nào. Nàng đề mặc tôi.

Xong. Nó bảo tôi :

— Bây giờ thì anh mặc lại cho tôi chứ.

Tôi mặc đồ cho Lệ, kéo cái fermeture sau lưng hẳn.

Tôi hỏi Lệ :

— Em định làm cái trò gì vậy?

Nó cười, vẫn lối cười khẩy xác lảo :

— Trò anh diễn rồi, hỏi tôi chi.

Ngừng một tí, nó tiếp :

— Tôi thử coi anh cục cằn chừng nào.

Tiếng nó bắt đầu dịu và cũng bắt đầu buồn.

Tôi bảo Lệ :

— Em đã biết hết rồi. Vậy thì hãy thôi đi. Nếu không...

Lệ lấy tay bịt miệng tôi lại :

— Đừng... đừng nói nặng em, anh. Em yêu anh. Em yêu anh thực không chừng.

Một lần nữa hẳn lại làm tôi sửng sờ. Tôi bảo :

— Đó là cách cô bày tỏ tình yêu với tôi chăng?

Nó nói :

— Không. Nhưng... tôi chưa kịp bày tỏ thì anh đã chấm dứt rồi, còn đâu.

Tôi lần bao thuốc lá lấy diêm châm hút. Ánh lửa xòe lên tôi cố tránh nhưng vẫn nhìn thấy mặt Lệ. Diêm tắt, tôi vẫn nhớ rõ hết khuôn mặt nó trong tối. Trông Lệ bỗng ngây thơ, tội nghiệp. Mái tóc nó tôi vừa làm bù rủ xuống che hết nửa vầng trán, da Lệ xanh xao.

Tôi nói với Lệ một câu tôi không nghĩ :

— Anh xin lỗi em.

Lệ cười. Tiếng cười bớt khiêu khích và nghe lại có vẻ hiền lành.

Nàng quàng tay ôm lấy vai tôi, bảo :

— Anh đừng làm bộ ngây thơ. Nhưng... anh hãy xin lỗi tôi một lần nữa đi.

Tôi hôn nàng. Môi Lệ nóng ấm. Một lát nàng nói :

— Tôi không biết thế nào là yêu nên tôi dàn cảnh một đoạn và đóng với anh. Anh đã đóng quá sức tưởng tượng của tôi. Anh đóng xong rồi tôi vẫn chưa hiểu gì hết.

Tôi nghĩ : « nếu Lệ cứ sống thế này thì rồi cũng có lúc nó sẽ chết trong một cuộc phiêu lưu nào đó của nó ».

Lệ nói :

— Đàn ông người nào cũng giống nhau hết. Thích nói tốt, thích nghĩ tốt, nhưng gặp cơ hội cũng không từ chối làm bậy. Bắt đầu ở một chỗ cao thì họ sẽ lên cao hơn nữa. Bắt đầu ở một chỗ thấp thì họ cũng sẵn sàng xuống thấp hơn nữa. Anh đừng cáu. Tôi không định mở các cuộc phiêu lưu để tìm hiểu gì hết. Tôi cũng chẳng muốn hiểu gì hết. Tôi không chỉ được cho tôi con đường tôi phải noi theo, nên tôi gặp sao sống thế. Tạo ra đời sống từng đoạn, từng lúc. Anh là một trong những cơ hội hạnh phúc nhem nhuốc của tôi, trước đây tôi nghĩ thế. Tôi nói trước đây nghe có vẻ xa. Nhưng quả thật tôi cũng thấy hình như đã quen anh, đã xa anh từ lâu. Bây giờ thì tôi nghĩ có lẽ tôi yêu anh thật.

— Em định nói đùa, nói thật, hay có ý gì thế ? Tôi hỏi.

Lệ cười :

— Anh đừng sợ, tôi không định nói là tôi muốn lấy anh đâu. Tôi chưa sửa soạn để trở nên một thứ gì cả.

« Nhưng em có thể trở thành một con đĩ lắm », tôi nghĩ và thấy mình nhỏ nhen, hèn học, phần khác tôi cũng thấy vừa tội nghiệp vừa ghét Lệ.

Trong bóng tối bàn tay Lệ lần mò nắm lấy tay tôi bằng một sự dịu dàng hắt hủi.

Ở nhà dưới tiếng chị Tư đập muỗi và quạt phành phạch bực bội.

Lệ hỏi tôi :

— Anh có khinh tôi không ?

Tôi bảo Lệ :

— Em ở lại đây với anh. Mai hãy về.

Lệ nói :

— Em ở lại cũng được. Nhưng em không muốn ở.

Tôi hỏi :

— Sao ?

Lệ đưa bàn tay tôi lên môi đáp :

— Không sao hết.

Môi nàng mềm và ấm truyền ra tay tôi một cảm giác rờn rợn. Chuông đồng hồ căn nhà bên cạnh đồ tám tiếng. Lệ bảo :

— 8 giờ rồi.

Những tiếng động giờ giấc đó gõ mãi vào ngày tháng, vào sự trống trải của đời mình. Tôi không muốn nghe muốn biết mà mỗi ngày vẫn nghe và vẫn biết như thế.

Bằng đôi tay mù lòa tôi bỗng muốn vuốt ve, dỗ dành Lệ.

Lâu sau, Lệ thở mạnh, rồi nói :

— Mình sống hoài như vậy sao ?

Tôi hôn Lệ, bảo :

— Hôm nào, em đưa anh về nhà chơi.

Lệ cười :

— Không ích gì. Anh muốn nhìn thấy má ghẻ tôi đánh bài bên cạnh ba tôi nằm hút thuốc phiện sao ?

Tôi thấy nhấm nhói ở tim và phía ngực bên phải. Tôi buông Lệ dùng tay ấn nhẹ những chỗ đau. Những vòng xương ngực nhô dưới làn áo mỏng.

Tôi hỏi Lệ :

— Má em đánh bạc dữ lắm à ?

Lệ đáp :

— Bà ấy đánh bạc để kiếm ăn.

— Thế bộ bà ấy không thua bao giờ sao ?

— Thua chứ.

— Thế lấy tiền đâu đánh hoài ? Ba em làm gì ?

— Ông nghiện và bị sa thải ba năm nay rồi. Ông ấy ốm không làm gì được. Nằm cả ngày bên cạnh bàn đèn, cạo ngoáy các ống thuốc.

— Thế tiền đâu bà ấy đánh bạc ?

— Bà xoay sở loanh quanh.

Tôi có cảm tưởng bầu không khí chung quanh thật nhỏ dần trên thân thể, tìm chân tay mình vào một cơn buồn bã nhạt nhẽo.

Lệ ngồi nhồm dậy, giơ tay vuốt tóc. Tôi nhớ đến cử chỉ tương tự của nàng buổi tối hôm ở ngoài bãi biển. Tôi lần tay sờ nhẹ nhúm đuôi tóc Lệ. Những sợi tóc mềm và lạnh, phảng phất thơm. Áo quần nàng đập vỗ sột soạt.

Cử chỉ Lệ thản nhiên :

— Tôi không thể nhìn họ cầu xé đánh đập, chửi rửa lẫn nhau mãi nên đến lần tôi phải kiếm tiền đem về.

Bà ấy không coi ba tôi ra cái gì hết. Bà muốn làm gì, đi đâu tùy ý. Ông ấy cũng không cần giữ. Tất cả những gì ông cần có là cái bàn đèn của ông và lọ thuốc bên cạnh.

Tôi làm gì ra tiền ? Tôi chỉ còn cách cho thuê tôi. Và đã làm cái công việc ấy tôi không còn học được nữa. Tôi dốt những thứ người ta dạy trong lớp, nhưng tôi lại biết những thứ người ta không dạy.

Ở trong hoàn cảnh ấy, nếu không muốn tự tử, tôi phải tìm lấy cách yêu đời mà sống.

Lệ cười. Tiếng cười cụt ngắn nửa kiêu ngạo nửa tự ti. Nàng nhìn tôi, tôi không nhìn rõ mặt nàng, nhưng tôi biết Lệ đang chăm chú nhìn tôi, và đang cố phân biệt tôi với bóng tối. Nàng tiếp :

— Tôi gặp những người như anh. Có lòng, hiểu biết. Nhưng rồi hình như dù họ có thiện chí cũng không giúp gì được cho tôi hết, nếu không kể họ còn đáng thêm cho vài chùy, chia sẻ thêm một chút tình cảm tôi còn sót lại trong người. Tôi mất dần mất mòn những gì tôi cần giữ, vì không biết giữ và vì tôi bắt buộc phải đổi chác.

Tôi biết tôi đang làm anh lộn mửa. Vậy anh hãy mửa lên cái gì anh ôm ấp một lần xem sao.

Tiếng nói của Lệ làm nổi những đom đóm vàng quanh nàng. Tôi có cảm tưởng Lệ sắp ngã cắm đầu xuống sàn. Tôi cũng có cảm tưởng

Thanh hỏi :

— Người ta làm gì mà xúm đông ở chỗ kia thế bác ?

Người lao công ngược nhìn Thanh, vẫn tiếp tục đi, đáp :

— Nhà xác.

Nghiệp đã thay sơ-mi trắng đi ra. Thanh lái xe lên Saigon và chúng tôi tới ăn sáng tại một tiệm phở. Thanh không ăn được có lẽ vì bị không khí ở nhà thương ám ảnh. Nghiệp nhìn em thương hại. Lát sau Nghiệp nói bằng quơ :

— Ở đấy thì ai cũng đáng thương cả.

Lúc Thanh lái xe đưa tôi về nhà, ngồi trên xe Nghiệp hỏi tôi, chắc là Nghiệp hỏi cho có chuyện mà thôi :

— Anh làm ở đâu ạ ?

Tôi nói :

— Tôi không có việc gì.

Nghiệp nghe, và tôi thấy Nghiệp kín đáo nhìn tôi trong tấm kính xe trước mặt. Có lẽ Nghiệp đang tự hỏi tại sao Thanh quen tôi, và tự hỏi tôi thuộc loại người nào trong xã hội.

Xe về đến ngõ, tôi bắt tay chào Nghiệp chào Thanh, và Nghiệp mở cửa xe bước xuống bảo Thanh.

— Thanh ngồi sang bên này, để anh lái cho.

Thanh ngoan ngoãn ngồi sang chỗ Nghiệp. Nghiệp đi vòng sa mở cửa xe bên kia và lên cầm tay lái. Thanh nhìn tôi, trên mặt nà có dáng băn khoăn. Tôi đoán : « Có lẽ nàng lo cho Hiền ». Nghiệp máy cho xe chạy. Tôi nhớ lại hôm tôi với Hiền và Thanh đi chơi. Bây giờ Hiền nằm trong nhà thương. Thanh nghĩ gì ? Nghiệp nghĩ về tôi, về Hiền ? Ích lợi gì không những điều ấy ? Tôi lại đi từng bước vào ngõ, leo từng ấy bậc thang lên gác. Và Lệ ? Giá lúc đó một hòn đạn lạc nào cắm vào óc tôi, chắc tôi không oán hờn mà may kẻ nào đã bắn nó ra. Nghĩ thế thấy mình bi quán và vô lý. « Ch thua như thế là hèn nhất » tôi nghĩ. Tôi là một đứa hèn nhất. Tôi rằng tôi phải quyết định làm một việc gì đó ngay tức khắc, nếu không tôi lại sẽ sa vào khoảng trống trải khủng khiếp đang chờ sẵn để ch lấy mình. Và tôi nghĩ : « Tôi phải đi tìm Lệ ».

NGUYỄN-ĐÌNH-TÔI
(HÌNH ẢNH VI)

t i a n ắ n g

NGUYỄN THỊ - VINH

Hùng nằm thẳng hai tay gối sau gáy, mắt nhìn lên mái nhà. Một tia nắng soi qua kẽ hở trên mái lá xiên thành một vệt sáng dài xuống kế bên chỗ anh nằm. Tia nắng đã làm Hùng sống lại dĩ vãng. Anh còn nhớ những buổi trưa oi ả. Sau bữa cơm, Ba anh nằm ngủ trên bộ ván ngựa, trong nhà im lặng tối mát, vì các cửa sổ đều đóng kín. Có tiếng lạch cạch tuy rất nhẹ do mẹ anh rửa bát ở nhà bếp đưa lên. Hùng ngồi ề a học ôn bài thuộc lòng.

« Trong đầm gì đẹp bằng sen

« Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng.

« Nhị vàng bông trắng lá xanh.

« Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn »

Nhiều buổi anh đã ngủ gục trên trang sách đem theo trong giấc ngủ những lời thơ trong sách tiểu học, giản dị và êm đềm như giấc ngủ của anh. Thường thường Hùng hay bị đánh thức dậy bằng hai cái cốc đầu rất nhẹ. Rồi Ba anh gọi « dậy con, dậy đi học chứ, thuộc bài chưa mà đã ngủ gục thế ? » Và mẹ anh giặt anh ra rửa mặt trong lúc anh còn mắt nhắm mắt mở. Nhiều hôm Hùng đem theo cả sự ngái ngủ tới trường. Để chống lại sự buồn ngủ, trong lúc thầy giáo lo viết bảng giảng bài thì Hùng ngồi tần mẩn ngắm những tia nắng xiên trên mặt bàn học. Anh thú vị mà nhận ra trong tia nắng nhiều hạt bụi ly ty màu sắc rất đẹp và linh động. Hùng lấy làm hạnh diện kể cho các bạn nghe điều nhận xét mới lạ của anh. Lớn lên Hùng không còn cái thích thú ngắm nhìn tia nắng như vậy nữa, tuy nhiều lần gặp lại, nhưng đối

với anh đã chẳng còn vẻ lạ gì, anh đứng đưng như không hề biết đến. Thời gian qua Hùng đã trở thành cha của vài đứa nhỏ. Cũng như cha anh trước, nay thì tới lượt anh nằm ngủ buổi trưa để đợi tới giờ dậy đi làm, có hôm anh đang ngủ một tia nắng xiên chiếu tới mặt làm anh bừng tỉnh. Nhưng anh không bị khó chịu vì mất ngủ, mà lại thấy lòng xao động một cảm giác vui lạ khó tả, Hùng chưa kịp nhận ra tại sao ; nhưng nỗi vui làm anh không ngủ tiếp được nữa. Hùng xuống nhà dưới gặp vợ đang cọ nhà và lôi đồ đạc ra phơi rửa. Khác với mọi ngày trên người nàng luôn luôn mặc chiếc áo len, hôm nay Hùng thấy vợ búi gọn tóc sau gáy, mình mặc phong phanh chiếc áo mỏng cộc tay. Các con anh giăng chường mới được tắm xong. Tóc chúng còn ướt nước, mình mặc áo mỏng và rộng còn thơm mùi băng phiến, nét mặt tươi mát, má ửng hồng. Chúng tung tăng nô đùa trên sân gạch. Trước những cảnh ấy Hùng ngỡ ngàng nhìn vợ con như kẻ xa nhà lâu ngày mới về. Vợ anh cười rất tươi nói với anh :

— Nắng mới mình ạ.

Hùng âu yếm nhìn vợ, lòng tràn ngập cảm giác hân hoan như ngày mới cưới.

Thì ra hôm đó là buổi đổi mùa. Khí hậu miền Bắc về mùa đông luôn mấy tháng trời u ám và hay có mưa phùn. Thời tiết giá lạnh, thường có khi kéo dài sang tới mùa xuân chưa hết. Đột nhiên có hôm trời trở nắng. Ánh nắng mới và những cơn gió mới làm thay đổi hẳn nếp sống trong mọi gia đình. Các bà nội trợ cũng như vợ anh đều tấp nập dọn nhà cửa, phơi rửa đồ đạc v.v... Tia nắng đang làm Hùng miên man nghĩ tới quá khứ bỗng tiếng Tâm gọi :

— Hùng, cậu nghĩ gì thế.

Hùng chợt tỉnh. Anh nhẹ thở dài như tiếc những ngày qua và trả lời bạn :

— À nghĩ đến tia nắng.

— Sao lại nghĩ đến tia nắng là thế nào ?

Hùng bật cười gắt đùa bạn.

— Ô thằng này lạ, bây giờ lại đến cả mày cũng thi hành chính sách kiểm soát tư tưởng nữa sao ? Thì ra đã nằm trốn một chỗ như vậy mà vẫn còn chưa thoát nữa hả.

Tâm cười :

— Thật thế, thoát sao được.

Nói xong Tâm thấy hơi rờn rợn tự cho câu mình vừa nói là gở, và đưa mắt nhìn giấy mái nhà giáp phía sân sau căn gác rồi bảo Hùng

— Nay cậu, có lẽ mình nên phòng trước thi hơn. Tội thấy chỗ

ở này tốt lắm, nhờ có động tụi mình leo lên giây mái nhà sau kia, rồi chuồn xuống ngõ hẻm, ở phía sau nhiều lối đi quanh co mình thoát chắc dễ.

Hùng cười tỏ vẻ đồng ý với bạn, nhưng kinh nghiệm đã cho Hùng biết Tâm nghĩ sai, Hùng không nói ra sợ bạn lo. Hùng nhớ cách đây không lâu Hân bạn anh bị bắt vào nửa đêm, trong khi anh ta đang ngủ bất thần có một toán người ập vào khám xét nhà cửa và đem Hân đi. Sáng ra lối xóm kể lại cho vợ Hân nghe, ngay cửa nhà Hân lúc đó có bốn người cầm súng đứng chặn. Và trên mái nhà họ trông thấy hai người ngồi thu hình, mới đầu họ tưởng là trộm, xem mới biết cùng là bọn công an, cả những ngả đầu đường gần nhà Hân người ta cũng thấy rải rác có công an đứng hờm sẵn. Như vậy mà giờ Tâm lại còn tính đến chuyện leo lên mái nhà để chuồn quả là một ý nghĩ hết sức ngây thơ.

Đối với Hùng lúc này số phận của anh và các bạn đồng cảnh ngộ chỉ còn trông vào sự may rủi mà thôi. Ngoài ra còn một cách là trốn khỏi Hanoi để lên chiến khu Vĩnh Yên, là nơi chiếm đóng của Việt-Nam Quốc Dân Đảng. Nhưng nếu thế đối với Việt-Minh thì anh là phản động thật sự rồi còn gì. Vả anh đang ở hàng ngũ Việt Minh nay bỏ sang V.N. Quốc Dân Đảng, liệu anh có khỏi bị nghi là trinh sát của Việt-Minh không? Hùng đau xót thấy mình lại là kẻ mất đất đứng ngay trên đất của mình. Thà hồi Pháp thuộc anh bị bắt bớ hay trốn tránh vì tội làm cách mạng lại đi một nhẽ. Hùng không thể chịu đựng được ý tưởng thấy mình tự đứng lại trở thành kẻ thù của cả hai đảng mà chàng đã đặt hết tin tưởng, hy sinh bỏ cả gia đình để theo đuổi. Về V.N Quốc dân Đảng, ngay từ thuở nhỏ còn ngồi trên lòng bố anh đã được nghe người nói tới tên Nguyễn-thái-Học và các đồng chí của ông bằng một giọng hết sức tôn kính. Tới khi mới biết đánh văn Hùng đã lời được cuốn «Chiêu hồn nước» ba anh dấu dưới gầm tủ chè ra đọc. Những lời thơ trong «Chiêu hồn nước» tha thiết kêu gọi quốc dân đứng lên chống Pháp đã nhập vào tiềm thức anh từ thuở đó; Hùng không quên được nét mặt hốt hoảng của ba anh lúc trông thấy anh cầm cuốn «Chiêu Hồn Nước», và đang bí bô đọc, ông đã bảo anh «Chết sao con lấy được cuốn này, ba đã dấu kỹ rồi cơ mà. Đừng đọc nữa con đừng đọc lớn thế, chết cả bây giờ». Rồi đột nhiên ba anh ôm lấy anh, hôn lên trán nói: «Con có hiểu sách gì không, ba cảm phục những người làm cách mạng ba muốn được góp sức với họ, thế mà suốt đời ba vẫn chẳng làm được việc gì». Ngày đó anh chưa hiểu được ý nghĩa của lời ba anh nói, nhưng hành động ba anh ôm anh trong lòng và nói với anh những lời không phải là lời nói với trẻ con, đã làm anh sung sướng, cảm động suốt đời, và cảm thấy thương ba anh vô hạn. Lúc ấy anh chưa hiểu được tầm quan trọng nếu tụi Pháp bắt được trong nhà anh có cuốn sách cấm thì sự nguy hiểm sẽ ra sao. Nhưng nay thì Hùng hiểu rõ sự nguy hiểm nếu đảng bộ Việt Minh của anh mà thấy anh có cuốn sách đó họ sẽ ghép anh vào tội phản

động và cho anh là người của Quốc Dân Đảng trà trộn vào phá hoại. Kết quả có thể bị thủ tiêu, nếu không thì cũng bị đem đi tầy nã cho đến khi không còn tý nào mà tầy nữa. Hùng ngổ ngàng kiểm lại những sự việc đã xô anh vào hàng ngũ Việt Minh, thật quả chỉ là một số phận kỳ lạ ngoài sự suy tính của anh. Vào những năm 1941, 1942, có thể gọi là ngày cuối của thời Pháp thuộc. Dân Việt-Nam lại bắt đầu chịu sự đè ép, hung bạo của quân Nhật, mà chính anh đã là một nạn nhân. Một hôm anh được Hân rủ cùng đi vào hiến binh để tiếp tế cho Sáng bạn của Hân. Hai ngày sau hiến binh Nhật tới nhà «mời» Hùng đi giữa ban ngày vì họ nghi là anh đã bỏ thư vào nắm cơm tiếp tế cho Sáng. Nửa tháng trời liền Hùng bị tra tấn oan rất là thảm khốc và bị tù cảnh cáo ba tháng. Ngày anh ra Hân đã bỏ nhà trốn đi. Và sau ít lần Hân lén gặp lại Hùng thì họ thành bạn đồng chí của nhau. Thi ra những sự bắt bớ và đàn áp ngu xuẩn thiếu sáng suốt của bọn quân phiệt Nhật đã vô tình đẩy mạnh Hùng trở thành người chính thức chống đối họ. Mỗi lần Hân kể cho Hùng nghe những thành tích của Hồ-chí-Minh và đảng Việt Minh thì lòng Hùng lại dâng lên niềm tin tưởng sôi động. Anh kính phục họ cũng như đã kính phục tất cả những nhà ái quốc. Trước có Phan-Bội-Châu, Nguyễn-Thái-Học, giờ thì có Hồ-Chí-Minh, Võ-Nguyên-Giáp, và Nguyễn-Hải-Thần v.v... Hùng không hề phân biệt những nhân vật kể trên, cũng như không phân biệt đảng Việt-Minh và Quốc Dân Đảng và không thể ngờ rằng tới ngày nay họ lại là kẻ chống đối lẫn nhau. Anh chỉ thấy niềm hãnh-diện cho dân tộc Việt-Nam luôn luôn có tinh thần tranh đấu, và có những người lãnh đạo chống ngoại xâm nối tiếp nhau bất diệt như mây trời, lớp này tan lớp khác hiện. Năm 1945 cuộc cách mạng tháng tám bùng lên như một ngòi pháo bông, đẹp rực rỡ và đột ngột. Vì sau một đêm ngủ sáng mở mắt ra là Hùng đã thấy cả thành phố Hanoi đỏ rực màu cờ cách mạng của Việt Minh. Đoàn biểu tình đông chật trên khắp nẻo đường. Những nguyện vọng mà trước kia người dân Việt Nam chỉ thêm muốn và ôm ấp thầm, nay được tung ra bằng biểu ngữ đầy khắp các phố, bằng muôn vạn tiếng reo hò. Lòng Hùng cũng rộn rã bừng nở như một bông hoa mãn khai, làm anh quên thấy một điều lạ trong cuộc biểu tình cách mạng đó. Hai ngày trước anh được Phong bạn học của anh nay là đảng viên Quốc Dân Đảng báo cho biết sẽ có một cuộc biểu tình khổng lồ do Quốc Dân Đảng tổ chức vào ngày hôm nay để chiếm đóng thành phố trước sự làm ngơ của quân đội Nhật (họ còn đang lo rút lui. Vì sau khi bị bom Nguyên tử nước Nhật đã đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Nhiều người Nhật đi tự tử bằng cách mổ bụng ở các nơi). Điều Phong kể Hùng có đem nó lại cho Hân nghe, Hân tỏ vẻ ngơ ngác không hiểu, mà hiểu sao được vì V.N.Q.D.Đ. tổ chức kia mà. Thế rồi cuộc biểu tình xảy ra đúng như điều Phong đã nói cho Hùng biết. Nhưng có điều lạ không thấy một sự tham dự nào của V. N. Q. D. Đ. cả. Chắc V.M. đã biết trước mà lén hót tay trên. Dẫu sao Hùng không hề thắc mắc gì về điểm đó. Anh hăng hái lao mình vào trong mọi tổ chức sơ khởi của V. N. như

kẻ hâu đối ngồi trước màn cổ. Đến nỗi Hùng không ý thức nổi ngay cả hành động của chính anh. Tại sao lại có một ngày vào tháng mười năm đó Hùng bỏ nhà lên Phúc-yên hợp với Vệ Quốc Quân Việt Minh để chống đối thật sự với V.N.Q.D.Đ. Giờ nghĩ lại Hùng chỉ còn thấy mơ hồ như kẻ say mới tỉnh. Nhưng cảm giác lúc chia tay với vợ thì anh lại nhớ rõ, giọt nước mắt đọng trên má vợ đã làm Hùng nghĩ rằng « Ai bảo những người đàn bà lúc tiễn chồng cần phải nén khóc mà cười, để phấn khởi kẻ ra đi là nhằm » với Hùng những giọt nước mắt của vợ anh đã như một thứ gia vị làm cho cuộc chia ly thêm ý nghĩa, đủ để những ngày xa cách anh cảm thấy nỗi nhớ vợ đẹp nhẹ nhàng tăng thêm niềm vui kiêu hãnh của lòng trai nhận thấy mình đã dám hy sinh xa gia đình làm những việc mà từ thuở còn đi học anh vẫn mong được làm, mong được sống trong những cách sống của Trần-Hưng-Đạo, Quang-Trung, Nguyễn-Thái-Học v.v... Nhiều lúc buồn vì mình không có tài đuổi được thực dân Pháp để dành độc lập cho nước nhà, buồn nỗi buồn của Ba anh suốt đời chỉ đọc trộm cuốn « Chiêu hồn nước » và cảm phần ngấm quân Pháp để rồi thờ dài bất mãn cho mình, Hùng lại thả cho tâm hồn tưởng nghĩ tới trận Bạch Đằng. Hùng hơi rờn rợn cảm thấy như chính mình đã từng được dự trong trận đó. Óc anh còn văng vẳng âm thanh của muôn vạn tiếng reo hò lẫn trong tiếng gươm trần va chạm. Và anh tưởng như trông thấy trước mắt, dưới ánh đuốc rực trời, xác kẻ xâm lăng mặc quần áo Tàu xanh lam, có giải tóc đuôi xam dài, lập lờ trôi trên sông Bạch Đằng cuộn sóng đỏ hồng màu đất phù sa, pha lẫn máu quân thù. Đây là những nguyên do thúc đẩy Hùng lẫn vào mặt trận V. M. Hùng không bao giờ ngờ rằng có ngày anh lại nấp trong ụ súng do quân Tàu đã tiếp thu lại được của quân đội Nhật Bản. Mà V. M. hay V. N. Q. D. Đ. mạnh ai nấy đã mua rẻ hay xin lại được, để bây giờ cả hai bên đều nấp trong những ụ súng bắn xả sang nhau. Có thể kẻ địch ngồi nấp trong ụ súng bên kia sẽ là Phong hay những thằng bạn đã cùng mang một mộng tưởng giống Hùng. Mộng của họ giờ đã thực hiện, họ đã được ôm súng ra chiến trận. Nhưng trước mặt họ không là giòng sông Bạch Đằng có tiếng sóng vỗ kiêu hùng, mà chỉ là một giải đồng mạ xanh mướt, đang mềm mại gợn sóng theo từng cơn gió mát. Phía đầu họ từng cụm mây trắng nhẹ nhàng trôi trên nền trời trong xanh. Mặt trận của Hùng hiện tại không có những giải tóc đuôi xam của quân thù, mà chỉ có đuôi những con trâu đen ve vầy, thản nhiên như những người nông dân vô tội đang thản nhiên làm việc trên cánh đồng của họ. Họ không hề biết chỉ lát nữa họ sẽ phải chạy không kịp vì tiếng súng nổ bất thần mà lý do bí mật quân sự trận đánh này không báo cho dân chúng biết trước được. Hùng chợt nhận ra rằng chính những người dân vô tội đó lại ở giữa tầm súng của cả đôi bên. Nỗi hăng say của Hùng thoát tan theo từng giọt mồ hôi đang toát ra khắp người anh. Hùng rùng mình, trong một thoáng anh bỗng có cảm giác như đang bị ngâm mình trong khối băng tuyết lạnh buốt, làm tê liệt cả mọi cử động. Nhưng tiếng súng vẫn nổ sau lời

hồ « bắn » của anh chỉ huy làm Hùng mất cả sự suy nghĩ tình cảm. Tiếng súng đã kích động bản năng tự vệ và hiếu thắng, thúc đẩy Hùng bắn liên hồi, như một kẻ điên đã chĩa mũi súng vào ngay chính vợ con mình mà nhắm đạn, kỳ tới lúc không còn đạn hay không còn kẻ nào sống sót mới ngưng lại được.

Chiều đó Hùng theo anh chỉ huy cùng vài anh em đồng đội ra coi lại chiến trường. Họ tới chiếc miếu cổ dựng trên khu đất trống giữa đồng. Các người dân vô tội bị đạn lạc đã được đem vào đây và đang được Dũng người thanh niên học năm thứ ba trường thuốc Hanoi, cùng mấy cô y tá săn sóc. Những tiếng rên rỉ lẫn trong tiếng khóc rấm rứt của kẻ bị thương còn sống sót, nằm bên các thầy chết chưa kịp đem chôn. Mùi người chết lẫn hơi thở của người sống, mùi thuốc, mùi máu, mùi mồ hôi ứ đọng trên quần áo bẩn đã làm không khí ở đây trở nên nồng đặc khó thở. Từng đám ruồi bu chặt trên các vũng máu khô, trên các thầy chết, và vo ve bên những kẻ bị thương. Ngoài cửa miếu, một người đàn bà nằm thẳng đơ, hai tay xoải cứng ngắc, cặp mắt mở to bất động. Dưới chiếc váy bằng vải đen dày thò ra hai bàn chân có những kẽ nứt nẻ vì làm việc lam lũ, các ngón chân hình như sưng to lên và màu thịt đã tím ngắt. Hùng tưởng bà bà ta chết, nhưng khi tới gần Hùng rợn người, cảm thấy từ ở bà ta vẫn còn hơi thở mong manh nhẹ như sợi khói mỏng. Đến nỗi Hùng không dám tin có thật bà ta chưa chết hẳn. Từ bên ngoài Tâm đang đi tới. Hùng thoáng thấy anh chỉ huy cau mặt lộ vẻ khó chịu khi nghe tiếng Tâm huýt sáo miệng bài hát chào cờ của Việt Nam Q.D.Đ. « *Việt-Nam, minh châu trời đông. Việt-Nam nước thiêng tiên rồng, non sông như gấm, hoa uy linh một phương.v.v..* » Hùng nghĩ thầm « cái thằng khỉ Tâm cứ thích hát luôn miệng. Ở trong mặt trận Việt Minh lẽ ra phải ca bài « *Hồ chí Minh, Hồ chí Minh muôn năm, làm cho nước Việt-Nam quang vinh.v.v..* » thì không ca, lại cứ nhè bài chào cờ của đối phương mà lảm nhảm đến nỗi bị cấp trên cảnh cáo mấy lần vẫn chưa chừa được. Về sau Hùng điều tra thì ra anh chàng hồi còn ở Hà Nội mỗi lần đến chơi nhà người yêu thì đều nghe người anh và lũ em của Tuyết hát bài đó. Bây giờ mỗi lần nhớ người yêu thì tự dưng anh chàng lại quen miệng hát chứ chẳng ý thức gì hết.

Thấm thoát mấy tháng trời trôi qua những trận đánh vô nghĩa vẫn tái diễn, cho tới một ngày Hùng mừng rỡ thấy có cuộc điều đình, của V.M và V.N.Q.D.Đ. cả hai bên đều thỏa hiệp ngưng chiến để thành lập một chánh phủ liên hiệp. Chiều đó Hùng rủ Tâm và Dũng đi ăn mừng một bữa phở. Trong khi ăn Dũng có nói cho các bạn biết là hiện ở Hà Nội Hán đang bị đảng nghi ngờ về tội phản động. Tin này làm Hùng hoang mang hết sức. Hán, phải chính Hán là người đã đưa Hùng vào đảng, và là người đã phục vụ cho V.M từ hồi còn trong bí mật. Hùng đã từng được thấy Hán ca tụng và thán phục Hồ chí Minh đến mức gọi Hồ bằng « cha ». Thế mà bây giờ chính Hán lại bị nghi ngờ là phản động. Hán mà còn bị vậy thì những người như

Hùng, Tâm và Dũng chắc chắn sẽ chỉ là những tên quân thí cho nước cờ hiện tại của V.M. Nét mặt lộ vẻ khó chịu và cái mỉm cười khó hiểu của người chỉ huy khi nghe Tâm hát bài chào cờ của V. N. Q. D. Đ. làm Hùng thấy lo sợ cho chính anh vì đã mấy lần anh đại dốt bày tỏ cảm nghĩ ghê sợ của anh đối với cuộc chiến tranh hiện tại, cho người chỉ huy nghe. Sau bữa phở ăn mừng Hùng cùng các bạn trở về trại, anh sưng sốt cả người khi thấy có lệnh sửa soạn cho trận đánh vào 4 giờ sáng hôm sau. Thì ra cuộc điều đình và lệnh ngưng bắn chỉ cốt lừa cho đối phương không đề phòng để đánh úp. Giờ thì Hùng đã hiểu rõ đường lối chính trị của V.M. Họ đã không từ một hành động nào dù phải, trái, hợp lẽ, hay không cũng chẳng đáng kể, chỉ cốt đi đến mục đích của họ. Sau lần đó Hùng thấy ghê tởm chuyện chính trị, anh không còn chịu đựng hơn được nữa, Hùng năn nỉ với Dũng cấp cho một giấy chứng nhận là có bệnh yếu tim để được về Hanoi. Nhưng như một kẻ có tay đã nhúng chàm, giờ thì Hùng muốn an phận làm một người thường dân không dám biết đến chuyện yêu nước là gì cũng không được nữa. Trước cửa nhà anh lúc nào cũng có trinh sát dòm ngó. Và liên tiếp nhận được những tin không hay. Nào là Hân bị bắt, nào Tâm cũng trốn khỏi chiến khu. Duy chỉ còn Dũng chưa bị bạc đãi ra mặt, vì mặt trận lúc đó thiếu bác sĩ. Chuyện phải đến đã đến. Lại một lần Hùng từ già vợ con đề ra đi, không phải là chiến đấu ngoài mặt trận mà đi trốn một nơi cho khỏi bị bắt. Một vài anh em cùng cảnh ngộ đã đưa Hùng tới đây. Tình cờ lại gặp Tâm ở cùng chỗ trốn, Hùng chẳng rõ là mình vui hay buồn nữa. Lòng anh chỉ còn một niềm chua xót, vì nhận thấy rằng trong một chính thể mà những tâm hồn ngay thẳng, trong sáng, có lòng yêu nước nhiệt thành, bỗng dưng lại trở thành những kẻ phản động. Vậy thì những kẻ không phản động còn lại trong chính thể phải chăng chỉ là phường a dua, nịnh bợ và ngu xuẩn. Và để có một lối thoát bọn Hùng tự nhiên phải tìm cách chống đối lại V.M.



Tia nắng trên mái lá lúc nàng đã chạy qua chỗ Hùng nằm, chiếu chếch lên vách. Phía giường bên kia Tâm nằm hút thuốc lá liên tiếp. Từ ngày tới đây Hùng không thấy Tâm hát lại bài chào cờ của V.N.Q.D.Đ. lần nào nữa. Bỗng Tâm hỏi Hùng :

— Này cậu, bây giờ là tháng mấy ?

— Cuối tháng sáu rồi, hỏi làm gì thế ?

Tâm trả lời lơ đãng như nói một mình :

— Thời tiết cuối mùa, hèn gì mà oi bức, ngọt ngọt quá.

Hùng nhìn tia nắng yếu ớt gần tắt soi trên vách rồi bảo Tâm :

— Cũng sắp đổi mùa rồi.

NGUYỄN THỊ-VINH

(Viết xong ngày 10-10-1963)

Ce qu'est

Văn HỌC

LÊ QUANG LỘC

À l'heure où Văn-Học s'apprête à franchir le seuil de sa 2^e année de parution et partant, se reprend à espérer qu'il va lui être donné d'entrer dans une ère nouvelle d'études et de travail, nous sommes un certain nombre d'étudiants qui voulons donner une voix à cette espérance et à cette volonté, une voix qui soit entendue non seulement de nos compatriotes pour qui les langues occidentales telles que l'allemand, l'anglais, le français, l'italien etc... représentent toujours des langues de civilisation et de progrès, mais également des étrangers qui s'intéressent à notre revue.

De parti - pris, nous voulons nous tenir en dehors de toute politique partisane ; autant nous admettons l'utile concurrence des opinions honnêtes et loyales pour la détermination des meilleures solutions, autant nous répudions toute idéologie étroite, tout sectarisme inepte, tout esprit de caste et considérons comme mortelles les rivalités de personnes dans un pays comme le nôtre qui doit avoir besoin du concours de tous ses fils pour son relèvement et sa lutte anti-communiste.

L'union est une chance de vie nouvelle, la désunion, la mort. Cette formule si souvent prononcée, dans les discours et les articles, il est grand temps que nous l'essayions à nouveau pour qu'elle définisse un esprit et imprime sa marque aux mœurs. Nous voulons aussi proposer des solutions aux problèmes que pose la rénovation de notre pays. Nous voudrions allier la hardiesse des conceptions au sens de l'histoire, inscrire une forte volonté de progrès au sens des réalités, retrouver dans la tradition millénaire du Viet Nam l'indication des pistes sur lesquelles il nous faudrait nous lancer pour

affronter de nouveaux destins. Souhaitons donc qu'autour de nous, et par le moyen de notre modeste publication, nous sentions déjà sourdre de tous côtés, des aspirations innombrables vers la beauté, la fraternité et le bonheur tant rêvé sur cette terre. Le problème social et étudiantin notamment retiendra toute notre attention; et nous souhaitons pour le résoudre, nous tenir à égale distance d'un conservatisme figé et de l'idéologie. Encore faut-il, pour que nous arrivions au but, qu'une large collaboration nous soit assurée de la part d'un public étranger dont nous attendons la sympathie autant que l'indulgente compréhension. Il nous faudra enfin déterminer conformément à la situation où nous nous trouvons présentement, les moyens nous permettant de le réaliser ce but, voilà encore sur quoi nous portons également notre attention. Comme toutes les revues, hebdomadaires ou bi — mensuelles, nous n'avons pas tardé à subir une épreuve qui atteste la solidité d'une œuvre de longue haleine et en rehausse en même temps la valeur. Nous sommes donc, autant dire, toujours prêts à poursuivre la tâche que nous nous sommes assignée, ayant toujours la présence d'esprit nécessaire pour faire face à toute éventualité.

Pour en revenir à la pensée occidentale, nous devons reconnaître d'emblée ce qu'elle comporte d'équilibre, de sagesse et de foi dans les destinées de l'homme avec ses aspirations élevées, ses élans révolutionnaires, qui ébranlent même les assises immorales ou injustes de certaines institutions. Donc cette pensée que d'aucuns ont qualifié avec raison de flambeau de la civilisation humaine, trouvera de nobles interprètes, dans notre revue. Nous tâcherons à animer de grandes idées, à leur donner une consistance, une épaisseur qui les rendent sensibles, humanisées, compréhensibles à tout homme soucieux de se perfectionner chaque jour davantage. Car cette civilisation nous comble d'un trésor sans conteste, admirable sur un monde pas assez bien approfondi à notre gré. Cette étude nous apporterait certes une sensation toujours nouvelle de la confrontation de la pensée vietnamienne avec la pensée de l'occident, elle nous ferait découvrir du même coup les plus délicates nuances de la pensée ainsi que les plus secrets recoins de l'âme humaine. Notre jeunesse pourrait retrouver grâce à ces recherches, les reflets, les échos de ses préoccupations intimes.

N'est-ce donc pas le besoin de s'étudier, de s'élargir, de s'approfondir qui enthousiasme noblement notre âme toujours curieuse ? Et n'est-ce pas qu'il ne pourrait y avoir de société qui s'humanise et se fraternise, s'il n'y avait pas de gens qui se sont donné comme objectif de travailler ensemble à cet échange culturel entre l'Orient et l'Occident ? Toujours est-il que le fait de sentir communément le beau et le vrai qui seul, permet la communion intense du lecteur, qu'il soit allemand, anglais, américain, français ou vietnamien, et de l'auteur autour l'une idée et qui révèle à celui-là une réalité toute tangible, voire persuasive, nous encourage à persévérer jusqu'au bout.

C'est pour satisfaire en partie à ces besoins urgents et primordiaux qu'a été créée et se perpétue notre organe Văn-Học.

Nous sommes d'ailleurs convaincus de la totale réussite de notre entreprise en ce jour mémorable de notre deuxième anniversaire de parution de Văn Học. Et plaise à Dieu que notre revue Văn Học soit assez empreinte de vérité et d'universalité pour répondre largement aux exigences des publics les plus variés et être appréciée en même temps à l'étranger et participer ainsi, dans le domaine de l'esprit, au rapprochement des hommes en général, et des étudiants en particulier du monde libre. Nous pouvons aussi promettre d'ores et déjà à nos chers amis lecteurs qu'à l'aube de cette deuxième année Văn Học, nous ferons de notre mieux pour leur assurer régulièrement des lectures instructives de tous genres et une sélection choisie dont la haute qualité se maintiendra au cours des mois à venir.

LÊ-QUANG-LỘC

LẠC ĐƯỜNG VÀO LỊCH SỬ ★

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC : Trọng yêu nhưng không lấy Tuyết-Lan. Thiếu nữ được tổ chức vào một tổ chuyên môn in giấy bạc giả cho một đảng cách mạng quốc gia. Ngày nàng thành công là ngày 15 tháng 8, 1945. Bây giờ, từ nhà quê, nơi phục dịch bà mẹ đau nặng, Trọng lên Hà-Nội...

III

Nắng như muốn cháy xém vào mặt mũi, chân tay Trọng. Trọng ngồi xếp bằng tròn trên đệm cái xe tay, nước lên ngập sàn xe, lên tới ngực anh phu xe cỡi trần truồng.

Cuối tháng Bảy, nắng võ giời. Trọng thêm thường nhìn xuống làn nước mênh mông bốn phía. Nước lăn tăn gợn sóng cho đến tận xa mù mịt, trừ một giải phẳng lì như mặt lụa đánh dấu con đường liên tỉnh số 10. Trọng nghĩ thầm : chắc mát lắm. Anh ngập ngừng, toan cỡi bỏ quần áo, nhẩy xuống nước cùng lội với anh phu xe cho vui. Nhưng chưa kịp thực hiện ý muốn, Trọng đã thấy anh ta bất chợt kéo dạt vào bờ, ghếch vội càng xe lên một mô đất cao, đoạn lập cập vừa trèo vừa bò lên mô đất, cả người anh run như giẽ.

★ CHÚ THÍCH QUAN TRỌNG.— «Lạc đường vào lịch sử» là một tập tiểu thuyết có bối cảnh lịch sử. VẬY CỐ NHIÊN NÓ KHÔNG CÓ BỐN PHẦN TÔN TRỌNG LỊCH SỬ ĐẾN CẢ TRĂM PHẦN TRĂM. Tuy nhiên, tác giả phải công nhận có nhiều chi tiết, cũng như nhiều nhân vật, không phải là sản phẩm của tưởng tượng. Vì thế nên tác giả khẩn thiết thỉnh cầu bạn đọc lưu ý giúp về một điểm quan trọng là sự việc xảy ra chỉ có một, nhưng người trong cuộc thì nhiều, và mỗi người sẽ tùy theo vị trí của mình mà suy tư, phát biểu. Cũng như sự thật rất nhiều khi chỉ có giá trị chủ quan đối với những người trong cuộc mà thôi. Xin các bạn lưu ý cho.

— Lạnh quá, cậu ơi, cháu té buốt cả hai đùi, lạnh như cắt vào đến ruột, và tức ngực không thở được.

Trọng nhìn anh phu xe, từ nách xuống đến chân tái mét một màu nửa xanh nửa tím. Trọng không hiểu, nhưng đến lúc dùng một cánh tay xuống nước mới biết nước lạnh lạ thường, càng xuống sâu càng lạnh như ở một tầng băng tuyết nào mới tan ra.

Lụt to như hàng trăm năm nay chưa từng thấy, Nước từ trên Vân-Nam chảy xuống, tràn ngập lên ba phần tư miền đồng bằng. Nước còn nặng một chất loess vàng bần, thoát trông tưởng như sanh sánh có pha bột. Giời không mưa ngót tháng nay mà lụt thật lớn, như vậy có phải rõ ràng là nước tan từ những con sông băng đóng giữa hai vùng rừng xanh và tuyết vĩnh viễn, trên địa đầu Hi-mã Lạp sơn ?

Trọng nghĩ tội nghiệp anh phu xe. Nước lạnh quá, mà đường còn dài. Trọng có muốn làm một ử chỉ giúp đỡ cũng không được. Anh có bỏ xe xuống lội cùng, anh phu xe vẫn cứ phải đem xe về tỉnh. Từ tỉnh ra bến đò Tân Đệ ngót hai chục cây, từ đây đã quá Thẩm một thối đường, tức là nếu trở về tỉnh lại phải đi hơn mười cây. Thà đi bừa lên phía trước. Trọng bất chợt có một ý định. Anh cố gắng thu hết nghị lực để chống lại những phản ứng thường tình muốn kết án ý định ấy là nhân đức rởm đời.

Trọng nhất quyết cứ nói :

— Này bác xe, tôi sợ bác còn kéo nữa thì thế nào cũng ngất đi mất. Bây giờ tôi bàn : bác lên ngồi đây, tôi kéo giúp cho một đoạn, rồi bác lại kéo, rồi tôi lại kéo giúp cho một đoạn nữa là ta tới đầu huyện Thư-trị ; đường cao lên nhiều, nhắc không ngập.

Anh xe giật mình, chối bai bãi : — « Cháu không dám ! Cháu không dám ! » Trọng bảo thế nào anh ta vẫn « không dám ». Trọng nhấn mạnh sẽ trả đủ tiền, trả ngay bấy giờ để anh ta vẫn không dám, Trọng bực mình, gay gắt :

— Cái gì mà bác không dám ! Cách mạng thành công rồi cơ mà ! Anh xe trả lời ngay, không cần nghĩ :

— Cách mạng ở đâu, chứ chúng cháu bao giờ chả là người dưới, chúng cháu bao giờ dám hỗn với các cậu !

Báo hại Trọng không làm thế nào được, đành cứ lội xuống đẩy cho xe đỡ bị giòng nước chảy thật mạnh ở một vài quãng thấp khỏi lật đổ, hoặc cuốn phăng đi cả xe lẫn người. Anh phu xe vừa kéo vừa lạy van Trọng luôn miệng. Trọng thì cứ cố cười nói huyền thuyên, một đôi khi hát cả bài « Tiến quân ca » hay bài « Diệt phát xít ». Nhưng mãi quá trưa mới đến phố Thư trị. Trên con đường cao, nước chỉ dâng ngập được nền nhà, hoặc cùng lắm ngập kín những cối đá xanh chân cột. Trọng mở người, vịn vào tai xe đi cố đến bến đò mới

dừng chân. Anh quay lại nhìn hai dãy nhà như nổi trên mặt nước, với cả một rừng cờ như đám mây đỏ thắm phủ lên mái nhà. Trông thấy đám mây đỏ lớn lên, lớn lên thật nhanh, rồi buông rộng ra như một cái màn, choán hết tầm con mắt. Trọng thấy ngón tay mình dờ ra, muốn bấu chặt vào đầu đó không được nữa. Anh nghe trong người khoan khoái lạ lùng. Hình như anh nghĩ đến một cái gì không rõ lắm và khẽ cười. Hai chân anh khụy xuống.

Anh phu xe nhanh tay đỡ cho Trọng khỏi ngã hẳn xuống nước. Mấy người trong cửa hàng xô ra ôm sóc anh vào bệnh viện gần ngay đây. Ông y tá già nghe thuật truyện, cảm động, cả tủ thuốc có hai ống dầu camphroéthérée đem tiêm cả cho anh làm một phát. Có bà cụ rút ra trên máy nhà xuống đốt sưởi cho anh, rồi bắt thằng cháu lên năm tuổi tiểu tiện vào mồm, vào mặt anh nữa.

2.— Rút cục, Trọng tỉnh lại sau cơn ngất lịm đến hai mươi phút. Người ta tưởng anh sẽ ốm nặng. Nhưng sức khỏe của tuổi hai mươi năm, hai mươi bảy, cho phép anh ngay chiều hôm sau đã lên tới Hà-Nội. Anh đi tìm Quang, không sao gặp được. Mãi mới có người quen mách: thằng Quang nhiều lần đi phố với con Lan hàng Kèn có vẻ thân mật lắm.

Mới chợt nghe. Trọng lấy thế làm tức giận, toan thốt ra một lời thóa mạ. Nhưng sau lại tặc lưỡi, cho rằng câu chuyện kết thúc như vậy cũng hay, mặt dầu anh không sao tránh khỏi được một cảm giác tê tái trong tim. Cả Hà-nội tung bừng trong cách mạng cũng không còn gì vui nữa. Trọng lơ đãng đi nhiều vòng quanh Hồ Gươm, bần thần tìm bóng những cặp tình nhân không còn soi xuống chân cầu Thê-húc. Anh cố lắm mới nhớ ra được một phần nào những thứ mà vợ anh dặn mua cho bà Bố chánh và cho đứa con sẽ ra đời đầu sang năm.

Đến buổi sáng ngày 23 tháng Chín — anh nhớ rõ ngày tháng vì chiều hôm sau được tin bùng nổ Kháng chiến ở Nam-bộ—Trọng đương thu xếp ra xe thì được tin Quang cùng với Tuyết-Lan bị bắt. Về tội in và tiêu thụ giấy bạc giả.

Trọng đứng sững lại giữa nhà, buông rơi gói đường phèn xuống sàn gác đánh bộp. Một lát sau anh viết vội mấy dòng thư cho mẹ, cho vợ, xong rồi thuê người đem về quê cả thư lẫn các thứ hóa phẩm mua được. Trong bức thư viết cho bà Bố chánh, Trọng báo tin Tuyết-Lan bị bắt. Anh xin phép mẹ ở lại Hà-nội đề vận động xin tha cho Tuyết-Lan, bởi « linh cảm rằng, trong sự đại bất hạnh này, mẹ con ta chắc hẳn có nhiều phần trách nhiệm. »

3.— Tuyết-Lan bị bắt cùng với Tề, Quang, Trọng Sơn, Tảo, Xuân và Cuồng giữa trưa ngày 20 tháng Chín. Tất cả đều bị khóa tay bằng còng sắt, lối chính quyền; thêm trói hai bắp trên bằng thừng luôn ra

phía sau, rồi đánh thông lọng lên cổ, lối cách mạng. Tất cả bị nhốt vào *sà lim* tại trụ sở Công an Xung phong, đường Hàng Cỏ.

Riêng một mình Tuyết-Lan cứ đến ba giờ chiều lại được phép ra sân hóng gió đến năm giờ rưỡi, hết giờ làm việc, mới lại phải vào *sà lim*. Mới thoát đầu, thiếu nữ tưởng đó là một đặc ân dành cho các nữ phạm, nhưng chỉ qua một buổi chiều nàng đã biết người ta cho nàng ra khỏi *sà lim* là để cho nàng nghe thấy đủ rõ những tiếng động phát ra từ căn nhà nhỏ xây trơ vơ giữa sân. Căn nhà dùng vào việc hỏi cung.

Những tiếng roi xé không khí như tiếng đạn réo, những tiếng đấm tiếng đá thùm thụp, huỳnh huých. Tiếng người kêu thét lên ghê hồn, tiếng van xin cuống quýt của người bị đánh đau quá, và thỉnh thoảng người hỏi cung lại gầm lên chửi rủa, dọa nạt. Rồi đến năm giờ rưỡi, cái tóa-vẹt treo nơi góc sân khua vang lên một hồi ba tiếng, báo hiệu hết giờ cực hình cho tâm hồn của Tuyết-Lan. Thiếu nữ ngẩng đầu lên khỏi hai cánh tay vòng trên tường hoa. Người cai ngục sách chùm chìa khóa lại gần. Nàng đứng dậy, quay nhìn một lần cuối cùng về phía căn nhà ghê gớm kia, và lần nào thiếu nữ cũng vừa vịn kịp thấy hai đội viên công an khiêng một cái cang vải đi ra, trên cang có thể là một người nằm co quắp, nhưng cũng có thể là một đồng giẻ rách ướt đẫm những máu.

Tuyết-Lan bị giam đã năm hôm. Nàng xin thôi không ra hóng gió ngoài sân nữa nhưng không được. Đến lúc ấy mới hiểu thấm thía cái nham hiểm của những người đương cầm giữ nàng: cứ mỗi tiếng roi vút xuống, nàng lại có cảm giác như chính mình bị đánh, cứ mỗi tiếng kêu rên lại tưởng như của một người nào trong thân quyến của mình. Tuyết-Lan đã ghê sợ quá rồi. Nàng ngồi xồm trên hè nhà giam, nhắm mắt, gục đầu xuống giữa hai đầu gối, lấy hai cánh tay vòng vào nhau ghi thật chặt đầu gối vào tai cho khỏi nghe thấy những tiếng động kinh khủng ấy nữa. Nhưng đến lúc hết giờ, thiếu nữ không thể nào không trông lại căn nhà nhỏ giữa sân. Cứ như thế, đến ngày thứ sáu, vừa thoát nhìn rõ người nằm trên cang, Tuyết-Lan bỗng rụng rời cả chân tay, miệng mở to không thốt lên được tiếng gọi:

— Anh Tề !

4 — Tề nằm trên cang, mặt đầy những lằn roi ứa máu chen lẫn với những vết tím bầm, sưng húp. Hai mắt Tề trợn ngược, trắng già, mũi bị đánh giập xuống giống hệt một miếng thịt bò bạc nhac. Mồm Tề há hốc, Tuyết-Lan đứng ngậy người nhìn cái cang đi qua ngay bên cạnh, thấy rõ ràng đôi môi nát bét, lưỡi lè ra ngoài che khuất hàm dưới, còn hàm răng trên thì cái gãy hẳn, cái gãy một phần. Tề không một tiếng rên, có lẽ Tề đã chết.

Tuyết-Lan hét lên một tiếng, chạy thẳng về *sà lim* gieo mình xuống nền xi-măng, chúi đầu vào góc tường và nhắm nghiền mắt,

miệng thở hồn hèn. Tuyết-Lan sợ quá, vừa sợ vừa ghê tởm, vừa ghê tởm vừa tức giận. Nàng vốn không tin rằng, giữa cơn nguy nan của tổ quốc, các đảng phái có thể kinh địch và chống trọi lẫn nhau. Lòng tin này đã bị sứt mẻ nhiều phần từ khi nàng bị bắt, nhưng không bao giờ, không bao giờ nàng dám có ý nghĩ rằng giữa những người cách mạng với nhau, người ta có thể dùng đến những hình phạt, tra tấn của thời kỳ đế quốc.

Nếu nói cho thật đúng thì Tuyết-Lan sợ nhiều hơn giận và ghê tởm. Cái sợ khủng khiếp nó bao bọc đủ mọi mặt. Sợ về tinh thần, sợ không giữ nổi những bí mật cần phải giữ, thì từ nay về sau chẳng khi nào còn dám mở mắt nhìn đời, nhìn cha mẹ, họ hàng, bạn bè và các đồng chí trong đoàn thể. Sợ về tinh thần, cái sợ nó bùng lên, muốn phá tung ra ngoài thân thể, nó gần gũi với sự hổ thẹn cùng cực mỗi khi tưởng tượng ra những bàn tay vũ phu lột của nàng từng cái áo, cái quần, rồi tự do sờ soạng chỗ này, chỗ khác. Sợ về thể chất, cái sợ nó thu lại đông đặc và nhọn hoắt, nó cắt cứa trái tim trong ngực, nó đóng thành khối náo nề trong dạ dày, trong bụng ; đó là cái sợ những ngọn roi, những luồng điện bắt vào vú, vào...

Tuyết-Lan sợ quá rồi. Nàng không chợp được mắt suốt đêm hôm ấy. Đến sáng hôm sau, ánh sáng mờ mờ vừa in rõ hình tròn của mấy lỗ thông hơi trên bức tường đen kịt, Tuyết-Lan đã ngồi dậy, mắt không rời một giây khỏi lỗ khóa cửa sắt. Toàn thân nàng run lên từng cơn ngấn. Tâm hồn nàng rỗng không sau cơn xúc động quá mạnh. Dù có muốn, nàng cũng không nghĩ gì được. Tất cả chỉ còn là pháp phòng theo hơi thở không đều, những câu hỏi không thể trả lời : — « Làm thế nào ? Làm thế nào bây giờ ? Làm thế nào bây giờ ! »

Sự chờ đợi đau vào thân thể đến như bị đánh vào tay chân và hai bên bả vai. Buổi chiều, đến giờ từ lâu vẫn không thấy người mở cửa cho ra hóng gió như mọi khi. Sự chờ đợi tức hơi tưởng không thể sống được nữa.

Tuyết-Lan bị hành hạ trong tinh thần như thế mãi đến xâm xẩm tối. Thiếu nữ rùng mình nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ khóa. Cửa mở. Không phải tên cai ngục mặt rỗ, mắt chột và méo mồm một cách dữ tợn. Người mở cửa đứng bên ngoài nhìn vào, tủm tỉm cười. Bộ quần áo bằng *jute* may thật khéo, là mịn mặt và sắc nếp, với chiếc *cravate* đen thắt nút hơi lệch, rồi đến vàng trán rộng, cặp mắt đen nháy với đôi môi hơi mỏng thật tươi. Tuyết-Lan đột nhiên có cái cảm giác tin cậy ở một người rõ ràng là trí thức, là thông minh và thông cảm.

Người đó giơ tay giắt Tuyết-Lan đứng lên. Bàn tay cứng không xiết mạnh, thật lịch sự.

5 — Vẫn bàn tay lịch sự ấy rót nước và đầy bao thuốc *Esquire* ra giữa bàn :

— Đồng chí Tuyết-Lan có hút được thuốc lá không ?

Tiếng nói hơi nặng của miền Bắc Trung bộ, nhưng thanh tao và ấm áp.

— Tôi xin tự giới thiệu ngay để đồng chí khỏi bối ngỡ : tôi là Lâm-trọng Ngà, cán bộ đoàn Hồng-Việt.

Tuyết-Lan giật mình nhìn lại : con người mảnh dẻ, cốt cách phong lưu như kia, mà lại là con người bí mật nhất trong Mặt trận Việt Minh ? Con người khuấy động cả một vùng duyên hải Đông nam Á châu ? Con người cầm cự với Sato và Fujihara trong chi bộ Việt-Nam của Hắc-long đảng ?

Tuyết-Lan lạ lùng hiện lên nét mặt, Lâm-trọng Ngà nói tiếp :

— Chắc đồng chí đã có lần nghe nói đến đoàn Hồng-Việt, một tổ chức điệp báo của đảng Cộng sản Đông dương, về tổ chức và hoạt động giống như đảng Hắc-long của Nhật. Có điều đảng Hắc-long phục vụ mục đích thôn tính Á châu của bọn quân phiệt, còn đoàn thể của chúng tôi phục vụ cho Cách mạng, cho chủ nghĩa Thế giới đại đồng.

Tuyết-Lan vẫn ngồi im, nét mặt ngờ ngác và khắc khoải. Giọng nói của Lâm-trọng Ngà ấm áp hơn :

— Đồng chí gặp tôi hẳn lấy làm lạ lắm. Cũng vì thế, tôi muốn nói ngay với đồng chí là suốt trong thời gian hoạt động 20 năm nay của tôi, tôi ít khi ra mặt tiếp một người lạ như đồng chí. Tôi cũng muốn nói ngay, để khỏi mang tiếng lừa dối đồng chí, là một người ngoài tổ chức như đồng chí đã gặp thì chỉ còn có hai cách : một là theo tôi, hai là... hai là phải chết để giữ bí mật cho tôi.

Tuyết-Lan vẫn biết như thế, nhờ đọc những cuốn sách nói về tình báo và gián điệp. Tuy nhiên, thiếu nữ khâm phục thái độ rứt khoát, quân tử của Lâm-trọng-Ngà. Vả lại nàng cũng không thể làm gì khác hơn, nên khẽ nghiêng đầu, ra hiệu chấp thuận sự giao ước. Đôi mắt thiếu nữ sáng dần trở lại. Trong thâm tâm, nàng linh cảm thấy một sự đổi thay kỳ lạ đang đến cho đời nàng.

Quả thật thế, Lâm-trọng-Ngà với tay lấy một điều thuốc trong bao, đánh diêm châm lửa, thở ra một hơi khói dài rồi lại nói, vào thẳng ngay đầu đề :

— Tôi sở dĩ đến gặp đồng chí là vì đồng chí có học cao, có thông minh, có tinh thần trách nhiệm, và đặc biệt là có sắc đẹp vô song.

Lời khen ngợi đột ngột làm cho Tuyết-Lan không giữ được mỉm cười trong ánh mắt. Lâm-trọng Ngà vội thanh minh :

— Sắc đẹp của đồng chí là một thứ chìa khóa màu nhiệm, có khả năng mở được rất nhiều cánh cửa sắt kiên cố, mà bom đạn hay cốt mìn chưa chắc đã phá vỡ được. Tôi thành thật nhận rằng cả đời

tôi hoạt động có nhiều lần thành công không nhỏ, nhưng nếu được đồng chí tôi dám quyết chúng ta còn thắng lợi gấp trăm, ngàn lần hơn nữa nữa. Đồng chí Tuyết-Lan, nhân danh Đệ tam Quốc tế, nhân danh Trưởng đoàn Hồng-Việt, tôi đề nghị đồng-chí gia nhập hàng ngũ chúng tôi để cùng với chúng tôi phục vụ cho tổ quốc và cách mạng.

Lời đề nghị được báo trước không làm cho Tuyết-Lan ngạc nhiên. Nhưng câu trả lời của nàng lẽ cố nhiên không thể nào khác một tiếng : « không ». Bởi một là người có danh dự không lẽ nào bỏ đảng cũ, theo đảng mới một cách dễ dàng quá như thế ; nhất là chính đoàn thể của Lâm-trọng Ngà đã phá hoại tổ « I-đơ » và bắt, và tra tấn tàn nhẫn các đồng chí của nàng trong tổ. Sự bỏ đảng trở thành phản đảng. Sự nhớ đến hình ảnh của Tề bị đánh đến nát như mình mẩy làm cho nàng lại có lại những cảm giác tức giận và ghê tởm. Hai hàm răng nàng khít chặt với nhau, nghiêng từng chữ một câu trả lời cay độc.

— Không đời nào tôi thêm cộng tác với các ông là kẻ thù nghịch của chúng tôi. Chúng tôi tận tụy hy sinh cho tổ quốc, công cuộc vừa hoàn thành thì các ông đến đốt phá kỳ hết những kết quả của bao nhiêu cố gắng, bao nhiêu mồ hôi nước mắt của chúng tôi. Các ông cậy nắm được quân quyền mà uy hiếp, bắt trói chúng tôi. Chúng tôi hy sinh cho tổ quốc, là con yêu của tổ quốc. Các ông đã tra tấn và giết chết những đứa con yêu nhất của tổ quốc. Các ông phản bội...

Tuyết-Lan càng nói càng hăng, đến nỗi thốt ra những lời sỉ vả tàn tệ mà chính nàng không định nói. Nhưng đã nói ra, và chờ đợi Lâm-trọng Ngà sẽ tức khắc thay đổi thái độ, sẽ tra tấn nàng như Tề, Tuyết-Lan thấy rằng thà nói cho hết, rồi đảng nào cũng chết thì chết cho ra chết. Lâm-trọng Ngà có thừa thế lực để hạ thủ nàng ngay tại chỗ.

Nhưng họ Lâm chẳng hề đổi nét mặt. Chỉ lời nói, nghiêm trang hơn, có đượm một chút khinh bạc ;

— Được lắm, Tuyết-Lan ! Đồng chí đã chọn cái chết thì rồi sẽ được chết. Cái chết ngu xuẩn của giống lừa, mỗi khi gặp hồ chữ biết có một việc là rúc đầu vào bụi. Chẳng khác gì Nguyễn-thái Học, « không thành công thì thành nhân » !

Lâm-trọng Ngà cười nhạt. Tuyết-Lan vùng đứng lên, quắc mắt :

— Khốn nạn ! Xúc phạm vào một người đã chết rồi ! Một anh hùng chung của dân tộc !

— Anh hùng cá nhân, hy sinh cả một sự nghiệp của số đông để một mình chiếm lấy danh nghĩa anh hùng !

— Ai hy sinh ? Đó chỉ là hoàn cảnh. Bí mật đã bị tiết lộ...

— Không có gì cấm Học lùi bước để bảo toàn lực lượng !

— Đảng nào mật thám cũng đã bắt đầu khám phá được manh mối.

— Rất có thể đầu hàng, nếu cần. Như Hoàng-hoa-Thám. Nếu thất bại đã rõ, thì kẻ làm liều chỉ là kẻ ngấp đầu trong tự ti mặc cảm. Và liều một mình mình chỉ là ngu, liều cả người khác là có tội.

— Nhưng ít ra cũng nêu cao được tấm gương ái quốc và hy sinh cho cách mạng.

— Chỉ là tấm gương của kẻ tranh đấu mù quáng, được làm vua thua làm giặc. Cách mạng bình tĩnh và rộng lớn không bao giờ biết cá nhân.

— Cá nhân Nguyễn-thái-Học được gì ?

— Được thỏa mãn tự ái, cũng như đồng chí. Tuyết-Lan ! Đồng chí đầy sặc trong tâm hồn một cái « tôi » hung hăng, hẹp hòi, mù quáng. Đồng chí có thể sống, có thể giúp ích vô cùng cho cách mạng. Nhưng đồng chí đã không nén được lòng tự ái xuống, nên chỉ biết cái sai lầm của mình mà không biết cái phải đúng đắn của người. Đồng chí có muốn được chết vì cách mạng thật, thì hãy nên biết rằng cách mạng là tính toán, tính toán khách quan những giai đoạn, những yếu tố chiến thuật và chiến lược chiến đấu. Sự tính toán phải tuyệt đối khách quan, trong đó bản thân mình chỉ là một yếu tố vô danh, tất cả 25 triệu dân Việt-Nam là 25 triệu yếu tố vô danh. Người làm cách mạng chỉ có hai trường hợp có thể chết : một là không tránh được mà phải chết, hai là chết đi thì có lợi cho cách mạng. Đồng-chí Tuyết-Lan, đồng chí thử nghĩ xem cái chết của đồng chí có ích lợi gì cho tổ quốc và cách mạng không ?

— Chính các ông chủ ý giết chúng tôi. Tôi chỉ không sợ chết, chứ không đi tìm cái chết vô ích.

— Đồng chí thừa biết tôi không có ác tâm sát hại đồng chí. Nếu có thể, tôi chỉ việc đề cho mấy thằng lưu manh nhân viên phòng lấy cụng làm việc. Tôi đã nói rồi, tôi bỏ giở những công việc tày đình mà đến đây là cốt để mời đồng chí cộng tác.

— Tôi không bao giờ cộng tác với những người cách mạng nở lòng tra tấn những người cách mạng khác đến chết, những người cách mạng có dã tâm phá hoại cơ sở của một đảng cách mạng khác cũng yêu nước, thương dân như họ.

Lâm-trọng-Ngà lại cười nhạt :

— Yêu nước ! Thương dân ! Tôi rất tiếc phải nói cho đồng chí biết cả cái tổ I-đơ, ngoài đồng chí ra, chỉ có toàn những phần tử lưu manh, cơ hội. Chỉ có một mình đồng chí chân thành với cách mạng. Chính vì thế mà đồng chí bị lừa dối, bị khai thác, bị vắt như vắt chanh...

Tuyết-Lan ngơ vực :

— Tôi bị lừa ? Bị lừa thế nào ?

— Đồng chí bị lừa vì cái đảng mà đồng chí tưởng là một đảng sự thật không phải là một đảng chính trị và cách mạng. Đảng của đồng chí ở ngoài Tàu là nơi tụ họp của bọn lưu vong vô nghệ nghiệp, tranh nhau phục vụ mấy ông tướng quan liêu chỉ thích đếm tiền của Tưởng-giới-Thạch và hút thuốc phiện của Long-Vân. Rồi đến những người trong tổ «I-đơ» mà đồng chí tưởng là những cán bộ hoặc đảng viên cách mạng cũng chỉ là những tên lưu manh trong một tổ chức lưu manh, tên họ lừa dối và lợi dụng tên kia và ngược lại.

Lâm-trọng-Ngà nói thông thả và thắm thía. Nhưng Tuyết-Lan cũng không thể nào tin ngay một lời tố cáo ghê gớm, lạ lùng đến thế. Hình ảnh đầm máu của Tề chợt hiện ra trước mắt nàng.

— Một người như Tề có lẽ nào là lưu manh... ?

— Còn đáng khinh hơn lưu manh nhiều...

Viên trưởng đoàn Hồng-Việt vừa nói vừa đứng lên, đến mở cánh tủ sắt kê dọc theo bức tường. Sau một phút tìm kiếm y đã quay trở lại trao cho Tuyết-Lan một tấm bìa cứng gấp đôi, từ bên trong cộm lên nhiều giấy tờ và ngoài mặt có in hai dòng chữ Hán.

Lâm-trọng-Ngà chỉ ngón tay dọc theo từng chữ, đọc :

— *Đại Nhật-bản Nam phương quân, Tổng tư lệnh bộ phụ. Phạt-Ấn cơ quan. Hà-nội, An-bộ-đội — Cần vụ giả : Đỗ-viết-Tề, thân phận chứng thư.*

Tuyết-Lan không biết đủ chữ Hán để đọc nguyên văn, nhưng nàng có phần nào vốn liếng tri thức, như hầu hết những người có trình độ học vấn tương tự, nó cho phép nàng hiểu nghĩa được hầu hết những chữ Hán thông dụng được phiên âm sang tiếng Việt. Nghĩa là, theo như tiêu đề ghi ngoài mặt bìa, Tề là nhân viên đặc vụ của An-bộ-đội, cơ quan phụ trách chính trị trong quân đội Nhật. An-bộ-đội còn ở trên Hiến-binh-đội, vậy Tề là một nhân viên khá quan trọng.

Tuyết-Lan run tay giở vào trong, thấy phần nhiều là báo cáo và giấy nhận tiền công tác, năm nghìn, năm nghìn, mười lăm nghìn, ba nghìn... Chữ ký của Tề : một chữ t, một chữ e, một cái vòng lưỡi câu rồi đến một nét gạch từ phải sang trái, tất cả lờm chờm như có gai và kênh cang như chân con ngựa. Sự giả mạo không thể có. Tề quả thật là người mà tình báo chính trị Nhật-bản đặt vào trong đảng của Tuyết-Lan, của Quang, của Trọng-Sơn vân vân... Tuyết-Lan cầm lên xem tờ dưới cùng của tập giấy. Đó là một bản văn đánh máy, trong đó Tề cam đoan «hy sinh phụng sự Thiên-Hoàng, giúp ích cho nền tảng Đại-Đông-Á.»

Chứng cứ thừa đủ rồi, Tuyết-Lan ngậm ngùi gấp tờ bìa lại. Thảo nào mà trong đảng có mấy anh cán bộ giỏi nhưng có tư tưởng chống đối lại còn đường chính trị thân Nhật đều bị bắt giam cả, Tuyết-Lan

vẫn lấy thế làm lạ, vì đoàn thể của nàng, bề ngoài chính là một đoàn thể thân Nhật. Bản cương lĩnh chính trị và tổ chức của đoàn thể cũng ghi rõ lòng «tin tưởng vào sự lãnh đạo của Nhật-bản, vào sự giải phóng tất nhiên cho các dân tộc da vàng.» Bề ngoài thì thế, còn bề trong, chỉ riêng một số cán bộ được tin nhiệm triệt để mới được biết rằng các vị lãnh tụ của đoàn thể đã quyết định lợi dụng người Nhật đến một giai đoạn nào mà lực lượng ta đủ mạnh, lúc đó ta sẽ ra mặt chống lại cả người Nhật, để tranh thủ lấy độc lập hoàn toàn. Tuyết-Lan biết các vị lãnh tụ tìm hết cách để giữ kín hoặc nguy trang điểm chiến lược quan trọng này. Nhưng sự có mặt của đặc vụ Nhật vào đến cả các tổ chuyên môn cũng đủ chứng minh rằng đoàn thể của nàng bị nhân môi của địch ăn đến ruỗng nát hết cả.

Nghĩ đến thế lại càng phục viên trưởng đoàn Hồng-Việt. Không biết Lâm-trọng Ngà làm thế nào mà lấy được cả một tập hồ sơ về Đỗ Viết-Tề, mặc dầu quân đội Nhật đã đầu hàng? — Tuyết-Lan ngẩng mặt lên nhìn Lâm-trọng Ngà, dò hỏi bằng im lặng. Lâm biết ý, trả lời ;

— Tinh thần một quân đội có cao đến tày trời đi nữa, mà đã đến lúc đầu hàng vô điều kiện, thì bất cứ một cấp chỉ huy nào cũng mong muốn có được đôi chút tài liệu bí mật trong tay để bán lấy ít tiền, nhằm chuẩn bị đề phòng những ngày tối tăm sắp tới. Điều quan trọng là mình phải biết chọn tài liệu mà mua.

Viên trưởng đoàn Hồng-Việt nói đến đây bỗng nhìn Tuyết-Lan chăm chăm mà cười :

— Ví dụ như có những tài liệu bán cho người khác một đồng không ai trả, nhưng riêng đồng chí Tuyết-Lan có thể trả bạc ngàn cũng chưa chắc đã có ai chịu bán cho... Như lá thư này chẳng hạn, nó làm chứng rằng không phải tự nhiên mà chúng tôi có ngay cái ý định phá hoại công trình xây dựng tổ « I-đơ » của Tuyết-Lan.

Thiếu nữ không nhận thấy Lâm-trọng Ngà, đi dần vào thân tình, bắt đầu gọi nàng bằng tên thật. Nàng giơ tay đỡ lấy một tập giấy vở học trò, dày tới năm sáu tờ là ít. Nét chữ nhìn ra là nét chữ của Trọng-Sơn, và thư là thư gửi «Cụ Hồ-chí-Minh, Chủ tịch mặt trận Việt-Minh.» Thiếu nữ đọc thật nhanh, vì hết sức tò mò muốn biết Trọng-Sơn viết những gì cho ông Hồ. Mới đọc hết tờ thứ nhất nàng đã cau mày, rồi càng đọc mặt càng đỏ lên vì giận dữ, nhưng đến gần hết tờ sau cùng thiếu nữ lại bật lên cười thành tiếng : Trọng-Sơn đề nghị nộp cả tổ «I-đơ» cho Hồ-chí-Minh, với điều kiện họ Hồ phải nhận gả Tuyết-Lan cho y.

Nơi cuối thư, Trọng-Sơn cho dấu hiệu và địa điểm để gặp phái viên của họ Hồ : mười giờ đêm mỗi thứ Bảy, dưới gốc cây cổ thụ thứ sáu bên tay phải đường Cổ-ngư, lối đi từ chùa Qnan-Thánh lên dốc đê Yên-phụ. Người đến chỗ hẹn sẽ mặc quần áo xanh thợ máy, tay cầm một tờ báo Dân-Thanh, mắt hơi lác và đầu húi «bốc». Tuyết-Lan nhận

ngay ra kẻ đồng lõa với Trọng-Sơn là tên Cuông, thợ máy in nhưng chuyên môn quay máy, vì rất khỏe, và thêm chất người đàn độn ít có.

Thế là đã có ba tên phản đảng trong số nhân viên của tổ « I-đơ » gồm bảy người. Tuyết-Lan nghĩ đến phần tử như thế trong đảng của mình lẽ tự nhiên thấy xấu hổ trước viên trưởng đoàn Hồng-Việt. Mấy lời trao đổi một cách kịch liệt lúc ban đầu của Lâm-trọng-Ngà trở thành có lý. Làm cách mạng như mình quả thật chỉ nhằm thỏa mãn tự ái, nếu không phải là để được hoạt động một cách tài tử. Cách mạng không có tính toán, trừ phi tính toán theo kiểu Trọng-Sơn và Tề. Còn những Cuông, Tảo và Xuân, chẳng qua là những phần tử mang nặng một tính chất chung của đại chúng nghèo khổ là luôn luôn thụ động, tức là chỉ có cảm mà không có nghĩ, phần nghĩ ngợi và quyết định một thái độ bao giờ cũng phải trông cậy vào trí thức. Trong tổ « I-đơ » chỉ có mình với Quang là trí thức, nhưng cũng không xứng đáng là trí thức thật sự, cho nên không lãnh đạo được kẻ khác.

Còn có Quang với mình — Tuyết-Lan nghĩ tiếp, thì mình đã đành là chân thực với cách mạng nhưng mình đã không có kinh nghiệm thì chớ, lại chẳng hề được một ai chỉ bảo cho những phương pháp toán tính về chiến lược, chiến thuật. Làm cách mạng thành ra giống hệt như làm công chức : cứ mỗi khi được nhận xét là đủ điều kiện và được tuyển dụng làm công chức, nghĩa là cấp trên chỉ có việc giao phó cho nhiệm vụ này, nhiệm vụ kia, mặc kệ mình phải tự tìm cách thực hiện nhiệm vụ. Thế rồi nếu mình ngoi được lên cấp trên, mình sẽ cũng lại cư xử y hệt như thế đối với cấp dưới. Bao nhiêu kinh nghiệm thâm lượm được trên công tác mình sẽ chẳng lại cho ai, và có chút kinh nghiệm nào thì người ta lại phải khư khư giữ chặt lấy để làm cái vốn cho riêng một mình mình...

Tuyết-Lan càng nghĩ ngợi càng chịu lẽ lối hoạt động của đoàn Hồng-Việt là đúng. Bản tính cởi mở của thiếu nữ không thấy cần phải che đậy sự bẽ bàng của một người chọn lầm phải đoàn thể :

— Thật tôi không ngờ bọn họ có thể tội lỗi như thế trong một công cuộc cách mạng. Thành thử trong cả một tổ « I-đơ » của chúng tôi chỉ còn có Quang với tôi là còn có đôi chút tâm niệm muốn làm được những công việc tốt đẹp. Quang được cái có nhiều thiện chí và quyết tâm...

— Quyết tâm chiếm cho kỳ được Tuyết-Lan phải không ? Tuyết-Lan có biết Quang đã khai những gì với nhân viên hỏi cung không ?

—

— Quang khai rằng thật bụng không có chủ ý gì chống lại Việt-Minh, và sở dĩ có chuyện Quang đưa Tuyết-Lan đi làm cách mạng, ấy là vì Trọng (tôi có biết Trọng, là một người rất khá) viết thư cho Quang về Tuyết-Lan...

Tuyết-Lan ngạc nhiên, hỏi vội vã :

— Trọng viết thư cho Quang ? Sao tôi không thấy... à, có, nhưng, nhưng rồi sao nữa ?

— Trọng viết thư cho Quang nhờ đến thăm Tuyết-Lan...

— Đến thăm tôi ? Để làm gì ?

— Để biết Tuyết-Lan hãy còn... hãy còn sống. Bởi lẽ Trọng có viết thư cho Tuyết-Lan về việc phải lấy vợ chạy tang mẹ, nhưng không thấy Tuyết-Lan trả lời. Trọng sợ Tuyết-Lan phần chí hủy hoại thân thể, mới nhờ Quang đến thăm, và nhân tiện an ủi Tuyết-Lan giúp, nếu có thể. Quang nhận thư Trọng, đã tìm đến dốc hàng Kèn, nhưng xưa kia Quang đã yêu Tuyết-Lan nên lần này lại gặp, Quang không chịu nói đến Trọng nữa. Quang hy vọng lại chiếm được tình yêu của Tuyết-Lan. Thấy Tuyết-Lan đau khổ, Quang tìm cách an ủi, bất ngờ lại nói ra toàn một giọng cách mạng... Thế rồi quá đà, Quang phải vội vàng tìm bắt liên lạc với một tổ chức cách mạng — bất cứ tổ chức nào — để đóng vai hiệp sĩ ái quốc trước mắt Tuyết-Lan...

Viên trưởng đoàn Hồng-Việt còn nói nhiều nữa nhưng Tuyết-Lan cũng không nghe rõ. Nàng cúi mặt xuống hai bàn tay mà ngồi yên một lúc lâu. Đến khi ngẩng lên nhìn thì không còn thấy Lâm-trọng-Ngà ngồi trước mặt. Nàng ngờ ngác đứng dậy. Một đội viên công an xung phong đẩy cửa bước vào nói :

— Báo cáo đồng chí thượng cấp có đề xe hơi lại dưới sân để mời đồng chí về nhà trước.

5.—Lâm-trọng-Ngà bỏ Tuyết-Lan lại trên gác để xuống phòng khách dưới nhà tiếp Trọng.

Trọng được Lâm hẹn bảy giờ tối sẽ cho gặp, mà phải chờ mãi đến bao giờ là gần chín giờ mới thấy Lâm đẩy cửa bước vào. Trọng mừng rỡ đứng lên chào đón :

— Anh ! Đã lâu lắm không được gặp, anh được mạnh khỏe ?

— Cảm ơn đồng chí, vẫn mạnh.

Câu trả lời có một chút gì lãnh đạm. Trọng từ đầu vẫn tin chắc vào sự can thiệp của mình, nhưng thấy thái độ của Lâm bỗng nhiên phát sinh ngàn ngại. Trọng đã biết nhiều về những người cách mạng là những người ít có cảm tình. Tuy nhiên, nhớ lại truyện cũ, và bị thúc bách bởi tính chất cần kíp của công việc, anh cố gắng giữ lấy bề ngoài thản nhiên, vui vẻ.

— Tôi đến để mừng anh đây. Cách mạng thành công rồi, nên độc lập được tuyên bố rồi, và như thế là các anh đã đạt tới mục đích. Tôi ở dưới quê, nhớ đến anh, chắc hẳn từ nay anh sẽ được mãn nguyện.

Trọng ngừng lại, đợi Lâm-trọng-Nga trả lời. Nhưng Lâm vẫn ngồi yên nhìn điệu thuốc lá đương cháy dở trên tay. Trọng bối rối tìm cách gọi chuyện :

— Thật mấy năm đã qua rồi mà tôi cứ tưởng như chỉ mới có ba, bốn bữa. Tôi trông anh không thấy khác... à, nhìn kỹ mới thấy anh hơi đầy hơn và đỡ xanh hơn cái dạo...

— Cái dạo đồng chí giúp tôi thoát tay bọn chó săn của Nhật có phải không ? Đồng chí Trọng, tôi biết có nợ đồng chí khá nhiều, bây giờ đồng chí tìm tôi để đòi cái nợ ấy phải không ?

Lâm-trọng-Nga khô khan cắt lời Trọng, thật khác hẳn, mới hơn một năm trước đây, một Lâm-trọng-Nga thề thốt sẽ chẳng bao giờ quên ơn cứu sống. Hai mẹ con Trọng thật liều lĩnh mới dám đấu Lâm trong buồng, trong khi hiến binh Nhật theo dõi một buổi họp bị phá vỡ, đã vây chặt cả mấy xã tiếp giáp nhau để ruồng xét ba đêm hai ngày liền. Ấy là Trọng thật ra không quen Lâm, chỉ biết Lâm là bạn thỉnh thoảng đến chơi với một vị giáo sư cũ của Trọng. Giáo sư họ Đặng có hướng tâm về chủ nghĩa xã hội từ bao giờ không biết, nhưng chính ông ta cho Trọng mượn và hướng dẫn cho anh đọc cuốn *Le Capital*. Đến năm 1938, chính ông ta lại sai Trọng đi bán báo *Rassemblement* cho một người bạn của ông ta, thường gọi tên là «Tiến to đầu». Lâm-trọng-Nga hay đi với Tiến-to-đầu đến thăm giáo sư họ Đặng, và những lúc ấy, họ thường lem ra tranh luận về những chi-tiết trong chủ nghĩa xã hội mà mỗi người hiểu một cách khác nhau. Cuộc tranh luận nhiều khi biến thành đấu khẩu sôi nổi ; Trọng đề ý rằng Tiến-to-đầu nóng nảy và ăn to nói lớn, giáo sư Đặng thì chua chát và cay độc, còn riêng Lâm-trọng-Nga lúc nào cũng bình tĩnh mỉm cười nửa miệng.

Trọng vì thế có nhiều cảm tình đối với họ Lâm. Gặp Lâm bị nguy đến nơi, Trọng không ngần ngại đưa về nhà nói với mẹ. Bà Bố chánh tìm hết cách làm lạc đường bọn chỉ điểm. Hai mẹ con như đứng vào giữa đồng kiến lửa suốt ngày. Kịp đến khi vòng vây đã mở, Lâm qui xuống hôn tay bà Bố chánh, đoạn quay ra thề suốt đời làm người bạn thân nhất của Trọng. Tiếng nói của Lâm mỗi khi nói chuyện ân tình, nghe mới thấm thía làm sao !

Và phải đợi đến bây giờ Trọng mới được biết con người ấy còn có thể nói được nhiều giọng khác nhau. Trọng tức lắm, nhưng không nỡ bỏ rơi Tuyết-Lan. đành phải nhận đến đòi nợ một cách khéo léo :

— Anh nói quá, tôi bao giờ dám coi là nợ nần một chút xiệc nhỏ giúp anh. Sở dĩ tôi đến phiền anh trong lúc bận rộn này là vì...

— Vì Tuyết-Lan phải không ?

Trọng giật mình :

— ... Vâng.

— Tuyết-Lan với đồng chí là thế nào ?

Trọng vẫn định nhận Tuyết-Lan là em gái, nhưng đến cơ sự thế này, chắc họ Lâm đã biết rõ. Thà nói thật ngay còn hơn. Anh nhìn xuống :

— Tuyết-Lan là... là người yêu của tôi.

— Thế ư ? Sao đồng chí không bảo tôi trước ?

— Vì... tôi chưa... chưa kịp...

Trọng nhìn lên, hy vọng chan chứa. Nhưng lại bị một câu hỏi của Lâm dồn vào chỗ bế tắc :

— À, sao tôi nghe nói đồng chí mới lấy vợ rồi kia mà ?

— Vâng... Tôi... nhưng...

— Nhưng đồng chí vẫn còn yêu Tuyết-Lan ? Tôi thiết tưởng đồng chí không nên thế, đồng chí không nên đeo đẳng người con gái mà mình không thể lấy làm vợ được nữa. Như thế, trái với tác phong cách mạng

Trọng không còn lòng nào gọi Lâm-trọng-Ngà bằng tiếng « anh » thân tình nữa. Anh cố dịu giọng cho chữ « đồng chí » khỏi có vẻ mỉa mai :

— Nhưng Tuyết-Lan hiện đang bị bắt. Tôi đến đây, định nói với đồng chí xin trả tự do cho Lan.

— Tôi xin hỏi thật đồng chí : để làm gì ? Đồng chí yêu cầu trả tự do cho Tuyết-Lan để làm gì ? Nếu không phải để theo đuổi một cách bất chính ?

— Không ! Không ! Tôi xin thề không bao giờ...

Trọng nghẹn uất lên đến cổ. Bao nhiêu lời lẽ văn hoa hay thi thiết đã nhằm kỹ đến thuộc lòng bây giờ đi đâu hết cả. Cái lối hể thẳng vào câu truyện, và lột trần tâm hồn người ta, bắt người ta phải nói đến chữ « yêu » trong phòng khách của sở Công an, rồi gán cho người ta những manh tâm chỉ nói ra cũng đủ ngượng lờ... Trọng muốn đứng phắt lên, không chào mà đi về. Nhưng vẫn lại Tuyết-Lan, thiếp nữ có thể đã bị tra tấn, có thể sắp bị thủ tiêu. Trọng lấy lại được một phần nào hăng hái :

— Tôi xin lấy danh dự bảo đảm với anh là không bao giờ tôi có ý nghĩ hèn hạ gì về Tuyết-Lan. Vả lại, chắc Tuyết-Lan có lẽ già tôi nên mới đi vào con đường mà trước đây nàng không bao giờ nghĩ đến. Tôi chắc chắn có trách nhiệm trong những sự không may đã xảy ra... Tôi không chối cãi còn yêu Lan, nhưng tôi thương Lan hơn. Chén, nếu anh cho phép tôi nhắc lại lời hứa của anh thì tôi nhân danh lời hứa ấy mà xin trả tự do cho Lan.

— Tuyết-Lan đã vào đây đã biết hết những bí mật của tôi.

— Tôi hứa sẽ khuyên nhủ cho Lan trở lại cuộc đời bình thường. Lan sẽ lấy chồng, sẽ quên đi.

— Đồng chí nhầm ! Người con gái ấy sinh ra đời chính là để làm cách mạng. Thông minh, tháo vát, có đạo đức và nhất là sắc đẹp tuyệt trần. Nếu được huấn luyện, nàng sẽ trở nên một nữ gián điệp quốc tế, một thứ Mata-Hari. Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai là Tuyết-Lan đã ở vào cái thế thù nghịch với chúng tôi, nàng có thể dùng ngay những khả năng ấy để chống lại chúng tôi. Xin đồng chí nhớ như vậy.

Trọng nghe lời buộc tội chặt chẽ, lo sợ hỏi :

— Như thế, đồng chí không thể vì tôi mà tha cho Tuyết-Lan hay sao ?

— Tôi rất tiếc, Tuyết-Lan nhất định phải chết !

Chết ! Trọng rụng rời cả tay chân. Cả một bầu trời sụp đổ xuống đầu Trọng. Anh cuống cuống :

— Không, không ! Tôi xin anh, anh đừng hại Tuyết-Lan. Lan vô tội. Mọi sự xảy ra như thế này là vì tôi, tôi hèn yếu, không đủ can đảm, để cho Lan phải đau khổ đến nỗi liều lĩnh. Lan hiền hậu, chân phương, Lan làm cách mạng thế nào được mà anh sợ Lan chống lại anh ? Tôi xin anh, anh tha cho Tuyết-Lan, tôi xin bảo đảm cho Lan. Nếu Lan chống lại anh, xin các anh giết tôi !

Trọng đưa hai tay về phía trước như cầu cứu. Lâm chỉ cười gằn :

— Đấu tranh cách mạng không biết có bảo đảm cá nhân. Tuyết-Lan chỉ có một cách để khỏi chết, là theo chúng tôi.

— Theo các anh ? Đoàn Hồng-Việt ?

— Phải, theo chúng tôi, đoàn Hồng-Việt.

— Nhưng Tuyết-Lan chỉ là một cô gái bình thường, có biết gì về những hoạt động nguy hiểm của nghề làm gián điệp đâu ?

— Một người thông minh như Tuyết-Lan chỉ cần được huấn luyện trong ba tháng, và thực hành trong ba năm, là đủ trở nên bậc thầy trong nghề điệp báo.

— Nhưng Tuyết-Lan đã trót vào đảng khác. Không đời nào một người có danh dự có thể bỏ đảng cũ, theo đảng mới giữa khi bị bắt như thế. Anh bắt Lan theo các anh cũng chẳng khác gì nhất định giết Lan rồi còn gì !

— Đồng chí tưởng thế, chứ tôi không ngu lắm đến như vậy đâu. Người ta không bao giờ bắt ép được một người như Tuyết-Lan làm bất cứ một việc gì. Còn nói gì đến phản đảng ! Nhưng trên đời không phải chỉ có một cách đối xử là bắt ép mà thôi đâu. Thỉnh thoảng không bằng khích tướng, đồng chí còn lạ gì câu châm ngôn đó ?

Trọng nhận ngay thấy họ Lâm nói có lý. Nhưng anh vẫn cố vót vát :

— Tôi sợ rằng Tuyết-Lan cương nghị lắm, anh sẽ khó lòng thuyết phục được nàng. Anh có thể đề thì giờ ấy làm những việc khác trọng đại hơn bao nhiêu. Tôi xin anh, xin anh vì tôi trả Tuyết-Lan về cuộc đời tươi đẹp nhưng bình yên của người vợ, người mẹ Việt-Nam...

Trọng định nói về vai trò xây dựng xã hội của người đàn bà, nó trái ngược rõ rệt với những hoạt động bao gồm cả gian dối, lừa đảo, phá hoại và giết chóc của những người gián điệp. Trọng nói đến cả tính chất tàn nhẫn của công việc điệp báo, không thể nào phù hợp được với tâm hồn phong phú tinh cảm của người đàn bà. Nhưng họ Lâm đã cau mày, nói chặn lại :

— Đồng chí đi xa quá ! Tôi sợ không có thì giờ để tiếp chuyện đồng chí hay hơn.

Trọng cố níu lại :

— Dù sao tôi cũng xin đồng chí khoan hồng cho Tuyết-Lan.

— Tuyết-Lan không cần gì đến sự khoan hồng của tôi hết. Tuyết-Lan đã tự ý vào một đảng cách mạng, đã tự ý nhận lấy tất cả những gian nguy có thể đến cho một cuộc đời cán bộ. Như vậy đồng chí không có quyền nói rằng Tuyết-Lan không xứng đáng làm cách mạng, cũng như đồng chí không có quyền xin một sự khoan hồng cho Tuyết-Lan, một khi chính nàng chưa chắc đã chịu nhận cái ân huệ ấy.

— Nếu anh cho phép, tôi xin đến gặp Tuyết-Lan...

— Tôi không thể cho phép những dự định đại dột của đồng chí. Tuyết-Lan đã một lần lựa chọn vào đảng quốc gia; Tuyết-Lan sẽ được lựa chọn một lần nữa để gia nhập vào mặt trận quốc tế,

Lâm-trọng-Nga ngừng lại một chút rồi nhìn thẳng vào mặt Trọng nói tiếp :

— Ân tình cũ bắt buộc tôi phải có lời khuyên này đối với đồng chí. Là từ nay đồng chí để mặc cho Tuyết-Lan sống cuộc đời của nàng. Đồng chí không nên tìm cách tham dự vào những việc không có liên hệ gì đến mình. Một người như Tuyết-Lan có đủ trí tuệ để suy xét trong mọi hoàn cảnh. Tuyết-Lan sẽ có dịp để nhận biết sự lầm lỗi đầu tiên của nàng trên con đường cách mạng. Tôi sẽ giúp cho nàng có đủ yếu tố để quyết định một thái độ hợp lý và kịp thời. Một người tình đã bỏ rơi nàng như đồng chí không còn có quyền xâm nhập để làm đảo lộn cuộc đời nàng thêm nữa. Tôi nhắc lại cho đồng chí nhớ rằng Tuyết-Lan chỉ có thể chọn một trong hai cách : một là phải chết để giữ kín những bí mật của tôi mà nàng đã biết, hai là sẽ cùng đi với chúng tôi. Tuyết-Lan sẽ trở thành một người Cộng sản, một cán bộ

chuyên môn, một cán bộ chuyên nghiệp. Tôi ước ao như thế là đồng chí đủ hiểu.

Họ Lâm nói đoạn đứng lên ngay. Trọng bị đuổi lần thứ hai, biết không nán lại lâu hơn, vả đến thế cũng không còn gì đáng nói thêm với tám lòng bát nhân ấy nữa. Anh giờ tay chào người bạn hàm ơn cứu sống của anh khi trước. Nhưng Lâm-trọng-Ngà lại giữ tay anh lại, căn dặn :

— Tôi nói với đồng chí đã quá nhiều, chỉ vì tôi biết chắc một người yêu nghệ thuật như đồng chí sẽ chẳng bao giờ dám chấp nhận những cuộc đấu tranh quyết liệt của cách mạng. Tuy nhiên tôi yêu cầu đồng chí hãy quên đi hết cả những lời tôi nói về Tuyết-Lan, cũng như không bao giờ gặp Tuyết-Lan nữa. Đồng chí cần phải nghe tôi, kéo vấp phải sự kiên quyết đối phó của đảng Cộng-sản dành cho những kẻ thù nghịch.

— Trọng ra khỏi sở Công an Bắc bộ, lòng hoang mang không biết phải nghĩ ra sao, phải làm thế nào về việc Tuyết-Lan sẽ bị chiêu dụ vào đoàn Hồng-Việt, cái nhân tinh túy của đảng Cộng-sản Đông-dương. Một niềm lo âu nặng trĩu trong tâm hồn Trọng.

— Có phải vì anh mất hẳn Tuyết-Lan, hay vì Tuyết-Lan sẽ trở thành một đảng viên hay cán bộ Cộng-sản ? Trọng không sao thấy rõ trong lòng mình. Bảo rằng mất Tuyết-Lan thì đã đành là mất. Bởi một người như anh có lẽ đâu còn vương chút thương tình để lại tìm đến Tuyết-Lan một lần nữa ? Còn bảo rằng Tuyết-Lan sẽ vào đảng Cộng-sản, thì đối với anh có gì là đáng phải băn khoăn, thắc mắc ? — Anh đã chẳng quen biết khá nhiều những đảng viên Cộng sản hay sao :

Trọng nhớ lại đã đọc hết tập Tư bản luận và hiểu một phần nào. Anh có được đọc thêm nhiều cuốn khác. Trên lý thuyết, anh không thấy Cộng sản là gì khác một ý muốn đem lại nhiều thay đổi tốt đẹp cho đời sống của giai cấp lao động và nâng giai cấp này lên cương vị lãnh đạo cách mạng và chính quyền. Tuy một vài kỷ niệm xa xôi của cái thời còn thơ ấu thỉnh thoảng lại nhắc anh những câu thơ bình dân loại :

...« Đồng xương vô định đã cao bằng đầu

Càng nghĩ đến ruột đau từng khúc

Thương đồng bào trong lúc ngủ mê.

Vậy nên đánh thức hồn quê

Tiếng chuông cảnh tỉnh gọi về thở than

Nay cờ đỏ trèo thành cấm trộm

Mai biểu tình, kia lại truyền đơn

Lập mưu ám sát bắt nhân sao đành

Những câu thơ chỉ đủ cho anh thấy một cách mập mờ rằng Cộng sản là nguy hiểm. Nhưng không đủ.

Và Tuyết-Lan sẽ trở thành một người Cộng sản ? Anh không có gì đáng phải lạ lùng, mà tại sao như có một linh cảm rằng phía sau hai chữ Cộng sản còn có những gì ghê gớm, sẽ đem đến cho Tuyết-Lan thật nhiều đau khổ.

Nhiều lo sợ len lỏi vào đáy sâu trong tâm hồn Trọng. Anh cố tìm cho thấy một cái móc, một nơi bấu víu làm khởi điểm cho sự khám phá thực tại. Cộng sản, Hồng Việt, Lâm-trọng-Ngà... phải, thật thế, trong con người của Lâm-trọng-Ngà có một sự đổi khác rõ rệt. Lâm-trọng-Ngà, con người bảy tám năm trước còn luôn miệng mỉm cười, và mới cách đây hơn một năm trời còn quỳ xuống bên cạnh mẹ anh để nói ra những lời cảm ơn chân thành biết bao nhiêu, con người ấy, vừa mới gặp anh vừa rồi, thật không còn có tình cảm nữa. Lâm-trọng-Ngà không còn là người vì có thể khóc trước cái cảnh đói rét của đồng bào nên phải làm cách mạng, một thứ cách mạng cao quý, vô tư lợi, do những người có tâm hồn cao thượng có ý chí hy sinh xây dựng hạnh phúc cho tất cả loài người đều được hưởng. Lâm-trọng-Ngà, tối hôm nay, chỉ còn là một người có tâm hồn sắt đá, băng thuận một chất tinh toán lợi hại.

Trọng nghĩ đến Tuyết-Lan. Tuyết-Lan đã sa vào tay Lâm-trọng-Ngà. Người đàn ông ghê gớm không hề xúc động trước sắc đẹp của thiếu nữ, chỉ một hai dùng sắc đẹp ấy làm cái mồi săn tin tức, săn tài liệu bí mật, hoặc nữa, làm cái sức quyến rũ cho những người đàn ông khác phải lao mình xuống vực thẳm. Lâm-trọng-Ngà, một cán bộ Cộng sản.

Lâm-trọng-Ngà, bộ mặt đổi khác của đảng Cộng-sản ? Đảng Cộng-sản sẽ dùng Tuyết-Lan như một đóa hoa tươi làm thức ăn cho một con gấu dữ tợn, bản thủ. Hai hàm răng thối tha nghiền nát một sắc đẹp tuyệt vời. Đó là hình ảnh Tuyết-Lan bị đảng Cộng-sản ném vào những mưu kế tàn ác nhất, những hoạt động khốc liệt nhất của cái thế giới riêng biệt của những người gián điệp. Rồi giòng tố sẽ cuốn lấy Tuyết-Lan, sẽ vùi dập Tuyết-Lan cho đến khi rơi bởi tấm thân kiêu diễm ấy.

(Còn nữa)

NGUYỄN MẠNH-CÔNG

Les sols du Sud Vietnam et mis en leur valeur

ROGER TEULIÈRES

Je suis particulièrement heureux d'avoir à présenter aux chers lecteurs de Văn-Học, en ce numéro spécial, un article de Monsieur Roger Teulières, Docteur ès lettres, Professeur à la Faculté des lettres au Vietnam. L'auteur porte un vif intérêt à notre pays et notamment à nos étudiants. Son article est un sujet d'étude très intéressant touchant « Les sols du Sud VietNam ». Ses observations dénotent une connaissance approfondie du pays ainsi que de ses ressources agricoles. Je l'en remercie bien vivement et le prie de trouver ici l'expression sincère de mes sentiments reconnaissants et de ceux de mes collaborateurs.

PHAN-KIM-THỊNH

Au cours des trois dernières décennies, la science du sol s'est individualisée des autres sciences ; elle a revêtu une physionomie propre. Il s'est créé une dynamique du sol. Celui-ci entre, de nos jours, dans le cadre des conceptions nouvelles qui, en vertu des lois physico — chimiques, expliquent l'évolution dans l'espace et le temps des systèmes naturels. Mais la science pédologique n'aurait pas pris une telle importance si elle n'avait trouvé dans l'agriculture, nourricière essentielle des hommes, un vaste champ d'application (1). Ainsi que l'affirmait en 1600, Olivier de Serres, fondateur de l'agronomie française, dans son ouvrage : Théâtre de l'agriculture et mesnage des champs, « la connaissance du naturel des terroirs... est le fondement de l'agriculture ». (2).

Le Sud Vietnam, pays essentiellement agricole, — 90% des habitants sont des paysans —, aux techniques culturales minutieuses certes mais généralement empiriques et routinières, aux vastes régions encore incultes ou insuffisamment exploitées est intéressé au premier chef par une mise en valeur rationnelle de ses possibilités édaphiques. La population vietnamienne en progression galopante pose des problèmes de nutrition qui risquent d'être insolubles si les pouvoirs publics ne veillent à l'exploitation scientifique des sols de la République.

STRUCTURE ET SOLS.

Le Vietnam sud comporte un massif anciennement consolidé, avec des terrains cristallins et primaires: des grès et des basaltes le recouvrent... souvent. Il fait avancer jusqu'au rivage les contreforts granitiques des Trường-Sơn qui enchâssent les deltas méridionaux. Depuis la fin de l'ère primaire, cette région n'a subi que des mouvements verticaux et l'épaisseur des formations gréseuses qui dépasse quelquefois 1000m montre qu'ils se sont déposés sur une zone en train de s'affaisser. Sur les couches subhorizontales affectées de fréquentes cassures des basaltes très récents se sont épandus. Alors que la partie orientale a été fortement relevée avec des sommets de 2000m dominant les plaines côtières, la partie occidentale voit des pentes doucement inclinées vers la plaine alluviale du Cửu-Long. Le delta de ce fleuve est formé par les alluvions déportées vers le Sud-Ouest. La région des bouches de l'ensemble hydrographique Cửu-Long - Bassac est constituée par des plaines déprimées entre des bourrelets alluviaux; la zone occidentale construite par des sédimentations très étalées provoquées par des ruptures dans le bourrelet de la rive droite du Bassac et par des dépôts marins ramenés des bouches des fleuves, présente des étendues beaucoup plus horizontales (2).

Sous forêt, savane, brousse et marécage et sur cet ensemble de roches mères sommairement décrit précédemment se sont développés les sols du Sud Vietnam. Ils se sont formés également sur les produits de désagrégation physico — chimique de ces roches. Quatre groupes édaphiques prédominent. Au Nord et au Centre affleurent principalement des sols podzoliques rouges et jaunes, et cela du 17^e parallèle (depuis le Sông Bến Hải) jusqu'au 13^e parallèle, entre le Da-Dung et la Lagna (Fig. 1). Des sols podzoliques gris sur alluvions anciennes étalés en triangle depuis la frontière cambodgienne (entre les 11^e et 12^e parallèles) jusqu'au voisinage du Sông Cả, vers le Sud-Est, constituent une deuxième grande couverture pédologique. Entre les rivières Ya Soup et la Drang, à l'Ouest des Hauts Plateaux, apparaissent des extensions considérables de ces terres grises; elles affleurent à nouveau dans les bassins de la Krong Nang et de l'Ea Po; des abords de la côte à la Lagna, elles recouvrent encore un large secteur. En troisième lieu, sur les Hauts-Plateaux, d'importantes superficies autour de Bảo-lộc, Gia Nghĩa, Ban Mê Thuột et Pleiku sont occupées par des latosols sur basaltes. Enfin, les deltas mêlés du Cửu-Long et des rivières Sông Saigon, Sông Long-Tào et Sông Cả présentent divers sols alluviaux (3).

SOLS PODZOLIQUES

Désignés parfois par «sols montagneux» les sols podzoliques rouges et jaunes, les plus répandus au Vietnam, surmontent des produits d'altération de roches diverses non basiques ou d'alluvions anciennes de texture sableuse ou limoneuse. De Ph^h acide, très souvent squelettiques, se desséchant rapidement, ils sont en général abandonnés à la forêt.

Toutefois les Montagnards les exploitent ici et là selon le système cultural nomade du rãy. Sur ces terres situées à 900m d'altitude en moyenne, ils pratiquent une agriculture rudimentaire avec un élevage trop limité. Une bonification coûteuse des sols montagneux requiert les moyens de groupes financiers puissants ou l'assistance gouvernementale.

Les terres grises qui recouvrent des terrasses sableuses ou sablo-limoneuses, affleurent entre 60 et 500m d'altitude. Elles sont très peuplées au nord de Saigon où elles portent des cultures de canne à sucre, de manioc, d'arachide et de... divers arbres fruitiers. L'on y rencontre aussi de belles plantations d'hévéas. Cependant elles sont de médiocre fertilité, de Ph un peu acide. L'on y décèle peu de phosphore et de potasse assimilables, d'azote et de matière organique. Mais l'extension des sols gris à proximité du delta méridional très peuplé facilite leur mise en valeur (*photos 1 et 2*).

TERRES ROUGES BASALTIQUES

Ces latosols brun rouge sur basaltes comprennent des formations dont la couleur va du rouge brun au rouge brique. Ils proviennent non seulement de la décomposition sur place du basalte, mais aussi de boues et cendres basaltiques ou de colluvions issues de ces matériaux. Leur teinte est due à l'humus et à l'eau, le premier colorant en brun par son effet réducteur sur l'oxyde ferrique, la seconde accentuant la tonalité sombre quand elle imprègne le sol par périodes régulières. Ordinairement leur profil uniforme présente, sous la couche humifère, de l'argile rouge en épaisseurs atteignant jusqu'à 50m. Les eaux pluviales s'y infiltrent facilement à cause de la structure grumeleuse qui retarde, par ailleurs, l'érosion. L'analyse des terres rouges basaltiques ne révèle pas en moyenne une teneur élevée en azote, phosphore et potasse assimilables. Chaux et matière organique y figurent aussi en assez faible quantité. Le Ph est acide (voir 4). Les argiles très ferrugineuses des latosols brun rouge ont un faible pouvoir d'échange des cations et fixent les phosphates. Elles transforment les engrais phosphatés solubles en composés assez insolubles (des alumino-ferro-phosphates) dont les plantes ne peuvent tirer parti. Aussi de tels sols ont ils besoin d'être amendés (notamment chaulés) pour diminuer leur acidité et permettre l'utilisation de superphosphates donnant dans l'horizon A des phosphates calco — magnésiens plus assimilables. La quasi générale faible capacité de rétention de l'eau par les terres rouges se trouve accentuée par leur perméabilité à l'air. Au moment de la mousson pluvieuse se produit une acidification par lessivage ; de plus, les acides humiques descendent. Les hydroxydes de fer migrent ; silice et alumine, sur place, en se combinant, donnent des minéraux argileux. Entre les deux moussons, la concentration alcaline s'accroît dans l'eau du sol. Des sesquioxydes s'accumulent in situ tandis que la silice se déplace. Ce phénomène est facilité par le fait que les sesquioxydes ont des points

isoélectriques bas et n'attirent pas la silice électronégative. Durant la saison sèche, l'électrolyse s'arrête. Le soleil élève la température superficielle (jusqu'à 70°) ; les eaux souterraines remontent avec les sels dissous qui se concentrent dans l'horizon A soumis à l'oxydation ; les minéraux argileux sont altérés par suite du départ de leurs constituants siliciques. En haut se rassemblent les sesquioxydes. Leur précipitation se fait à l'intérieur des capillaires et à la surface des particules minérales. Les hydrates de fer coagulés sur l'horizon A peuvent produire une croûte ferrallitique résistante, cuirasse analogue à la « canga » des sols brésiliens. L'on mesure par ce qui précède combien sont instables les terres rouges basaltiques et combien leur entretien requiert de soins onéreux. En effet, de profondes modifications affectent les terres rouges basaltiques aussitôt qu'elles ont perdu leur protection forestière. L'horizon humifère forestier est une source considérable d'éléments fertilisants ; le cycle biologique des substances nutritives y est délicat ; il est détruit ou déséquilibré par la destruction du couvert feuillu. Malgré tout, les latosols brun rouge sur basaltes donnent les meilleures terres du Vietnam.

SOLS ALLUVIAUX

Les sols alluviaux, formés sur les dépôts alluvionnaires récents se limitent à un horizon supérieur plus ou moins humifère. Essentiellement argileux, hydromorphes pour la plupart, ils présentent des phénomènes de Gley. Beaucoup sont inondés durant la période pluvieuse. Généralement fertiles, ils constituent les terres à rizières par excellence. Acides sans excès ils permettent la culture de la canne à sucre, du manioc et de l'arachide. Très acides, ils sont incultes sauf une proportion d'un cinquième sur laquelle croissent les ananas et les cocotiers.

POSSIBILITÉS AGRICOLES DES SOLS DU VIÊT NAM

De profondes modifications sont souvent à apporter aux terres pour leur exploitation. Les sols podzoliques rouges et jaunes sur roches acides voués au ray permettent cependant des cultures légumières dans la région de Dalat et de Hué ; au Centre l'on y voit des plantations de canneliers et de théiers. Ces terres demandent de fortes fumures vertes et autres ; on doit les protéger contre l'érosion très rapide.

Les sols podzoliques rouges et jaunes sur alluvions anciennes portent aussi des ray ; ils présentent quelques cultures vivrières aux alentours de Kontum. Il faut les fumer abondamment tant à l'aide d'engrais verts que de fumier et d'engrais chimiques ; souvent ils ont besoin d'irriguer (*Photo 4*).

Sur les sols podzoliques gris s'imposent de même de copieuses fumures diverses pour obtenir de bons rendements de latex et de produits vivriers.

Parmi les latosols, presque toujours d'assez médiocre fertilité se, distinguent les bonnes terres rouges basaltiques. Théiers, caféiers, abrasin, kenaf, cultures vivrières diverses y donnent des récoltes excellentes en protégeant les glèbes contre l'érosion et en apportant aux champs des amendements calciques ainsi que des fumures organiques et chimiques (*Photo 4*).

Pour les sols alluviaux, si divers, destinés au riz sauf les terres fortement acides et alunées, les possibilités culturales sont nombreuses. Souvent fertiles, ils demandent parfois à être drainés sans excès pour ne pas que remontent les sulfures de fer des profondeurs car, en s'oxydant les pyrites se transforment en sulfates solubles nocifs pour les végétaux.

CONCLUSION

Le rendement des sols au Vietnam peut être considérablement accru. Une assistance technique gouvernementale aux cultivateurs pour la connaissance de leurs terres est à développer. Le laboratoire d'analyse des sols de Saigon rend, à ce propos, de très grands services. Il permet de connaître avec précision le potentiel des terres, leurs besoins physico — chimiques. Des agents d'extension devraient propager les méthodes de culture scientifique qui sont appelées à remplacer les procédés conservateurs hérités des ancêtres. La République du Vietnam possède une grande diversité édaphique (nous n'avons indiqué précédemment que la liste des principales associations pédologiques). Malgré le défaut majeur de ses sols, comme pour la généralité des terres tropicales lessivées : leur fertilité souvent réduite, il est possible d'espérer obtenir de bonnes récoltes grâce à l'emploi d'engrais, l'usage de machines, la sélection des plantes et leur culture sur des terroirs appropriés, l'organisation de coopératives de production et de vente. Par ces mesures et compte tenu des qualités admirables de ténacité et d'habileté des paysans vietnamiens, il est certain que le pays se suffira largement et pourra exporter un large éventail de produits agricoles ; il pourra alors accéder à un niveau de vie comparable à celui des nations techniquement évoluées.

ROGER TEULIÈRES

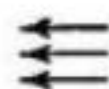
- (1) A. DEMOLON : *Dynamique du sol*. Imp. Dunod Paris 1960, p. 7.
 • Philippe Duchaufour-Précis de pédologie. Imp. Masson. Paris 1900. p. 7.
- (2) CH. ROBEQUAIN : *L'Indochine lib.* A. Colin, Paris 1952 p. 28.
 P. GOUROU : *L'Asie, Lib* Hachette, Paris 1953 p. 329.
 MM. DUFEIL : *Géographie du Vietnam, lib.* Kim-Lai An quan. Saigon 1957 p. 55.

- (3) *F. MOORMANN : les sols de la République du Viet-Nam.*
Pub. du Sec. d'Etat à l'Agriculture.
Saigon 1961, p. 41.
Note explicative de la carte générale des sols du Viet-Nam. Pub.
Sec. d'Etat à l'Agric. Saigon 1960.
- (4) *Y. HENRY. Terres rouges et terres noires basaltiques d'Indochine*
Gouvernement général de l'Indochine.
Hanoi 1931, p. 88.
E.M. CASTAGNOL : Contribution à l'étude des terres rouges basaltiques et dacitiques des Hauts — Plateaux du Sud de l'Indochine.
I.D.E.O. Saigon 1952 p. 107.
M. SCHMID etc : Les sols et la végétation au Darlac et sur le plateau des Trois Frontières I.D.E.O. Saigon 1951 p.89.



Sols podzoli-
ques gris de la
région de Binh-
Dương. . . L'on
voit une couche
de latérite sous
la terre arable.

Ph. R. Teulières



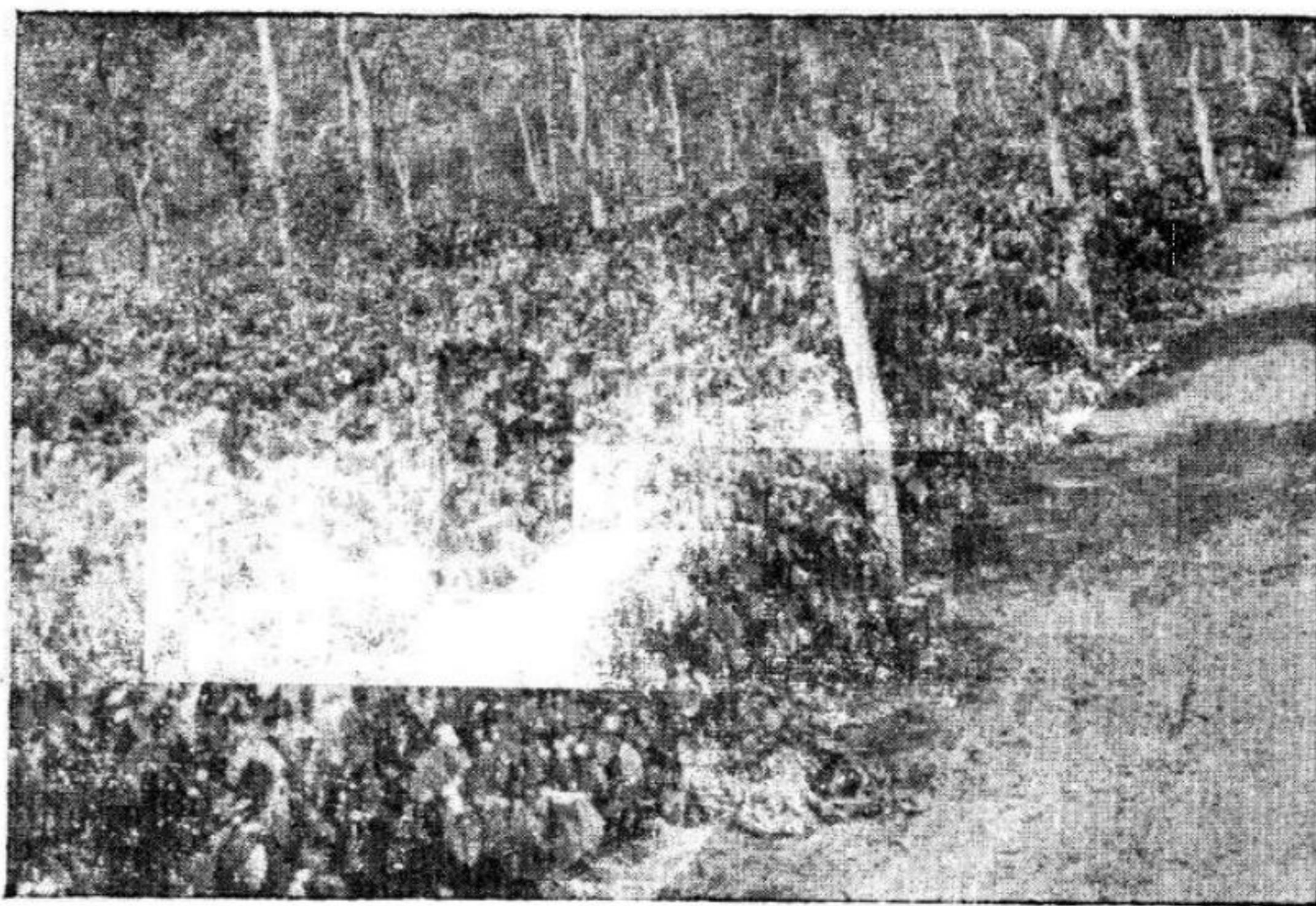
Plantation de
manioc sur terre
grise dans la ré-
gion de Binh-
Dương.

Ph. R. Teulières





Poivrières sur sols podzoliques rouges et jaunes dans l'île de Phu-Quoc.
Ph. R. Teulières



Plantation de caféiers Robusta sur terres rouges dans la région de Banméthuôt. Des acacias siamois servent d'arbres d'ombrage.

Ph. R. Teulières

